

TĂNG CƯỜNG BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG, ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

Tỉnh An Giang có diện tích tự nhiên 9.888km², vùng biển rộng hơn 63.000km², đường bờ biển dài hơn 200km, tuyến biên giới giáp Vương quốc Campuchia gần 148km. Đây là nơi sinh sống của các cộng đồng dân tộc, với nhiều nét văn hóa truyền thống đặc sắc như: Kinh, Khmer, Chăm, Hoa,... Đảng bộ tỉnh An Giang có 107 đảng bộ trực thuộc (102 đảng bộ xã, phường, đặc khu và 05 đảng bộ trực thuộc). Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, Ban Chỉ đạo 35 Tỉnh ủy thường xuyên được củng cố, kiện toàn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Trong từng giai đoạn và từng thời điểm cụ thể, Ban Chỉ đạo 35 Tỉnh ủy chủ động ban hành kế hoạch triển khai thực hiện công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Trong đó, Ban Chỉ đạo 35 các cấp đã tích cực, chủ động triển khai nhiều biện pháp đồng bộ, chú trọng tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức trong toàn Đảng bộ về âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị; đề ra nhiều biện pháp đấu tranh, ngăn chặn thông tin xấu độc, các quan điểm sai trái, thù địch, quan tâm xử lý những đối tượng vi phạm pháp luật.

Ban Chỉ đạo 35 Tỉnh ủy duy trì, tổ chức thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch hằng năm; tăng cường chỉ đạo, phối hợp tổ chức thực hiện công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, kết hợp giữa “xây” và “chống”; quan tâm đấu tranh phòng, chống âm mưu, thủ đoạn hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại, củng cố niềm tin của Nhân dân với Đảng, Nhà nước, chế độ; nâng cao nhận thức, sức đề kháng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân trước âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch phản động, cơ hội chính trị.

Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy (Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo 35 Tỉnh ủy) biên soạn và phát hành nhiều loại tài liệu tuyên truyền về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phù hợp với từng đối tượng, như: Tài liệu “Những nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và giải pháp, trách nhiệm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”, “Những nội dung cơ bản về nền tảng tư tưởng của Đảng; trách nhiệm và giải pháp bảo vệ”; tài liệu hỏi - đáp bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên một số lĩnh vực; sổ tay tuyên truyền “Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng” phát

hành tới chi bộ. Hằng năm, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo 35 Tỉnh ủy tham mưu tổ chức hiệu quả Cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, Giải thưởng sáng tác, quảng bá tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí về chủ đề “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; Giải Báo chí toàn quốc về xây dựng Đảng (Giải Búa liềm vàng)...; phối hợp tổ chức nhiều hội thảo về công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là thế hệ trẻ.

Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chú trọng đổi mới và nâng cao chất lượng công tác điều tra, nắm bắt, nghiên cứu dư luận xã hội, tổ chức đa dạng cách thức nắm bắt, tổng hợp, phản ánh tình hình dư luận, bảo đảm tính kịp thời, khách quan, toàn diện, trung thực; đưa ra cảnh báo, dự báo, đề xuất giải pháp định hướng dư luận xã hội, phục vụ có hiệu quả việc lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, sự quản lý, điều hành của chính quyền. Từ năm 2020 đến nay, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo 35 Tỉnh ủy tổ chức, phối hợp tổ chức khoảng 70 cuộc điều tra dư luận xã hội bằng hình thức trực tiếp và trực tuyến. Nội dung và chủ đề điều tra xã hội khá đa dạng, được lựa chọn tập trung vào những vấn đề mang tính thời sự liên quan đến việc triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước... Xây dựng chương trình, kế hoạch phối hợp triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 238-QĐ/TW của Ban Bí thư ban hành “Quy chế phối hợp giữa ban tuyên giáo các cấp với cơ quan nhà nước cùng cấp trong việc thực thi pháp luật, triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề nổi cộm, nhân dân quan tâm”.

Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với các cơ quan liên quan tổ chức giao ban báo chí định kỳ, đột xuất để kịp thời định hướng tuyên truyền, cung cấp thông tin chính thống cho báo chí về các vấn đề dư luận quan tâm, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Các cơ quan báo chí của tỉnh tiếp tục phát huy vai trò là tiếng nói của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh An Giang, mở nhiều chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về công tác xây dựng Đảng, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, như: “Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng”, “Xây dựng Đảng và chính quyền”, “Đảng trong cuộc sống hôm nay”; tăng cường thời lượng, nâng cao chất lượng chương trình, tuyên tin, bài, phóng sự giới thiệu thành tựu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, gương điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt; chủ động tham gia đấu tranh phản bác thông tin xấu độc, các quan điểm sai trái, thù địch, tạo sự đồng thuận trong xã hội ủng hộ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Các kênh truyền thông trên mạng xã hội của Ban Chỉ đạo 35 các cấp, cơ quan, đơn vị là cánh tay nối dài của báo chí trong lan tỏa thông tin tích cực, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, với hàng trăm ngàn tin, bài viết, video,... góp phần định hướng tư tưởng và dư luận để cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân nắm rõ, tạo sự đồng thuận các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, tránh bị các thế lực thù địch lợi dụng xuyên tạc, chống phá.

Công tác phối hợp trao đổi thông tin, nắm bắt tình hình và xử lý các thông tin xấu độc, các quan điểm sai trái thù địch trên không gian mạng diễn ra khá hiệu quả. Ban Chỉ đạo 35 Tỉnh ủy chỉ đạo các ngành chức năng theo dõi, nắm chắc tình hình hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, lợi dụng các sự kiện chính trị, vụ việc phức tạp, nhạy cảm, những vấn đề mới phát sinh được dư luận quan tâm để chống phá. Chỉ đạo tổ chức lực lượng từ tỉnh đến cơ sở viết hàng trăm bài viết, video định hướng tuyên truyền, đấu tranh phản bác thông tin xấu độc đăng tải trên báo chí, internet, mạng xã hội; phát động lực lượng toàn tỉnh tham gia gần 500 đợt bóc gỡ thông tin xấu độc, các quan điểm sai trái, thù địch, tài khoản xuyên tạc, chống phá.

Có thể khẳng định, trong thời gian qua, công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch được Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao; các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, địa phương, đơn vị đã có sự chuyển biến tích cực trong nhận thức, quan tâm chỉ đạo và xác định rõ vai trò, trách nhiệm trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới theo Nghị quyết số 35-NQ/TW, Kết luận số 89-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị. Sự phối hợp giữa Ban Chỉ đạo 35 các cấp trong thực hiện nhiệm vụ đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch được chặt chẽ, cụ thể, đồng bộ và nhịp nhàng hơn. Các địa phương, đơn vị đã tích cực kiện toàn Ban Chỉ đạo 35, chủ động chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ công tác này và đạt một số kết quả tích cực. Công tác tuyên truyền thông tin chính thống, tích cực được quan tâm thực hiện và tạo thành dòng chủ lưu trên không gian mạng. Những kết quả trên đây ngoài việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng còn góp phần xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức trong giai đoạn hiện nay và thời gian tới.

Tuy nhiên, công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch còn nhiều khó khăn. Là tỉnh có đường biên giới dài, tình hình tôn giáo, dân tộc, di cư, buôn lậu, tội phạm xuyên quốc gia còn phức tạp. Internet, mạng xã hội lan toả nhanh chóng, nhiều thông tin xấu độc, xuyên tạc kích động chống phá gây ảnh hưởng đến niềm tin của một bộ phận cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Trong thực hiện, vẫn còn một số cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội chưa thực sự quan tâm đến công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về tầm quan trọng, nội dung, nhiệm vụ của công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa nhận thức đúng tính chất nguy hại của thông tin thông tin xấu độc, các quan điểm sai trái, thù địch trên internet, mạng xã hội. Công tác tuyên truyền thông tin chính thống, tích cực, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng hiệu quả chưa cao. Công tác tham mưu, định hướng chỉ đạo hoạt động, tổ chức đấu tranh phản bác liên quan đến một số vụ việc phức tạp có lúc thiếu kịp thời. Công tác phối hợp giữa các lực lượng của tỉnh, giữa tỉnh với địa phương có thời điểm thiếu đồng bộ, chặt chẽ dẫn đến hiệu quả đấu tranh, ngăn chặn thông tin xuyên tạc có vụ việc còn hạn chế. Công tác đảm

bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí hoạt động cho lực lượng của Ban Chỉ đạo 35 các cấp có nơi chưa đáp ứng yêu cầu.

Thời gian tới, cục diện thế giới chuyển biến nhanh, phức tạp chưa từng có theo hướng đa cực, đa trung tâm, đa tầng, đa nấc và phân tuyến mạnh. Hòa bình, hợp tác, phát triển bị thách thức nghiêm trọng hơn. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tiếp tục phát triển mạnh, tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực. Các vấn đề toàn cầu, nhất là an ninh mạng, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh... tiếp tục tác động bất lợi đến môi trường của Việt Nam. Sau 40 năm đổi mới, cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của đất nước được nâng lên, đứng trước những chuyển mình mạnh mẽ. Việc tinh gọn bộ máy, hình thành chính quyền địa phương hai cấp, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, khoa học công nghệ là thời cơ thuận lợi cho tỉnh. Tuy nhiên, tỉnh sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, có mặt gay gắt, nặng nề hơn so với giai đoạn trước: Phát triển kinh tế - xã hội chưa bền vững, còn nhiều hạn chế, yếu kém; nhiều điểm nghẽn, trở ngại tồn đọng từ nhiều năm trước chưa được tháo gỡ, giải quyết triệt để. Các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị tiếp tục gia tăng các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ ta.

Trước tình hình đó, để tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức, hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng và hệ thống chính trị, của cán bộ, đảng viên và nhân dân về tầm quan trọng, nội dung, nhiệm vụ của công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, góp phần giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm an ninh, an toàn, phát triển bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân trong tỉnh, xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh trong thời gian tới, cần quan tâm thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

Một là, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị tham gia công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, ngăn chặn, xử lý thông tin, quan điểm sai trái, thù địch. Từng địa phương, cơ quan, đơn vị kết hợp chặt chẽ giữa công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân. Bám sát thực tiễn, chủ động đề ra các nhiệm vụ cụ thể phù hợp với từng năm, từng thời điểm cụ thể, trong đó các cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là người đứng đầu phát huy tinh thần trách nhiệm, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức các hoạt động của ban chỉ đạo 35 các cấp. Chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện đồng bộ các giải pháp kết hợp hiệu quả giữa “xây” và “chống”, “xây” là cơ bản, lâu dài, “chống” là cấp bách, thường xuyên, chú trọng xây dựng, đăng tải, lan tỏa, chia sẻ thông tin tích cực. Bảo đảm hoạt động chỉ đạo, điều hành của Ban Chỉ đạo 35 đồng bộ, kịp thời, thiết thực, hiệu quả; phát huy tinh thần tích cực, chủ động, sáng tạo của các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị trong phối hợp thực hiện nhiệm vụ công tác này. Đẩy mạnh phong trào quần chúng tham gia bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ đường biên giới, giữ gìn an ninh trật tự.

Hai là, tiếp tục nghiên cứu, phổ biến, tuyên truyền, giáo dục chính trị, nhất là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cương lĩnh, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước theo hướng đổi mới, thiết thực, hiệu quả, đẩy

mạnh sử dụng ứng dụng phương tiện truyền thông, internet, mạng xã hội để đăng tải, lan tỏa thông tin, khẳng định tính đúng đắn, kế thừa, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn quá trình xây dựng, phát triển, hội nhập quốc tế và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục tuyên truyền cho cán bộ, đảng viên, học sinh, sinh viên về giá trị văn hóa tốt đẹp, truyền thống cách mạng của dân tộc, hình ảnh tiêu biểu của quê hương, đất nước; thành tựu phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế; những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước góp phần nâng cao nhận thức, tạo sức đề kháng trước âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị. Kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện suy thoái, tự diễn biến, tự chuyển hóa trong nội bộ.

Ba là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lý Nhà nước đối với hoạt động của các cơ quan báo chí, truyền thông trong đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, nhất là trên Internet, mạng xã hội. Chỉ đạo các cơ quan báo chí, hệ thống kênh truyền thông của Ban Chỉ đạo 35 các cấp trong tỉnh tiếp tục nâng cao chất lượng nội dung các chương trình, thời lượng, chuyên trang, chuyên mục, tuyển tin bài, phóng sự giới thiệu về thành tựu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại của đất nước, địa phương trong 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới; các quan điểm, khâu đột phá, giải pháp trong Văn kiện Đại hội I Đảng bộ tỉnh; gương điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt, mô hình hay, cách làm sáng tạo trong hoạt động của hệ thống chính trị; định hướng thông tin kịp thời về các sự kiện chính trị, vụ việc phức tạp, nhạy cảm được dư luận quan tâm; chủ động, tích cực đấu tranh phản bác các thông tin, quan điểm sai trái, thù địch trên Internet, mạng xã hội, tạo dòng chủ lưu thông tin tích cực, góp phần dẫn dắt, định hướng thông tin cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân, nhất là giới trẻ. Xây dựng, quản lý, vận hành hiệu quả kênh truyền thông trên Internet, mạng xã hội của tỉnh để lan tỏa thông tin chính thống, tích cực. Chủ động tổ chức các đợt truyền thông phản bác thông tin sai trái, xấu độc. Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên.

Bốn là, tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Trung ương và những định hướng chỉ đạo trong Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030. Tập trung chỉ đạo các đơn vị chức năng theo dõi, nắm chắc tình hình trên thực địa và trên không gian mạng; nắm chắc các tổ chức, cá nhân có hoạt động phức tạp, nhất là các đối tượng cộm cán chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ. Tăng cường giám sát, theo dõi, nắm bắt, dự báo, cảnh báo các luồng thông tin xấu độc, các quan điểm sai trái, thù địch, tình hình hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị; thu thập, điều tra, xác minh thông tin; tổ chức, phối hợp lực lượng tham gia đấu tranh phản bác, ngăn chặn, xử lý thông tin xấu độc, các quan điểm sai trái, thù địch trên Internet, mạng xã hội; kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn, xử lý nghiêm các đối tượng vi phạm pháp luật Việt Nam. Tăng cường công tác phối hợp, trao đổi thông tin giữa các thành viên trong ban chỉ đạo trong tham gia xử lý các vụ việc

phức tạp, nhạy cảm, vấn đề “nóng” được dư luận quan tâm liên quan đến lĩnh vực, địa bàn phụ trách.

Năm là, xây dựng đội ngũ cán bộ gương mẫu, bản lĩnh, tiên phong. Cán bộ, đảng viên phải thực sự tiên phong trong nhận thức, kiên định lý tưởng, nêu gương về bản lĩnh chính trị. Nâng cao chất lượng sinh hoạt chính trị, xem đây là nơi trực tiếp đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp, xử lý kịp thời, kiên quyết, nghiêm minh các trường hợp vi phạm, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Quan tâm công tác sơ kết, tổng kết, biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân thực hiện tốt.

Sáu là, thường xuyên kiện toàn, củng cố các lực lượng của Ban Chỉ đạo 35 các cấp, tăng cường xây dựng lực lượng theo hướng chuyên sâu với lực lượng nòng cốt là tuyên giáo và dân vận, công an, quân đội, văn hóa và thể thao có chuyên môn, nghiệp vụ tinh thông, chuyên nghiệp, thích ứng nhanh, kịp thời trong xử lý các tình huống phát sinh; phân công rõ nhiệm vụ cho từng lực lượng; thiết lập cơ chế thống nhất trong phối hợp, tổ chức lực lượng đấu tranh, ngăn chặn, xử lý thông tin xấu độc kịp thời, hiệu quả. Chú trọng tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho các lực lượng của Ban Chỉ đạo 35 các cấp để nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, ngăn chặn, xử lý thông tin xấu độc trên internet, mạng xã hội.

Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của mỗi cán bộ, đảng viên và toàn dân. Với truyền thống cách mạng kiên trung, với tinh thần đoàn kết, ý chí, tự lực, tự cường, Đảng bộ và nhân dân tỉnh An Giang quyết tâm cùng cả nước bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, xây dựng Đảng bộ ngày càng trong sạch, vững mạnh toàn diện, đưa An Giang phát triển nhanh, bền vững trong giai đoạn mới.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC DÂN VẬN TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

Nhiệm kỳ qua, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã tổ chức thực hiện thắng lợi hầu hết các chỉ tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội đại biểu nhiệm kỳ 2020 - 2025 của Đảng bộ tỉnh đề ra. Trong quá trình lãnh đạo, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh luôn chú trọng bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng và tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, giữ vững quan điểm “*Lấy dân làm gốc*”, phát huy vai trò làm chủ, sức sáng tạo và nguồn lực của Nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương đất nước và phát triển tỉnh nhà.

Công tác dân vận của các cấp ủy đảng trong tỉnh thời gian qua, luôn hướng đến mục tiêu quan trọng đó là tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, củng cố vững chắc niềm tin của Nhân dân với Đảng; vận động, thu hút rộng rãi các tầng lớp Nhân dân, khơi dậy tinh thần yêu nước, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tham gia các chương trình, kế hoạch, các nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, các phong trào thi đua yêu nước.

Những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh, hệ thống chính trị đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc Kết luận số 43-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XII) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới, Quyết định số 23-QĐ/TW, ngày 30/7/2021 của Bộ Chính trị (khóa XIII) về việc ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị, những nội dung liên quan đến công tác dân vận của Đảng; Tỉnh ủy chỉ đạo tiếp tục kế thừa phát huy các giá trị đạt được trong xây dựng tổ chức chi đoàn, chi hội, các tổ hội, nâng cao chất lượng đoàn viên, hội viên, các phong trào thi đua yêu nước đã được triển khai thực hiện từ các nhiệm kỳ trước. Qua đó, công tác dân vận tiếp tục được tăng cường, đổi mới gắn với phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong tham gia giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh, quan tâm lợi ích chính đáng, hợp pháp của Nhân dân; phát huy vai trò trách nhiệm của hệ thống chính trị thực hiện hiệu quả cơ chế “*Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ*” và phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch, dự án, chương trình hành động,... tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, góp phần thực hiện tốt công tác dân vận; thường xuyên chỉ đạo đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, giáo dục cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân với kết quả tỷ lệ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức tiếp thu đạt trên 98%; cán bộ, đoàn viên, hội viên đạt 85% và quần chúng Nhân dân đạt 75%.

Công tác dân vận của cơ quan Nhà nước, Chính quyền các cấp tập trung lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời cụ thể hóa, triển khai thực hiện Chỉ thị số 33/CT-TTg, ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục tăng cường và đổi mới công tác dân vận của cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới. Chính quyền các cấp được đẩy mạnh và thực hiện khá đồng bộ, góp phần chuyển biến tích cực nhận thức và nâng cao trách nhiệm phục vụ Nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Chính quyền các cấp tập trung thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, đẩy mạnh cải cách hành chính; tập trung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh; môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện rõ nét. Mô hình “Chính quyền thân thiện vì Nhân dân phục vụ” phát huy hiệu quả tốt; các Hội, đoàn thể thể hiện sự tích cực trong hỗ trợ hướng dẫn trực tiếp Nhân dân thực hiện đăng ký định danh điện tử, các thủ tục hành chính trên cổng dịch vụ công trực tuyến; nhiều cơ quan, ban ngành các cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã thể hiện tốt sự quan tâm, chú trọng trong nâng cao chất lượng, cung cách phục vụ Nhân dân về đầu tư điều kiện cơ sở vật chất, phục vụ hậu cần nước uống, bánh ngọt miễn phí phục vụ người dân khi đến thực hiện thủ tục hành chính, giải quyết chế độ chính sách của người dân tại trụ sở cơ quan, đơn vị.

Các cơ quan tư pháp tăng cường trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp thực hiện công tác dân vận; tăng cường tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại của công dân; công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức Nhân dân liên quan đến việc chấp hành quy định của pháp luật Việt Nam, pháp luật quốc tế như phối hợp tuyên truyền cho người dân khu vực biên giới về phòng chống buôn lậu sang biên giới; tổ chức phiên tòa giả định tuyên truyền cho các chủ phương tiện tàu cá, ngư dân về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định (IUU)... Công tác dân vận trong hoạt động hòa giải cơ sở, đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy với Nhân dân được tổ chức thường xuyên đúng quy định.

Lực lượng vũ trang thể hiện rõ nét trong chú trọng xây dựng mối quan hệ máu thịt với Nhân dân, góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh Nhân dân vững chắc. Lực lượng quân đội nhân dân tích cực tham gia xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, phòng, chống dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, các hoạt động giúp dân, “Tết Quân - Dân” góp phần thắt chặt hơn nữa *“Tình quân dân như cá với nước”*. Lực lượng Công an Nhân dân thời gian qua, phát huy cao độ chức năng, nhiệm vụ trong thực hiện các nhiệm vụ liên quan về chuyển đổi số, đẩy mạnh cải cách hành chính; quan tâm công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, xử lý kịp thời thông tin tố giác tội phạm từ Nhân dân; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo đảm cuộc sống an toàn cho Nhân dân, góp phần xây dựng hình ảnh người cán bộ chiến sỹ công an Nhân dân gần bó mật thiết với Nhân dân với tinh thần *“Trọng dân, gần dân, học dân, có trách nhiệm với dân”*.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong tỉnh phát huy tốt vai trò đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân; thực hiện hoạt động giám sát, phản biện

xã hội; làm tốt vai trò cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân; tuyên truyền, vận động, tạo đồng thuận xã hội, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần vào những kết quả chung của tỉnh. Các phong trào, các cuộc vận động trên tất cả các lĩnh vực cũng được Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức triển khai rộng khắp từ tỉnh đến địa bàn dân cư, từ đó xuất hiện nhiều mô hình mới, cách làm hay mang nhiều hiệu quả, cụ thể như: Phong trào thi đua “Dân vận khéo”, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; “Nông dân sản xuất - kinh doanh giỏi”; “Cựu chiến binh gương mẫu”; “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”; “Tuổi trẻ sáng tạo”. “Mái ấm công đoàn”, “Cả nước chung tay vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau”.

Các phong trào thi đua yêu nước được đẩy mạnh gắn với việc “Học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Bác Hồ, Bác Tôn” đã có nhiều nội dung triển khai thiết thực, hiệu quả. Tiêu biểu đã tổ chức Cuộc thi sáng tác, quảng bá các tác phẩm văn học nghệ thuật và báo chí về chủ đề “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Bác Hồ, Bác Tôn” tỉnh An Giang giai đoạn 2024 - 2025 với 88 tác phẩm đạt giải; Hội thi “Cán bộ Dân vận khéo” năm 2024. Kết quả Ban tổ chức đã trao 13 giải cho các đội dự thi...

Công tác dân tộc - tôn giáo đạt nhiều kết quả quan trọng, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo được triển khai có hiệu quả; các nguồn vốn thực hiện chương trình, chính sách dân tộc - tôn giáo được triển khai thực hiện kịp thời, đồng bộ, đảm bảo đúng nguyên tắc dân chủ, công khai, có sự tham gia của người dân. Mọi quan hệ giữa cấp ủy, chính quyền với các tổ chức tôn giáo ngày càng gắn bó mật thiết, phát huy vai trò nòng cốt của người có uy tín trong dân tộc, tôn giáo tham gia các phong trào ở địa phương, điển hình như: Bếp cơm chay từ thiện phục vụ cho sinh viên, học sinh và người lao động ở Phật Giáo Hòa Hảo phường Long Xuyên và xã Vĩnh Trạch; Xây dựng cầu, đường giao thông nông thôn của Văn phòng Ban Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo; Hỗ trợ cột bê tông cho các hộ nghèo, nâng cấp đường, gắn bóng đèn năng lượng của Văn phòng Ban Trị sự Trung ương Phật hội Tứ Ân Hiếu Nghĩa; Cát nhà tình thương, nhà đại đoàn kết của Văn phòng Ban Trị sự Phật giáo Việt Nam;...

Phong trào thi đua “*Dân vận khéo*”, “*Dân vận khéo trong xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao*” được triển khai sâu, rộng, trọng tâm, thường xuyên, được cán bộ, đảng viên và Nhân dân hưởng ứng và thực hiện có hiệu quả. Kết quả thực hiện trên các lĩnh vực, có 8.889 mô hình đăng ký cấp cơ sở, trong đó 3.682 mô hình đăng ký cấp huyện và tương đương, 2.222 mô hình đăng ký cấp tỉnh. Nhiều mô hình “*Dân vận khéo*” tiêu biểu tại địa phương đã phát huy tinh thần, trách nhiệm phục vụ Nhân dân, điển hình như các mô hình: (1) “Vận động phụ nữ tham gia phụ nữ sáng tạo, khởi nghiệp phát triển kinh tế” (2) “Tết Quân - Dân đầm ấm nghĩa tình” nét đẹp truyền thống của lực lượng vũ trang tỉnh (3) “Vận động Nhân dân gắn Camera an ninh trên địa bàn dân cư” (4) “Cấp ủy, chính quyền gặp gỡ, tiếp xúc, đối thoại với đoàn viên, hội viên và Nhân dân, để giải quyết những phản ánh, kiến nghị, bức xúc”. Cuộc thi viết về mô hình tiêu biểu trong thực

hiện phong trào thi đua “Dân vận khéo”, “Dân vận khéo trong xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao” năm 2024, kết quả đã trao giải cho 18 mô hình.

Những kết quả trên đã khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh về công tác dân vận đối với hệ thống chính trị là phù hợp trong tình hình mới; sát thực với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương các cấp trong tỉnh; góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh to lớn của Nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và sự phát triển của tỉnh nhà.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác dân vận còn có những hạn chế, đã ảnh hưởng đến công tác dân vận của Đảng, làm giảm hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước, ảnh hưởng đến niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước: Một số nơi việc thể chế hóa, cụ thể hóa một số chủ trương, nghị quyết của Đảng liên quan đến công tác dân vận chưa kịp thời. Việc nắm bắt, đánh giá, dự báo tình hình, nhất là tình hình Nhân dân trước những sự kiện, tình huống phát sinh ở những lĩnh vực, địa bàn phức tạp có lúc, có nơi chưa kịp thời đáp ứng yêu cầu. Vẫn còn tình trạng một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức còn quan liêu, sách nhiễu, chưa nhận thức đầy đủ về công tác dân vận, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân đã gây xoáy mòn lòng tin của Nhân dân. Một số nơi công tác tiếp công dân, đối thoại giữa người đứng đầu chính quyền với Nhân dân chưa được quan tâm đúng mức, chưa phát huy hết quyền làm chủ của Nhân dân.

Với quyết tâm của cả hệ thống chính trị cả nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; thiết thực cụ thể hóa phương châm của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030 về xây dựng “Một An Giang - Một tầm nhìn - Một ý chí - Một niềm tin thắng lợi!”, các cấp ủy Đảng cần quan tâm triển khai thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

Một là, tiếp tục đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đường lối, chủ trương công tác dân vận của Đảng. Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của các cấp ủy Đảng theo hướng nâng cao năng lực dự báo tình hình; bảo đảm các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước liên quan đến cuộc sống người dân phải sát thực tiễn, khả thi và bố trí đủ nguồn lực hoặc có phương án huy động nguồn lực để thực hiện hiệu quả.

Các cấp ủy, tổ chức đảng chú trọng việc tổ chức triển khai quán triệt sâu sắc các văn bản về công tác dân vận, tạo nhận thức thống nhất, đồng bộ. Xây dựng các chương trình, kế hoạch cụ thể có trọng tâm, trọng điểm, ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ tổng hợp, tạo thuận lợi để cho cán bộ trong hệ thống dân vận các cấp thức hiện hiệu quả, đồng bộ; đối với người dân dễ hiểu, đồng thuận, chấp hành trong quá trình triển khai. Quan tâm chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác dân vận, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội đáp ứng yêu cầu gắn với thực hiện chủ trương kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

Hai là, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân. Đổi mới công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân sát với thực tiễn, phù hợp vùng miền, có tính thuyết phục cao, tạo sự đồng thuận trong

Nhân dân; đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, vận động tương tác với người dân; ứng dụng công nghệ thông tin có hiệu quả trong công tác tuyên truyền, vận động. Thường xuyên sâu sát, gần gũi nắm bắt tình hình dư luận, những vấn đề bức xúc trong Nhân dân để có nội dung, hình thức tuyên truyền phù hợp. Qua đó, chủ động dự báo, đánh giá xu hướng của dư luận xã hội; tuyên truyền, vận động Nhân dân nhận thức đúng, phối hợp để phản bác các thông tin sai lệch, độc hại.

Ba là, tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp. Chú trọng triển khai thực hiện tốt thể chế “*Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ*” và phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”. Nâng cao chất lượng hoạt động tiếp xúc cử tri, hoạt động tiếp công dân, đối thoại, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của Nhân dân, nhất là người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, thường xuyên tiếp xúc với Nhân dân.

Tham mưu Tỉnh ủy về việc đánh giá kết quả thực hiện mô hình “*Chính quyền thân thiện vì Nhân dân phục vụ*” để tiếp tục triển khai thực hiện cho phù hợp trong tình hình mới. Thực hiện tốt Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở, người đứng đầu các xã, phường, đặc khu, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp phải tôn trọng và nâng cao vai trò của người dân, người lao động. Xử lý dứt điểm, kịp thời các vấn đề bức xúc liên quan trực tiếp đến đời sống Nhân dân, các vụ việc phức tạp, khiếu kiện đông người, vượt cấp, kéo dài.

Bốn là, tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và hội quần chúng theo hướng sát cơ sở, thực chất, hiệu quả, đồng bộ hơn. Nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát, phản biện xã hội và góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội. Tăng cường công tác phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội với các cơ quan nhà nước trong lắng nghe, tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân; kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết các chủ trương, đường lối của Đảng liên quan đến đời sống Nhân dân, giải quyết kịp thời, hiệu quả những điểm nóng, phức tạp trong cộng đồng dân cư.

Tham mưu Tỉnh ủy về việc đánh giá kết quả thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TU ngày 01/8/2019 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác quản lý đoàn viên, hội viên; củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các chi đoàn, chi hội, tổ hội ở địa bàn dân cư; Công văn số 471-CV/TU, ngày 22/8/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc chỉ đạo nhân rộng mô hình hoạt động Tổ Dân vận áp để tiếp tục triển khai thực hiện cho phù hợp trong tình hình mới.

Năm là, đẩy mạnh phong trào thi đua “Dân vận khéo”, “Dân vận khéo trong xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao” trong toàn hệ thống chính trị, động viên các tầng lớp Nhân dân tham gia tích cực các phong trào thi đua yêu nước, các Chương trình Mục tiêu quốc gia, các cuộc vận động xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, giữ vững quốc phòng, an ninh; phát huy mọi tiềm năng, trí tuệ trong Nhân dân đóng góp cho xã hội, cho quê hương, đất nước; tích cực tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các mô hình, điển hình về công tác dân vận. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế phối hợp, thống nhất hành động trong công tác tuyên giáo

và dân vận và trong phong trào thi đua yêu nước của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội, đổi mới cách thức, nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện các phong trào thi đua yêu nước.

Thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh “*Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công*”, phát huy truyền thống vẻ vang 95 năm ngày truyền thống công tác dân vận của Đảng, cùng sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị các cấp trong tỉnh, với bản lĩnh, quyết tâm và nỗ lực chung, chúng ta tin tưởng rằng công tác dân vận sẽ tiếp tục có những đóng góp quan trọng vào quá trình thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ tỉnh nhà đã đề ra trong nhiệm kỳ mới. Góp phần, củng cố, tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới. Phát huy mạnh mẽ tinh thần đại đoàn kết toàn dân thực hiện thắng lợi phương châm “*Một An Giang - Một tầm nhìn - Một ý chí - Một niềm tin thắng lợi*” mà Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 đã đề ra.

NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ ĐẢNG VIÊN TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

Ban Tổ chức Tỉnh ủy

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn quan tâm, coi trọng công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, xem đây là nội dung cốt lõi của công tác xây dựng Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Để lãnh đạo cách mạng, Đảng phải mạnh. Đảng mạnh là do có nhiều chi bộ tốt, chi bộ tốt là do các đảng viên đều tốt”. Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và các nghị quyết của Đảng qua các nhiệm kỳ Đại hội đều khẳng định: “Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên”; “Tổ chức cơ sở đảng là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở”; “đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam là chiến sĩ cách mạng trong đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam”... Thực tiễn cho thấy, nơi nào xây dựng hệ thống tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, có năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu cao và đội ngũ đảng viên có chất lượng, tiên phong, gương mẫu thì tạo nên sức mạnh tổng hợp, góp phần vào công tác xây dựng Đảng và công cuộc phát triển của đất nước.

Nhận thức sâu sắc vị trí, vai trò của tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên, nhiệm kỳ qua, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy trong Đảng bộ tập trung thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng, tổ chức đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh và đội ngũ đảng viên bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ, năng lực ngày càng được nâng cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

I- KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Những kết quả nổi bật

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy các cấp triển khai và thực hiện nghiêm túc, kịp thời chủ trương, chỉ đạo của Trung ương về kết thúc hoạt động của Đảng bộ cấp huyện, đảng bộ cấp xã và thành lập đảng bộ cấp xã mới; thành lập Đảng bộ tỉnh An Giang mới. Sau thành lập, Đảng bộ tỉnh An Giang có 107 đảng bộ trực thuộc (trong đó có 04 đảng bộ cấp trên cơ sở, 03 đảng bộ đặc khu, 14 đảng bộ phường, 85 đảng bộ xã và 01 đảng bộ cơ sở được giao quyền cấp trên cơ sở - Đảng bộ Trường Đại học An Giang); 930 chi, đảng bộ cơ sở (514 chi bộ và 416 đảng bộ cơ sở) với 131.401 đảng viên (chiếm 2,67% dân số toàn tỉnh).

Ban Thường vụ Tỉnh ủy luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo ban hành chủ trương, nghị quyết củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh; là “cầu nối” giữa Đảng với Nhân dân, củng cố, tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ. Phát động thi đua xây dựng

“chi bộ bốn tốt”, “đảng bộ bốn tốt” được các chi, đảng bộ hưởng ứng tích cực, tạo bước chuyển mới trong nâng cao chất lượng tổ chức đảng và đảng viên, phát huy vai trò hạt nhân chính trị, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ở cơ sở.

Các cấp ủy cơ sở luôn đổi mới, nâng cao chất lượng xây dựng và tổ chức thực hiện nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác gắn với nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị; tập trung lãnh đạo giải quyết những vấn đề khó khăn, phức tạp ở cơ sở. Hầu hết các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước đã thực hiện chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là thủ trưởng cơ quan, đơn vị. Cấp ủy viên các cấp được phân công theo dõi, phụ trách các tổ chức đảng trực thuộc, trực tiếp dự sinh hoạt chi bộ, góp phần nắm chắc tình hình, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc ở cơ sở. Công tác tạo nguồn phát triển đảng viên được cấp ủy các cấp quan tâm lãnh đạo, tổ chức thực hiện tăng tỷ lệ kết nạp đảng viên trẻ, đảng viên trong học sinh, sinh viên, công nhân, nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi. Công tác sàng lọc đảng viên được cấp ủy các cấp quan tâm thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị. Công tác kiểm tra, giám sát được tăng cường, chủ động phòng ngừa vi phạm, kịp thời chấn chỉnh những lệch lạc, giữ vững kỷ cương, kỷ luật Đảng.

Chất lượng sinh hoạt chi bộ từng bước được nâng lên; nhiều cấp ủy đã ban hành hướng dẫn nội dung sinh hoạt đối với từng loại hình chi bộ, ban hành tiêu chí cụ thể đánh giá chất lượng sinh hoạt chi bộ. Nhiều chi bộ đã đưa việc tự phê bình và phê bình, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Tôn Đức Thắng vào nội dung sinh hoạt hằng tháng; tăng cường sinh hoạt chuyên đề, từng bước khắc phục tình trạng đơn điệu, hình thức trong sinh hoạt đảng.

Các cấp ủy, tổ chức đảng đã cụ thể hóa các tiêu chí đánh giá phù hợp với từng loại hình tổ chức đảng. Đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng thực chất hơn, sát với kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng của từng địa phương, cơ quan, đơn vị; tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tăng lên (trên 90%), giảm số tổ chức yếu kém và không hoàn thành nhiệm vụ.

Chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên được nâng lên. Đa số cán bộ, đảng viên giữ vững lập trường chính trị, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Trình độ chuyên môn, lý luận chính trị được nâng cao, tỷ lệ cán bộ, đảng viên có trình độ sau đại học, cao cấp lý luận chính trị ngày càng tăng cao (*sau đại học: 1.282/131.143 đảng viên, chiếm 4,1%; cao cấp chính trị: 9.193/131.143 đảng viên, chiếm 7,1%*) đáp ứng yêu cầu công tác. Tinh thần trách nhiệm, tính tiên phong, gương mẫu được phát huy, gắn bó với Nhân dân hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm đạt cao (trên 85%), số đảng viên vi phạm kỷ luật đảng giảm.

Nhìn chung, chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên đã có sự chuyển biến rõ nét, góp phần quan trọng trong việc củng cố niềm tin của Nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

2. Những hạn chế và nguyên nhân

Công tác xây dựng Đảng có lúc, có nơi chưa được coi trọng đúng mức. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng còn hạn chế; một số cấp ủy, tổ chức đảng chậm đổi mới phương thức lãnh đạo, còn lúng túng trong cụ thể hóa nghị quyết vào thực tiễn, chưa thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình. Công tác kiểm tra, giám sát chưa mạnh, nhất là công tác tự kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn, xử lý vi phạm ở một số nơi chưa kịp thời; công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ cơ sở chưa đồng bộ. Tính tiên phong, gương mẫu, ý thức trách nhiệm, sự tâm huyết của một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức chưa cao; tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa được ngăn chặn, đẩy lùi hiệu quả; một số cán bộ, công chức ngại đấu tranh với những biểu hiện sai phạm, tiêu cực; tình trạng cán bộ, đảng viên vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phải xử lý kỷ luật, xử lý hình sự, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của Đảng và niềm tin của Nhân dân.

Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức đảng chuyển biến chưa mạnh, tính chủ động, sáng tạo còn hạn chế. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình có lúc, có nơi còn hình thức, chưa đi vào chiều sâu. Công tác quản lý đảng viên ở một số nơi chưa chặt chẽ; công tác nắm tình hình, kiểm tra, giám sát ở một số địa bàn, lĩnh vực đôi lúc chưa kịp thời, chậm phát hiện tổ chức đảng, đảng viên có vi phạm, khuyết điểm. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia giám sát, phản biện còn hạn chế.

Đội ngũ cán bộ, đảng viên có mặt chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới; kỹ năng lãnh đạo, quản lý, khả năng tham mưu còn hạn chế. Công tác tạo nguồn phát triển đảng viên còn khó khăn, chất lượng kết nạp đảng viên mới chưa cao. Nguyên nhân, do tác động của tình hình kinh tế - xã hội, mặt trái kinh tế thị trường, âm mưu chống phá của các thế lực thù địch; đồng thời, do sự hạn chế trong lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống cho cán bộ, quản lý đảng viên còn bất cập; một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng rèn luyện.

3. Một số kinh nghiệm

Một là, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng; kiên định, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với thực tiễn; giữ vững và thực hiện nghiêm các nguyên tắc của Đảng. Coi trọng công tác tổng kết thực tiễn, quán triệt sâu sắc quan điểm “Dân là gốc”, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng.

Hai là, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc, điều lệ, quy định của Đảng và quy chế làm việc của cấp ủy. Không ngừng đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu thực tế và điều kiện cụ thể của từng địa phương, cơ quan, đơn vị. Coi trọng cải tiến lề lối làm việc, phân công trách nhiệm cụ thể, sâu sát công việc, tình hình cơ sở. Phát huy trách nhiệm, nói đi

đôi với làm, đề cao vai trò nêu gương của người đứng đầu và cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp, tạo sự lan tỏa trong nội bộ và Nhân dân. Phát huy trí tuệ tập thể và trách nhiệm cá nhân trong hoạt động lãnh đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Ba là, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Nêu cao ý thức, trách nhiệm của từng cán bộ, đảng viên trong tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, nhận thức sâu sắc về trách nhiệm trước Đảng, trước Nhân dân.

Bốn là, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

II- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Trong thời gian tới, đứng trước những cơ hội và thách thức đan xen, việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp là chủ trương lớn, mang tính đột phá và lịch sử của Đảng ta, đưa chính quyền đến gần dân, sát dân và phục vụ Nhân dân tốt hơn, tuy nhiên sẽ không tránh khỏi những khó khăn. Vì vậy, đòi hỏi cấp ủy các cấp trong Đảng bộ tỉnh An Giang cần phải quyết tâm, quyết liệt, đoàn kết, nỗ lực thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên bằng những nhiệm vụ và giải pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của cấp ủy các cấp về việc nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng đối với việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị. Đội ngũ đảng viên phải nhận thức đầy đủ về tổ chức cơ sở đảng là hạt nhân chính trị, là trung tâm đoàn kết trong cơ quan, đơn vị, sự vững mạnh của các tổ chức cơ sở đảng là điều kiện để cơ quan, đơn vị thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng địa phương, cơ quan, đơn vị.

Phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm của cấp ủy viên, đảng viên trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị. Mỗi cấp ủy viên cần chú trọng tăng cường giáo dục, nâng cao bản lĩnh chính trị, quan điểm, lập trường, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ đảng viên, bảo đảm cho cán bộ, đảng viên đủ sức hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ. Đồng thời, nâng cao trách nhiệm của đội ngũ đảng viên trong chấp hành các nguyên tắc, quy định sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao tự phê bình và phê bình, giữ gìn đoàn kết, thống nhất trong tổ chức đảng. Đề cao trách nhiệm của cấp ủy, đảng viên trong đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí và các âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch.

Thứ hai, hoàn thiện mô hình tổ chức của các loại hình tổ chức cơ sở đảng theo hướng gắn tổ chức cơ sở đảng với lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị và lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội. Chăm lo xây dựng cấp ủy vững mạnh, lựa chọn cấp ủy viên đáp ứng tiêu chuẩn đề ra, phù hợp với đặc điểm yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

Tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Thực hiện tốt, nền nếp công tác đánh giá, phân loại đảng viên hằng năm, gắn phân loại đảng viên với phân loại cán bộ. Công tác phát triển đảng cần phải được quan tâm đúng mức. Việc kết nạp đảng viên phải được thực hiện chặt chẽ trong tất cả các khâu, không chạy theo chỉ tiêu bằng mọi giá.

Thứ ba, nâng cao chất lượng, đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động của các loại hình tổ chức đảng theo hướng vừa mở rộng dân chủ, vừa tăng cường kỷ cương, kỷ luật; khắc phục tính hình thức đơn điệu trong sinh hoạt, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục, tính chiến đấu, bảo đảm chất lượng, có sơ kết, tổng kết, có kiểm tra, đánh giá đúng thực chất từng vấn đề cụ thể. Cần xác định rõ mục đích, yêu cầu, nội dung từng buổi sinh hoạt gắn với đặc điểm lãnh đạo của từng tổ chức cơ sở đảng; làm tốt, chu đáo các bước chuẩn bị sinh hoạt, tiến hành sinh hoạt và triển khai thực hiện sau khi sinh hoạt chi bộ. Chú trọng nâng cao chất lượng tự phê bình và phê bình, tiếp tục chỉ đạo sâu rộng các phong trào, nhất là cuộc vận động học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, bằng các phong trào, mô hình mới mang lại hiệu quả thiết thực.

Thứ tư, tăng cường kiểm tra, giám sát, quản lý đảng viên; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trong giám sát đảng viên. Cần tăng cường kiểm tra, giám sát nhằm kịp thời phát hiện những dấu hiệu vi phạm để uốn nắn, giáo dục, cảm hóa; trong trường hợp các tổ chức cơ sở đảng tiếp tục tái diễn vi phạm thì tiến hành kỷ luật nghiêm khắc, theo đúng Điều lệ Đảng, các quy định của Trung ương về những điều đảng viên không được làm. Cấp ủy cơ sở giám sát chặt chẽ đảng viên; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trong giám sát, phản biện xã hội, góp ý phê bình đảng viên; rà soát, sàng lọc, kiên quyết đưa ra khỏi Đảng đảng viên vi phạm tư cách.

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, NHẤT LÀ NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CÓ ĐỨC, CÓ TÀI, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NHIỆM VỤ TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

Ban Tổ chức Tỉnh ủy

Trong bất kỳ giai đoạn cách mạng nào, cán bộ luôn giữ vai trò quyết định. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”. Người đứng đầu lại càng có vai trò quan trọng, là trung tâm đoàn kết, là người định hướng, tổ chức và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của tập thể. Trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng, cùng với yêu cầu phát triển nhanh và bền vững, nhiệm vụ xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là người đứng đầu, có đức, có tài, ngang tầm yêu cầu mới đặt ra hết sức cấp thiết.

I- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TRONG NHIỆM KỲ 2020 - 2025

1. Kết quả đạt được

Nhiệm kỳ 2020 - 2025, các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Trung ương về công tác cán bộ được quán triệt kịp thời, triển khai nghiêm túc. Tỉnh ủy ban hành chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết Trung ương về xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp; hoàn thiện quy định phân cấp quản lý, tiêu chuẩn chức danh, quy trình bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; quy định miễn nhiệm, từ chức; quy chế phối hợp giữa các cơ quan tham mưu, giúp việc. Công tác sơ kết, tổng kết được tiến hành định kỳ, kịp thời tháo gỡ các vướng mắc, bất cập phát sinh; qua đó, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo ngày càng khoa học, bám sát thực tiễn, phát huy trách nhiệm của tập thể cấp ủy và người đứng đầu.

Công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp được thực hiện theo phương châm “động” và “mở”, bảo đảm tính kế thừa, ổn định, liên thông giữa các cấp, các ngành. Nguồn cán bộ quy hoạch được rà soát, bổ sung hằng năm; gắn quy hoạch với đào tạo bồi dưỡng, luân chuyển và bố trí sử dụng. Việc luân chuyển, điều động được triển khai có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên các vị trí then chốt, lĩnh vực nhạy cảm, địa bàn khó khăn; coi trọng bố trí một số chức danh chủ chốt không là người địa phương để khắc phục cục bộ, khép kín. Công tác bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử bảo đảm nguyên tắc, quy trình, tiêu chuẩn, điều kiện; đề cao trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu, tăng cường kiểm soát quyền lực ngay từ khâu đề xuất nhân sự.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng được quan tâm. Ngoài chương trình chính trị, quản lý nhà nước, tỉnh tăng cường các khóa bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản trị nhân sự, phân tích dữ liệu, chuyển đổi số, ngoại ngữ, pháp luật chuyên ngành. Trong nhiệm kỳ, có hơn 11.816 lượt cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo; hơn 69.945 lượt được bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng, cập nhật kiến thức mới. Bên cạnh đào tạo trong nước, một số cán bộ được cử tham gia chương trình học tập, trao đổi kinh nghiệm ở nước ngoài; khuyến khích tự học, học tập suốt đời. Qua đó,

chất lượng đội ngũ cán bộ được nâng lên: Toàn tỉnh hiện có hơn 74.989 cán bộ, công chức, viên chức. Trong đó, 74,3% có trình độ đại học, 6,1% thạc sĩ, 0,3% tiến sĩ; 97,6% có trình độ lý luận chính trị từ sơ cấp trở lên. Đội ngũ cán bộ từng bước chuẩn hóa theo chức danh, vị trí việc làm.

- Phong trào học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được triển khai thiết thực gắn với chức trách, nhiệm vụ của từng tập thể, cá nhân. Quy tắc ứng xử, văn hóa công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính được thực hiện nghiêm; ý thức phục vụ Nhân dân, thái độ giao tiếp, giải quyết công việc chuyển biến rõ, nhất là ở các bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, nhất là người đứng đầu, ngày càng thể hiện phẩm chất chính trị vững vàng, có trách nhiệm nêu gương, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

2. Một số hạn chế, tồn tại

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức vẫn còn một số hạn chế: **(1)** Chất lượng chưa đồng đều giữa các cấp, các ngành; một bộ phận còn biểu hiện né tránh, sợ sai, sợ trách nhiệm, chưa thật sự năng động, sáng tạo; **(2)** Tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý chưa đạt mục tiêu; **(3)** Chính sách thu hút, đãi ngộ, tạo động lực chưa đủ mạnh, nhất là ở cơ sở, biên giới, vùng khó khăn; **(4)** Hệ thống dữ liệu cán bộ chưa thật sự đồng bộ, thống nhất; **(5)** Công tác đánh giá cán bộ đôi lúc còn biểu hiện nể nang, cảm tính.

3. Bài học kinh nghiệm

Một là, kiên định nguyên tắc, linh hoạt trong tổ chức thực hiện: Công tác cán bộ phải đặt trong tổng thể nhiệm vụ chính trị, song cũng cần vận dụng sáng tạo phù hợp với đặc thù từng ngành, từng địa phương.

Hai là, đề cao tính thực tiễn trong rèn luyện cán bộ: Đào tạo bài bản là cần thiết, nhưng thử thách trong công việc mới là môi trường rèn luyện bản lĩnh, khả năng xử lý tình huống, kỹ năng lãnh đạo và tinh thần trách nhiệm.

Ba là, kết hợp hài hòa giữa kế thừa và đổi mới: Bảo đảm tính liên tục trong đội ngũ, đồng thời mạnh dạn trẻ hóa, phát triển cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số để tạo sự cân bằng, đa dạng và bền vững.

Bốn là, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý cán bộ: Việc xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu hiện đại, thống nhất sẽ giúp công tác đánh giá, bổ nhiệm, quy hoạch minh bạch, chính xác và kịp thời hơn.

Năm là, phát huy vai trò giám sát xã hội: Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và Nhân dân chính là "tấm gương phản chiếu" khách quan nhất về phẩm chất và năng lực cán bộ; lắng nghe dân sẽ củng cố niềm tin, phòng ngừa tiêu cực.

II- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP GIAI ĐOẠN 2025 - 2030

1. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là người đứng đầu có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, gương mẫu trong lối sống, gần dân, trọng dân, hết lòng phục vụ Nhân dân. Cần gắn chặt việc rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức với đánh giá cán bộ thường xuyên; triển khai sâu

rộng học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực, bảo đảm cán bộ, nhất là người đứng đầu, gương mẫu trong công vụ, lối sống. Phát huy vai trò nêu gương, xử lý nghiêm cán bộ suy thoái tư tưởng, đạo đức.

2. Tiếp tục chuẩn hóa đội ngũ cán bộ theo tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm; nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng quản lý, năng lực hội nhập quốc tế. Tăng cường bồi dưỡng kỹ năng mới như quản trị hiện đại, ngoại ngữ, chuyển đổi số; mở rộng liên kết đào tạo với các học viện, trường chính trị và đơn vị nghiên cứu. Thực hiện đánh giá chuẩn đầu ra đối với cán bộ sau đào tạo, gắn với quy hoạch, bổ nhiệm.

3. Quan tâm phát triển đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc, bảo đảm cơ cấu hợp lý. Phấn đấu đạt chỉ tiêu cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ dân tộc thiểu số theo quy định của Trung ương. Tập trung phát hiện, quy hoạch và đào tạo cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ dân tộc thiểu số ngay từ cơ sở; có chính sách khuyến khích, tạo điều kiện về môi trường công tác và cơ hội phát triển. Thực hiện luân chuyển, giao nhiệm vụ khó, lĩnh vực trọng điểm để rèn luyện, chuẩn bị nguồn nhân sự cho cấp ủy nhiệm kỳ sau.

4. Đổi mới mạnh mẽ công tác đánh giá cán bộ, lượng hóa tiêu chí, lấy kết quả, hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ làm thước đo chủ yếu. Thực hiện lượng hóa các tiêu chí đánh giá gắn với kết quả, sản phẩm công việc và sự tin nhiệm của Nhân dân. Tăng cường sử dụng công nghệ, hệ thống cơ sở dữ liệu cán bộ để theo dõi, đánh giá khách quan, liên tục. Kết hợp đánh giá định kỳ với đánh giá đột xuất, gắn đánh giá cá nhân với hiệu quả chung của tập thể.

5. Tiếp tục luân chuyển, bố trí cán bộ lãnh đạo không là người địa phương; coi đây là giải pháp căn bản phòng ngừa tiêu cực, cục bộ. Triển khai kế hoạch luân chuyển dài hạn, ưu tiên bố trí vào các vị trí nhạy cảm, địa bàn khó khăn; bảo đảm cán bộ trải qua rèn luyện nhiều môi trường. Gắn luân chuyển với quy hoạch, đào tạo và sử dụng cán bộ; chú trọng tạo điều kiện về nơi ở, phụ cấp, chính sách hỗ trợ để cán bộ yên tâm công tác.

6. Hoàn thiện chính sách đãi ngộ, chế độ đặc thù cho cán bộ, công chức, nhất là ở cơ sở, vùng sâu, vùng xa, biên giới; bảo đảm đời sống, điều kiện làm việc. Đề xuất xây dựng cơ chế tiền lương, phụ cấp, nhà ở công vụ phù hợp; quan tâm chính sách hỗ trợ cán bộ công tác ở cơ sở, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc; cải thiện môi trường, điều kiện công tác để cán bộ có động lực phấn đấu, gắn bó lâu dài.

7. Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên, kết hợp kiểm tra định kỳ và chuyên đề; mở rộng kênh giám sát của Nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và cơ quan truyền thông. Ứng dụng công nghệ để minh bạch quy trình, hồ sơ cán bộ. Kiên quyết xử lý cán bộ vi phạm, không có “vùng cấm” trong công tác cán bộ.

8. Phát huy vai trò, trách nhiệm, bản lĩnh, sự gương mẫu và tính tiên phong của người đứng đầu trong lãnh đạo, quản lý, điều hành. Quy định rõ thẩm quyền đi đôi với trách nhiệm, gắn kết quả công tác của tập thể với đánh giá cá nhân người đứng đầu. Đẩy mạnh cơ chế kiểm điểm, phê bình và tự phê bình; phát huy tinh thần “dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm”. Khuyến khích đổi mới, sáng tạo trong lãnh đạo, quản lý, coi trọng hiệu quả thực chất.

III- ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh

- Tiếp tục ban hành cơ chế, chính sách đặc thù thu hút, trọng dụng nhân tài, nhất là trong các lĩnh vực then chốt như công nghệ thông tin, chuyển đổi số, khoa học công nghệ, quốc phòng - an ninh.

- Quan tâm chăm lo chế độ, chính sách đối với cán bộ ở cơ sở, vùng khó khăn, đảm bảo điều kiện làm việc và sinh hoạt.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá cán bộ công khai, minh bạch, khách quan.

2. Trung ương

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về công tác cán bộ, nhất là chính sách tiền lương, nhà ở công vụ cho cán bộ.

- Có cơ chế phân cấp, phân quyền mạnh hơn cho địa phương trong tuyển dụng, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ.

- Xem xét chính sách đặc thù đối với các tỉnh biên giới như An Giang nhằm thu hút, giữ chân cán bộ chất lượng cao, phục vụ lâu dài.

Trong bối cảnh mới, yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là người đứng đầu, đặt ra ngày càng cao và toàn diện hơn. Những bài học kinh nghiệm từ thực tiễn nhiệm kỳ qua là cơ sở quan trọng để tỉnh An Giang tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác cán bộ trong thời gian tới. Cần đặc biệt coi trọng cả “đức” và “tài”, trong đó “đức” là gốc, “tài” là quan trọng, lấy hiệu quả phục vụ Nhân dân làm thước đo chủ yếu. Việc chuẩn hóa theo chức danh, vị trí việc làm phải đi đôi với đổi mới đánh giá, luân chuyển, đào tạo và rèn luyện trong thực tiễn. Đồng thời, chính sách đãi ngộ, môi trường làm việc, cơ chế khuyến khích sáng tạo cần được quan tâm đúng mức để cán bộ yên tâm cống hiến. Phát huy vai trò tiên phong, nêu gương, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của người đứng đầu sẽ tạo nên sức lan tỏa, truyền cảm hứng trong toàn hệ thống. Với quyết tâm chính trị cao, sự đồng lòng, đoàn kết và khát vọng phát triển, Đảng bộ và Nhân dân An Giang tin tưởng sẽ xây dựng được đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, góp phần đưa tỉnh phát triển nhanh, bền vững, cùng cả nước hiện thực hóa mục tiêu xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ KỶ LUẬT CỦA ĐẢNG TRONG ĐẢNG BỘ TỈNH AN GIANG

Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy

Công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng là một bộ phận quan trọng của công tác xây dựng Đảng, là chức năng lãnh đạo của Đảng, là chìa khóa để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Thời gian qua, công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng đã được Đảng bộ tỉnh An Giang thường xuyên quan tâm và triển khai khá hiệu quả, góp phần giữ vững kỷ luật, kỷ cương, củng cố lòng tin của Nhân dân.

Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong Đảng bộ tỉnh đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Các cấp ủy, tổ chức đảng đã nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; chủ động hơn trong việc xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát, ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, quy định, hướng dẫn cụ thể để thực hiện. Ủy ban kiểm tra các cấp đã tích cực tham mưu cho cấp ủy thực hiện nghiêm việc kiểm tra, giám sát theo chương trình, kế hoạch đề ra, có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào những lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực như quản lý đất đai, tài chính, đầu tư xây dựng cơ bản và công tác cán bộ; nhiều trường hợp vi phạm kỷ luật của cán bộ, đảng viên được phát hiện, xử lý nghiêm. Bên cạnh đó, ủy ban kiểm tra các cấp thường xuyên phối hợp với các ngành chức năng để kịp thời trao đổi thông tin, phát hiện, xử lý nhiều hành vi vi phạm; trong đó, thực hiện theo các kết luận của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, sự chỉ đạo của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã xem xét, xử lý nhiều vụ việc nổi cộm thời gian qua.

Kết quả, cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp đã kiểm tra, giám sát đối với 14.800 lượt tổ chức đảng và 214.466 lượt đảng viên; kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với 453 tổ chức đảng và 1.163 đảng viên; giải quyết tố cáo đối với 16 tổ chức đảng và 264 đảng viên; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng đối với 23 đảng viên; thi hành kỷ luật 90 tổ chức đảng và 2.127 đảng viên. Ủy ban kiểm tra các cấp thường xuyên cử thành viên ủy ban và cán bộ theo dõi, giám sát địa bàn để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, giải quyết nhanh chóng các đơn thư khiếu nại, tố cáo.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác kiểm tra, giám sát trong thời gian qua đã gặp không ít khó khăn và một số hạn chế: Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng, tác động rất nghiêm trọng đến tình hình cả nước nói chung và tỉnh An Giang nói riêng, gây nhiều khó khăn trong công tác kiểm tra, giám sát, nhất là trong phối hợp, trao đổi, xử lý thông tin, giải quyết các vụ việc. Một số cấp ủy, ủy ban kiểm tra chưa thực sự chủ động trong việc kiểm tra, giám sát, vẫn còn tình trạng “chờ sai phạm mới xử lý”. Một số cuộc kiểm tra chưa đi sâu, chưa phát hiện được những vi phạm từ sớm, từ xa. Việc nắm bắt tình hình ở cơ sở đôi lúc chưa kịp thời, dẫn đến việc kiểm tra chưa đúng trọng tâm. Một số cán bộ còn thiếu kinh nghiệm, nghiệp vụ chưa sâu, chưa đáp ứng được yêu cầu của công việc trong tình hình mới.

Từ thực tiễn công tác kiểm tra, giám sát thời gian qua, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

- Sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của cấp ủy là yếu tố quyết định. Nơi nào cấp ủy quan tâm, chỉ đạo thường xuyên, sâu sát thì công tác kiểm tra, giám sát sẽ phát huy hiệu quả cao.

- Kiểm tra, giám sát phải đi trước một bước, không nên chờ sai phạm xảy ra mới kiểm tra mà phải chủ động phòng ngừa, ngăn chặn từ sớm.

- Phải kiên quyết, công tâm, khách quan trong kiểm tra, giám sát. Kết luận phải dựa trên sự thật, có đầy đủ căn cứ và xử lý vi phạm đúng người, đúng việc, không có vùng cấm, không có ngoại lệ.

- Đội ngũ cán bộ kiểm tra phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng. Đây là lực lượng nòng cốt, quyết định chất lượng, hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát.

- Phải phát huy vai trò của nhân dân trong công tác kiểm tra, giám sát. Công khai, minh bạch các kết luận kiểm tra, giám sát để nhân dân cùng giám sát và góp ý.

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng, cần thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, làm cho cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng. Gắn công tác kiểm tra, giám sát với trách nhiệm của người đứng đầu. Cần xem kết quả công tác kiểm tra, giám sát là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá, xếp loại tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên hàng năm.

2. Đổi mới phương pháp, nội dung và hình thức kiểm tra, giám sát. Kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào những lĩnh vực nhạy cảm, dễ xảy ra tiêu cực. Kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm. Giám sát thường xuyên, liên tục, chú trọng giám sát ngay từ khi chủ trương, chính sách còn đang ở giai đoạn hình thành. Coi trọng việc giám sát thực hiện lời nói đi đôi với việc làm của cán bộ, đảng viên. Đa dạng hóa hình thức kiểm tra, giám sát, kết hợp kiểm tra, giám sát của cấp trên với kiểm tra, giám sát của cấp dưới và kiểm tra, giám sát của quần chúng. Tăng cường kiểm tra, giám sát chuyên đề, tập trung vào các chuyên đề cụ thể như quản lý tài chính, đất đai, xây dựng hay công tác cán bộ để đi sâu vào vấn đề và phát hiện sai phạm.

3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và quy trình kiểm tra, giám sát. Rà soát, bổ sung và hoàn thiện các quy định, quy trình kiểm tra, giám sát theo hướng chặt chẽ, khoa học, hiệu quả. Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa ủy ban kiểm tra với các cơ quan chức năng khác như công an, thanh tra, kiểm toán. Xây dựng cơ sở dữ liệu về cán bộ, đảng viên, quản lý hồ sơ kiểm tra, giám sát trên môi trường số để nâng cao hiệu quả và tính chính xác.

4. Xây dựng, kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ kiểm tra, giám sát. củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, ủy ban kiểm tra các cấp đủ mạnh để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát về lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ và pháp luật. Đảm bảo chế độ, chính sách đãi ngộ xứng đáng để cán bộ kiểm tra yên tâm công tác.

Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng là nhiệm vụ sống còn, góp phần xây dựng Đảng bộ tỉnh An Giang ngày càng trong sạch, vững mạnh toàn diện. Việc thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp trên sẽ tạo chuyển biến mạnh mẽ, giúp công tác kiểm tra, giám sát thực sự trở thành thanh bảo kiếm sắc bén trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC GÓP PHẦN THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Ban Nội chính Tỉnh ủy

Trong từng giai đoạn phát triển của đất nước, Đảng, Nhà nước ta có nhiều chủ trương, chính sách, giải pháp về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, từ Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Nghị quyết qua các kỳ Đại hội Đảng toàn quốc, đến các luật, nghị định, chỉ thị, kết luận,... đều hướng đến mục tiêu chung là: Ngăn chặn, từng bước đẩy lùi, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; tạo bước chuyển biến rõ rệt để giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội; củng cố lòng tin của nhân dân; xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh; đội ngũ cán bộ, đảng viên kỷ cương, liêm chính.

Vấn đề phòng, chống tham nhũng là nhiệm vụ khó khăn, phức tạp, là rào cản cho việc xây dựng và phát triển đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh coi tham nhũng là ***“kẻ thù khá nguy hiểm, vì nó không mang gươm mang súng, mà nó nằm trong các tổ chức của ta, để làm hỏng công việc của ta”***. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng khẳng định: Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng, củng cố hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí với quyết tâm chính trị cao hơn, hành động mạnh mẽ, triệt để hơn, hiệu quả hơn. Kết hợp chặt chẽ giữa tích cực phòng ngừa với chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời những hành vi tham nhũng, lãng phí, bao che, dung túng, tiếp tay cho tham nhũng, can thiệp, cản trở việc chống tham nhũng, lãng phí, không có vùng cấm, không có ngoại lệ. Đặc biệt trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiếp tục thực hiện theo phương châm: ***không ngừng, không nghỉ, không có vùng cấm, không có ngoại lệ, bất kể người đó là ai; xử lý một vụ, cảnh tỉnh cả vùng, cả lĩnh vực*** tạo nên tác động quan trọng nhằm phục vụ phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

Thời gian qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực mà trực tiếp, thường xuyên là đồng chí Tổng Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo, sự nỗ lực, cố gắng của các cấp, các ngành, địa phương, sự tham gia tích cực của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên, báo chí và nhân dân, công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trên phạm vi cả nước, cũng như trên địa bàn tỉnh đã đạt được những kết quả quan trọng, toàn diện, lan tỏa mạnh mẽ trong toàn xã hội, được cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình, hưởng ứng và có tác động tích cực đối với công tác xây dựng Đảng. Tham nhũng đang từng bước được kiềm chế, ngăn chặn và có chiều hướng thuyên giảm, góp phần

quan trọng làm trong sạch bộ máy Đảng, Nhà nước, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ nhất diễn ra vào thời điểm hết sức quan trọng của Đảng, trọng đại của đất nước, góp phần vào sự nghiệp phát triển, mở ra kỷ nguyên mới, “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”. Đặc biệt, trong tình hình mới, khi mà công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực đang được cả Đảng, Nhà nước và nhân dân đặt lên hàng đầu, thì việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực này không chỉ là yêu cầu, nhiệm vụ thường xuyên mà còn là nền tảng để tạo nên niềm tin, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới.

Trong thời gian qua, trên cơ sở các mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong các nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Trung ương, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp ủy đảng quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, quyết liệt; có đề ra chương trình, kế hoạch cụ thể, xác định trọng tâm, trọng điểm; định kỳ, đột xuất có tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện, về cơ bản có bước chuyển biến tích cực, khắc phục được những hạn chế, yếu kém được chỉ ra. Các quan điểm, chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực của Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, đặc biệt là các kết luận, chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư - Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đã và đang được các cấp ủy, tổ chức đảng triển khai thực hiện tích cực, nghiêm túc. Công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra được tập trung thực hiện, góp phần ngăn ngừa và phát hiện hành vi tham nhũng, tiêu cực; gắn phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí với công tác cán bộ, xử lý nghiêm sai phạm theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và bộ máy nhà nước, nêu cao vai trò trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Các vụ việc tham nhũng phát hiện được xử lý nghiêm, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương có tác dụng răn đe, phòng ngừa tham nhũng, tạo sự đồng thuận trong nội bộ và nhân dân.

Đảng bộ và chính quyền tỉnh An Giang¹ kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực của cán bộ, đảng viên. Thường xuyên là Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tỉnh (Ban Chỉ đạo tỉnh) và Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh đã đưa nhiều vụ việc, vụ án tham nhũng, tiêu cực phức tạp, dư luận xã hội quan tâm trên địa bàn vào diện Ban Chỉ đạo tỉnh theo dõi, chỉ đạo. Điển hình, các cơ quan tiến hành tố tụng cấp tỉnh đã tập trung giải quyết xong **06 vụ án thuộc diện Ban Chỉ đạo Trung ương** về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực (Ban Chỉ đạo Trung ương) theo dõi, chỉ đạo và **10 vụ án, vụ việc thuộc diện Ban Chỉ đạo tỉnh theo dõi, chỉ đạo**; xử lý nghiêm, đúng với tính chất, mức độ sai phạm, trong đó có cả cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

Công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra được tập trung thực hiện, góp phần ngăn ngừa và phát hiện hành vi tham nhũng, tiêu cực; gắn phòng, chống tham

¹ Gồm hai tỉnh trước sáp nhập An Giang (cũ) và Kiên Giang.

những, lãng phí, tiêu cực với công tác cán bộ, xử lý nghiêm sai phạm theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và bộ máy nhà nước, nêu cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Đề tạo sự thống nhất về nhận thức, quyết tâm đầy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực ở địa phương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tập trung chỉ đạo quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định, hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các kết luận, chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương... Đồng thời, đã tập trung chỉ đạo đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục xây dựng văn hóa liêm chính trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo các sở, ban ngành tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao, thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung nhằm khắc phục những sơ hở, bất cập, chồng chéo trong cơ chế, chính sách, pháp luật liên quan đến các lĩnh vực: ngân hàng, tài chính, tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập, quản lý đất đai, quy hoạch xây dựng, đấu thầu, đấu giá..., góp phần hạn chế các hành vi lợi dụng sơ hở, bất cập về cơ chế, chính sách, pháp luật để tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức chính trị - xã hội đã bám sát kế hoạch, hướng dẫn của Trung ương và tỉnh, đồng thời có sự thay đổi, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tiễn ở địa phương. Quan tâm đổi mới nội dung, phương thức hoạt động phản biện xã hội theo hướng chủ động, hướng về cơ sở, trọng tâm, trọng điểm; chú trọng giám sát theo chuyên đề, tập trung những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, những vấn đề dư luận xã hội quan tâm, bức xúc.

Bên cạnh một số kết quả đạt được, công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trên địa bàn tỉnh còn một số hạn chế như: Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực chưa thường xuyên, thiếu sự phối hợp giữa các cấp, các ngành; nội dung, hình thức tuyên truyền còn lồng ghép, chưa có chủ đề riêng biệt; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát có lúc, có nơi chưa chủ động, thường xuyên để kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực ngay tại cơ quan, đơn vị; công tác giám định trong lĩnh vực tài chính, xây dựng còn gặp khó khăn, vướng mắc, lực lượng giám định viên còn thiếu, khối lượng công việc nhiều, dẫn đến tiến độ ban hành kết luận giám định phục vụ điều tra, xử lý một số vụ án, vụ việc còn chậm. Một số vụ án, vụ việc phải tạm đình chỉ điều tra, xác minh để chờ kết quả giám định.

Nguyên nhân chủ yếu của những tồn tại, hạn chế trên là do công tác cán bộ còn một số bất cập, một bộ phận cán bộ suy thoái về đạo đức, lối sống; cơ chế kiểm sát quyền lực, tài sản chưa thật sự đồng bộ, hiệu quả; việc phát huy vai trò giám sát của Nhân dân, báo chí, xã hội còn hạn chế; chưa khai thác hiệu quả tiềm năng của công nghệ số trong phát hiện và phòng ngừa tham nhũng...

Thời gian tới, đất nước ta bước vào kỷ nguyên mới với đặc trưng là sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin, dữ liệu số và các mô hình quản trị thông minh. Đây là một cơ hội để minh bạch hóa hoạt động công vụ, vừa là thách thức nếu không kiểm soát tốt, tạo nguy cơ tham nhũng công nghệ, lãng phí trong sắp xếp, quản lý tài sản công, hối lộ ẩn danh qua tiền điện tử, chuyển khoản xuyên biên giới hoặc sử dụng các công cụ tài chính phức tạp để rửa tiền, sử dụng công nghệ để che giấu hành vi phạm tội như ẩn dấu giao dịch, xóa dấu vết, gian lận hồ sơ, đặc biệt trong các lĩnh vực như đất đai, đầu tư công, đấu thầu công nghệ...

Trên cơ sở sơ kết, tổng kết thực tiễn, đề công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực có sự chuyển biến rõ rệt, đem lại hiệu quả tốt hơn, tiếp tục củng cố niềm tin của Nhân dân vào hệ thống chính trị, tăng cường sự minh bạch trong hoạt động công quyền, thu hút đầu tư, khơi thông nguồn lực và sức sáng tạo để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh An Giang trong thời gian tới, Ban Nội chính Tỉnh ủy An Giang đề xuất một số giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới, như sau:

Một là, Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy và Ban Chỉ đạo tỉnh tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan liên quan quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ đề ra theo Chương trình công tác năm của Ban Chỉ đạo Trung ương; các Kết luận của đồng chí cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương tại các Phiên họp của Ban Chỉ đạo Trung ương, Cuộc họp Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và đúng quan điểm “Không ngừng, không nghỉ, không có vùng cấm, không có ngoại lệ, là nhiệm vụ chiến lược, thường xuyên, lâu dài, xuyên suốt các kỳ Đại hội, không làm theo phong trào”.

Hai là, các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền và người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương phải xem công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực là một nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên đề tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tăng cường giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức về đạo đức cách mạng, đạo đức công vụ, thực hành liêm chính; nhằm nâng cao tính tự giác, tu dưỡng, tự rèn luyện, gương mẫu, chấp hành quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nhất là các quy định, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; không vi phạm tham ô tài sản, lợi dụng chức vụ, quyền hạn, đưa và nhận hối lộ... trong thực thi công vụ; tạo phong trào rộng khắp nhằm đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, trong hệ thống chính trị.

Ba là, quán triệt, triển khai hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh thật sự khoa học, chặt chẽ, bài bản, nền nếp, đảm bảo thực chất, có kết quả cụ thể, rõ ràng, tránh hình thức; từng thành viên thực hiện nhiệm vụ phải “đúng vai, thuộc bài”. Chỉ đạo rõ việc, rõ trách nhiệm của từng thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, rõ yêu cầu và thời gian hoàn thành, đúng quy chế, quy định. Từng

đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, không ngừng tu dưỡng, rèn luyện bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, tác phong công tác, lối sống trong sạch, liêm chính, chí công vô tư; giữ vững nguyên tắc của Đảng, thượng tôn pháp luật; tuân thủ quy chế làm việc, chủ động thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Bốn là, tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp phòng ngừa tham nhũng. Chỉ đạo rà soát, bổ sung và ban hành các quy định trong quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; trong mua sắm tài sản công; quản lý, sử dụng nhà, đất công...; thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương trong điều hành tài chính - ngân sách, kiểm soát chặt chẽ việc thu, chi ngân sách; thường xuyên tổ chức, kiểm tra, thanh tra, giám sát việc phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tại các cơ quan, đơn vị.

Tiếp tục rà soát, làm rõ nguyên nhân các công trình, dự án chậm tiến độ, tồn đọng kéo dài, hiệu quả thấp, có khó khăn, vướng mắc, có nguy cơ gây thất thoát, lãng phí và có biện pháp xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định; cho thời hạn để khắc phục khó khăn, vướng mắc và hậu quả để sớm đưa công trình, dự án vào khai thác, sử dụng... theo đúng quan điểm chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương: *“Không để lãng phí kéo dài, không hợp pháp hóa các sai phạm. Đối với các dự án có dấu hiệu sai phạm thì phải thanh tra, kiểm tra, kết luận làm rõ trước khi cho tiếp tục triển khai”*.

Năm là, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động thanh tra, kiểm tra, tập trung vào những lĩnh vực nhạy cảm, dễ xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; Quan tâm chỉ đạo kiểm tra, giám sát, thanh tra việc quản lý, sử dụng trụ sở và tài chính công, tài sản công trong và sau sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính 02 cấp, tránh để xảy ra lãng phí. Tăng cường công tác điều tra, truy tố, xét xử nghiêm minh đối với các hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; xử lý dứt điểm các vụ sai phạm còn tồn đọng. Thực hiện tốt công tác giải quyết đơn, thư tố cáo; xử lý kịp thời tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố về tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tăng cường công tác bảo vệ người tố cáo tham nhũng và người tham gia tố tụng. Thường xuyên kiểm soát quyền lực phòng, chống tham nhũng trong công tác cán bộ, trong hoạt động của các cơ quan tố tụng.... Thường xuyên rà soát các cuộc thanh tra về kinh tế - xã hội, việc thực hiện kết luận của Kiểm toán Nhà nước; giám sát chặt chẽ hoạt động thanh tra. Qua rà soát, giám sát, kiểm tra phát hiện các vụ việc có dấu hiệu tham nhũng, lãng phí, tiêu cực để chuyển cơ quan điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Sáu là, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số về đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; đẩy mạnh ứng dụng dịch vụ công trực tuyến, hạn chế tiếp xúc trực tiếp, giảm thiểu cơ hội tham nhũng. Như Tổng Bí thư Tô Lâm đã nêu trong phiên họp thứ 27 của Ban Chỉ đạo Trung ương *“Cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính trên cơ sở chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), đổi mới phương thức quản trị, điều hành, tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, hạn chế tiếp xúc, trị dứt điểm căn bệnh nhũng nhiễu, gây phiền hà, đồng thời tiết giảm chi phí tuân thủ, nâng cao năng suất lao động”*.

Bảy là, tăng cường trách nhiệm của Hội đồng nhân dân các cấp, phát huy tốt hơn nữa vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên và các cơ quan thông tin đại chúng trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở; tạo điều kiện, khuyến khích cán bộ, đảng viên và Nhân dân phát hiện, tố giác các hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực ra Nhân dân với nhiều hình thức đa dạng, phong phú; kịp thời phát hiện, cổ vũ, động viên, giới thiệu nhân rộng các tấm gương tiêu biểu, tích cực trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Tám là, tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, đảng viên các cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng theo hướng vừa tinh gọn, vừa đủ mạnh để thực hiện tốt nhiệm vụ; thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ, trang bị cơ sở vật chất, thiết bị làm việc, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, nghiên cứu xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; sàng lọc, đào tạo đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp và tinh thần phụng sự Nhân dân; kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp suy thoái tư tưởng “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ, TÍNH CHUYÊN NGHIỆP, HIỆN ĐẠI CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

Ủy ban nhân dân tỉnh

Công tác cải cách hành chính (CCHC) là một yêu cầu trọng tâm xuyên suốt, một mũi đột phá nhằm thúc đẩy tăng trưởng, tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nhanh và bền vững kinh tế - xã hội; đồng thời, góp phần quan trọng xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, **“tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả”**, gần dân, sát dân để phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn.

Quán triệt các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, nhất là Nghị quyết số 76/NQ-CP, ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và các Nghị quyết của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, các văn bản cụ thể hóa của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã có sự tập trung, quyết tâm, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành nhiều chủ trương, quy định để triển khai thực hiện; qua đó đạt những kết quả nổi bật như sau:

Một là, quán triệt nghiêm túc và triển khai thực hiện tốt các chủ trương, nghị quyết của Trung ương về sắp xếp tinh gọn bộ máy, bước đầu đi vào hoạt động ổn định, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả. Với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, với không gian phát triển mới; nhiều tiềm năng, lợi thế; cùng hành động theo phương châm: **“Một An Giang - Một tầm nhìn - Một ý chí - Một niềm tin thắng lợi”**, qua đó cùng cả nước vững tin bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của cả dân tộc.

Hai là, thực hiện cơ bản hoàn thành đạt kết quả khá tốt các mục tiêu, chỉ tiêu trong Chương trình CCHC giai đoạn 2021 - 2025 đã đề ra, qua đó hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền địa phương nâng lên nhiều so với trước; chất lượng, hiệu quả phục vụ nhân dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

Ba là, thực hiện tốt CCHC gắn với chuyển đổi số toàn diện sâu rộng trên các lĩnh vực xã hội, từ chuyển đổi số trong hệ thống chính quyền đến các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội và đời sống nhân dân góp phần thúc đẩy địa phương phát triển nhanh và bền vững hơn. Một số số liệu minh chứng nổi bật, như: tỷ lệ văn bản điện tử trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị đạt 100%; kết nối hội nghị trực tuyến toàn tỉnh; 100% cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức được cấp chữ ký số

chuyên dùng công vụ; thực hiện tốt việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo thẩm quyền; tỷ lệ hồ sơ hành chính giải quyết đúng hạn và trước hạn trên 90%; chỉ số phục vụ người dân doanh nghiệp đạt 84,58 điểm; thực hiện thu phí 0 đồng khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến; tỷ lệ người dân doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công trực tuyến đạt 81,62%.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác CCHC cũng còn một số tồn tại, hạn chế như: Một số chỉ tiêu, nhiệm vụ về CCHC chưa hoàn thành theo yêu cầu đề ra; một số bất cập, chưa phù hợp qua tinh gọn, sắp xếp tổ chức, bộ máy còn nổi lên; ngân sách đầu tư cho CCHC, chuyển đổi số còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu; hạ tầng công nghệ, dữ liệu chưa đồng bộ, liên thông; trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng yêu cầu; tình trạng quá tải, nhúng nhuyễn, tiêu cực một số nơi còn xảy ra; một số chỉ số như: CCHC (PAR INDEX); hiệu quả quản trị hành chính công (PAPI); năng lực cạnh tranh (PCI) nhiều năm đạt thứ hạng trung bình và thấp.

Để thực hiện tốt công tác CCHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền trong thời gian tới, Đảng ủy UBND tỉnh tập trung chỉ đạo thực hiện một số giải pháp trọng tâm sau:

Một là, tiếp tục triển khai, quán triệt, tổ chức thực hiện tốt các chủ trương, nghị quyết của Trung ương về sắp xếp, tinh gọn tổ chức, bộ máy, nhất là Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ với quyết tâm hoàn thành tốt các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

Hai là, tiếp tục rà soát, cắt bỏ các thủ tục hành chính gây khó khăn, phiền hà cho người dân, doanh nghiệp; định kỳ và đột xuất tổ chức gặp gỡ, đối thoại với doanh nghiệp để kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc. Song song đó, triển khai đồng bộ các giải pháp để nâng cao thứ hạng các chỉ số: Chỉ số CCHC; chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công; chỉ số đánh giá chuyển đổi số, chỉ số năng lực cạnh tranh và chỉ số xanh.

Ba là, bố trí đủ ngân sách cho chương trình CCHC, khoa học công nghệ, nhất là cho đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu đảm bảo vận hành liên thông, hiệu quả. Đẩy nhanh quá trình xây dựng chính phủ điện tử.

Bốn là, tiếp tục đào tạo cán bộ, công chức, viên chức đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ, công nghệ thông tin, đủ phẩm chất đạo đức để phục vụ nhân dân,

doanh nghiệp tốt hơn. Ban hành các tiêu chí để đánh giá cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ (KPI).

Năm là, triển khai các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền 02 cấp; quản lý, điều hành trên tinh thần 06 rõ: (1) Rõ việc; (2) Rõ người phụ trách, phối hợp; (3) Rõ biện pháp, cách làm; (4) Rõ thời gian; (5) Rõ trách nhiệm; (6) Rõ kết quả. Song song đó, thực hiện đúng lộ trình tinh giản biên chế mà Trung ương, Tỉnh ủy đề ra.

Sáu là, tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, nhất là công tác tự kiểm tra; để kịp thời khắc phục những hạn chế, yếu kém; đề xuất cấp thẩm quyền giải quyết các vướng mắc trong thực hiện.

Với mục tiêu xây dựng chính quyền **“tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả”**, phục vụ nhân dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn; với phương châm: **“Một An Giang - Một tầm nhìn - Một ý chí - Một niềm tin thắng lợi”**, Đảng ủy UBND tỉnh sẽ lãnh đạo, điều hành thực hiện tốt công tác CCHC trong thời gian tới.

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG VIỆC TẬP HỢP, VẬN ĐỘNG NHÂN DÂN, THỰC HIỆN GIÁM SÁT VÀ PHẢN BIỆN XÃ HỘI

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Những năm qua, thực hiện các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị và của Tỉnh ủy, hệ thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh đã bám sát sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, phối hợp với chính quyền tổ chức đa dạng, hiệu quả các hoạt động tuyên truyền, vận động, tập hợp các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của Tỉnh ủy, tạo được sự đồng thuận, thống nhất, góp phần tích cực xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, tạo động lực, tiền đề thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của tỉnh, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) Việt Nam với vai trò, nhiệm vụ tập hợp, xây dựng, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc đã đoàn kết, tập hợp lực lượng và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân không chỉ bằng công tác tuyên truyền, phát triển tổ chức, mà còn thông qua nhiều phong trào thi đua yêu nước sâu rộng, nhiều cuộc vận động thiết thực, có sức lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân, hướng đến thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị và chăm lo cải thiện đời sống Nhân dân. Bên cạnh đó, xác định công tác giám sát và phản biện xã hội là nhiệm vụ quan trọng của MTTQ và tổ chức chính trị - xã hội các cấp, nhằm thiết thực góp phần xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh. Thông qua giám sát và phản biện xã hội nhằm nâng cao vai trò, vị trí của MTTQ trong việc xây dựng, tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của dân, do dân, vì dân...

Trong nhiệm kỳ qua, MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh đã triển khai thực hiện khá tốt công tác giám sát, phản biện xã hội đảm bảo đúng quy trình, quy định. Kết quả, hệ thống MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong tỉnh đã giám sát 7.495 cuộc với các hình thức: Thông qua việc nghiên cứu, xem xét góp ý kiến đối với văn bản (1.403), thành lập đoàn giám sát (1.533), tham gia giám sát với cơ quan nhà nước (1.577); thông qua giám sát của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư cộng đồng (4.024) đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động cơ quan, đơn vị, đến quyền, lợi ích của Nhân dân; trách nhiệm của cơ quan Nhà nước, cán bộ, công chức, đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ, như: Công tác bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; công tác cải cách hành chính; việc thực hiện trách nhiệm đại biểu dân cử theo quy định của pháp luật gắn với việc nêu gương của người đứng đầu, cán bộ, công chức theo Quy định 124; môi trường; an toàn vệ sinh thực phẩm; Pháp luật về công tác tiếp dân, giải quyết khiếu

nại, tố cáo của công dân; an sinh xã hội; xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; pháp luật về tín ngưỡng tôn giáo; phòng chống tham nhũng; hòa giải ở cơ sở... Đồng thời, các tổ chức chính trị - xã hội đã chủ trì tổ chức nhiều cuộc giám sát với nội dung thiết thực, tập trung vào các vấn đề liên quan đến chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ người dân và phát triển cộng đồng như: **Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh** giám sát việc triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP, ngày 27/4/2015 quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số; Việc triển khai thực hiện các quy định hỗ trợ kinh phí hoạt động của Chi hội theo Thông tư số 49/2012/TT-BTC, ngày 20/3/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc hỗ trợ kinh phí hoạt động của Chi hội thuộc các tổ chức chính trị - xã hội thuộc các xã đặc biệt khó khăn; Việc triển khai thực hiện một số nội dung của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; Việc triển khai thực hiện Nghị định số 06/2018/NĐ-CP, ngày 05/01/2018 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non. **Hội Cựu chiến binh tỉnh** giám sát việc thực hiện Nghị định số 157/2016/NĐ-CP, ngày 24/11/2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2006/NĐ-CP, ngày 12/12/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh. **Hội Nông dân tỉnh** giám sát việc thực hiện Nghị định số 55/2015/QĐ-CP, ngày 09/6/2015 của Chính phủ “Chính sách tín dụng phục vụ phát triển Nông nghiệp, Nông thôn” và Nghị định 116/2018/NĐ-CP, ngày 07/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 55. **Liên đoàn Lao động tỉnh** giám sát việc thực hiện các quy định của Bộ luật Lao động, Luật An toàn, vệ sinh lao động, Luật Việc làm, Luật Bảo hiểm xã hội và Luật Bảo hiểm y tế, Luật công đoàn, Nghị định số 191/2013/NĐ-CP quy định chi tiết về tài chính công đoàn; Việc thực hiện quy chế dân chủ. **Tỉnh đoàn giám sát** việc thực hiện Quy trình xử lý vụ việc xâm hại trẻ em được quy định tại Điều 25, Điều 26 của Nghị định số 56/2017/NĐ-CP, ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em... Sau giám sát, có văn bản đề xuất, kiến nghị đối với chính quyền địa phương và các cơ quan, đơn vị chức năng quan tâm hơn và có các giải pháp đối với các vấn đề còn hạn chế, phát sinh, góp phần triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật trên địa bàn tỉnh đạt chất lượng, hiệu quả cao hơn.

Ngoài ra, hoạt động giám sát của Ban Thanh tra nhân dân và Ban giám sát đầu tư cộng đồng đã thu hút sự tham gia của người dân đối với việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, giám sát việc xây dựng các công trình phúc lợi tại địa phương. Qua giám sát đã phát hiện và kiến nghị cấp ủy, chính quyền quan tâm xử lý, khắc phục và giải trình những vấn đề người dân quan tâm trong thực hiện quy chế dân chủ cơ sở và xây dựng các công trình phúc lợi ở địa phương, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân vào chính quyền cơ sở.

Bên cạnh đó, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội đã nghiên cứu, tổ chức góp ý, phản biện xã hội đối với các dự thảo văn kiện Đại hội Đảng các cấp, dự thảo Luật, Nghị quyết, Quyết định, Chương trình, Chỉ thị của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh. Kết quả đã tổ chức phản biện xã hội đối với 14 dự thảo và tổ chức góp ý kiến đối với hơn 1.147 dự thảo văn bản. Các ý kiến phản biện,

góp ý của MTTQ hầu hết đều được các cơ quan soạn thảo ghi nhận, giải trình nghiêm túc.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác vận động, tập hợp Nhân dân và giám sát, phản biện xã hội còn một số hạn chế như sau: (1) Từng lúc, từng nơi, cấp ủy đảng cơ sở chưa thật sự quan tâm sâu sát trong lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền địa phương tạo điều kiện thuận lợi để MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tốt vai trò, chức năng giám sát, phản biện xã hội; (2) Công tác tuyên truyền, vận động, tập hợp Nhân dân của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong tỉnh có lúc, có nơi chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, chưa bám sát thực tiễn đời sống xã hội, chưa đi vào cuộc sống của người dân; (3) MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội có nơi còn lúng túng trong xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của tổ chức, việc lựa chọn chủ đề, nội dung chưa phù hợp; (4) Trình độ, năng lực cán bộ MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội có mặt còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

Từ những kết quả đạt được và căn cứ tình hình thực tế, MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh An Giang đề xuất, kiến nghị như sau:

Thứ nhất, chỉ đạo bổ sung, hoàn thiện quy chế phối hợp của chính quyền với MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp. Qua đó tạo điều kiện và cơ chế phối hợp giúp MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện chức năng giám sát, phản biện xã hội theo quy định. Hướng dẫn sử dụng kinh phí, bảo đảm các điều kiện vật chất cho hoạt động giám sát, phản biện xã hội. Tiếp thu, phản hồi kịp thời, trách nhiệm những vấn đề kiến nghị sau giám sát, phản biện của MTTQ và tổ chức chính trị - xã hội.

Thứ hai, việc vận động, tuyên truyền của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cần hướng hoạt động về cơ sở, địa bàn dân cư. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Đồng thời phải gần dân, trọng dân, lắng nghe dân; theo dõi, nắm chắc tình hình tư tưởng Nhân dân, kịp thời đề xuất các cấp thẩm quyền giải quyết những tâm tư, nguyện vọng, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân. Chú trọng thông qua các kênh thông tin, tuyên truyền của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác tuyên truyền, vận động để phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, về khối đại đoàn kết toàn dân tộc, các cuộc vận động, phong trào thi đua, về tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh, tạo sự đồng thuận trong xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thứ ba, quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, bố trí đội ngũ cán bộ làm công tác giám sát, phản biện xã hội; chú trọng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng, bản lĩnh chính trị và hiểu biết thực tiễn cho cán bộ MTTQ và các tổ chức chính trị - xã

hội. Đảm bảo lựa chọn, bố trí những cán bộ có năng lực, phẩm chất, uy tín, có khả năng tập hợp, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân để thực hiện tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội.

Thứ tư, các cấp ủy quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt công tác kiểm tra, tổ chức sơ, tổng kết công tác chỉ đạo triển khai thực hiện Quyết định 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị về giám sát, phản biện xã hội trong tổ chức Đảng, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội. Kịp thời khen thưởng, động viên khuyến khích tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong tổ chức triển khai thực hiện công tác giám sát, phản biện xã hội trong thời gian qua.

XÂY DỰNG GIAI CẤP NÔNG DÂN AN GIANG CHUYÊN NGHIỆP, CÓ TƯ DUY KINH TẾ, ỨNG DỤNG CHUYỂN ĐỔI SỐ, CHUNG SỨC XÂY DỰNG TỈNH NHÀ PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

Hội Nông dân tỉnh

Cùng với đất nước chuẩn bị bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình phát triển của dân tộc, tỉnh An Giang vừa được hợp nhất trong không gian mới, rộng hơn, tiềm năng nhiều hơn, dư địa lớn hơn với hạ tầng kinh tế xã hội ngày càng hoàn thiện, sẽ mở ra thời cơ rất thuận lợi cho tỉnh phát triển trong thời gian tới; về nông nghiệp và kinh tế nông thôn luôn đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển của tỉnh. Hiện nay, nông thôn là địa bàn sinh sống của gần 70% nông dân cả tỉnh, trong đó có 314.378 hội viên nông dân với 159.933 nông dân được xét và công nhận là nông dân sản xuất kinh doanh giỏi các cấp, đây là lực lượng sản xuất, cung cấp sản phẩm thiết yếu cho đời sống và phục vụ các ngành kinh tế; là nơi sản sinh, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc; có vai trò quan trọng đối với an ninh, quốc phòng và giữ gìn môi trường sinh thái... Chính vì vậy, giai cấp nông dân không chỉ giữ vai trò trung tâm và quyết định đến sự phát triển nông nghiệp, nông thôn, mà còn góp phần vào sự phát triển bền vững của tỉnh.

Tình hình nông nghiệp, nông dân, nông thôn nước ta những năm gần đây đã có những bước tiến vượt bậc; song, so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu làm chủ của nông dân, thì vẫn còn nhiều khó khăn, bất cập. Cần thiết phải xây dựng giai cấp nông dân An Giang chuyên nghiệp, có tư duy kinh tế, ứng dụng chuyển đổi số, chung sức xây dựng tỉnh nhà phát triển toàn diện trong kỷ nguyên mới. ***“Đó là những người nông dân có tư duy kinh tế, kiến thức tổng hợp về khoa học kỹ thuật, nông nghiệp, thị trường. Đó còn là những người nông dân biết sản xuất ra những sản phẩm hiệu quả, “bán cái mà thị trường cần”, hiểu được giá trị của tinh thần hợp tác và liên kết. Họ cũng là những người nhận thức một cách sâu sắc rằng “đi một mình không thể tiến xa hơn mà phải đi chung nhóm, đồng hành tập thể, duy trì liên kết, tăng cường hợp tác phát triển”;*** nói chung là những người nông dân biết nghĩ đến việc làm ăn tử tế, bền vững, có trách nhiệm với xã hội.

Nông dân chuyên nghiệp, có tư duy kinh tế phải biết ứng dụng chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp, tuy nhiên tỷ lệ nông dân am hiểu và ứng dụng công nghệ thành công chiếm tỷ lệ chưa cao. Nhưng đây sẽ là những người đi đầu, dẫn dắt để cho hàng trăm ngàn hội viên nông dân cùng bước vào công cuộc chuyển đổi số đầy khó khăn nhưng cũng là cơ hội rất lớn cho nông dân tỉnh An Giang nói riêng và cả nước nói chung. Để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong nông

nghiệp và số hóa nông dân. Hội Nông dân tỉnh luôn đồng hành cùng với các cấp, ngành, chính quyền địa phương tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ nông dân trong việc nâng cao kiến thức về chuyển đổi số, thay đổi tư duy sản xuất truyền thống của nông dân sang một nền nông nghiệp minh bạch, trách nhiệm; hướng dẫn nông dân trực tiếp tham gia xây dựng các dữ liệu về nông nghiệp như: cây trồng, vật nuôi, thủy sản, đất đai; cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai để người nông dân quyết định hướng sản xuất kinh doanh phù hợp theo yêu cầu của thị trường trong và ngoài nước.

Bên cạnh đó, chủ thể trực tiếp của phát triển kinh tế nông nghiệp trình độ cao không ai khác chính là giai cấp nông dân. Do vậy, người nông dân tập dần từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, kinh tế tuần hoàn, trong đó Hội Nông dân xác định rõ chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghề cho nông dân, định hướng sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với vai trò của Nhà nước, sự hỗ trợ của các doanh nghiệp và nỗ lực của chính từng người nông dân, chắc chắn thời gian ngắn chất lượng của giai cấp nông dân trong tỉnh sẽ được nâng lên, bảo đảm chuyên nghiệp hơn, lành nghề hơn. Đây chính là phát triển đội ngũ “nông dân văn minh” theo đúng chủ trương của Đảng, đó là những người nông dân chuyên nghiệp, trình độ cao, có kiến thức khoa học kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp; có tâm lý tự tin, ý chí thoát nghèo, vươn lên làm giàu bền vững; có kỹ năng ứng dụng và làm chủ những công nghệ mới, thông minh, hiện đại tạo năng suất và giá trị kinh tế cao; hiểu biết và chủ động trong hội nhập quốc tế; có năng lực và bản lĩnh làm chủ bản thân.

Những thành tựu của khoa học và công nghệ hiện nay, như: công nghệ sinh học, công nghệ nhà kính, công nghệ tưới nhỏ giọt, công nghệ cảm biến, tự động hóa, Internet vạn vật... giúp kinh tế nông nghiệp tiết kiệm chi phí, tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm và nâng cao chất lượng nông sản, bảo vệ môi trường. Đồng thời, chính nó cũng đặt ra yêu cầu khách quan phải nhanh chóng phát triển đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, trình độ cao, đủ sức làm chủ quá trình này. Do vậy, lực lượng nông dân hiện đại, chuyên nghiệp có trình độ cao, được đào tạo nghề một cách bài bản, năng động, sáng tạo có khả năng sản xuất kinh doanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường sẽ dần thay thế cho các thế hệ nông dân truyền thống.

Để xây dựng giai cấp nông dân An Giang chuyên nghiệp, có tư duy kinh tế, ứng dụng chuyển đổi số, chung sức xây dựng tỉnh nhà phát triển toàn diện trong kỷ nguyên mới, Hội Nông dân tỉnh sẽ tiếp tục phát huy vai trò của tổ chức Hội, tập trung xây dựng khung tiêu chuẩn người nông dân chuyên nghiệp, chủ thể người nông dân với xây dựng con người mới. Phát huy vai trò chủ thể của nông dân chính là vấn đề xây dựng và phát huy yếu tố con người. Xây dựng giai cấp nông dân, củng cố niềm tin vào Đảng, Nhà nước; nâng cao trình độ kỹ thuật, kỹ năng, kỷ cương lao động, biết hợp tác lao động để nông dân thực sự là chủ thể của quá trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới; đồng thời, cũng là đối tượng

chính được thụ hưởng thành quả của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Từ những thuận lợi khó khăn nêu trên, Hội Nông dân tỉnh đề nghị một số giải pháp khơi dậy khát vọng và phát huy vai trò chủ thể của giai cấp nông dân trong giai đoạn mới:

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tăng cường liên minh nông dân - công nhân - trí thức, phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị, xã hội trong xây dựng giai cấp nông dân.

Nông dân ổn định, an cư lạc nghiệp thì nông thôn sẽ ổn định và phát triển. Nông thôn ổn định, phát triển thì đất nước ổn định và phát triển. Vì vậy, việc xây dựng giai cấp nông dân là nhiệm vụ quan trọng của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, thường xuyên, toàn diện của Đảng. Trong thời gian qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nông nghiệp, nông thôn đã có bước phát triển vượt bậc, đời sống nông dân có bước cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, hiện nay xu hướng biến đổi mạnh mẽ của giai cấp nông dân đã và đang đặt ra nhiều vấn đề mới cần giải quyết. Chính vì vậy, cần ban hành nghị quyết chuyên đề về xây dựng giai cấp nông dân trong thời kỳ tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Thứ hai, Hội Nông dân sẽ tiếp tục phối hợp với các ngành tập trung nâng cao năng lực quản lý và ứng phó rủi ro liên quan đến thời tiết và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cũng như các rủi ro về thị trường. Tập trung hỗ trợ nông dân nâng cao năng lực về quản lý kinh tế, quản trị nông nghiệp, có kiến thức về khoa học - kỹ thuật, văn hóa - xã hội, pháp luật, thị trường và hội nhập quốc tế.

Thứ ba, Nhà nước cần tiếp tục có cơ chế, chính sách đủ sức hấp dẫn để huy động mạnh mẽ các nguồn lực đầu tư vào nông thôn, tập trung phát triển kết cấu hạ tầng, điện, giao thông, thủy lợi, khoa học - công nghệ, chế biến nông sản, dạy nghề cho nông dân... có chính sách khuyến khích mở rộng quy mô sản xuất, khắc phục tình trạng manh mún, phân tán hiện nay. Cùng với đó, cần đẩy mạnh và nâng cao chất lượng quy hoạch các vùng sản xuất gắn với hình thành cơ sở chế biến và tiêu thụ nông sản, có chính sách hỗ trợ bảo hiểm đối với cây trồng, vật nuôi; tiếp tục nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách hợp lý cho nông dân vay vốn được thuận lợi để phát triển sản xuất.

Nhà nước cần chỉ đạo các ngành chức năng quản lý chặt chẽ vật tư đầu vào như: phân bón, thức ăn chăn nuôi... không để tình trạng hàng giả, hàng kém chất lượng lưu thông trên thị trường gây thiệt hại cho nông dân; có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp tiêu thụ nông sản liên kết với nông dân theo hình thức đóng góp cổ phần, tạo ra vùng nguyên liệu ổn định. Đồng thời, cần có cơ chế và chính sách để các doanh nghiệp xuất khẩu các mặt hàng nông sản chủ lực, như lúa gạo, thủy hải sản rau màu... xây dựng được vùng nguyên liệu, xây dựng kho tạm trữ nông sản...

Trong những năm qua, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, vai trò của Hội Nông dân không ngừng được củng cố, có nhiều đóng góp quan trọng và hiệu quả lãnh đạo của Đảng và hiệu lực điều hành, quản lý của Nhà nước, nhất là trong việc tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến hội viên, nông dân nhằm tạo sự đồng thuận xã hội, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, củng cố niềm tin của nông dân với Đảng, với Nhà nước. Thời gian tới, rất mong các cấp, các ngành, địa phương tiếp tục quan tâm chăm lo, củng cố tổ chức Hội Nông dân vững mạnh, lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, hoàn thiện, cơ chế, chính sách để tổ chức Hội hoạt động thuận lợi, kiện toàn bộ máy, bổ sung những cán bộ có năng lực, uy tín là nhân tố quan trọng trong sự nghiệp xây dựng giai cấp nông dân; phát huy quyền làm chủ của nông dân, bảo đảm cho công tác Hội và phong trào nông dân phát triển trong tình hình mới.

HỘI CỰU CHIẾN BINH THAM GIA XÂY DỰNG, BẢO VỆ ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN, CHẾ ĐỘ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, BẢO VỆ NHÂN DÂN

Hội Cựu Chiến binh tỉnh

Hội Cựu chiến binh Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, là một cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, một tổ chức trong hệ thống chính trị do Đảng Công sản Việt Nam lãnh đạo, hoạt động theo đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và Điều lệ Hội Cựu chiến binh Việt Nam, xác định nhiệm vụ hàng đầu của Hội là “Tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Nhân dân; đấu tranh chống mọi âm mưu, hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch; chống các quan điểm sai trái, thù địch với đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; thực hiện các quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở; tham gia giám sát, phản biện xã hội đối với các hoạt động của cơ quan Nhà nước, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước theo quy định”.

Quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020 - 2025, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh không ngừng nỗ lực phấn đấu học tập, rèn luyện, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của Hội là làm tốt vai trò tham mưu cho cấp ủy đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam làm nòng cốt tập hợp, đoàn kết, vận động hội viên cựu chiến binh thực hiện nhiệm vụ chính trị - xã hội của cách mạng, của Hội; tham gia xây dựng phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh đề ra. Trong đó, Hội Cựu chiến binh tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Nhân dân có vai trò, vị trí, ý nghĩa hết sức quan trọng trong tình hình hiện nay.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Nhân dân, các cấp Hội và cán bộ, hội viên xác định triển khai, tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ chính trị “Về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới” và kế hoạch của Trung ương Hội, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW. Hội Cựu chiến binh tỉnh chỉ đạo hội cựu chiến binh các cấp thành lập đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, tổ cộng tác viên dư luận xã hội để tuyên truyền các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhằm định hướng thống nhất giữa nhận thức và hành động, cung cấp thông tin cho cán bộ, hội viên kịp thời và tổ chức cho các cấp hội, hội viên tham gia thực hiện có hiệu quả các phong trào, các cuộc vận động, các chương trình do Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và chính quyền địa phương phát động. Đồng thời, nhận biết các âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, phòng chống “diễn biến hoà bình” và “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ.

Thực tiễn những năm qua, hội cựu chiến binh các cấp được cấp ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp đánh giá cao việc thực hiện nhiệm vụ tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa..., góp phần vạch trần những âm mưu chống phá của các thế lực thù địch. Các cấp hội cùng cấp ủy, chính quyền, các ngành, đoàn thể đã trực tiếp tham gia có hiệu quả, giải quyết các điểm “nóng” trên địa bàn tỉnh; kịp thời phát hiện và chủ động đấu tranh phản bác các luận điểm sai trái, suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trên không gian mạng, góp phần giữ vững, ổn định chính trị tại địa phương. Ngoài ra, các cấp Hội còn tham gia làm tốt công tác tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng cho người dân; thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, phản biện xã hội... Qua đó, các cấp hội đã tham gia giám sát 163 cuộc, kiểm tra 1.105 cuộc về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; giải quyết chế độ chính sách cho các đối tượng, giúp cho chính quyền các cấp khắc phục mặt yếu, khâu yếu, đồng thời góp phần quyền làm chủ của người dân ngày càng được tôn trọng, phát huy hơn.

Đặc biệt, tại đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, các cấp hội cựu chiến binh tỉnh đã tham gia đóng góp 11.876 lượt ý kiến vào dự thảo báo cáo chính trị các cấp. Qua đại hội, có 1.153 hội viên tham gia cấp ủy các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025 và 552 hội viên được bầu làm đại biểu hội đồng nhân dân các cấp. Đây là một lực lượng không nhỏ trực tiếp tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Với phong trào “Cựu chiến binh gương mẫu” hiến kế, hiến công, bám sát nghị quyết của đảng bộ các cấp và nhiệm vụ chính trị của Hội, của tỉnh, cùng toàn dân chung sức xây dựng tỉnh ngày càng phát triển. Đặc biệt, khi dịch bệnh COVID-19 bùng phát, các cấp Hội thống nhất về nhận thức “chống dịch như chống giặc” chiến thắng đại dịch chính là góp phần bảo vệ quan điểm của Đảng ta, tất cả vì tính mạng, sức khỏe của người dân trên hết và ưu việt của chế độ ta. Các cấp hội cựu chiến binh đã có 7.251 lượt cán bộ, hội viên tham gia các tổ tuần tra, trực chốt, giám sát cộng đồng tại các điểm phòng, chống dịch ở cơ sở; đóng góp được 778,12 triệu đồng cho các công tác phòng, chống dịch; riêng chương trình hỗ trợ triệu phần quà đại đoàn kết tiếp sức đồng bào và hội viên cựu chiến binh vượt qua đại dịch COVID-19 được 84,7 triệu đồng.

Hội Cựu chiến binh tỉnh phối hợp với các sở, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội gương mẫu thực hiện hiệu quả các chương trình, các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước, được Nhân dân đồng lòng hưởng ứng tích cực, như: “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở”, “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”,... Phối hợp với cơ quan quân sự trong tuyên quân, xây dựng lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ, diễn tập khu vực phòng thủ; với công an trong phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh, an toàn cho người dân.

Tham gia thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, nhất là cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, các cấp hội đã vận động hội viên hiến trên 1.500m² đất để làm cơ sở hạ tầng giao thông nông

thôn, tham gia sửa chữa 182 cầu nông thôn, làm 214km đường giao thông nông thôn, nạo vét 820 tuyến kênh thủy lợi, 120 công trình thủy lợi nội đồng dài 202km, 410 cống nội đồng, 74 đập ngăn mặn, 14 trạm bơm, phát quan các tuyến đường giao thông nông thôn dài 290km, 27km đường đô thị, 140km kênh mương, 22km bờ biển, trồng 4.022m đường hoa, 30 công trình thấp sáng đường quê dài 24km, thu gom 160 tấn rác, đóng góp trên 10 ngàn ngày công lao động, tặng tập sách, xe đạp, học bổng cho con em cựu chiến binh có hoàn cảnh khó khăn trên 300 triệu đồng, đóng góp 6,2 tỷ đồng cất mới và sửa chữa 313 căn nhà “nghĩa tình đồng đội” cho hội viên cựu chiến binh nghèo còn khó khăn nhà ở và có 11.423 hội viên cựu chiến binh được công nhận là hội viên sản xuất, kinh doanh giỏi các cấp. Qua 05 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025, tỷ lệ hộ hội viên nghèo từ 2,61% đến nay còn 0,4% và cơ bản xóa nhà tạm, nhà dột nát của hội viên trên địa bàn tỉnh.

Những việc làm trên đã góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, trong cựu chiến binh, thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn và thành thị, phân hoá giàu nghèo, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, nền tảng vững chắc để thực hiện thắng lợi mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”, góp phần tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhân dân.

Để tiếp tục phát huy vai trò của Hội Cựu chiến binh trong tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Nhân dân trong giai đoạn mới, với những thách thức khó lường, Hội Cựu chiến binh tỉnh sẽ vận động, tập hợp các thế hệ Cựu chiến binh của tỉnh tiếp tục phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, xây dựng tổ chức Hội trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng. Đồng thời, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng công tác tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Nhân dân, nhất là thực hiện Kết luận số 89-KL/TW, ngày 25/7/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về “tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”, gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ chính trị về “đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” trong cán bộ, hội viên... Tập trung xây dựng tổ chức Hội thực sự trong sạch, vững mạnh, là nhân tố quyết định thực hiện nhiệm vụ chính trị của Hội. Đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua trong Hội “Cựu chiến binh gương mẫu - sáng tạo - chung sức đồng lòng”, gắn với phong trào “Cựu chiến binh giúp nhau giảm nghèo, làm kinh tế giỏi”. Tham gia tích cực các phong trào thi đua, các cuộc vận động của Trung ương, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tham gia phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng nông thôn mới, xóa đói giảm nghèo, đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng tỉnh nhà ngày càng phát triển, văn minh, hiện đại, luôn luôn xứng đáng là chỗ dựa tin cậy của cấp ủy, chính quyền và Nhân dân trong tỉnh, cũng như góp phần thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

PHÁT HUY VAI TRÒ TIÊN PHONG CỦA TỔ CHỨC ĐOÀN TRONG VIỆC ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYỂN ĐỔI SỐ

Tỉnh đoàn

Bước vào giai đoạn phát triển mới, đất nước ta đang đứng trước những thời cơ và thách thức đan xen. Toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, trong khi cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với những công nghệ đột phá như trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), chuỗi khối (Blockchain), điện toán đám mây... đang làm thay đổi căn bản phương thức sản xuất, quản trị xã hội và đời sống nhân dân.

Đảng và Nhà nước ta xác định: khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chủ yếu của phát triển nhanh và bền vững. Chiến lược chuyển đổi số quốc gia đặt mục tiêu đến năm 2030, Việt Nam trở thành quốc gia số, phát triển kinh tế số, xã hội số và chính phủ số. Điều này mở ra cơ hội to lớn cho mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là lực lượng thanh niên - những người có tri thức, năng động, nhạy bén với cái mới.

Đối với tỉnh An Giang - một tỉnh biên giới thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long, kinh tế vẫn dựa nhiều vào nông nghiệp, thương mại biên mậu và lấy kinh tế biển làm mũi nhọn đột phá, nhưng đang chịu áp lực mạnh mẽ từ biến đổi khí hậu, cạnh tranh thị trường và yêu cầu nâng cao chất lượng tăng trưởng. Do đó, việc ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số không chỉ là xu thế tất yếu mà còn là giải pháp then chốt để tỉnh bứt phá, nâng cao năng lực cạnh tranh và cải thiện đời sống nhân dân. Song song với cơ hội, chúng ta cũng đối diện nhiều thách thức: khoảng cách số giữa thành thị và nông thôn còn lớn; trình độ khoa học công nghệ của thanh niên chưa đồng đều; thiếu vốn, thiếu môi trường và cơ chế hỗ trợ cho đổi mới sáng tạo; chưa hình thành được hệ sinh thái khởi nghiệp đủ mạnh để nuôi dưỡng các ý tưởng của tuổi trẻ.

Trong bối cảnh đó, tổ chức Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh với vai trò là “trường học xã hội chủ nghĩa của thanh niên”, là đội dự bị tin cậy của Đảng, cần khẳng định rõ hơn trách nhiệm và sứ mệnh của mình. Tổ chức Đoàn phải thật sự trở thành lực lượng tiên phong trong tiếp cận, làm chủ và lan tỏa ứng dụng khoa học công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đồng hành, hỗ trợ để thanh niên An Giang tự tin bước vào kỷ nguyên số, góp phần hiện thực hóa khát vọng xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, văn minh.

Thời gian qua, các cấp bộ Đoàn trong tỉnh đã tích cực, chủ động, tiên phong tham gia thực hiện chuyển đổi số trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên, với nhiều cách làm, mô hình cụ thể, thiết thực. Qua đó, giúp các cấp bộ Đoàn tiết kiệm thời gian, nâng cao năng suất công việc và đạt nhiều hiệu quả trong việc tổ chức các hoạt động, đóng góp sức trẻ vào công cuộc chuyển đổi số quốc gia và sự phát triển của tỉnh.

Xác định chuyển đổi số là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn đã chỉ đạo các cấp bộ Đoàn triển khai các nội dung tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số vào quá trình công tác, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động Đoàn - Hội - Đội, ứng dụng mạnh mẽ các nền tảng công nghệ số vào công tác chỉ đạo, điều hành, sử dụng các phần mềm họp trực tuyến, báo cáo online, biểu mẫu điện tử, lưu trữ số,...

Hàng năm, tổ chức Đoàn phối hợp với các sở, ban, ngành tổ chức nhiều lớp tập huấn về kỹ năng xây dựng thương hiệu online, bán hàng đa kênh, ứng dụng công nghệ tài chính (Fintech); hướng dẫn xây dựng mô hình kinh doanh khởi nghiệp gắn với nền tảng số (Tiktok shop, Facebook Ads, Zalo OA,..); phát động nhiều cuộc thi sáng tạo khoa học - kỹ thuật, ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ trong đảm bảo an toàn giao thông,... Đồng thời, phát huy hiệu quả trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; tuyên truyền và nhân rộng các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trong đoàn viên, thanh niên; chia sẻ, quảng bá hình ảnh đẹp về các khu di tích, khu du lịch, quảng bá các sản phẩm OCOP của tỉnh..., góp phần đẩy mạnh phát triển du lịch và kinh tế - xã hội của địa phương.

Tỉnh Đoàn chỉ đạo triển khai thành lập các đội hình tình nguyện hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, tập trung việc hướng dẫn tạo tài khoản, lựa chọn dịch vụ, nộp hồ sơ, đóng phí trên cổng thông tin điện tử dịch vụ công trực tuyến của tỉnh. Với tinh thần xung kích, tình nguyện của tuổi trẻ, đoàn viên, thanh niên An Giang đã phát huy trách nhiệm cộng đồng trong việc tham gia thực hiện có hiệu quả các hoạt động chuyển đổi số thông qua các chương trình, như: Triển khai có hiệu quả phần mềm quản lý đoàn viên, lực lượng đoàn viên, thanh niên, cán bộ Đoàn - Hội tiên phong trong cài đặt sử dụng ứng dụng định danh điện tử VNeID đảm bảo đạt mức độ 2 theo quy định; thành lập các tổ hướng dẫn phát huy vai trò cán bộ Đoàn trong phối hợp thực hiện hiệu quả Đề án 06/CP; ứng dụng chuyển đổi số trong phần kiểm tra cuối khóa bồi dưỡng cán bộ Đoàn, Hội.

Bên cạnh những kết quả đạt được, chúng ta cũng phải thẳng thắn nhìn nhận rằng việc phát huy vai trò tiên phong của tổ chức Đoàn trong ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ở tỉnh ta vẫn còn một số hạn chế cần sớm khắc phục như:

- Một bộ phận cán bộ Đoàn, đoàn viên - nhất là thanh niên ở nông thôn, vùng biên giới và vùng đồng bào dân tộc thiểu số - còn hạn chế trong tiếp cận công nghệ mới và kỹ năng số cơ bản.

- Sự kết nối với nhà khoa học, doanh nghiệp, nhà đầu tư chưa chặt chẽ nên nhiều ý tưởng sáng tạo chưa được thương mại hóa, trong khi các đề tài nghiên cứu, sáng kiến vẫn còn nhỏ lẻ, thiếu tính ứng dụng và chưa gắn với thế mạnh phát triển của tỉnh.

- Dữ liệu đoàn viên tuy đã được số hóa bước đầu nhưng chưa đồng bộ, chưa liên thông giữa các cấp bộ Đoàn; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, quản lý ở một số cơ sở còn mang tính hình thức, chưa thật sự hiệu quả, đặc

biệt tại vùng sâu, vùng xa; đồng thời một bộ phận cán bộ Đoàn còn lúng túng trong sử dụng công nghệ số, chưa trở thành lực lượng gương mẫu, tiên phong trong chuyển đổi số.

- Công tác tuyên truyền về chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo tuy đã có đổi mới nhưng chưa thường xuyên, liên tục và chưa có chiều sâu; nội dung, hình thức truyền thông còn dàn trải, thiếu hấp dẫn, chưa thật sự khơi dậy khát vọng và niềm đam mê sáng tạo trong thanh niên.

Nguyên nhân của những hạn chế trên có cả khách quan và chủ quan: An Giang sau sáp nhập là một tỉnh nông nghiệp có địa bàn rộng, biên giới dài, đồng thời mang đặc thù ven biển với nhiều đảo xa, dân cư phân bố không đồng đều. Hạ tầng giao thông và công nghệ thông tin chưa đồng bộ đã gây nhiều khó khăn trong việc triển khai đồng bộ các chương trình chuyển đổi số. Mặt bằng dân trí, đặc biệt ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa và vùng đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn chênh lệch; nguồn vốn đầu tư cho đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn hạn chế. Bên cạnh đó, một số cấp bộ Đoàn chưa thật sự quyết liệt trong chỉ đạo, đội ngũ cán bộ còn thiếu kiến thức chuyên sâu; việc huy động nguồn lực xã hội hóa gặp nhiều khó khăn, trong khi sự phối hợp với các ngành, doanh nghiệp và cơ sở đào tạo chưa thật sự đồng bộ, hiệu quả.

Để phát huy vai trò tiên phong của tổ chức Đoàn trong việc ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đạt được nhiều thành tích hơn trong thời gian tới, Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn xác định cần tập trung thực hiện một số nội dung trọng tâm sau:

Thứ nhất, cần đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt sâu rộng Nghị quyết số 57-NQ/TW và các chủ trương của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số, nhằm nâng cao nhận thức trong toàn hệ thống, xác định rõ chuyển đổi số không chỉ là xu hướng tất yếu mà là nhiệm vụ chính trị và môi trường hoạt động mới của tổ chức Đoàn, từ đó giúp thanh niên chuyển đổi tư duy từ “tiêu dùng công nghệ” sang “sáng tạo, làm chủ công nghệ”.

Thứ hai, cần tập trung xây dựng tổ chức Đoàn số, triển khai hoạt động Đoàn trên môi trường số thông qua việc hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu số hóa đoàn viên đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở, từng bước xây dựng mô hình “Cơ quan Tỉnh Đoàn điện tử” sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số và nền tảng điều hành thông minh, đồng thời tổ chức các hoạt động Đoàn, sinh hoạt chi đoàn theo hình thức trực tuyến, linh hoạt, hiện đại, phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương.

Thứ ba, cần chủ động đề xuất chính sách hỗ trợ thanh niên ứng dụng công nghệ và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thông qua việc kiến nghị thành lập các quỹ hỗ trợ khởi nghiệp trong thanh niên nhằm cung cấp vốn, đào tạo và truyền thông cho các dự án tiềm năng; đề xuất cơ chế ưu đãi cho thanh niên tham gia số hóa trong lĩnh vực nông nghiệp, du lịch, dịch vụ, đặc biệt tại các địa phương sau sáp nhập còn khó khăn; đồng thời thúc đẩy việc hình thành các không gian sáng tạo, phòng lab công nghệ và trung tâm học tập cộng đồng phục vụ thanh niên vùng sâu, vùng biên giới.

Thứ tư, cần tăng cường liên kết, hợp tác với doanh nghiệp, nhà trường và viện nghiên cứu nhằm thiết lập mạng lưới hỗ trợ đổi mới sáng tạo dành cho thanh niên tỉnh An Giang với sự đồng hành của các đơn vị công nghệ, ngân hàng, quỹ đầu tư; đồng thời phối hợp với các trường đại học, cao đẳng, trung tâm đào tạo để tổ chức các chương trình huấn luyện về công nghệ, lập trình, trí tuệ nhân tạo và khởi nghiệp sáng tạo, cũng như kết nối đội ngũ mentor, chuyên gia công nghệ để đồng hành, hỗ trợ các nhóm thanh niên có dự án tiềm năng..

Thứ năm, cần tăng cường vai trò giám sát và phản biện xã hội của thanh niên đối với các chính sách chuyển đổi số thông qua việc phát huy hiệu quả hoạt động của các Câu lạc bộ Lý luận trẻ, tổ chức các diễn đàn, buổi đối thoại giữa thanh niên với chính quyền về cải cách thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến và các vấn đề liên quan đến chuyển đổi số; đồng thời tạo điều kiện, hỗ trợ đoàn viên thanh niên tham gia đề xuất sáng kiến cải cách, đóng góp thiết thực vào tiến trình xây dựng chính quyền điện tử và xã hội số tại tỉnh An Giang.

Thứ sáu, cần chú trọng phát triển đội ngũ cán bộ Đoàn có năng lực công nghệ và tư duy đổi mới sáng tạo bằng cách đưa nội dung về chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và công nghệ thông tin vào chương trình tập huấn, bồi dưỡng cán bộ Đoàn các cấp, đồng thời phát động phong trào tự học, tự rèn luyện kỹ năng số trong đội ngũ cán bộ, qua đó từng bước hình thành lực lượng nòng cốt có trình độ công nghệ, đóng vai trò dẫn dắt chuyển đổi số trong toàn hệ thống Đoàn.

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ TRONG THỰC HIỆN CUỘC VẬN ĐỘNG “XÂY DỰNG GIA ĐÌNH 5 KHÔNG, 3 SẠCH” GÓP PHẦN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, ĐÔ THỊ VĂN MINH

Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh

Trong bối cảnh đất nước đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, việc xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, hướng tới một xã hội “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Để đạt được mục tiêu đó, vai trò của gia đình - tế bào của xã hội - có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” do Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam phát động từ năm 2010, các cấp Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh An Giang đã tích cực hưởng ứng và triển khai sâu rộng. Cuộc vận động này không chỉ hỗ trợ hội viên xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh mà còn góp phần thiết thực vào việc thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh.

Với sự tập trung và quyết tâm của toàn thể cán bộ, hội viên, phụ nữ, Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” với 8 tiêu chí “Không đói nghèo, không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội, không có bạo lực gia đình, không sinh con thứ 3 trở lên, không có trẻ em suy dinh dưỡng và trẻ em bỏ học, sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ” đã được triển khai hiệu quả, mang lại những chuyển biến rõ nét về nhận thức và hành động của cán bộ, hội viên phụ nữ và cộng đồng.

Để nâng cao nhận thức và vận động chị em đăng ký tham gia thực hiện các tiêu chí cuộc vận động, các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ đã chủ động tổ chức nhiều hoạt động truyền thông phổ biến tiêu chí xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, các chuyên đề cung kiến thức pháp luật, chính sách liên quan đến phụ nữ và trẻ em; kiến thức và kỹ năng phòng, chống xâm hại, bạo lực gia đình; kiến thức xây dựng gia đình hạnh phúc, an toàn thực phẩm, chính sách dân số, kiến thức khởi nghiệp, phát triển kinh tế gia đình, thực hành tiết kiệm,... thông qua nhiều hình thức truyền thông tại cộng đồng, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyên truyền, phối hợp Báo và Phát thanh - Truyền hình tỉnh An Giang thường xuyên đăng tải các chuyên mục về phụ nữ và trẻ em, phổ biến kiến thức pháp luật các mô hình làm kinh tế hiệu quả. Thường xuyên phối hợp với các sở, ngành liên quan như Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (trước đây), Công an tỉnh tổ chức các hội thi, hội thảo, tập huấn tuyên truyền nội dung của Cuộc vận động, tạo sức lan tỏa rộng khắp thu hút hàng chục nghìn lượt hội viên, phụ nữ tham gia, qua đó có 6.851 chị đăng ký tham gia thực hiện.

Để tạo điều kiện, hỗ trợ phụ nữ thực hiện đạt 8 tiêu chí, các cấp Hội tập trung nguồn lực, nghiên cứu xây dựng các phong trào, hoạt động, mô hình cho từng tiêu chí để triển khai, thực hiện nhằm thu hút sự hưởng ứng tham gia của cộng đồng và hội viên phụ nữ.

- *Về tiêu chí “Không đói nghèo”*: Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp đã tích cực khai thác các nguồn lực hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, tạo việc làm và tăng thu nhập. Nhiều mô hình hỗ trợ vốn đã được triển khai, như vốn vay ủy thác từ Ngân hàng Chính sách xã hội và tranh thủ từ các ngân hàng thương mại và các dự án giúp đỡ hội viên khó khăn, vận động hội viên xây dựng mô hình tiết kiệm giúp nhau về vốn, giống, ngày công lao động, qua đó kịp thời hỗ trợ cho 50.000 phụ nữ phát triển kinh tế. Đồng thời, phối hợp tổ chức 34 lớp tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, chăn nuôi, kiến thức khởi sự khởi nghiệp và sử dụng vốn, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, kết nối tiêu thụ sản phẩm tạo điều kiện, động lực cho chị em phấn đấu vươn lên, đồng thời Hội không ngừng phát triển và nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế, sản xuất kinh doanh cũng được xây dựng và duy trì phát triển hiệu quả.

- *Hỗ trợ hộ “Không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội, không có bạo lực gia đình”*: Hội triển khai xây dựng 103 mô hình câu lạc bộ như “Câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững”, “Câu lạc bộ an toàn giao thông”, “Câu lạc bộ gia đình hạnh phúc” đã được nhân rộng, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và đảm bảo an ninh trật tự tại địa bàn dân cư. Đặc biệt, tỉnh An Giang đã duy trì và nhân rộng 540 mô hình “Địa chỉ tin cậy - Nhà tạm lánh” tại cộng đồng, cùng với 52 Câu lạc bộ “Gia đình phát triển bền vững”, nhóm phòng, chống bạo lực gia đình, tạo nơi nương tựa và hỗ trợ cho phụ nữ và trẻ em bị bạo hành. Công tác tư vấn, hòa giải và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến phụ nữ và trẻ em cũng được quan tâm thực hiện kịp thời, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho phụ nữ trẻ em.

- *Thực hiện tiêu chí “Không có trẻ suy dinh dưỡng và bỏ học, không vi phạm chính sách dân số”*: Các cấp Hội phối hợp với ngành y tế hàng năm tổ chức nhiều hoạt động truyền thông, tư vấn về thực hiện chủ trương, chính sách dân số cho nữ thanh niên và phụ nữ trong độ tuổi, có 18.840 phụ nữ tiếp thu; tổ chức sinh hoạt chuyên đề về pháp luật gia đình, phụ nữ và trẻ em; hướng dẫn kiến thức sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, vệ sinh an toàn thực phẩm. Tranh thủ sự hỗ trợ của các công ty, tập đoàn như: TH true MILK, Vinamilk, Fami, Nestle... hỗ trợ 450 hộ được tiếp cận nguồn thực phẩm, dinh dưỡng, tạo điều kiện cho trẻ phát triển toàn diện; đồng thời vận động trao tặng 400.191 suất học bổng, 2.577 bộ sách vở, 37 xe đạp, 200 xuất quà, 494 dụng cụ học tập khác tạo điều kiện cho 2.777 trẻ em được tiếp tục đến trường.

- *Thực hiện các tiêu chí 3 sạch: “Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ”*: Công tác truyền thông bảo vệ môi trường luôn được Hội quan tâm, gắn liền với Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”. Hội đã vận động cán bộ, hội viên, phụ nữ sử dụng các sản phẩm dễ phân hủy, tái sử dụng, sản phẩm thân thiện với môi trường. Nhiều mô hình hay, cách làm sáng tạo có sức lan tỏa trong cộng đồng đã xuất hiện, như “Tuyến đường xanh, sạch, đẹp”, “Chống rác thải nhựa”, “Tổ đổi rác thải nhựa lấy nhu yếu phẩm”, “Tổ phụ nữ phân loại rác” và các tuyến đường hoa trên nhiều địa phương được triển khai thực hiện, qua đó trên 6.094 hộ gia đình đạt 8 tiêu chí “5 không, 3 sạch”.

Cuộc vận động triển khai đạt được những kết quả như vậy là do có sự định hướng chỉ đạo của cấp ủy, tạo điều kiện của chính quyền địa phương cùng sự hỗ trợ, đồng hành các sở, ngành và sự quyết tâm của cả hệ thống Hội, sự đồng tình hưởng ứng của hội viên phụ nữ trong suốt thời gian qua và bên cạnh những kết quả đạt được trong quá trình thực hiện vẫn còn những mặt hạn chế, khó khăn như: Việc triển khai thực hiện tại một số Hội Liên hiệp Phụ nữ cơ sở chưa được bố trí kinh phí riêng, phải lồng ghép với các hoạt động khác nên các hoạt động triển khai còn gặp khó khăn. Các vấn đề xã hội như bạo lực gia đình, ly hôn, xâm hại trẻ em, tệ nạn xã hội vẫn diễn biến phức tạp, tình trạng thiếu việc làm gia tăng. Công tác phối hợp với các sở ngành, thực hiện các tiêu chí từng lúc thiếu chặt chẽ, phát huy hiệu quả chưa cao.

Qua tổ chức triển khai thực hiện cuộc vận động, từ thực tiễn công tác của các cơ quan Hội các cấp chúng tôi rút ra một số kinh nghiệm:

Một là, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, sự hỗ trợ của chính quyền địa phương là yếu tố quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho Hội LHPN các cấp và các đơn vị thành viên thực hiện tốt cuộc vận động.

Hai là, chú trọng tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, hội viên, phụ nữ về vai trò và trách nhiệm trong tham gia Cuộc vận động, phát động rộng rãi tạo thành phong trào lan toả rộng khắp thu hút phụ nữ và cộng đồng tham gia, thực hiện.

Ba là, xây dựng các chương trình, kế hoạch, nội dung triển khai thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, linh hoạt cụ thể hóa từng tiêu chí sát thực phù hợp với nguyện vọng của hội viên, phụ nữ và giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh tại địa phương.

Bốn là, lồng ghép thực hiện Cuộc vận động trong các chương trình mục tiêu quốc gia, các đề án, dự án khác và tăng cường vận động nguồn lực xã hội hóa trong triển khai thực hiện.

Để tiếp tục phát huy vai trò của phụ nữ trong Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” góp phần xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh, nhiệm kỳ 2025 - 2030. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh đề xuất một số giải pháp sau:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền trong thực hiện cuộc vận động. Tiếp tục quan tâm định hướng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác phụ nữ, gia đình và xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Đảm bảo bố trí đủ ngân sách và nguồn lực cho các cấp Hội để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của Cuộc vận động theo kế hoạch hàng năm.

Hai là, đổi mới và nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, giáo dục. Đa dạng hóa hình thức truyền thông, ứng dụng công nghệ thông tin và mạng xã hội để tiếp cận rộng rãi hơn các đối tượng phụ nữ, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số và nhóm phụ nữ yếu thế. Phát triển các nguồn tài liệu truyền thông sinh động, lồng ghép nội dung chuyên đề cuộc vận động triển khai sâu rộng vào các buổi sinh hoạt Hội, sinh hoạt cộng đồng.

Ba là, xây dựng và nhân rộng các mô hình hiệu quả. Phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động của các câu lạc bộ, tổ, nhóm đã có như Câu lạc bộ “Gia đình phát triển bền vững”, “Địa chỉ tin cậy tại cộng đồng” “Gia đình không bạo lực”. Tập trung nhân rộng các mô hình hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế bền vững, bảo vệ môi trường, thực hành lối sống xanh, sạch, đẹp, và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, các mô hình “Phụ nữ chăm sóc sức khỏe tại hộ gia đình”, “Hỗ trợ can thiệp, giảm thiểu trẻ em lao động sớm”, “Phụ nữ rèn luyện sức khỏe” đồng thời tiếp tục nghiên cứu, xây dựng các mô hình mới phù hợp với đặc điểm và nhu cầu thực tiễn của từng địa phương.

Bốn là, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ Hội và cộng đồng. Tổ chức thường xuyên các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng cho cán bộ Hội các cấp, đặc biệt là chi hội trưởng và ban chủ nhiệm các mô hình. Trang bị kỹ năng giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ và trẻ em (bạo lực, xâm hại, mua bán người), kỹ năng tư vấn pháp luật và hòa giải cơ sở. Phát huy vai trò của tổ chức Hội, phụ nữ trong các tổ hòa giải cơ sở, tăng cường các hoạt động hỗ trợ phụ nữ thực hiện tốt phòng, chống bạo lực gia đình.

Năm là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá. Xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ, định kỳ và đột xuất, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế và nhân rộng các điển hình tiên tiến. Thực hiện đánh giá định kỳ về tác động của Cuộc vận động đối với sự phát triển nông thôn mới, đô thị văn minh, cũng như sự thay đổi trong nhận thức và đời sống của phụ nữ và gia đình.

Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” đã và đang phát huy vai trò của phụ nữ trong việc xây dựng gia đình hạnh phúc, góp phần quan trọng vào sự phát triển chung của tỉnh An Giang. Với tinh thần quyết tâm chính trị, đoàn kết, trách nhiệm cao của các tầng lớp phụ nữ tỉnh, trong thời gian tới rất mong nhận tiếp tục nhận được sự quan tâm định hướng chỉ đạo của cấp ủy, tạo điều kiện của chính quyền địa phương để Cuộc vận động đạt được nhiều kết quả hơn nữa trong nhiệm kỳ 2025 - 2030, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu và đô thị văn minh, xây dựng tỉnh An Giang ngày càng văn minh, giàu đẹp.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ TỈNH AN GIANG

Ủy ban nhân dân tỉnh

Nhiệm kỳ 2020 - 2025, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy; sự điều hành kịp thời, khoa học và hiệu quả của Ủy ban nhân dân tỉnh; sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành và địa phương, An Giang đã hoàn thành đạt và vượt các mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội đề ra. Trong đó, công tác xúc tiến thương mại và đầu tư đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Ủy ban nhân dân tỉnh đã chủ động xây dựng kế hoạch, chương trình, kịch bản tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ xúc tiến thương mại và đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh, đảm bảo đúng tiến độ. Đồng thời, tỉnh đã chủ động đổi mới phương thức, đa dạng hóa các hoạt động quảng bá sản phẩm, giới thiệu tiềm năng của địa phương.

Nhiều sự kiện có quy mô lớn được tổ chức thành công, mang lại dấu ấn và tiếng vang cho tỉnh như: Hội chợ Thương mại quốc tế Tịnh Biên - An Giang được tổ chức định kỳ hằng năm (trừ các năm dịch bệnh Covid-19); Ngày hội Mắm Châu Đốc, An Giang - Đặc sản các vùng miền năm 2022; Hội chợ Công thương vùng Đồng bằng sông Cửu Long - An Giang năm 2023; Diễn đàn OCOP Đồng bằng sông Cửu Long - Kiên Giang năm 2024; Diễn đàn Mekong Connect năm 2024; Tuần lễ Văn hóa - Ẩm thực Hà Tiên năm 2024; Ngày hội Du lịch - Ẩm thực Phú Quốc và Hà Tiên năm 2025,...

Trong các sự kiện chính trị - kinh tế, lễ, Tết và lễ hội trên địa bàn tỉnh, các sở, ngành tổ chức triển lãm nhằm giới thiệu, quảng bá thành tựu kinh tế - xã hội, tiềm năng, lợi thế, kêu gọi đầu tư,... Bên cạnh đó, các chương trình kích cầu tiêu dùng, cung ứng hàng hóa, bình ổn giá thị trường,... được thực hiện thường xuyên và hiệu quả. Ngoài ra, tỉnh đã đón tiếp nhiều nhà đầu tư lớn đến tìm hiểu môi trường đầu tư như Vingroup, Sun Group, T&T, ...

Đối với các thị trường ngoài tỉnh, An Giang tích cực tham gia các hội chợ triển lãm, hội thảo, hội nghị, gặp gỡ nhà đầu tư, kết nối giao thương,... tại các tỉnh, thành phố trong nước. Đặc biệt, tỉnh đã để lại ấn tượng đậm nét với nhà đầu tư qua Hội nghị quốc tế Xúc tiến thương mại, du lịch, đầu tư Ấn Độ - Kiên Giang năm 2023; Hội nghị Giới thiệu tiềm năng đầu tư và quảng bá sản phẩm đặc trưng tỉnh An Giang năm 2024. Đồng thời, tỉnh đã tiếp xúc với đại sứ quán và lãnh sự quán nhiều quốc gia, qua đó thúc đẩy sản phẩm An Giang tiếp cận các thị trường như Mỹ, Canada, Đức, Anh, Úc, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Lào, Campuchia,...

Nhìn chung, môi trường đầu tư kinh doanh tại An Giang không ngừng cải thiện, thu hút đầu tư toàn xã hội tăng trưởng ổn định; kim ngạch xuất khẩu giữ vững đà tăng trưởng, các mặt hàng chủ lực như lúa gạo, thủy sản đã khẳng định vị thế trên thị trường quốc tế. Đặc biệt, các hoạt động kêu gọi đầu tư vào Phú Quốc được triển khai hiệu quả.

Tuy nhiên, hiệu quả công tác xúc tiến thương mại và đầu tư chưa thực sự tương xứng với tiềm năng của tỉnh. Hoạt động xúc tiến thương mại đôi lúc chưa bắt kịp những thay đổi nhanh chóng của thị trường, chưa tạo ra chuỗi giá trị bền vững cho nông sản, thủy sản chủ lực. Việc thu hút các dự án đầu tư chiến lược, quy mô lớn, công nghệ cao còn hạn chế.

Báo cáo chính trị trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh An Giang nhiệm kỳ 2025 - 2030 xác định mục tiêu đưa An Giang phát triển năng động, toàn diện và bền vững. Để hiện thực hóa khát vọng đó, cần sự phát triển đồng bộ ở nhiều lĩnh vực, trong đó công tác xúc tiến thương mại và đầu tư cần đi trước, góp phần thúc đẩy các nguồn lực cùng phát triển.

Nhiệm kỳ 2025 - 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh xác định công tác xúc tiến thương mại và đầu tư cần chuyển đổi mạnh mẽ, chủ động kiến tạo, đi vào chiều sâu, có trọng tâm, trọng điểm. Để làm được điều đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất bốn nhóm giải pháp đột phá như sau:

1. Đột phá trong tư duy và phương thức xúc tiến dựa trên chuyển đổi số

Xây dựng hệ sinh thái xúc tiến số toàn diện: Xây dựng, nâng cấp và hoàn thiện Cổng thông tin xúc tiến của tỉnh trở thành một nền tảng tương tác thông minh. Nền tảng này có thể cung cấp dữ liệu về các chỉ số kinh tế, tiềm năng đất đai, định hướng quy hoạch, nguồn nhân lực,... một cách trực quan, đa ngôn ngữ.

Tổ chức các sự kiện xúc tiến trên không gian mạng: Tăng cường tổ chức các hội thảo, hội nghị, tọa đàm, kết nối giao thương,... theo hình thức trực tuyến để tiếp cận không giới hạn các đối tác, nhà đầu tư, doanh nghiệp trên toàn cầu với chi phí tối ưu.

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo: Tiến hành phân tích, sàng lọc và tiếp cận nhà đầu tư tiềm năng thông qua ứng dụng trí tuệ nhân tạo, thay vì chờ đợi họ tìm đến chúng ta. Nhờ đó, tỉnh có thể chủ động “gõ cửa” các tập đoàn trong các lĩnh vực ưu tiên như nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, năng lượng tái tạo và logistics.

2. Đột phá trong định vị và xây dựng thương hiệu địa phương

An Giang cần xây dựng bộ nhận diện thương hiệu nhất quán cho tỉnh, với thông điệp rõ ràng: “An Giang là trung tâm kinh tế biển và nông nghiệp công nghệ cao của Đồng bằng sông Cửu Long”. Các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư và kể cả du lịch đều xoay quanh và làm nổi bật thông điệp này.

Đối với lĩnh vực đầu tư, tỉnh cần tập trung thu hút đầu tư có chọn lọc, ưu tiên các dự án phù hợp với định hướng phát triển xanh và bền vững, kiên quyết từ chối các dự án có nguy cơ ô nhiễm môi trường.

Đối với lĩnh vực thương mại, tỉnh cần hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm chủ lực như gạo, cá tra, tôm, xoài, rau màu... gắn với chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc, đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe của thị trường EU, Nhật Bản, Hoa Kỳ...

3. Đột phá trong xúc tiến tại chỗ và hỗ trợ sau đầu tư

Cần xác định, không chỉ có vai trò của Nhà nước, mà nhà đầu tư hiện hữu là những “đại sứ xúc tiến” quan trọng, do đó Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành cần xem việc giải quyết những khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh là nhiệm vụ hàng đầu.

Ủy ban nhân dân tỉnh đẩy mạnh và thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân. Tham mưu, xây dựng các chính sách phù hợp để khuyến khích nhà đầu tư khi đầu tư các dự án trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục phát huy các cơ chế đối thoại định kỳ và thực chất với cộng đồng doanh nghiệp mà trước nay đã làm tốt như họp mặt doanh nghiệp, đối thoại doanh nghiệp, cà phê doanh nhân...

Các sở, ngành có liên quan trọng lĩnh vực thương mại và đầu tư cần đẩy mạnh công tác hỗ trợ cho các dự án; từ khâu khảo sát ban đầu, đến khi đi vào hoạt động ổn định; từ đó xây dựng môi trường đầu tư “trải thảm đỏ” thực sự.

4. Đột phá trong liên kết vùng và hợp tác quốc tế

Tỉnh An Giang tiếp tục chủ động phối hợp với các tỉnh, thành phố khu vực Đồng bằng sông Cửu Long để xây dựng các hoạt động xúc tiến chung, hình thành sức mạnh tổng hợp để thu hút các dự án có quy mô liên vùng, đặc biệt trong lĩnh vực logistics và hạ tầng giao thông.

Trong đó, tỉnh chú trọng các tỉnh, thành phố có liên kết chặt chẽ với An Giang thuộc Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long (Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang, Cà Mau - nay là Cần Thơ, An Giang, Cà Mau); Mạng lưới liên kết cấp vùng ABCD Mekong (An Giang, Bến Tre, Cần Thơ, Đồng Tháp - nay là An Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ, Đồng Tháp).

Đối với thị trường nước ngoài, An Giang tăng cường hợp tác với các cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam và các hiệp hội doanh nghiệp ở các thị trường trọng điểm, thị trường khu vực, thị trường mới nổi để thuận lợi trong quảng bá địa phương và kết nối với các tập đoàn đa quốc gia.

Để thực hiện thành công các giải pháp nêu trên, Tôi kính đề nghị Đại hội quan tâm, đưa vào Nghị quyết nhiệm kỳ 2025 - 2030 những chủ trương lớn, tạo cơ sở chính trị vững chắc cho hoạt động xúc tiến thương mại và đầu tư. Trong đó, xác định công tác xúc tiến thương mại và đầu tư là nhiệm vụ trọng tâm, đột phá; cần trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, chứ không chỉ cơ quan chuyên trách. Quan tâm bố trí nguồn lực tương xứng, về cả kinh phí lẫn con người, nhất là đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác xúc tiến chuyên nghiệp, giỏi ngoại ngữ, am hiểu thị trường và có kỹ năng đàm phán quốc tế.

Với niềm tin son sắt vào sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ mới, với khát vọng về một An Giang phát triển thịnh vượng, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết tâm củng cố sự đoàn kết, không ngừng sáng tạo, đẩy mạnh hành động thực tiễn, góp phần đưa những mục tiêu mà Đại hội đề ra trở thành hiện thực sinh động.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ VÀ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh

Tỉnh An Giang có vị trí địa chiến lược đặc biệt quan trọng ở phía Tây Nam của Tổ quốc, là một trong những tỉnh thuộc vùng đầu nguồn vùng Đồng bằng sông Cửu Long, vùng Tứ giác Long Xuyên gần như toàn bộ thuộc địa bàn tỉnh, mở ra dư địa phát triển kinh tế nông nghiệp chất lượng cao, gắn với khoa học công nghệ, chuyển đổi số, tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu với diện tích gieo trồng lúa hơn 1,3 triệu ha, nhiều vùng sinh thái gắn liền với các cây trồng, vật nuôi đặc trưng, đặc hữu mang giá trị văn hóa, kinh tế cao, nhất là nhiều tiềm năng, lợi thế phát triển kinh tế biển (bờ biển dài trên 200 km, diện tích biển khoảng 63.000km²); kinh tế hợp tác, hợp tác xã cũng đóng vai trò then chốt trong việc gắn kết giữa vùng sản xuất nguyên liệu và cụm ngành chế biến - xuất khẩu, góp phần đảm bảo an ninh lương thực, đóng góp vào tăng trưởng GDP tỉnh.

1. Những kết quả đạt được trong phát triển kinh tế nông nghiệp

Tỉnh là đầu mối giao thương nội vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, kết nối với Thành phố Hồ Chí Minh, Phnom Penh và vịnh Thái Lan. Không gian phát triển kinh tế mở rộng, hội tụ đầy đủ yếu tố “đồng bằng - rừng - biển - đảo, biên giới - nội địa”. Hạ tầng giao thông, du lịch, thương mại - dịch vụ và khu, cụm công nghiệp đang được đầu tư đồng bộ, kết nối liên vùng và quốc tế, nhất là đặc khu Phú Quốc, tam giác động lực Phú Quốc - Hà Tiên - Rạch Giá và cụm Châu Đốc - Tịnh Biên - Hà Tiên - Rạch Giá. Tỉnh có nhiều lợi thế nổi trội, vừa mang tính truyền thống, vừa mở ra dư địa phát triển mới. Hệ sinh thái đa dạng gồm: vùng Tứ giác Long Xuyên, U Minh Thượng, vùng ven sông Hậu gắn với trung tâm nuôi cá tra, basa nước ngọt lớn, nuôi biển theo hướng hiện đại và khai thác hải sản xa bờ, tạo chuỗi giá trị toàn diện từ nước ngọt - nước lợ - nước mặn.

Lĩnh vực trồng trọt: Diện tích canh tác lúa hơn 1,3 triệu ha, sản lượng ước 8,8 triệu tấn/năm, trong đó, ước giai đoạn 2026 - 2030 sản lượng lúa chất lượng cao chiếm 83% tổng sản lượng lúa toàn tỉnh, tăng 12,66% so với giai đoạn 2021 - 2025. Với mô hình sản xuất lúa ba vụ nhờ hệ thống sông ngòi, thủy lợi hoàn chỉnh và đất phù sa màu mỡ, tỉnh đang đẩy mạnh mô hình lúa chất lượng cao, thân thiện môi trường, hướng tới sản xuất sạch và giảm phát thải carbon. Hơn 1,5 triệu tấn rau màu và 762 ngàn tấn cây ăn trái.

Mô hình chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao, kinh tế tuần hoàn điển hình như: Mô hình lúa - cá, lúa - tôm, kết hợp cây ăn trái, canh tác rau màu thích ứng biến đổi khí hậu, chuỗi giá trị xoài Tượng da xanh, xoài Cát chu, Hòa Lộc VietGAP... Mô hình trồng lúa chất lượng cao, canh tác rau màu đạt tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, trồng cây ăn trái ứng dụng hệ thống tưới nhỏ giọt kết hợp

cảm biến nhiệt độ, độ ẩm, tự động hóa khâu bón phân và điều tiết nước (cho cây lựu Peru, cây nhãn và sầu riêng) tại xã Thoại Sơn bước đầu ghi nhận mức tiết kiệm nước đến 30%, giảm công lao động và tăng tỷ lệ đậu trái. Mô hình lúa - tôm áp dụng quy trình quản lý nước thông minh và gieo sạ bằng máy tại xã Giồng Riềng giúp giảm lượng giống sử dụng 30%, tiết kiệm 15 - 20% chi phí phân bón và thuốc bảo vệ thực vật. Việc chuyển đổi linh hoạt cơ cấu cây trồng, ứng dụng khoa học kỹ thuật và phát triển nông nghiệp tuần hoàn giúp địa phương nâng cao giá trị sản xuất và hướng đến phát triển nông nghiệp bền vững.

Lĩnh vực chăn nuôi: Toàn tỉnh có 453 trang trại, điển hình quy mô lớn như: chăn nuôi heo có 4 trang trại/16.500 con, 34 trang trại/33.320 con, 91 trang trại/6478 con; chăn nuôi gà có 2 trang trại/155.000 con, 15 trang trại/381.500 con, 6 trang trại/16.000con. Công ty điển hình tham gia là Công ty CP đạt quy mô 26 trang trại, tổng đàn 33.000 heo thịt. Phát triển chăn nuôi theo phương thức chăn nuôi tập trung, trang trại có quy mô lớn (nhất là gia cầm, heo) được xác lập, có sự liên kết với một số tập đoàn lớn như Tập đoàn CP,... Chất lượng con giống và kỹ thuật chăn nuôi được cải thiện. Công tác quản lý về chất lượng giống (heo đực, gia cầm giống) và phòng chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi đạt nhiều tiến bộ, góp phần hạn chế sự phát sinh và lây lan; không chế và giảm thiệt hại đối với một số bệnh nguy hiểm (cúm gia cầm, lở mồm long móng...). Đa số các hộ nuôi đều có xử lý phân qua hầm biogas, ủ phân hoặc đào hố chôn lấp, qua đó đã giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi.

Lĩnh vực thủy sản: Ngành thủy sản đóng góp đáng kể vào GRDP và kim ngạch xuất khẩu của tỉnh. Năm 2025, sản lượng thủy sản ước đạt 1.569.804 tấn, tương ứng giá trị sản xuất 52.305 tỷ đồng; trong đó, sản lượng khai thác 422.300 tấn, giá trị đạt 14.196 tỷ đồng và sản lượng nuôi trồng 1.147.504 tấn, giá trị đạt 38.109 tỷ đồng. Ước giai đoạn 2026 - 2030, tổng sản lượng thủy sản đạt 9,24 triệu tấn, tăng 24,23% so với giai đoạn 2021 - 2025; trong đó, diện tích nuôi trồng tăng 47,12% (sản lượng cá nuôi lồng bè (biển) tăng 46,17%; tôm tăng 42,99%; thủy sản khác (nhuyễn thể, cua biển) tăng 45,65%). Các doanh nghiệp tham gia theo chuỗi giá trị gồm: Công ty TNHH Thủy sản Australis Kiên Giang, Công ty Cổ phần Thủy Sản Phú Quốc, Công ty Cổ phần Thủy sản Trung Sơn, Công ty Cổ phần Cá Tra Việt Úc, Công ty TNHH sản xuất giống cá Tra Vĩnh Hoàn, Công ty Cổ phần Nam Việt, Công ty Cổ phần phát triển thủy sản Lộc Kim Chi,...

Lĩnh vực kinh tế hợp tác, hợp tác xã: Tính đến cuối tháng 6/2025, toàn tỉnh hiện có 690 hợp tác xã nông nghiệp (533 hợp tác xã trồng trọt, 120 hợp tác xã thủy sản, 10 hợp tác xã chăn nuôi, 27 hợp tác xã dịch vụ tổng hợp), tổng số vốn điều lệ 660.606,76 triệu đồng với 43.574 thành viên; có 05 liên hiệp hợp tác xã, vốn điều lệ 1.600 triệu đồng với 53 hợp tác xã thành viên; duy trì, nâng chất 3.552 tổ hợp tác với 61.311 thành viên, tổng diện tích canh tác là 94.239 ha. Các mô hình sản xuất tiêu biểu có sự tham gia của hợp tác xã/tổ hợp tác, gồm: Mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ bắp thu trái non giữa Hợp tác xã Nông sản GlobalGap Mỹ An và Công ty cổ phần rau quả thực phẩm An Giang (Antesco). Mô hình liên kết chuỗi giá trị xoài của Hợp tác xã Gap Cù Lao Giêng, với 20 tấn sản phẩm xoài được cấp mã số vùng trồng xuất sang thị trường quốc tế Úc, Mỹ, Hàn Quốc (năm 2024),

thông qua hợp đồng tiêu thụ với các doanh nghiệp như Công ty TNHH Hoàng Phát Fruit, Công ty TNHH thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Vina T&T; hợp tác xã đã xuất khẩu thành công 13 tấn xoài hạt lép trái nhỏ sang Hàn Quốc, 6 tấn xoài tượng da xanh sang Úc và 1 tấn xoài tượng da xanh sang Mỹ. Với mô hình trồng dưa lưới, dưa lê trong nhà màng, các hợp tác xã đã chủ động tìm kiếm thị trường đầu ra tiêu thụ sản phẩm dưa lưới của thành viên HTX, sản xuất hàng hóa theo đơn đặt hàng của đối tác. Mô hình Hợp tác xã nông nghiệp Đường Gõ Lộ xã Giồng Riềng tham gia Đề án 1 triệu ha lúa chất lượng cao, phát thải thấp, sản xuất theo quy trình và liên kết tiêu thụ sản phẩm thông qua đấu giá sản phẩm lúa từ nhiều năm nay...

Song song đó, việc chuẩn hóa, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu cho các sản phẩm và phát triển sản phẩm OCOP theo chuỗi giá trị được quan tâm, với 581 sản phẩm đạt chứng nhận OCOP từ 3 sao trở lên, gồm: 14 sản phẩm OCOP 5 sao, 52 sản phẩm OCOP 4 sao và 515 sản phẩm OCOP 3 sao; trong đó, nước mắm Phú Quốc là sản phẩm chỉ dẫn địa lý đầu tiên của Việt Nam được bảo hộ tại Châu Âu.

Để đạt được những kết quả trên, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã chủ động cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Trung ương như Nghị quyết số 19-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 16/6/2022 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới và các chương trình hành động của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Chỉ đạo tổ chức các hội nghị phổ biến, quán triệt nội dung các nghị quyết, chiến lược và chương trình về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nông dân chủ chốt. Phân công rõ ràng nhiệm vụ cho từng cơ quan, đơn vị, cán bộ phụ trách, đặc biệt là các phòng, ban chuyên môn và hệ thống chính quyền cấp xã trong việc tham mưu, tổ chức triển khai các dự án, mô hình gắn với thực hiện các nội dung của nghị quyết. Thường xuyên theo dõi, giám sát tiến độ và chất lượng triển khai các chương trình, dự án tại địa phương; qua đó, kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để có giải pháp điều chỉnh phù hợp, đồng thời biểu dương, nhân rộng những mô hình, cách làm hiệu quả. Chỉ đạo các cơ quan liên quan tăng cường phối hợp với doanh nghiệp, hợp tác xã và viện, trường nhằm hỗ trợ chuyển giao công nghệ, tư vấn kỹ thuật, xúc tiến đầu tư và kết nối thị trường đầu ra cho sản phẩm.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc phát triển kinh tế nông nghiệp bền vững trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và thích ứng với biến đổi khí hậu còn gặp nhiều khó khăn, như: Quy mô sản xuất nhỏ lẻ, phân tán khó đầu tư đồng bộ hệ thống và áp dụng chuẩn hóa các quy trình kỹ thuật; chi phí đầu tư ban đầu cao nên cũng là trở ngại đối với người dân trong phát triển kinh tế nông nghiệp. Liên kết chuỗi giá trị giữa người sản xuất với doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu chưa phổ biến (nhất là áp dụng công nghệ cao nhưng chưa gắn với yêu cầu thị trường), khó bù đắp chi phí đầu tư. Phần lớn nông sản trong nước được xuất khẩu dưới dạng thô, chưa qua chế biến và chưa có thương hiệu. Chính sách pháp luật hiện hành về xây dựng và phát triển nhãn hiệu, thương hiệu hiện nay vẫn còn chung chung, phân tán, chưa phù hợp với đặc thù của quy mô sản xuất nhỏ lẻ.

Nguyên nhân của những khó khăn trên chủ yếu là do công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn và cập nhật kiến thức mới, tư duy mới, ứng dụng công nghệ mới cho cán bộ, đảng viên còn chậm. Cấp ủy còn chậm và thiếu nghị quyết chuyên đề để cụ thể hoá các nội dung Nghị quyết của Trung ương vào thực tiễn của địa phương, gắn với điều kiện sản xuất của người dân, điều kiện phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn, điều kiện về văn hóa - xã hội của tỉnh. Hệ thống chính sách hỗ trợ từ Trung ương còn phân tán, thiếu nhất quán, gây khó khăn trong áp dụng tại địa phương; chính sách hỗ trợ do nhiều bộ, ngành cùng quản lý, thiếu tính liên thông, nên khó tiếp cận, còn cứng nhắc, chưa phù hợp với thực tế sản xuất nhỏ lẻ, manh mún tại cơ sở.

2. Nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế nông nghiệp thời gian tới

*** Về nhiệm vụ**

- Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với xác lập mô hình tăng trưởng mới. Khuyến khích tích tụ, tập trung ruộng đất, hình thành cánh đồng lớn và các vùng chuyên canh quy mô lớn, gắn với sản xuất nguyên liệu hàng hóa; đẩy mạnh phát triển mạnh nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo chuỗi giá trị, trọng tâm vào vùng lúa gạo, thủy sản, rau màu, cây ăn trái và mở rộng sang chăn nuôi gia súc, dược liệu.

- Thúc đẩy phát triển mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải, nâng cao giá trị gia tăng, từng bước xây dựng An Giang trở thành trung tâm lúa gạo, thủy sản và dược liệu của vùng.

- Đẩy mạnh xây dựng thương hiệu nông sản gắn với nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý, chiến lược truyền thông để nâng tầm sản phẩm hàng hoá trên thị trường trong nước và quốc tế. Phát triển công nghiệp chế biến sâu, thu hút đầu tư xây dựng các nhà máy hiện đại, đa dạng hóa sản phẩm, tận dụng phụ phẩm nông nghiệp; tăng cường liên kết giữa nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp và nhà khoa học.

- Xây dựng các trung tâm đầu mối nông nghiệp gắn với vùng nguyên liệu trọng điểm, kết nối với các trung tâm nông sản - thủy sản trong vùng, tạo mạng lưới phân phối hiện đại. Tổ chức lại khai thác thủy sản hợp lý, gắn với quản lý bền vững nguồn lợi; chuyển đổi sinh kế ngư dân sang nuôi trồng thủy sản công nghệ cao, chế biến, dịch vụ hậu cần, du lịch ven biển.

- Tiếp tục quán triệt, chỉ đạo, hướng dẫn hỗ trợ hợp tác xã thực hiện tốt các quy định của Luật Hợp tác xã năm 2023, Nghị định số 113/2024/NĐ-CP, ngày 12/9/2024 của Chính phủ về nâng cao nhận thức của thành viên, người lao động hợp tác xã, doanh nghiệp và nhân dân về lĩnh vực kinh tế tập thể, hợp tác xã và lợi ích thiết thực khi tham gia phát triển hợp tác xã. Khuyến khích hợp tác xã tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, phát triển thành viên, mở rộng dịch vụ gắn với liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp với doanh nghiệp để xây dựng vùng nguyên liệu tập trung, quy mô, góp phần thực hiện Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng Sông Cửu Long đến năm 2030 tại An Giang”.

*** Về giải pháp**

- Tập trung phát triển thương mại theo hướng công nghệ hóa trong nông nghiệp, số hóa, mở rộng thương mại điện tử, đa dạng mô hình sản xuất - kinh doanh kinh tế nông nghiệp; gắn kết thương mại với sản xuất hàng hoá quy mô lớn, chế biến giá trị gia tăng.

- Tăng cường liên kết vùng và phát triển thương mại biên giới - xuất nhập khẩu, phát huy vai trò đầu mối giao thương với Campuchia và ASEAN. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, xây dựng và bảo hộ thương hiệu hàng hóa; gắn phát triển sản phẩm truyền thống, đặc sản địa phương với du lịch nông nghiệp; mở rộng hợp tác với Thành phố Hồ Chí Minh trong tiêu thụ nông - thủy sản.

- Phối hợp với ngành du lịch để tập trung phát triển du lịch nông thôn gắn với các sản phẩm OCOP, du lịch cộng đồng, canh nông, nghề truyền thống và du lịch tâm linh gắn với bảo tồn giá trị văn hóa, xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu các mặt hàng nông thủy sản gắn với “tên, tuổi, vùng miền” tỉnh An Giang.

- Tập trung triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 03/NQ-CP của Chính phủ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia nhằm thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực kinh tế trọng điểm như kinh tế biển, nông nghiệp, công nghiệp chế biến, dược liệu, thương mại - dịch vụ, du lịch.

- Triển khai thực hiện Chương trình hành động số 05-CTr/TU, ngày 22/8/2025 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, trong đó, ưu tiên cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh theo hướng minh bạch, ổn định, thuận lợi, chi phí thấp, đạt chuẩn khu vực.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW về phát triển vùng Đồng bằng Sông Cửu Long thích ứng biến đổi khí hậu, nhằm tạo bước đột phá về những định hướng lớn đối với việc phát triển hạ tầng chiến lược quốc gia, nhất là hệ thống hạ tầng kết nối vùng và mở ra dư địa để phát triển mạnh mẽ cho địa phương.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về “Hội nhập quốc tế trong tình hình mới” nhằm nâng cao vai trò và vị thế của Việt Nam nói chung, của tỉnh An Giang trong khu vực nói riêng.

- Xây dựng và hoàn thiện chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị các ngành hàng nông sản chủ lực. Hoàn thiện chuỗi liên kết “Doanh nghiệp - Hợp tác xã - Nông dân” theo nhiều phương thức linh hoạt và hiệu quả. Hỗ trợ phát triển các cụm liên kết ngành, nhất là công nghiệp chế biến nông sản, dược liệu, thực phẩm, công nghệ thông tin, công nghiệp sáng tạo.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN TỈNH AN GIANG: TỪ TIỀM NĂNG ĐẾN THỰC TIỄN BỀN VỮNG

Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh

An Giang là một trong những tỉnh có vùng biển rộng lớn, với nhiều đảo, quần đảo, có hệ sinh thái biển đa dạng và phong phú, là ngư trường có trữ lượng hải sản cao. Vùng biển tỉnh An Giang rộng lớn với diện tích khoảng 63.290 km², bờ biển dài khoảng 200km, với hơn 140 hòn đảo lớn nhỏ, có 40 hòn đảo có dân cư sinh sống, trong đó đảo lớn nhất là đảo Phú Quốc. Nằm trong vùng Vịnh Thái Lan, An Giang còn có điều kiện giao thương thuận lợi với các nước trong khu vực Đông Nam Á. Vị trí và điều kiện tự nhiên đã tạo cho An Giang nhiều tiềm năng và lợi thế để phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là phát triển kinh tế biển.

Qua hơn 5 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, kinh tế biển của An Giang có bước phát triển khá toàn diện, chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng và tích cực, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đến nay, tỷ trọng kinh tế biển chiếm 80% GRDP toàn tỉnh, thu nhập bình quân đầu người tăng 1,25 lần so với thu nhập bình quân toàn tỉnh (74%). Các chính sách an sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe nhân dân được triển khai đến tận các xã ven biển, hải đảo. Quốc phòng - an ninh được giữ vững, bảo vệ tốt an ninh, chủ quyền biên giới, biển, đảo và các địa bàn trọng điểm, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Lĩnh vực du lịch biển đảo có bước phát triển đáng kể, đóng góp khá quan trọng vào sự phát triển kinh tế biển của tỉnh. Đầu tư vào du lịch tiếp tục gia tăng. Các địa phương ven biển và hải đảo tích cực thu hút đầu tư xây dựng. Tính đến nay, đã thu hút 317 dự án đầu tư du lịch với tổng quy mô 9.993ha và tổng vốn đầu tư 408.178 tỷ đồng, riêng Phú Quốc có 274 dự án (chiếm 86% toàn tỉnh) với tổng quy mô 9.485 ha và tổng vốn đầu tư 388.410 tỷ đồng. Các loại hình du lịch dần rõ nét và phát triển tốt; các sản phẩm du lịch từng bước được đa dạng hóa, chất lượng, có thương hiệu trên thị trường trong nước và quốc tế.... Hoạt động liên doanh, liên kết với các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước⁽²⁾ góp phần tạo liên kết bền vững trong hoạt động du lịch, tăng cường chuỗi giá trị dịch vụ và nâng cao chất lượng điểm đến. Công tác đào tạo nguồn nhân lực về du lịch tiếp tục có bước phát triển về số lượng và chất lượng⁽³⁾. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ du lịch đáp ứng tốt nhu cầu du lịch của khách trong và ngoài nước⁽⁴⁾. Tổng lượng khách du lịch đến Kiên

² Hợp tác liên kết với một số tỉnh, thành thuộc Vương quốc Campuchia và Thái Lan để kết nối tuyến du lịch hành lang ven biển phía Nam (trong đó, có mở thêm tuyến bay tới Phú Quốc).

³ Đến nay, lao động du lịch toàn tỉnh có khoảng 16.000 người; tỷ lệ lao động qua đào tạo chuyên ngành về du lịch đạt khoảng 63,4%.

⁴ Như các cảng giao thông đường thủy, cảng hàng không quốc tế, hệ thống giao thông đường bộ, hệ thống cấp nước, điện, viễn thông, cơ sở lưu trú...

Giang từ 2019 đến nay đạt 42,54 triệu lượt, trong đó, đón 2,55 triệu lượt khách quốc tế (chiếm 6% tổng lượt khách), với tổng doanh thu trên 82.866 tỷ đồng.

- Lĩnh vực nuôi trồng và khai thác thủy sản tiếp tục được quan tâm, chú trọng. Chủ động về công tác quy hoạch, xây dựng các dự án nuôi trồng thủy sản theo hướng nuôi biển, ven biển, quanh các đảo, vùng ven bờ, gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Đẩy mạnh cơ cấu lại lĩnh vực khai thác hải sản, tổ chức sắp xếp lại đội tàu khai thác hải sản theo hướng không tăng thêm số lượng tàu cá. Chuyển đổi, sắp xếp lại cơ cấu nghề khai thác vùng biển ven bờ và vùng lộng biển An Giang; vận động khuyến khích đầu tư phát triển một số nghề khai thác thủy sản nhằm tăng tỷ lệ sản phẩm khai thác có giá trị cao. Đẩy mạnh nuôi trồng, giảm khai thác, gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản⁵. Chế biến, xuất khẩu thủy sản tiếp tục phát triển hàng năm cả về sản lượng và giá trị. Tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản tỉnh giai đoạn 2019 - 2024 đạt 1.443,09 triệu USD, tỷ lệ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 2%. Tăng cường ngăn chặn, giảm thiểu và loại bỏ khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định trên địa bàn tỉnh.

- Kinh tế hàng hải tiếp tục có bước phát triển khá. Hệ thống cảng biển được quan tâm quy hoạch, hoàn chỉnh, phát huy hiệu quả. Tập trung khai thác các cảng bến khu vực Phú Quốc (cảng Quốc tế Phú Quốc), Hòn Chông và cảng nước sâu Nam Du nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế biển của tỉnh. Những năm qua, vận chuyển hành khách trên các tuyến từ bờ ra đảo trung bình đạt khoảng 21,161 triệu lượt hành khách và 22.600 ngàn tấn hàng hoá. Dịch vụ vận tải biển ngày càng được đổi mới, ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý, chất lượng ngày càng tốt hơn, đáp ứng nhu cầu xã hội. Hạ tầng giao thông đường bộ thời gian qua có bước chuyển biến tích cực, hệ thống giao thông quốc gia và hệ thống giao thông địa phương được kết nối tốt hơn đã tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế biển.

- Các khu công nghiệp, khu đô thị ven biển được xây dựng, dần hoàn thiện. Đến nay, các khu, cụm công nghiệp đã thu hút được 28 dự án đầu tư, tổng vốn đăng ký 8.050 tỷ đồng. Trong đó, có 20 dự án đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh; các khu, cụm công nghiệp đã giải quyết việc làm cho khoảng 13.340 lao động. Tập trung thiện hiện việc lập, điều chỉnh quy hoạch các đô thị ven biển, quy hoạch, phát triển đô thị, nhất là các đô thị trọng điểm, động lực như Rạch Giá, Hà Tiên, Phú Quốc, Kiên Lương...

- Năng lượng tái tạo được quan tâm đầu tư, phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt. Phối hợp đẩy mạnh đầu tư phát triển mạng lưới cấp điện trên địa bàn tỉnh, nhất là đầu tư kéo điện ra đảo Phú Quốc (mạch 2), cấp điện cho các xã đảo, đảm bảo nguồn điện phục vụ cho sản xuất, đời sống nhân dân. Đầu tư hoàn thành và đóng điện vận hành đường dây 220kV vượt biển Kiên Bình - Phú Quốc,

⁵ Năm 2019, tỉ trọng sản lượng khai thác chiếm 70,99%, nuôi trồng thủy sản chiếm 20,01%; đến năm 2024, tỉ trọng sản lượng khai thác giảm xuống 52,86%, nuôi trồng thủy sản tăng lên đạt 47,14%, chiếm khoảng 16% tổng sản lượng khai thác cả nước và trên 40% sản lượng khai thác của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

có chiều dài 80,4km, với tổng vốn đầu tư 2.212 tỷ đồng; toàn tỉnh đã có đầy đủ các xã, phường, đặc khu có điện, trong đó đảo Phú Quốc và 6/9 đảo nhỏ đã có lưới điện quốc gia, còn 03 hòn đảo An Sơn, Nam Du và Thổ Châu được cấp điện từ các trạm phát điện diesel độc lập. Mạng lưới điện truyền tải 220kV và 110kV được đầu tư phát triển đồng bộ, chất lượng điện năng và an toàn, tin cậy trong cung cấp điện đều được nâng cao; tỷ lệ hộ sử dụng điện toàn tỉnh năm 2024 ước đạt 99,70%.

- Các lĩnh vực văn hóa - xã hội được tập trung lãnh đạo thực hiện.

+ Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Tỷ lệ giáo viên ở các xã đảo đạt chuẩn và trên chuẩn trên 97,86%. Chất lượng giáo dục được nâng lên, tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông hằng năm trong giai đoạn 2018 - 2024 nhìn chung duy trì ở mức cao, khoảng 99,4%.

+ Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ tiếp tục được đẩy mạnh, nhất là trong lĩnh vực nuôi trồng, khai thác, chế biến hải sản, du lịch, xử lý môi trường,... Các kết quả nghiên cứu đã phát huy thế mạnh sản xuất, phát triển thương hiệu sản phẩm và mô hình kinh tế, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và cải thiện thu nhập cho người dân, hỗ trợ tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương có biển.

+ Mạng lưới y tế ở các địa phương có biển tiếp tục được củng cố. Hệ thống bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế ở các địa phương có biển được ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất và đào tạo đội ngũ cán bộ y tế. Chất lượng, hiệu quả khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân ở nhiều địa phương có mặt được nâng lên.

+ Thiết chế văn hóa cấp tỉnh và cơ sở được đầu tư phát triển, cơ bản đáp ứng nhu cầu hoạt động chuyên môn và nhu cầu hưởng thụ văn hóa của người dân, nhất là ở vùng biên giới và hải đảo. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân tiếp tục được cải thiện. Các phong tục, tập quán liên quan đến biển và nghề biển được tôn trọng, giữ gìn.

+ Công tác phát triển nguồn nhân lực được tăng cường, đào tạo cán bộ đạt chuẩn và nâng cao trình độ (đến nay cán bộ cấp cơ sở đạt chuẩn 94,25%, cấp huyện 97,98%, cấp tỉnh 98,72%)⁽⁶⁾. Ban hành nhiều chính sách thu hút lao động chất lượng cao, có trình độ đại học, sau đại học, chuyên môn sâu ở các lĩnh vực quan trọng, mũi nhọn của tỉnh.

+ Thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người dân vùng ven biển, hải đảo. Hằng năm, triển khai thực hiện công tác đào tạo nghề, đáp ứng yêu cầu lao động của các ngành kinh tế biển và việc chuyển đổi nghề của người dân⁽⁷⁾, bảo đảm người dân ở

⁶ Trình độ dân trí từng bước được nâng cao, số người có trình độ từ đại học trở lên, chiếm 2,5% dân số. Nâng lên tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 57% năm 2016 lên 67% năm 2020, trong đó, tỷ lệ đào tạo nghề có bằng cấp, chứng chỉ từ 46,5% lên 50%; lao động sau đào tạo có việc làm đạt 84%.

⁷ An Biên mở được 17 lớp đào tạo nghề cho người dân các địa phương ven biển; Hà Tiên đã đào tạo khoảng 500 học viên, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng lên 66% và giải quyết việc làm cho khoảng 6.567 lao động; Kiên Hải tổ

vùng biển có cuộc sống, thu nhập ổn định, có bước cải thiện, nâng lên. Triển khai thực hiện khá tốt các chương trình, đề án giảm nghèo bền vững, hỗ trợ người dân phát triển sản xuất, kinh doanh, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo.

+ Công tác bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai tiếp tục được chú trọng. Cấp ủy, chính quyền địa phương có biển thường xuyên tuyên truyền cho người dân kiến thức cơ bản về ứng phó, thích nghi với biến đổi khí hậu, nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, gắn với xây dựng nông thôn mới. Phòng ngừa, kiểm soát, ứng phó và khắc phục sự cố thiên tai, sự cố môi trường và tìm kiếm cứu nạn trên biển, các khu vực ven sông, ven biển nhằm đảm bảo tính chủ động công tác ứng phó các sự cố xảy ra. Quản lý chặt chẽ các khu bảo tồn biển, khuyến khích các hoạt động sản xuất, kinh doanh gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, hệ sinh thái biển. Tăng cường quản lý chất thải nhựa, rác thải đại dương trong sinh hoạt và các hoạt động du lịch, khai thác hải sản trên biển. Triển khai các dự án trồng rừng ngập mặn và xây dựng tường mềm giảm sóng dọc theo bờ biển phần đất liền của tỉnh để ứng phó biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm mặn, bảo vệ các tuyến đê biển, hạn chế xói lở bờ biển, ổn định bãi bồi.

Tuy nhiên, phát triển kinh tế biển trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số tồn tại, hạn chế:

1. Đối với ngành du lịch và dịch vụ biển: (i) Sản phẩm du lịch chưa phong phú; (ii) Hoạt động liên kết, hợp tác, xúc tiến quảng bá du lịch hiệu quả chưa đồng bộ; (iii) Tiến độ lập quy hoạch chi tiết du lịch còn chậm.

2. Đối với nuôi trồng và khai thác thủy sản: (i) Nuôi trồng thủy sản phát triển chưa ổn định, tỷ lệ ứng dụng công nghệ cao trong nuôi biển, đặc biệt là nuôi xa bờ còn thấp; hiệu quả nghề khai thác giảm; (ii) Các dự án đầu tư nuôi biển đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng tiến độ triển khai còn chậm; (iii) Vẫn còn tình trạng tàu cá khai thác thủy sản vi phạm IUU, ảnh hưởng rất lớn đến chống khai thác IUU của tỉnh cũng như gỡ cảnh báo “Thẻ vàng”.

3. Một số cảng biển đã được quy hoạch nhưng chậm được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp. Việc huy động nguồn lực ngoài xã hội để đầu tư kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng được mục tiêu; đầu tư chưa đạt tiến độ quy hoạch đề ra.

4. Phát triển công nghiệp ven biển còn hạn chế, nhất là công nghiệp chế biến. Công tác thu hút đầu tư hạ tầng, đầu tư sản xuất kinh doanh vào các khu, cụm công nghiệp chưa đạt kỳ vọng.

5. Tình hình đầu tư phát triển lưới điện ra các xã đảo còn chậm; chưa triển khai được các dự án phát triển năng lượng tái tạo.

Phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những hạn chế, khó khăn, trong thời gian tới, ngành Nông nghiệp và Môi trường sẽ tiếp tục tham mưu Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh định hướng và giải pháp phát triển kinh tế biển tỉnh An Giang, như sau:

1. Đối với phát triển du lịch và dịch vụ biển

- Phát triển hạ tầng giao thông và logistics phục vụ du lịch; kết nối các vùng du lịch, thương mại trên biển và ven biển⁽⁸⁾. Hoàn thiện các tuyến giao thông thủy cao tốc⁽⁹⁾. Nghiên cứu tuyến cáp treo nối các đảo Nam Du - Hòn Sơn nhằm tăng trải nghiệm du lịch liên hoàn.

- Đa dạng hóa sản phẩm du lịch biển đảo⁽¹⁰⁾.
- Phát triển nguồn nhân lực, kết nối cộng đồng⁽¹¹⁾.
- Bảo vệ tài nguyên, môi trường biển - đảo⁽¹²⁾.
- Xúc tiến đầu tư và truyền thông du lịch biển đảo⁽¹³⁾.

2. Đối với nuôi trồng và khai thác thủy sản

- Mở rộng diện tích nuôi tôm nước lợ theo mô hình công nghiệp. Phát triển nuôi sinh thái, hữu cơ tại các vùng rừng ngập mặn, vùng tôm - lúa nhiễm mặn ven biển.

- Phát triển nuôi trồng thủy sản gắn kết hài hòa với du lịch sinh thái biển, chế biến thủy, hải sản, bảo vệ và phát triển nguồn lợi.

- Đầu tư nâng cấp các cảng cá, bến cá, khu neo đậu tàu thuyền, tổ chức tốt dịch vụ hậu cần nghề cá.

- Tái cơ cấu toàn diện khai thác hải sản, sắp xếp lại đội tàu khai thác hải sản của tỉnh.

- Hình thành hệ thống cơ sở hạ tầng thủy sản đồng bộ, gắn kết các ngành công nghiệp phụ trợ, dịch vụ hậu cần nghề cá.

⁸ Nâng cấp Cảng Hàng không Quốc tế Phú Quốc, mở thêm tuyến bay thẳng đến châu Âu, Mỹ, Úc. Đầu tư Cảng quốc tế hành khách và du thuyền Dương Đông, An Thới; Phát triển dịch vụ vận tải hành lý, trung tâm thông tin du lịch, dịch vụ hậu cần cảng biển.

⁹ Rạch Giá-Hà Tiên-Nam Du-Hòn Sơn-Phú Quốc.

¹⁰ Nghi dưỡng cao cấp: Khách sạn-villa 5 sao, khu nghỉ dưỡng biệt lập trên đảo; Du lịch sinh thái biển: Snorkeling, diving, khám phá rừng ngập mặn, kayak ven biển; Thể thao biển: Lướt sóng, chèo thuyền, dù lượn, thi đấu thể thao quốc tế (sailing, windsurfing...); Du lịch văn hóa biển đảo: Tham quan làng nghề nước mắm, ngọc trai, tham gia lễ hội cầu ngư, đua ghe ngo; Du lịch trải nghiệm: Câu mực đêm, cắm trại, trekking xuyên rừng, tham quan nông trại địa phương.

¹¹ Đào tạo nghiệp vụ du lịch biển, ngoại ngữ, kỹ năng phục vụ tiêu chuẩn quốc tế.

¹² Quy hoạch khu vực bảo tồn biển... (rạn san hô, thảm cỏ biển...); Ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý nước thải, rác thải tại các khu du lịch. Chương trình "Du lịch xanh-Phú Quốc xanh", "Không rác thải nhựa trên đảo". Giám sát, xử lý nghiêm các vi phạm môi trường trong hoạt động du lịch.

¹³ Xây dựng bộ nhận diện thương hiệu du lịch biển đảo Kiên Giang – Phú Quốc. Tham gia các hội chợ du lịch quốc tế lớn (ITB Berlin, WTM London, AITE...); Hợp tác với hãng lữ hành quốc tế lớn để mở tour trực tiếp từ nước ngoài đến Phú Quốc và các đảo; Phát triển nền tảng du lịch số: Bản đồ số du lịch biển, booking dịch vụ – tour trải nghiệm đảo.

- Đẩy mạnh chế biến và xuất khẩu thủy sản, tạo ra các sản phẩm chủ lực, đặc thù của địa phương có chất lượng, giá trị kinh tế cao.

3. Kinh tế hàng hải

- Đầu tư các cảng trọng điểm.

- Tham gia sâu vào chuỗi cung ứng vận tải quốc gia; các tuyến vận tải hành khách phục vụ du lịch.

- Xây dựng các tuyến giao thông kết nối vùng kinh tế biển với các trục giao thông trọng điểm quốc gia.

- Phát triển đồng bộ dịch vụ hỗ trợ vận tải, vận tải đa phương thức, nâng cao chất lượng dịch vụ logistics, phát triển dịch vụ logistics thành một ngành dịch vụ mang lại giá trị gia tăng cao⁽¹⁴⁾.

4. Phát triển công nghiệp phục vụ biển

- Phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông, thủy sản; công nghiệp phụ trợ, công nghiệp cơ khí - đóng, sửa chữa tàu.

- Quy hoạch phát triển các khu đô thị ven biển, nâng cấp mở rộng các đô thị hiện có và xây dựng mới cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại theo mô hình tăng trưởng xanh, đô thị thông minh.

- Thúc đẩy thành lập, đầu tư hạ tầng và thu hút đầu tư công nghiệp tại các khu công nghiệp và Khu Kinh tế ven biển.

- Phát triển công nghiệp sửa chữa và đóng mới tàu, thuyền khai thác thủy sản xa bờ.

- Phát triển các khu công nghiệp⁽¹⁵⁾.

5. Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới

- Khai thác điện gió, điện mặt trời. Phát triển năng lượng tái tạo trên các đảo phục vụ sản xuất, sinh hoạt, bảo đảm quốc phòng an ninh.

- Khai thác tài nguyên đa dạng sinh học biển như dược liệu biển, nuôi trồng và chế biến rong, tảo, cỏ biển; quy hoạch và phát triển vùng nuôi chim yến...

- Các ngành kinh tế biển mới nổi⁽¹⁶⁾.

¹⁴ (1) Phát triển phân tầng cảng biển – logistics biển đảo; (2) Tích hợp cảng biển - cảng cá - trung tâm logistics - vùng sản xuất; (3) Đồng bộ hạ tầng giao thông đa phương thức kết nối biển - đảo - đất liền. Ưu tiên đầu tư các tuyến chiến lược; Đề xuất xây dựng cảng cạn (ICD).

¹⁵ (1) KCN Thanh Lộc: Công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản; ngành công nghiệp hỗ trợ nông - lâm - thủy sản và một số ngành nghề khác. (2) KCN Tác Cầu: Định hướng hình thành dịch vụ thương mại, đóng tàu, dịch vụ hậu cần nghề cá; nhà máy chế biến thủy sản. (3) KCN Thuận Yên (Hà Tiên): Phát triển khu công nghiệp CNC. Sản xuất sản phẩm điện tử, sản phẩm quang học; sản xuất chế biến thực phẩm, sản xuất đồ uống; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác. (4) KCN Xẻo Rô (huyện An Biên): tuyến đường thủy quốc gia Sông Cái Lớn. Phát triển cảng thủy nội địa, dịch vụ logistic tại khu công nghiệp; Chế biến thủy hải sản; chế biến lương thực, thực phẩm; công nghiệp cơ khí phụ trợ; công nghiệp đóng tàu. (5) KCN Kiên Lương II: các ngành công nghiệp phụ trợ, hàng tiêu dùng, chế biến thủy hải sản, và nhóm ngành công nghiệp khác.

¹⁶ Năng lượng tái tạo từ biển, khai thác mỏ dưới đáy biển, công nghệ sinh học biển, an toàn và giám sát hàng hải, dịch vụ và sản phẩm biển công nghệ cao.

Để thực hiện được những nhiệm vụ, giải pháp nêu trên, Sở Nông nghiệp và Môi trường có một số đề xuất, kiến nghị như sau:

- Chính phủ ban hành chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp nuôi biển bền vững, đào tạo nguồn nhân lực; hỗ trợ ngư dân chuyển đổi nghề khai thác kém hiệu quả sang nuôi biển và các chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho nuôi biển.

- Bộ Công thương: (i) Ưu tiên đưa Nhà máy điện khí Kiên Giang (2x750 MW) trở lại Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia trong kỳ điều chỉnh quy hoạch. Đồng thời xem xét phân bổ 1.195MW công suất điện gió trên đất liền và gần bờ cho tỉnh An Giang trong Quy hoạch điện VIII theo như đề xuất của tỉnh, để đảm bảo nguồn cung cấp điện tại chỗ và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; (ii) Sớm triển khai thực hiện Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo theo Quy hoạch điện VIII. Trong đó, đề xuất đến cấp thẩm quyền về cơ chế cấp phát từ ngân sách nhà nước đối với các dự án thuộc Chương trình SETP và cơ chế thực hiện dự án Cấp điện lưới quốc gia cho 02 xã đảo An Sơn và Nam Du (*được áp dụng cơ chế tương tự đối với dự án cấp điện lưới quốc gia cho huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu*); (iii) Xem xét điều chỉnh bổ sung quy định về Xây dựng phương án phát triển các cụm công nghiệp cấp tỉnh, trong đó không xác định cụ thể phạm vi ranh giới của nhà đầu tư trong quá trình lựa chọn địa điểm đầu tư và triển khai thực hiện dự án; (iv) Quan tâm đầu tư kinh phí cho thực hiện dự án kéo điện ra quần đảo Nam Du để phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của người dân và phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế biển.

- Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển du lịch sinh thái cộng đồng và du lịch gắn với nông nghiệp - nông thôn.

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: (i) Bổ sung thêm hoạt động sản xuất và chế biến sâu về thủy sản trong chức năng của Trung tâm đầu mối thủy sản tại An Giang như các tỉnh Sóc Trăng (nay là thành phố Cần Thơ) và Cà Mau; (ii) Sớm hướng dẫn chính sách thực hiện Đề án chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường sinh thái theo Quyết định số 208/QĐ-TTg, ngày 10/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ; (iii) Đẩy nhanh tiến độ triển khai xây dựng Trung tâm nghề cá lớn An Giang thuộc Dự án Phát triển thủy sản bền vững của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (cũ).

- Bộ Tài chính ban hành bộ tiêu chí quy định cụ thể định mức kinh tế - kỹ thuật cho việc xây dựng các dự án, đề án, nhiệm vụ về kinh tế - xã hội trong lĩnh vực biển và hải đảo (như Đề án phát triển An Giang thành trung tâm kinh tế biển quốc gia).

- Tỉnh ủy: (i) Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện tốt các nội dung trong Chương trình hành động số 47-CTr/TU của Tỉnh ủy. (ii) Hằng năm, ban hành kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Chương trình hành động số 47-CTr/TU đối với cấp ủy trực thuộc và người đứng đầu để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh hạn chế, tồn tại...

- Ủy ban nhân dân tỉnh: (i) Chỉ đạo UBND các xã, phường, đặc khu bảo vệ môi trường biển, hải đảo, rác thải nhựa và nhựa đại dương; (ii) Tập trung tổ chức thực hiện, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và giải quyết các đề xuất kiến nghị của các sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp, nhằm đẩy mạnh thu hút đầu tư, triển khai có hiệu quả các dự án kinh tế - xã hội trong tỉnh; (iii) Sớm hoàn thành các dự án, đề án trọng điểm nhằm thúc đẩy kinh tế biển của tỉnh như: công tác quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, chương trình phát triển đô thị...; (iv) Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án xây dựng hạ tầng giao thông, cảng biển; hạ tầng các khu, cụm công nghiệp; các khu đô thị ven biển và các dự án xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội khác...; (v) Tiếp tục đẩy mạnh các chương trình, hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch trong và ngoài nước; tích cực thu hút đầu tư vào các lĩnh vực như: du lịch, nuôi trồng thủy sản xa bờ, năng lượng gió, môi trường.

Từ những lợi thế, tiềm năng sẵn có và cơ hội phát triển kinh tế biển ở phía trước, tỉnh An Giang sẽ có sự “chuyển mình” mạnh mẽ hơn nữa, phát triển vượt bậc hơn nữa trong giai đoạn tới.

TĂNG CƯỜNG HỘI NHẬP, HỢP TÁC, LIÊN KẾT VÙNG - QUỐC TẾ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIÊN MẬU TỈNH AN GIANG

Sở Công thương tỉnh

An Giang là tỉnh biên giới thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long, vừa kết nối thuận lợi với các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, Thành phố Hồ Chí Minh, vừa có vị trí chiến lược quan trọng trên tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia, vừa sở hữu hệ thống cảng biển và cửa khẩu quốc tế kết nối với ASEAN. Với tiềm năng sản phẩm chủ lực đa dạng (lúa gạo, thủy sản, rau quả, hồ tiêu, trái cây), một số vùng nguyên liệu đạt chuẩn GAP, hữu cơ, có kinh nghiệm xuất khẩu sang EU, Nhật Bản, Hàn Quốc. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, nhất là khi Việt Nam tham gia nhiều Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, UKVFTA, RCEP... và quá trình liên kết vùng đồng bằng sông Cửu Long được Chính phủ quan tâm thúc đẩy (nhiều dự án hạ tầng trọng điểm như cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, nâng cấp Quốc lộ 91, cảng biển và trung tâm logistics, kết nối cửa khẩu với đường biển quốc tế). An Giang có nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế biên mậu, thương mại cửa khẩu, dịch vụ logistics, du lịch và hợp tác quốc tế.

Với nhiều cơ hội mới mở ra song hành cùng các thách thức đan xen, nội dung tham luận tập trung làm rõ thực trạng, nhận diện cơ hội - thách thức, đồng thời đưa ra các giải pháp và kiến nghị phù hợp, nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng kinh tế biên mậu, thúc đẩy liên kết vùng và hội nhập quốc tế bền vững cho tỉnh.

I- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Những kết quả nổi bật

Qua 05 năm thực hiện Nghị quyết Đảng bộ tỉnh giai đoạn 2020 - 2025 và triển khai thực hiện chủ trương về hội nhập quốc tế theo Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế, tỉnh đạt được những kết quả quan trọng: **(1)** Đến nay, tỉnh đã ký kết quan hệ hợp tác, hữu nghị với 21 địa phương của 09 quốc gia⁽¹⁷⁾ trên các lĩnh vực kinh tế, đầu tư, thương mại, nông nghiệp, thủy sản, du lịch, an ninh....; **(2)** Tỉnh đã cấp chủ trương đầu tư **1.507 dự án** cho nhà đầu tư, với tổng vốn đầu tư đạt **727.631** tỷ đồng, với 79.855 ha, trong đó có 57 dự án FDI với tổng vốn 2.777 triệu USD⁽¹⁸⁾; **(3)** Du lịch phát triển mạnh và trở thành nền kinh tế mũi nhọn, du lịch biển đảo (Phú Quốc, Hà Tiên) phát triển mạnh, hỗ trợ thương mại - dịch vụ biên mậu⁽¹⁹⁾; **(4)** Đã mở rộng thị trường xuất khẩu và quan hệ thương

¹⁷ Cụ thể gồm các địa phương: tỉnh Kampot, tỉnh Kep, tỉnh Preah Sihanouk, tỉnh Koh Kong, Thủ đô Phnom Pênh, tỉnh Kandal, tỉnh Takeo (Campuchia); tỉnh Salavan, tỉnh Champasak (Lào); tỉnh Chanthaburi, tỉnh Trat (Thái Lan), tỉnh tự trị đặc biệt Jeju, quận Buk-gu - thành phố Ulsan (Hàn Quốc); thành phố Kobe, tỉnh Yamaguchi (Nhật Bản); thành phố Lorient, tỉnh Val d'Oise (Pháp); thành phố Piteå, thành phố Växjö (Thụy Điển); bang Mecklenburg-Vorpommern (Đức); thành phố Oss - tỉnh North Brabant (Hà Lan).

¹⁸ Trong đó: trên địa bàn Đặc khu Phú Quốc chiếm tỷ trọng trên địa bàn tỉnh An Giang: 312 dự án chiếm 20,703%; tổng vốn đầu tư: 431.576 chiếm 59,321%.

¹⁹ Kiên Giang: Năm 2024 đón hơn 9,8 triệu lượt khách, trong đó khách quốc tế đạt 987,785 lượt khách, năm 2025 ước đón 10,05 triệu lượt khách du lịch, trong đó khách quốc tế ước đạt 1,2 triệu lượt khách. **An Giang** (cũ) năm 2024, có khoảng 9,1 triệu lượt khách du lịch đến tham quan, trong đó khách quốc tế là 674.631 lượt khách.

mại trên 60 quốc gia và vùng lãnh thổ; kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng bình quân đạt 7,34%/năm⁽²⁰⁾. Các tuyến vận tải biển quốc tế được mở rộng. Hệ thống cửa khẩu như Hà Tiên, Giang Thành, Tịnh Biên, Vĩnh Xương và các bến cảng biển được đầu tư nâng cấp, góp phần tạo thuận lợi cho xuất nhập khẩu và giao thương với Campuchia, Thái Lan, Singapore. Kim ngạch xuất nhập khẩu, trao đổi hàng hóa qua biên giới duy trì tăng trưởng ổn định so nhiệm kỳ trước⁽²¹⁾, mặt hàng xuất khẩu đa dạng từ gạo, thủy, hải sản, nông sản chế biến, hàng tiêu dùng...; **(5)** Tỉnh tích cực tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, hội chợ quốc tế và khu vực, đặc biệt là trong lĩnh vực thủy sản, du lịch, hàng tiêu dùng, từng bước xây dựng hình ảnh An Giang là điểm đến thương mại hấp dẫn; **(6)** Cùng với đó, tỉnh đã lãnh đạo tăng cường hợp tác với các tỉnh giáp biên của Campuchia, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị; đảm bảo quốc phòng, an ninh, góp phần giữ vững chủ quyền và ổn định tình hình an ninh, trật tự biên giới, biển đảo của tỉnh.

2. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Một số tồn tại, hạn chế

- Quy mô giao dịch biên mậu chưa tương xứng tiềm năng.
- Hạ tầng giao thông và dịch vụ logistics kết nối biên giới - cảng biển - vùng sản xuất chưa thật sự đồng bộ, thiếu các trung tâm logistics và kho bãi chuẩn quốc tế. Các dịch vụ logistics, kho bãi, trung tâm thương mại biên giới còn hạn chế quy mô.
- Năng lực cạnh tranh và khả năng tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu của một số doanh nghiệp địa phương còn hạn chế, thiếu sản phẩm đạt tiêu chuẩn cao của các thị trường khó tính.
- Cạnh tranh gay gắt từ hàng hóa các nước ASEAN và Trung Quốc.
- Biến động thị trường và rào cản kỹ thuật của các nước nhập khẩu.
- Nguy cơ buôn lậu, gian lận thương mại và hàng kém chất lượng.
- Tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, sạt lở bờ biển, xâm nhập mặn và xung đột thương mại quốc tế.

²⁰ Trên địa bàn tỉnh có khoảng 124 DN xuất khẩu, trong đó có 17 DN xuất khẩu gạo, 80 DN thủy sản, 7 DN xuất khẩu giày da, 4 DN xuất khẩu rau quả, 16 DN xuất khẩu may mặc. Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tăng trưởng ổn định qua các năm, ước thực hiện giai đoạn 2021-2025 đạt 10,41 tỷ USD, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn đạt 7,34% (riêng năm 2025 ước tính đạt 2,43 tỷ USD). Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước thực hiện giai đoạn 2021-2025 đạt 1,84 tỷ USD, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn đạt 8,37%. **Về thị trường xuất khẩu giai đoạn 2021-2025**, các thị trường truyền thống như Châu Á (Trung Quốc, Campuchia, Philippines, Malaysia, Indonesia), Châu Mỹ (Hoa Kỳ), Châu Âu (EU), Châu Phi và Châu Đại Dương tiếp tục là những thị trường chủ lực của hàng hóa An Giang. Đặc biệt, thị trường Campuchia vẫn đóng vai trò quan trọng trong tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh, chủ yếu là các mặt hàng nông sản và thủy sản. Sự đa dạng hóa thị trường đã được đẩy mạnh thông qua việc tận dụng các FTA thế hệ mới, mở ra cơ hội tiếp cận các thị trường tiềm năng khác. **Về thị trường xuất khẩu gạo:** Các DN của tỉnh đã xuất khẩu gạo đến 60 thị trường khác nhau trên thế giới. Trong đó, Indonesia là thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của tỉnh, chiếm trên 59% tổng kim ngạch; tiếp đến là thị trường Singapore chiếm 6% thị phần xuất khẩu gạo của tỉnh An Giang. **Về thị trường xuất khẩu thủy sản:** Các DN XK thủy sản của An Giang đã xuất sang 71 thị trường và hai khu vực thị trường là ASEAN & EU. Trong đó, thị trường Châu Á chiếm tỷ trọng cao nhất hơn 60% (Trung Quốc, Thái Lan, Singapore, Malaysia, Philippines,...), Châu Mỹ khoảng 20% (Colombia, Mỹ, Mexico, ...), Châu Âu khoảng 18% (Nga, Ukraina, Pháp,...).

²¹ Kim ngạch xuất khẩu qua 04 cửa khẩu của tỉnh An Giang (cũ) năm 2024 tăng 24% so năm 2020. Năm 2024 đạt gần 2,4 tỷ USD, 5 tháng đầu năm 2025 đạt gần 01 tỷ USD.

2.2. Nguyên nhân

- *Nguyên nhân khách quan*: Hoạt động thương mại phụ thuộc lớn vào tình hình khu vực. Khi có biến động chính trị, kinh tế, dịch bệnh thì giao thương bị gián đoạn. Hàng hóa từ ASEAN, Trung Quốc có giá rẻ, mẫu mã đa dạng, gây áp lực cho sản phẩm trong tỉnh. Biến đổi khí hậu ảnh hưởng nguồn cung nguyên liệu. Rào cản kỹ thuật quốc tế về các tiêu chuẩn chất lượng, truy xuất nguồn gốc, an toàn thực phẩm ngày càng khắt khe, khiến nhiều doanh nghiệp chưa kịp thích ứng.

- *Nguyên nhân về hạ tầng và logistics*: Hạ tầng chưa đồng bộ: Cửa khẩu, kho bãi, trung tâm logistics chưa đạt chuẩn quốc tế; thiếu các tuyến giao thông kết nối hiệu quả đường bộ - thủy - cảng biển. Chi phí logistics cao: Vận tải đa phương thức chưa phát triển, khiến chi phí xuất khẩu tăng, giảm sức cạnh tranh.

- *Nguyên nhân về năng lực doanh nghiệp*: Quy mô nhỏ và vốn hạn chế do phần lớn doanh nghiệp vừa và nhỏ. Thiếu chiến lược marketing quốc tế. Liên kết chuỗi yếu do sản xuất, chế biến, tiêu thụ chưa gắn kết chặt, khó đáp ứng đơn hàng lớn, ổn định.

- *Nguyên nhân về cơ chế, chính sách và quản lý*: Chưa có cơ chế đặc thù cho phát triển kinh tế biên mậu phù hợp đặc điểm tỉnh An Giang. Công tác phối hợp liên tỉnh và quốc tế đôi lúc chưa kịp thời, thông tin chưa được chia sẻ nhanh chóng. Quản lý thị trường và chống buôn lậu còn gặp khó do địa bàn biên giới dài, lực lượng mỏng, phương tiện giám sát hạn chế.

3. Bài học kinh nghiệm

- Cần phát huy vai trò chỉ đạo, điều phối của chính quyền tỉnh, bảo đảm sự thống nhất giữa các ngành, các cấp và sự phối hợp chặt chẽ với các địa phương trong vùng, cũng như đối tác quốc tế.

- Phát triển hạ tầng logistics, cửa khẩu, kho bãi, giao thông kết nối theo hướng đồng bộ, hiện đại để giảm chi phí vận chuyển và nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp về vốn, công nghệ, đào tạo nhân lực, thông tin thị trường và kỹ năng hội nhập; khuyến khích hình thành các liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ.

- Chủ động cập nhật và thực thi hiệu quả các cam kết FTA, đồng thời xây dựng thương hiệu và nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế.

- Tăng cường quản lý biên giới, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại bằng giải pháp công nghệ kết hợp với lực lượng chuyên trách, đảm bảo môi trường thương mại lành mạnh.

II- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỜI GIAN TỚI

1. Giải pháp ngắn hạn

- Đào tạo và cung cấp thông tin: Tập huấn về quy tắc xuất xứ, tiêu chuẩn FTA cho doanh nghiệp, hợp tác xã; cung cấp bản tin thị trường định kỳ.

- Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận vốn vay ưu đãi.

- Xúc tiến thương mại: Tổ chức đoàn giao thương, hội chợ tại thị trường FTA; quảng bá sản phẩm trên kênh thương mại điện tử quốc tế.
- Cải thiện thủ tục và hạ tầng cửa khẩu/cảng: Đơn giản hóa thông quan; đầu tư thiết bị kiểm dịch, kho bãi tạm.
- Phối hợp liên tỉnh và quốc tế: Chia sẻ thông tin, phối hợp chống buôn lậu, gian lận thương mại.

2. Giải pháp dài hạn

- Tổ chức triển khai thực hiện đạt kết quả Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 21/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 82-NQ/TU, ngày 27/02/2025 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 16/11/2017 của Tỉnh ủy về phát triển du lịch tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng, chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu nền kinh tế của tỉnh. Tích cực mở rộng, đa dạng hóa thị trường khách du lịch quốc tế, chú trọng các thị trường có tiềm năng, có nguồn khách lớn, có mức chi tiêu cao và lưu trú dài ngày. Quan tâm đầu tư xây dựng hạ tầng các điểm du lịch đã được quy hoạch; tích cực kêu gọi đầu tư, phát triển các khu, tuyến du lịch sinh thái ven biển, du lịch nghỉ dưỡng...

- Đầu tư hạ tầng thương mại - logistics: Nâng cấp cảng biển, cửa khẩu, xây dựng trung tâm logistics, kho lạnh tại cửa khẩu và cảng biển, kho bãi hiện đại; hoàn thiện kết nối giao thông liên vùng. Kết nối đồng bộ đường bộ, đường thủy, hàng hải giữa vùng sản xuất - cửa khẩu - cảng biển.

- Phát triển vùng nguyên liệu đạt chuẩn: Quy hoạch vùng sản xuất, nuôi trồng đạt GAP, hữu cơ; áp dụng công nghệ cao và số hóa truy xuất nguồn gốc.

- Thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị: Liên kết sản xuất - chế biến - xuất khẩu; thu hút đầu tư vào chế biến sâu nông - thủy hải sản.

- Phát triển thị trường và mặt hàng xuất khẩu: Duy trì và mở rộng thị trường truyền thống: Campuchia, ASEAN, Trung Quốc. Tăng cường khai thác thị trường ngách, thị trường có tiêu chuẩn cao như EU, Nhật Bản thông qua FTA. Hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh chế biến sâu, nâng cao giá trị gia tăng các mặt hàng chủ lực như gạo, cá tra, trái cây, rau củ. Khuyến khích xuất khẩu xanh, phát triển sản phẩm thân thiện môi trường, có chứng chỉ quốc tế (ASC, BAP, GlobalGAP...). Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử xuyên biên giới, phát triển mô hình kinh doanh số, dịch vụ logistics tại khu vực các cửa khẩu tỉnh An Giang.

- Nâng cao năng lực của doanh nghiệp, xây dựng thương hiệu xuất khẩu: Tổ chức đào tạo kỹ năng hội nhập, đàm phán, marketing quốc tế cho doanh nghiệp địa phương; hỗ trợ đăng ký chỉ dẫn địa lý; xây dựng thương hiệu mạnh cho gạo, thủy hải sản và sản phẩm chế biến; quảng bá quốc tế.

- Nâng cao năng lực quản lý: Ứng dụng công nghệ số; đào tạo cán bộ hội nhập quốc tế và quản lý thương mại biên giới.

- Tăng cường hợp tác quốc tế và liên kết vùng: Chủ động, tích cực tham gia các tổ chức, diễn đàn, cơ chế hợp tác khu vực và quốc tế, nâng cao vai trò của tỉnh trong các hoạt động này. Chuẩn bị chu đáo các điều kiện để phối hợp tổ chức thành công Tuần lễ Cấp cao APEC năm 2027 và các sự kiện liên quan tại thành phố Phú Quốc, tạo dấu ấn đối với bạn bè quốc tế. Mở rộng hợp tác thương mại - dịch vụ - du lịch với Campuchia, Thái Lan, Singapore. Tổ chức hội chợ thương mại quốc tế tại các cửa khẩu lớn. Tận dụng tối đa ưu đãi từ các FTA để mở rộng xuất khẩu nông - thủy sản và hàng chế biến. Liên kết với các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long hình thành chuỗi cung ứng - chế biến - xuất khẩu. Phối hợp đầu tư hạ tầng giao thông liên vùng, kết nối đường bộ - đường thủy - đường biển. Tăng cường hợp tác giữa An Giang (Việt Nam) - Takeo, Kandal (Campuchia) mạnh mẽ hơn trong những năm tiếp theo.

- Tăng cường quản lý thị trường và phòng chống buôn lậu: Đẩy mạnh phối hợp giữa hải quan, biên phòng, quản lý thị trường trong kiểm soát biên giới. Ứng dụng công nghệ giám sát, cảnh báo sớm để ngăn chặn gian lận thương mại.

III- ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Với Ủy ban nhân dân tỉnh: (1) Sớm ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 21/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; (2) Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế biên mậu giai đoạn 2025 - 2030 định hướng đến năm 2035, gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; (3) Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, tiếp cận vốn; (4) Quảng bá hình ảnh An Giang là “cửa ngõ thương mại quốc tế” của đồng bằng sông Cửu Long.

2. Với Trung ương: (1) Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi; (2) Hoàn thiện cơ chế, chính sách thực thi FTA: Hướng dẫn rõ ràng, dễ áp dụng; hỗ trợ tín dụng ưu đãi cho doanh nghiệp xuất khẩu; (3) Đầu tư hạ tầng cửa khẩu và cảng biển: Ưu tiên vốn nâng cấp cửa khẩu Tịnh Biên, Vĩnh Xương, Hà Tiên; cảng biển và trung tâm logistics; (4) Hỗ trợ xúc tiến thương mại quốc tế: Tiếp tục tổ chức chương trình xúc tiến thương mại quốc gia cho sản phẩm chủ lực; (5) Tăng cường hợp tác quốc tế cấp Chính phủ: Mở rộng thỏa thuận thương mại với Campuchia, Thái Lan, Malaysia qua đường bộ và đường biển; (6) Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao: Hỗ trợ đào tạo cán bộ và doanh nghiệp về hội nhập quốc tế, xuất nhập khẩu, logistics, thương mại điện tử.

3. Với doanh nghiệp: (1) Chủ động đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, đăng ký chỉ dẫn địa lý, xây dựng thương hiệu mạnh cho sản phẩm; (2) Tăng cường hoạt động xúc tiến và quảng bá quốc tế; (3) Tham gia liên kết sản xuất - tiêu thụ trong vùng và hợp tác quốc tế; (4) Tiếp tục trang bị kỹ năng hội nhập, đàm phán, marketing quốc...

Kinh tế biên mậu không chỉ là động lực tăng trưởng thương mại, mà còn là đòn bẩy thúc đẩy hội nhập, hợp tác và phát triển bền vững của tỉnh An Giang. Phát huy vai trò tiên phong của chính quyền, sức sáng tạo của doanh nghiệp và tinh thần đoàn kết của Nhân dân, cùng với sự hỗ trợ kịp thời của Trung ương và các tỉnh bạn, An Giang sẽ khai thác tối đa lợi thế về biên giới, khẳng định vị thế cửa ngõ giao thương của vùng và mở rộng cánh cửa ra thị trường quốc tế, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh An Giang nhiệm kỳ 2025 - 2030.

GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG 02 CON SỐ TRONG NHIỆM KỲ 2025 - 2030

Sở Tài chính tỉnh

Nhiệm kỳ 2020 - 2025, tỉnh An Giang triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh trong bối cảnh kinh tế thế giới biến động, chịu tác động nặng nề của đại dịch Covid-19, xung đột chính trị, đứt gãy chuỗi cung ứng và sản xuất toàn cầu. Song, với sự lãnh đạo quyết liệt của Trung ương, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, cùng với sự vào cuộc mạnh mẽ của cả hệ thống chính trị, sự đồng lòng ủng hộ của cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân, tỉnh đã nỗ lực vượt qua khó khăn, thách thức, tận dụng tốt những cơ hội để duy trì đà tăng trưởng kinh tế, GRDP bình quân 5 năm đạt 5,68%. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch tích cực, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ tăng dần, góp phần mở rộng quy mô nền kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội và tạo tiền đề quan trọng cho giai đoạn mới.

Tuy đạt nhiều kết quả quan trọng nhưng tăng trưởng kinh tế của tỉnh vẫn còn một số hạn chế. Cơ cấu chuyển dịch còn chậm, hạ tầng giao thông tuy được cải thiện nhưng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, thu hút đầu tư chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của tỉnh, các động lực tăng trưởng mới như kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, đổi mới sáng tạo vẫn còn ở giai đoạn bước đầu, chưa mang lại hiệu quả. Chính những hạn chế và thách thức này đã giúp tỉnh nhìn nhận rõ hơn những vấn đề còn tồn tại, những điểm nghẽn cần được tháo gỡ, từ đó xác định những nhiệm vụ trọng tâm cần ưu tiên, lựa chọn những giải pháp để mạnh mẽ vươn lên. Đây sẽ là cơ sở quan trọng để tỉnh An Giang hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng đạt mức 02 con số một cách thực chất, bền vững và bao trùm trong nhiệm kỳ 2025 - 2030.

An Giang có vị trí địa chiến lược đặc biệt quan trọng, nằm ở phía Tây Nam của Tổ quốc, không chỉ sở hữu đường bờ biển dài hơn 200km với các cụm đảo Phú Quốc, Nam Du,... mà còn có tuyến biên giới gần 148km giáp Vương quốc Campuchia. Đồng thời, tỉnh có diện tích hơn 9.888,91km² với đầy đủ các yếu tố “Đồng bằng - đồi núi - rừng - biển đảo”; “biên giới - nội địa”, tất cả tạo nên một không gian phát triển đa dạng, có sự kết hợp hài hòa giữa kinh tế biển, kinh tế biên giới và kinh tế nông nghiệp đặc trưng vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Bên cạnh đó, quy mô dân số gần 05 triệu người không chỉ tạo ra nguồn nhân lực tại chỗ dồi dào, thị trường tiêu dùng nội địa rộng mà còn thu hút mạnh mẽ hơn nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước. Từ đó mang lại cho tỉnh những lợi thế cạnh tranh khác biệt và cơ hội nổi trội cho sự tăng trưởng trong giai đoạn tới.

Thứ nhất, tỉnh An Giang hội tụ đầy đủ điều kiện để phát triển kinh tế nông nghiệp, gắn với phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, lấy Vùng Tứ giác Long Xuyên làm trung tâm và động lực chính cho sự phát triển kinh tế nông nghiệp; tập trung phát triển ngành công nghiệp chế biến sâu, chế biến tinh; nuôi trồng thủy

sản, được liệu quy mô lớn để gia tăng giá trị gắn kết với nuôi biển công nghệ cao nâng cao thu nhập người dân.

Thứ hai, với hệ thống các cửa khẩu (trong đó có 03 cửa khẩu quốc tế), đây là lợi thế lớn để An Giang đẩy mạnh giao thương, phát triển thương mại biên giới, logistics, dịch vụ cửa khẩu, kết nối với Vương quốc Cam-pu-chia và các nước tiểu vùng sông Mekong, đặc biệt khi các tuyến cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu, tuyến N1 hoàn thành sẽ mở ra không gian và nhiều cơ hội đầu tư mới cho phát triển kinh tế biên mậu gắn với các tỉnh, thành phố vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Thành phố Hồ Chí Minh.

Thứ ba, ngành Du lịch còn rất nhiều tiềm năng, dư địa, không gian phát triển rất phong phú và đa dạng, có núi, biển đảo, rừng nguyên sinh, ngập mặn và văn hóa dân tộc giàu sắc thái gắn với tâm linh, tín ngưỡng, là cơ hội, điều kiện thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư lớn đến đầu tư và mở các tour, tuyến du lịch kết nối từ du lịch nghỉ dưỡng, biển, đảo (Phú Quốc, Nam Du, Hà Tiên,...) đến du lịch di sản văn hóa, sinh thái - tâm linh (Châu Đốc, Tịnh Biên, Rừng U Minh Thượng, Rừng tràm Trà Sư,...) thu hút mạnh mẽ du khách trong và ngoài nước.

Đặc biệt, tỉnh An Giang được chọn đăng cai tổ chức Tuần lễ Cấp cao APEC 2027, đây là cơ hội rất lớn để quảng bá hình ảnh, nâng cao vị thế quốc tế, đồng thời thu hút dòng vốn FDI, ODA và hợp tác công - tư; qua đó mở rộng phát triển thương mại, dịch vụ - du lịch biển đảo, logistics chất lượng cao sẽ tạo động lực mạnh mẽ cho tăng trưởng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh, bền vững.

Trước những tiềm năng, lợi thế của tỉnh, cùng với sự phát triển mạnh mẽ nhờ vào tiến trình chuyển đổi số, hội nhập quốc tế sâu rộng đã mở ra cơ hội lớn cho tỉnh An Giang phát triển nhanh và bền vững. Tuy nhiên, thách thức cũng không nhỏ, khi các vấn đề về biến động thị trường, chi phí đầu vào, thiếu hụt lao động chất lượng cao và sức ép cạnh tranh ngày càng gia tăng. Trong bối cảnh đó, việc xác định mục tiêu tăng trưởng kinh tế 02 con số không chỉ thể hiện tinh thần khát vọng vươn lên mạnh mẽ mà còn là nhiệm vụ lớn đòi hỏi phải có sự đổi mới toàn diện về tư duy, mô hình và cách thức điều hành phát triển kinh tế.

Đến năm 2030, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng lên 25%, dịch vụ 50% và giảm dần khu vực nông nghiệp còn khoảng 20% nhưng vẫn gia tăng giá trị, thu nhập cho người dân, đảm bảo an ninh lương thực và phát triển bền vững. Để đạt được tốc độ tăng trưởng 02 con số trong nhiệm kỳ 2025 - 2030, tỉnh cần xác định các tiềm năng, lợi thế, sắp xếp không gian phát triển, điều chỉnh quy hoạch tỉnh, tập trung các nguồn lực, xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện, cần tập trung các nhiệm vụ, giải pháp sau:

Một là, phát huy hiệu quả 04 Nghị quyết số 57, 59, 66 và 68 của Bộ Chính trị trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Hai là, tập trung phát triển kinh tế nông nghiệp hiện đại, bền vững và có giá trị gia tăng cao, thông qua áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, sản xuất thông minh theo hướng xanh, tuần hoàn, số hóa,... tạo nền tảng thúc đẩy phát triển công

nghiệp chế biến sâu, chế biến tinh gắn với vùng nguyên liệu tập trung theo định hướng quy hoạch ngành nông nghiệp, trong đó cần phát triển các trung tâm nghiên cứu giống, đẩy mạnh nuôi biển mà tỉnh An Giang có thể mạnh.

Ba là, tập trung đổi mới mô hình, chất lượng tăng trưởng ngành công nghiệp từ chiều rộng sang chiều sâu; đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển các ngành công nghiệp trọng tâm như: công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm, dược liệu, năng lượng tái tạo; may mặc, giày da, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng.

Bốn là, phát triển dịch vụ du lịch tỉnh An Giang trở thành thương hiệu mạnh quốc gia và quốc tế, lấy Phú Quốc làm trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng đẳng cấp quốc tế, là điểm đến để dẫn dắt, kết nối với khu, điểm du lịch quan trọng khác như Núi Cấm, Núi Sam, Rừng tràm Trà Sư, U Minh Thượng, vùng nông thôn sinh thái sông nước; kết hợp với phát triển kinh tế ban đêm ở các đô thị lớn Rạch Giá, Long Xuyên, Châu Đốc và Hà Tiên tạo ra hệ thống dịch vụ du lịch liên hoàn và thông suốt.

Năm là, tổ chức lập, điều chỉnh và thực hiện quy hoạch tỉnh, các quy hoạch chuyên ngành một cách đồng bộ, chú trọng quy hoạch không gian biển của đặc khu Phú Quốc và Kiên Hải gắn với đặc khu Thổ Châu phù hợp với quy hoạch không gian biển quốc gia để tập trung nguồn lực đầu tư hạ tầng kết nối, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư vào những lĩnh vực tiềm năng, lợi thế góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Sáu là, hoàn thiện các tuyến đường Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu; các tuyến Quốc lộ 91, 80, N1, Vàm Cống - Rạch Sỏi, các tuyến kết nối nội tỉnh: Rạch Giá - Long Xuyên, Châu Đốc - Hà Tiên, nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc, sân bay Rạch Giá, cảng sông, cảng biển để kết nối thông suốt với các tuyến giao thông đối nội đến các trung tâm kinh tế lớn Rạch Giá, Long Xuyên, Châu Đốc, Hà Tiên, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, vùng sản xuất và các khu, điểm du lịch trọng điểm của tỉnh, để làm đòn bẩy thu hút đầu tư phát triển du lịch, công nghiệp, dịch vụ logistics góp phần thúc đẩy tăng trưởng.

Bảy là, thúc đẩy đầu tư phát triển các đô thị, vùng kinh tế động lực của tỉnh, đặc khu Phú Quốc, Rạch Giá, Long Xuyên, Châu Đốc, Hà Tiên trở thành các đô thị du lịch, sinh thái, tâm linh và nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí đạt tầm cỡ quốc tế; thương mại - dịch vụ tổng hợp và chuyên ngành; trung tâm khoa học và công nghệ, nông nghiệp và thủy sản, thương mại biên giới để lan tỏa sang các vùng, khu vực khác để phát triển các lĩnh vực kinh tế của tỉnh.

Tám là, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tạo mọi điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp đang hoạt động mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, góp phần tăng trưởng kinh tế của tỉnh; tập trung thực hiện các cơ chế, chính sách mới của Trung ương theo Nghị quyết số 68 của Bộ Chính trị để phát triển các doanh nghiệp mới ở các lĩnh vực quan trọng như phát triển thương mại - dịch vụ và du lịch, logistics, nuôi biển công nghệ cao, công nghiệp chế biến sâu, chế biến tinh, năng lượng tái tạo.

Chín là, thực hiện đồng bộ các chính sách thu hút, đãi ngộ nhân tài và bồi dưỡng nguồn nhân lực, nhất là phát triển đội ngũ trí thức, các chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành trong lĩnh vực then chốt, trọng yếu, lĩnh vực mới, đặc biệt là lĩnh vực khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh để tạo động lực mới thúc đẩy tăng trưởng.

Ngoài các nhiệm vụ, giải pháp nêu trên, để đạt được tốc độ tăng trưởng 02 con số, cần có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự tham gia ủng hộ của cộng đồng doanh nghiệp và người dân, sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành để xây dựng kế hoạch, lộ trình tổ chức triển khai thực hiện nhằm đạt mục tiêu đề ra.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TRỞ THÀNH MỘT ĐỘNG LỰC QUAN TRỌNG NHẤT CỦA NỀN KINH TẾ TỈNH AN GIANG

Sở Tài chính tỉnh

Trong nhiệm kỳ vừa qua, dưới sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy, HĐND - UBND tỉnh về phát triển kinh tế tư nhân, cộng đồng các doanh nghiệp tại An Giang không ngừng phát triển về mọi mặt, ngày càng khẳng định vai trò là động lực quan trọng của nền kinh tế, từng bước nâng cao uy tín, thương hiệu và sức cạnh tranh, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, tạo ra nhiều việc làm, cải thiện đời sống Nhân dân, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội.

Trong giai đoạn 2021 - 2025, toàn tỉnh có khoảng 12.300 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, với tổng vốn đăng ký gần 258.000 tỷ đồng. Lũy kế đến cuối năm 2025, toàn tỉnh có khoảng 20.000 doanh nghiệp đang hoạt động với tổng vốn đăng ký gần 308.000 tỷ đồng. Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, thách thức nhưng sự phát triển của kinh tế tư nhân đã đóng góp vào tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân 5 năm đạt 5,68%, tổng thu ngân sách ước đạt khoảng 113.000 tỷ đồng, tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt trên 325.000 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân 9,76%/năm, chiếm 27,19% GRDP.

Mặc dù có nhiều đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà, song, sự phát triển khu vực kinh tế tư nhân vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: chưa phát huy hết tiềm năng, nội lực của mình và chưa đóng góp tương xứng cho kinh tế; các doanh nghiệp tư nhân trong tỉnh phần lớn có quy mô nhỏ và vừa, siêu nhỏ, sức cạnh tranh, hiệu quả hoạt động, kỹ năng quản trị còn hạn chế; năng suất lao động chưa cao; tỷ lệ doanh nghiệp tư nhân tham gia vào chuỗi cung ứng và chuỗi sản xuất toàn cầu còn thấp. Việc tiếp cận các nguồn lực còn khó khăn, nhất là về tài chính, tín dụng, đất đai. Chính sách hỗ trợ, ưu đãi cho khu vực kinh tế tư nhân ở một số lĩnh vực còn thiếu tính thực tiễn, chưa đồng bộ và khó tiếp cận. Một bộ phận doanh nghiệp tư nhân chưa nghiêm túc tuân thủ pháp luật, thông tin chưa minh bạch, thiếu tầm nhìn chiến lược; đạo đức, văn hóa kinh doanh còn hạn chế (*cạnh tranh thiếu lành mạnh, sản xuất hàng nhái, hàng kém chất lượng, vi phạm hợp đồng...*).

Những tồn tại, hạn chế nêu trên có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chủ quan là chủ yếu; trong đó, tư duy, nhận thức về vị trí, vai trò của kinh tế tư nhân trong nền kinh tế còn chưa đầy đủ, chưa theo kịp yêu cầu phát triển; thể chế vẫn còn là rào cản cần phải tiếp tục hoàn thiện để thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân.

Để khu vực kinh tế tư nhân tiếp tục phát triển trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế tỉnh An Giang trong kỷ nguyên mới, cần nhìn nhận và đánh giá khách quan về tầm quan trọng, vị trí, vai trò, mặt mạnh, điểm yếu của khu vực kinh tế tư nhân trong tỉnh. Từ đó có những nhiệm vụ, giải pháp, vận dụng cơ chế chính

sách của Trung ương, đồng thời ban hành cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của địa phương cho phép theo luật định đảm bảo sát thực tiễn, đáp ứng nhu cầu để khu vực kinh tế tư nhân, các doanh nghiệp, tập đoàn lớn tham gia đầu tư, phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh, từng bước phát triển để kinh tế tư nhân thực sự trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế. Từ đó lan tỏa, thúc đẩy các khu vực kinh tế khác phát triển như kinh tế Nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tạo thành sức mạnh tổng hợp, đóng góp chung vào tăng trưởng, tạo công ăn việc làm, đảm bảo an sinh xã hội góp phần phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, Sở Tài chính xin đề xuất một số nội dung trọng tâm để phát triển kinh tế tư nhân trong thời gian tới như sau:

Thứ nhất, tập trung quán triệt và triển khai có hiệu quả những mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo Chương trình hành động của Tỉnh ủy, Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế tư nhân theo Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, song song với 03 Nghị quyết quan trọng khác gồm Nghị quyết số 57, 59 và 66 của Bộ Chính trị. Trong đó, cần tạo cơ chế, chính sách cụ thể, rõ ràng, vượt trội, phù hợp với thẩm quyền và điều kiện thực tế của tỉnh để thu hút mạnh mẽ khu vực kinh tế tư nhân tham gia đầu tư, khai thác đầy đủ những tiềm năng, lợi thế của tỉnh dựa trên 03 trụ cột kinh tế (*kinh tế biển, kinh tế biên mậu và kinh tế nông nghiệp*) và các lĩnh vực, ngành nghề ưu tiên khác theo định hướng Quy hoạch tỉnh và Quy hoạch không gian biển quốc gia.

Thứ hai, đổi mới tư duy, thống nhất cao về nhận thức và hành động, khơi dậy niềm tin và khát vọng phát triển, tạo động lực mới, khí thế mới để phát triển kinh tế tư nhân.

Nhất quán trong nhận thức và hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền, cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân về vị trí, vai trò của kinh tế tư nhân; củng cố niềm tin, khát vọng vươn lên và hành động mạnh mẽ của kinh tế tư nhân tỉnh trong kỷ nguyên mới. Nhà nước kiến tạo, phục vụ, hỗ trợ kinh tế tư nhân phát triển nhanh, bền vững, xây dựng mối quan hệ gắn bó, chia sẻ, cởi mở, thân thiện, đồng hành giữa chính quyền với doanh nghiệp.

Xác định phát triển kinh tế tư nhân là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu để các cấp, các ngành tập trung lãnh đạo, chỉ đạo điều hành thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển doanh nghiệp được giao. Thường xuyên nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, đảng viên về đạo đức công vụ, gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về trách nhiệm, thái độ phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Đẩy mạnh phong trào khởi nghiệp và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đưa tinh thần khởi nghiệp đến với mọi người dân, trong đó chú trọng khơi dậy niềm đam mê, khát vọng làm giàu chính đáng cho bản thân, gia đình và xã hội đến với mọi thành phần kinh tế, tạo lập môi trường thuận lợi để thúc đẩy, hỗ trợ thanh niên, phụ nữ trong quá trình khởi sự kinh doanh và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Thứ ba, tạo thuận lợi cho kinh tế tư nhân tiếp cận các dự án đầu tư chiến lược, các nguồn lực về đất đai, vốn, nhân lực chất lượng cao.

Rà soát, cập nhật các quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, hợp lý, định hướng, sắp xếp lại không gian phát triển, đề xuất các dự án hạ tầng chiến lược, lựa chọn các ngành nghề, lĩnh vực ưu tiên còn nhiều tiềm năng, dự địa phát triển để mời gọi các loại hình kinh tế tư nhân (doanh nghiệp, tập đoàn lớn trong nước) tham gia đầu tư và mở rộng quy mô, từng bước hình thành các doanh nghiệp lớn, đầu tư một số lĩnh vực quan trọng, dẫn dắt các thành phần kinh tế khác tham gia, trong đó có doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp mới thành lập, tham gia sâu vào chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước, khu vực và thế giới, đảm bảo phát triển bền vững kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh.

Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án còn vướng thủ tục pháp lý, chậm tiến độ, đặc biệt là các dự án bất động sản và các dự án lớn của tỉnh; đưa vào khai thác nguồn lực đất đai, cơ sở vật chất, hạ tầng công ích, trụ sở, tài sản dôi dư không sử dụng để khơi thông nguồn lực, tránh lãng phí. Cần có chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo thuê nhà, đất là tài sản công chưa sử dụng hoặc không sử dụng tại địa phương.

Rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách tín dụng dành cho kinh tế tư nhân. Ưu tiên một phần nguồn tín dụng thương mại để dành cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo vay vốn để đầu tư máy móc, thiết bị, công nghệ mới, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và tín dụng xuất khẩu, tín dụng theo chuỗi cung ứng.

Chú trọng xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao. Nâng cao chất lượng đào tạo của các cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh xã hội hóa việc đào tạo nghề; mở rộng các hình thức đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp và định hướng phát triển của tỉnh.

Thứ tư, thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh doanh hiệu quả, bền vững trong kinh tế tư nhân.

Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trong khu vực kinh tế tư nhân. Tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp tư nhân tham gia nghiên cứu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, dữ liệu lớn, thương mại điện tử, công nghệ tài chính, y tế thông minh.

Hỗ trợ về chính sách, thiết bị và thuế cho doanh nghiệp ứng dụng các giải pháp công nghệ số, chuyển đổi số, đổi mới công nghệ, từng bước làm chủ về công nghệ, chủ động tiếp cận, xây dựng các sản phẩm và sáng tạo các dịch vụ, giải pháp, mô hình kinh doanh mới dựa trên nền tảng công nghệ số, tạo ra các sản phẩm mang thương hiệu An Giang, góp phần phát triển kinh tế số. Triển khai có hiệu quả các chính sách miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, công ty quản lý quỹ đầu tư mạo hiểm, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

Thứ năm, tăng cường kết nối giữa các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp tư nhân với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp FDI.

Khuyến khích việc liên kết, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp; hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp có quy mô lớn, có khả năng hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, khẳng định vị trí của doanh nghiệp tại thị trường trong nước, khu vực và thế giới.

Nhà nước hỗ trợ các dịch vụ tư vấn, xúc tiến thương mại, đầu tư để kết nối các doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp nội địa tại các cụm công nghiệp, khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu trong tỉnh. Đẩy mạnh hỗ trợ khởi nghiệp cho đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật từng làm việc tại các doanh nghiệp FDI nhằm tận dụng kinh nghiệm, kiến thức chuyên môn, mô hình quản trị và mối quan hệ để phát triển doanh nghiệp mới, tham gia vào chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng trong khu vực và thế giới.

Thứ sáu, hình thành và phát triển nhanh các doanh nghiệp vừa và lớn, tập đoàn kinh tế tư nhân.

Khuyến khích khu vực kinh tế tư nhân tham gia triển khai thực hiện các lĩnh vực chiến lược, các dự án, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, chuyển đổi số trọng điểm của tỉnh. Vận dụng cơ chế, chính sách của Trung ương về đặt hàng, đấu thầu hạn chế, chỉ định thầu hoặc ưu đãi phù hợp để thu hút doanh nghiệp tư nhân tham gia cùng Nhà nước đầu tư phát triển các lĩnh vực chiến lược như: công nghiệp mũi nhọn, hạ tầng năng lượng, hạ tầng số, giao thông xanh, công nghiệp quốc phòng - an ninh và các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng điểm, cấp bách. Đồng thời, có giải pháp thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư, phát triển dịch vụ y tế, giáo dục chất lượng cao; công nghiệp văn hóa và công nghiệp giải trí.

Thứ bảy, cần chuyển đổi tư duy quản lý từ “*cấp phép, cho phép*” sang “*đồng hành, kiến tạo, hỗ trợ và phục vụ*” doanh nghiệp theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương. Chủ động rà soát, cập nhật, ban hành kịp thời các chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo thẩm quyền phù hợp với điều kiện thực tiễn và định hướng phát triển của tỉnh.

Thứ tám, tham gia có hiệu quả Chương trình phát triển 1.000 doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong trong khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ do Trung ương xây dựng và triển khai.

Thứ chín, phát huy vai trò và hiệu quả của Tổ công tác hỗ trợ đầu tư triển khai các dự án trên địa bàn tỉnh, trong đó tích cực hỗ trợ nhà đầu tư từ khâu khảo sát vị trí, địa điểm đến khi thực hiện hoàn thành các thủ tục đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư và triển khai thực hiện dự án. Rút ngắn tối đa thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho nhà đầu tư, kịp thời giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp thẩm quyền giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình đầu tư dự án, luôn luôn đồng hành, chia sẻ cùng doanh nghiệp, nhà đầu tư để họ yên tâm đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Để kinh tế tư nhân thực sự chuyển mình, từng bước trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế, đóng góp lớn cho tăng trưởng như mục tiêu đặt ra, cần có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự tham gia ủng hộ của cộng đồng doanh nghiệp, sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành để triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp, cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân đến năm 2030.

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG GIAO THÔNG PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH AN GIANG

Sở Xây dựng tỉnh

Giai đoạn 2020 - 2025, kết cấu hạ tầng giao thông đã có bước chuyển biến mạnh mẽ, các tuyến giao thông trọng yếu về đường bộ, đường thủy nội địa, cảng biển, cảng hàng không đã hoàn thành đưa vào khai thác, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao đời sống của Nhân dân. Việc sử dụng có hiệu quả các nguồn ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn chương trình mục tiêu quốc gia, vốn vay ODA... đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, có tác động trực tiếp đến phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh. Tuy nhiên, với điểm xuất phát thấp, cơ sở hạ tầng giao thông mặc dù có bước phát triển khá cao, nhưng thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới. Khả năng kết nối hệ thống giao thông, đặc biệt là hạ tầng giao thông quan trọng (Hải cảng, các tuyến quốc lộ, đường tỉnh; đầu mối giao thông; bến bãi...) đến thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long; đến các cụm công nghiệp, các khu du lịch, các đầu mối giao thông với hệ thống đường huyện, xã còn nhiều hạn chế; nhiều tuyến đường thủy quốc gia chưa được quan tâm đầu tư cải tạo, nạo vét, dẫn đến luồng lạch ngày càng bị bồi lắng và dần bị thu hẹp, ảnh hưởng nhiều đến chí phí vận doanh và chất lượng sản phẩm.

Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, trong bối cảnh còn nhiều khó khăn do ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19; kinh tế vĩ mô cơ bản được ổn định, niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và người dân tăng lên. Chất lượng tăng trưởng kinh tế từng bước được cải thiện, cơ cấu kinh tế bước đầu chuyển dịch tăng dần dịch vụ và nông - lâm - thủy sản. Bên cạnh đó, tỉnh cũng sẽ phải đối mặt với nhiều vấn đề thách thức lớn như biến đổi khí hậu, nước biển dâng và tình trạng khan hiếm nguồn nguyên vật liệu phục vụ thi công các công trình trọng điểm của tỉnh và khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Chương trình hành động số 07-Ctr/TU, ngày 02/4/2021 của Tỉnh ủy; Quyết định số 542/QĐ-UBND, ngày 28/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Đề án “Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là giao thông trên địa bàn tỉnh Kiên Giang”; Kế hoạch số 238/KH-UBND, ngày 10/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Đề án “Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là giao thông trên địa bàn tỉnh Kiên Giang”; Kế hoạch số 237/KH-UBND, ngày 23/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư phát triển giao thông nông thôn năm 2021 và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định 138/QĐ-UBND, ngày 17/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 của tỉnh An Giang; Kế hoạch số 49/KH-UBND, ngày 17/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2024 của tỉnh An Giang; Kế hoạch 2696/KH-SGTVT,

ngày 20/11/2023 của Sở Giao thông Vận tải về phát triển ngành giao thông vận tải năm 2024 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 729/KH-SGTVT, ngày 09/4/2024 về việc triển khai một số công tác trọng tâm năm 2024.

I- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Những kết quả nổi bật

Qua 05 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội trong bối cảnh đất nước và tỉnh ta có nhiều khó khăn, thách thức do ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19, nền kinh tế đang dần hồi phục; tình hình giá nguyên, nhiên vật liệu tăng cao trong thời gian qua; nguồn vật tư, nguyên liệu khan hiếm; tình hình lạm phát được kiểm soát. Với sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và sự quyết tâm, cố gắng nỗ lực của các ngành, các cấp chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội. Đã tập trung thu hút nguồn lực, tranh thủ và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn Trung ương đầu tư qua địa bàn; huy động vốn ngoài ngân sách để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; ưu tiên vốn cho các dự án trọng điểm, có tính cấp bách về giao thông. Với kết quả đạt được sau 5 năm, hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư, trong đó, hạ tầng giao thông đã có bước phát triển mạnh, từng bước đồng bộ; hạ tầng đô thị, công nghiệp được đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư và có bước chuyển biến tích cực, thay đổi nhanh chóng; hạ tầng du lịch được quan tâm đầu tư hoàn thiện, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, xóa đói giảm nghèo, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của Nhân dân.

Kết quả huy động nguồn lực ước thực hiện từ 2020 - 2025 khoảng 47.430 tỷ đồng. Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, UBND tỉnh, các dự án giao thông trọng điểm này đã được ưu tiên tập trung nguồn lực để thực hiện đầu tư. Đến nay đã có 100% dự án được UBND tỉnh phê duyệt, được khởi công xây lắp 66/66 dự án, đã hoàn thành 49/66 dự án đưa vào sử dụng, đạt tỷ lệ trên 89%.

Cùng với việc đầu tư xây dựng mới hệ thống các tuyến đường cao tốc, quốc lộ, đường tỉnh,... thì công tác quản lý, bảo trì các tuyến đường hiện hữu cũng là nhiệm vụ trọng tâm, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương, đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến. Hằng năm được sự quan tâm của UBND tỉnh và Bộ Xây dựng đã bố trí nhiều nguồn vốn giai đoạn 2021 - 2025, nguồn vốn bảo trì các tuyến quốc lộ 630 tỷ đồng, nguồn vốn kinh phí sự nghiệp địa phương 1.152 tỷ đồng nhằm cải thiện mặt đường, nâng cao tuổi thọ của công trình, xử lý những vị trí tiềm ẩn mất an toàn giao thông. Những công trình sửa chữa đảm bảo tiến độ đầu tư, góp phần đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến, góp phần phát triển kinh tế địa phương.

a) Về đường bộ

- Các tuyến cao tốc, quốc lộ: Phối hợp với cơ quan chuyên môn của Bộ Giao thông Vận tải triển khai công tác giải phóng mặt bằng dự án cao tốc Cần Thơ - Cà Mau; đường Hồ Chí Minh (đoạn Rạch Sỏi - Bến Nhứt, Gò Quao - Vĩnh Thuận). Cải tạo nâng cấp các tuyến quốc lộ giao địa phương quản lý là 663 tỷ/663 tỷ đồng như hoàn thành tuyến Quốc lộ 61, đoạn từ Rạch Sỏi - Minh Lương, Quốc lộ 80,

đoạn từ Ba Hòn đến Hà Tiên (hoàn thành năm 2024). Phối hợp triển khai bước tiền khả thi dự án đường cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu với tổng vốn đầu tư khoảng 80.836 tỷ đồng. Nghiệm thu đưa vào sử dụng các công trình: Dự án thành phần 1 Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng. Dự án Tuyến tránh thành phố Long Xuyên (QL91), Tuyến đường liên kết vùng Tân Châu - Châu Đốc - Kiên Giang - Đồng Tháp (tuyến N1), Cầu Đa Phước - Vĩnh Trường (QL91C), Cầu An Phú - Vĩnh Trường và đường dẫn vào cầu, kết nối thông tuyến với Quốc lộ 91C.

- Các tuyến đường tỉnh (ĐT): Với tổng kinh phí xác định trong kế hoạch đầu tư công trung hạn đến hết năm 2025 khoảng 5.027 tỷ/8.438 tỷ đồng đạt 59,58% kế hoạch vốn dự kiến huy động, dự kiến triển khai đầu tư xây dựng 152km/263km đường và 3.640m/5.320m dài cầu. Các dự án hoàn thành đưa vào khai thác: Đường đê biển qua thành phố Rạch Giá; Đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh - đoạn qua địa bàn Rạch Giá; tuyến đường ven biển từ Rạch Giá - Hòn Đất; Đường tỉnh 958 (tuyến Tri Tôn - Vàm Rầy); Xây dựng cầu Mướp Vắn - ĐT.943; Xây dựng cầu Kênh Xáng - ĐT 946; Cầu Sắt Giữa (ĐT.955B), Cầu Nghĩa trang liệt sĩ - ĐT.952; nâng cấp, mở rộng đường vào Khu di tích đặc biệt Óc Eo - Ba Thê thuộc Đường tỉnh 943 (đoạn từ cầu Thoại Giang đến cầu Mướp Vắn)...

- Hệ thống đường huyện, thành phố (trước đây): Với các nguồn vốn huy động dự kiến đến hết năm 2025 khoảng 4.128 tỷ/4.348 tỷ đồng đạt 94,94% kế hoạch vốn dự kiến huy động, dự kiến triển khai đầu tư xây dựng 95km/112km đường và 1.613m/1.733m dài cầu.

- Giao thông nông thôn: Tiếp tục thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, hoàn thành 100% chỉ tiêu về giao thông đạt tiêu chuẩn nông thôn mới, xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu. Tập trung xây dựng mới và nâng cấp các tuyến đường GTNT đạt tiêu chuẩn đường cấp B, để nâng chỉ số mật độ đường GTNT đảm bảo mức độ bao phủ đường GTNT rộng khắp, phục vụ tốt nhu cầu đi lại của Nhân dân và kết nối hợp lý với mạng lưới đường tỉnh và đường huyện.

b) Về hạ tầng đường thủy nội địa

Triển khai lập quy hoạch và hoàn thành lập đề xuất chủ trương đầu tư bến thủy Xẻo Nhàu, Luỹnh Huỳnh; bến cập tàu tại đảo Hòn Tre, Lại Sơn, An Sơn; bến cập tàu Hòn Nghệ; Đóng mới tàu Thỏ Châu... Phối hợp triển khai nạo vét kênh Vĩnh Tế 39 tỷ đồng; nâng tĩnh không cầu Vàm Xáng Thị Đội 210 tỷ đồng và nạo vét các cửa biển phục vụ cho vận tải đường thủy từ đất liền ra đảo an toàn thuận lợi.

c) Về hạ tầng hàng hải

Tiếp tục triển khai các hạng mục còn lại của dự án như: nhà ga, sân bãi, đường dẫn vào cảng, hệ thống phao tiêu báo hiệu và nạo vét luồng (từ nguồn vốn ngân sách địa phương là 476 tỷ đồng, chiếm 29% so với tổng mức đầu tư) Cảng hành khách quốc tế Phú Quốc, song song đó thực hiện các thủ tục công bố cảng theo quy định để đưa vào khai thác; dự kiến xây dựng hoàn thành năm 2025 Cảng hành khách Rạch Giá. Phối hợp nhà đầu tư tiếp tục triển khai xây dựng cảng Vịnh

Đàm. Theo kế hoạch một số công trình hàng hải chưa được triển khai xây dựng như: Xây dựng cảng tổng hợp tại Mũi Đất Đỏ, cảng Hòn Chông.

d) Về hàng không

Triển khai đầu tư Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc quy mô diện tích 1.050 ha; cấp 4E, công suất 18 triệu hành khách/năm (kéo dài đường cất hạ cánh hiện hữu lên 3.500m; đường cất hạ cánh số 2 làm mới dài 3.300m; xây dựng nhà ga T2 và nhà ga VIP; sân đỗ máy bay từ 70-80 chỗ; kêu gọi đầu tư nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Rạch Giá. Và phát triển đường bay trực tiếp từ các quốc gia, địa bàn trọng điểm đến Phú Quốc nhằm thúc đẩy đầu tư phát triển, tăng cường giao lưu, hội nhập quốc tế.

e) Về phát triển vận tải

Theo số liệu rà soát điều chỉnh với Cục Thống kê tỉnh, tổng sản lượng vận tải hàng hóa ước thực hiện đến hết năm 2025 là 75,975 triệu tấn, luân chuyển hàng hoá đạt 6.405.491 ngàn tấn; vận chuyển hành khách ước đến hết năm 2025 là 243.399 ngàn lượt người; luân chuyển hành khách ước đến hết năm 2025 là 19.089.903 ngàn người/km, với tốc độ tăng bình quân từ 7% - 9%, đáp ứng nhu cầu vận tải với chất lượng ngày càng cao, giá cả hợp lý đảm bảo an toàn, tiện lợi.

f) Nghiên cứu đề xuất các dự án trọng điểm sử dụng vốn từ nguồn đấu giá quyền sử dụng đất để phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

- Đầu tư hạ tầng khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp: Đã triển khai giao thông kết nối đến các khu chức năng trong các khu kinh tế gồm: Tuyến tránh thành phố Rạch Giá, Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 80 (đoạn từ Ba Hòn - Hà Tiên), Nâng cấp mở rộng ĐT.971 (đoạn từ Quốc lộ 80 đến ngã ba Hòn Trẹm). Đến nay chỉ đầu tư phát triển được 02 KCN (KCN Thạnh Lộc và KCN Thuận Yên), trong khi tỉnh An Giang có tới 05 KCN được Thủ tướng Chính phủ đưa vào quy hoạch phát triển.

- Đầu tư hạ tầng du lịch: Đã đưa vào khai thác các dự án như: Khu di tích lịch sử thắng cảnh Mo So và hồ Hoa Mai; đường vào khu du lịch Ba Hòn; đường vào khu du lịch Cây Gòn; nâng cấp, mở rộng đường trục chính vào điểm du lịch Cây Gòn (đoạn Cây Gòn - kênh 14).

- Đầu tư hạ tầng đô thị: Không gian đô thị được mở rộng, kết cấu hạ tầng đô thị được quan tâm đầu tư nâng cấp, mở rộng theo hướng ngày càng đồng bộ và hiệu quả hơn; chất lượng sống của cư dân đô thị từng bước được nâng cao về dịch vụ công cộng, cải thiện điều kiện môi trường và giao thông đô thị.

- Kết cấu hạ tầng đô thị được quan tâm đầu tư nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới, nâng tổng tuyến đường lên 758 tuyến (tăng 93 tuyến so với năm 2020) với tổng chiều dài 727,96km đã được nhựa (bê tông) hóa 58%, chủ yếu tập trung nội thành, nội thị như: đô thị Rạch Giá, đô thị Hà Tiên, đặc khu Phú Quốc.

2. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế: Công tác giải phóng mặt bằng các dự án được các địa phương tập trung hỗ trợ giải quyết, vẫn còn khó khăn; tình trạng khan hiếm vật liệu làm ảnh hưởng đến tiến độ dự án,

đặc biệt đối với các dự án trọng điểm. Việc nghiên cứu, chuyển đổi mô hình quản lý, chuyển nhượng quyền khai thác một số công trình hạ tầng giao thông còn hạn chế. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều hạn chế, đầu tư thiếu đồng bộ, chưa hiện đại, tính kết nối chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, như:

- Hạ tầng giao thông chậm kết nối, các công trình trọng điểm có sức lan tỏa chậm triển khai như: Đường bộ ven biển kết nối tỉnh An Giang với tỉnh Cà Mau; Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.963 đoạn QL80 - Vị Thanh; tiến độ xây dựng Cảng hành khách quốc tế Phú Quốc và Cảng hành khách Rạch Giá chậm hoàn thành; Cảng Hòn Chông, Bãi Vòng chưa được nhà đầu tư triển khai xây dựng. Việc nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Rạch Giá chưa được triển khai, Cảng hàng không Phú Quốc mới được triển khai đầu tư, chậm so với dự kiến.

- Hệ thống quốc lộ đi qua địa bàn tỉnh (QL80, QL61, QL63, đường Hành lang ven Biển, QLN1, QL80B) và hệ thống các tuyến đường tỉnh chưa đạt quy mô theo quy hoạch dưới cấp IV (ĐT961, ĐT962, ĐT963, ĐT964, ĐT965...); mặt đường nhiều đoạn tuyến chưa được đầu tư cải tạo, còn tồn tại nhiều đoạn mặt đường cấp A2 (đá dăm láng nhựa), hạn chế cho việc lưu thông, vận chuyển, thường phát sinh hư hỏng vào mùa mưa, bão.

- Hạ tầng đô thị chưa đáp ứng kịp theo yêu cầu phát triển, nhiều tuyến đường ở các đô thị lớn như: Rạch Giá, Hà Tiên, Phú Quốc, Long Xuyên và các đô thị ở các trung tâm xã, phường còn ngập trong mùa mưa; việc triển khai thực hiện các dự án còn nhiều khó khăn, vướng mắc.

- Hạ tầng dịch vụ du lịch một số địa phương chưa đáp ứng yêu cầu, phát triển còn chậm.

- Hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp chậm hoàn thiện, ảnh hưởng đến quá trình phát triển, thu hút đầu tư do chưa triển khai đầu tư hệ thống hạ tầng giao thông kết nối, chưa triển khai đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Thạnh Lộc giai đoạn 2 và khu công nghiệp Xẻo Rô. Công tác xúc tiến đầu tư được quan tâm thực hiện, tuy nhiên các nhà đầu tư vẫn đang giai đoạn tìm hiểu thông tin, chưa đăng ký thực hiện dự án.

Nguyên nhân là do: Công tác tuyên truyền, triển khai, quán triệt nghị quyết ở một số địa phương còn hạn chế; việc ban hành một số cơ chế, chính sách còn chậm, thiếu đồng bộ; công tác quản lý Nhà nước, phân cấp, phân quyền còn những bất cập; các chủ đầu tư còn dựa nhiều vào nguồn vốn ngân sách nhà nước. Các dự án sử dụng vốn ODA đang trong quá trình nghiên cứu đề xuất, chưa nhận được ký hiệp định vay chính thức từ phía Ngân hàng như: Dự án đường ven biển qua địa bàn tỉnh An Giang (đoạn An Biên - An Minh), ĐT963 (đoạn Quốc lộ 80 - Vị Thanh và nhánh nối Giồng Riềng - Thới Lai); nâng cấp các tuyến đường trong đô thị... Một số dự án đầu tư trực tiếp, nhà đầu tư không cân đối được vốn đầu tư (như: Cảng Hòn Chông, Bãi Vòng...). Một số tuyến đường tỉnh, đường huyện và hạ tầng khu công nghiệp, tuy được nghiên cứu, đề xuất, nhưng do hạn chế nguồn vốn nên chưa triển khai. Các dự án kêu gọi đầu tư đã được thực hiện, nhưng mới nhận được sự quan tâm của nhà đầu tư. Công tác tham mưu của các ngành cho UBND tỉnh

phối hợp với các bộ, ngành liên quan còn chậm, bộc lộ nhiều hạn chế. Kinh phí từ ngân sách Trung ương bố trí cho công tác duy tu bảo trì các tuyến quốc lộ còn chưa đáp ứng được so với nhu cầu; ngân sách tỉnh bố trí cho công tác duy tu, bảo trì các tuyến đường tỉnh chỉ đáp ứng 40% so với nhu cầu.

*** Đánh giá chung**

- Việc đầu tư xây dựng các tuyến trục chính kết cao tốc góp phần kết nối giữa vùng An Giang với các tỉnh lân cận, phát triển giao thông vận tải, kinh tế địa phương, đạt kế hoạch trong nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh. Tuy nhiên, việc kết nối các tuyến đường tỉnh còn chưa đồng bộ do nguồn lực còn hạn chế. Các trục ngang kết nối giữa tỉnh Kiên Giang và An Giang trước khi hợp nhất chỉ được đầu tư giai đoạn phân kỳ, chưa đồng bộ giữa các tuyến. Đặc biệt các tuyến đường trục chính kết nối với tỉnh An Giang (cũ) đã được đầu tư hoàn thành gồm các tuyến: ĐT945, ĐT958, ĐT943, ĐT960. Cơ bản hoàn thiện hệ thống giao thông đối ngoại kết nối với tỉnh giáp ranh, tuy nhiên chưa được đồng bộ trên toàn tuyến. Nhằm phát huy hơn nữa tiềm lực kinh tế về nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp..., cần đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng hoàn chỉnh.

- Tỉnh An Giang đã và đang có những công trình giao thông quốc gia quan trọng được đầu tư xây dựng như: đường Hồ Chí Minh, đường Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi, Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, Dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu trên tuyến đường bộ ven biển kết nối từ An Biên - Rạch Giá đang chuẩn bị triển khai, Dự án đầu tư mở rộng Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc, Cảng hàng không Rạch Giá... Trong tương lai, tỉnh An Giang sẽ có vị trí chiến lược về kinh tế, an ninh, quốc phòng, tạo điều kiện cho tỉnh hội nhập, phát triển, mở ra hướng giao lưu kinh tế quan trọng, đưa An Giang gần hơn với Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và đặc biệt là thành phố Hồ Chí Minh, trung tâm kinh tế - tài chính của cả nước.

3. Một số kinh nghiệm

- Trước hết, là sự quan tâm sâu sắc, lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời trong việc xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch cụ thể, giải pháp huy động nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, góp phần hoàn thành chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

- Vai trò lãnh đạo của cấp ủy đảng, chính quyền là nhân tố quyết định, ở nơi nào cấp ủy, chính quyền, đoàn thể thực sự vào cuộc, năng nổ nhiệt tình làm tốt công tác tuyên truyền, phát động thi đua, tăng cường giám sát, động viên khen thưởng kịp thời, thì dù khó khăn, nhưng vẫn được Nhân dân đồng tình, ủng hộ, tích cực tham gia xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông như: hiến đất, tự tháo dỡ, di dời vật kiến trúc, công trình tạm để triển khai dự án.

- Cải cách thủ tục hành chính, nâng cao trách nhiệm thi hành công vụ của cán bộ, công chức, viên chức, nhằm tạo môi trường đầu tư, kinh doanh minh bạch, bình đẳng và thuận lợi. Tăng cường kiểm tra hiện trường, nâng cao công tác đảm bảo chất lượng; đẩy nhanh tiến độ thi công, giải ngân các dự án, đặc biệt là các dự án trọng điểm.

- Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương, tranh thủ sự hỗ trợ bằng nguồn vốn của Trung ương với huy động vốn từ các nguồn khác nhau như: các nguồn ngân sách địa phương đối ứng. Phối hợp thực hiện tốt công tác bồi thường GPMB, tái định cư, làm tốt công tác giáo dục, tuyên truyền cho Nhân dân. Tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

II- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỜI GIAN TỚI

Với những kết quả đạt được, cùng với những tồn tại, hạn chế và những nguyên nhân đã được nhận định. Khả năng cân đối các nguồn vốn ngân sách hạn hẹp; nguồn vay ODA, vốn vay tín dụng không đáp ứng yêu cầu đầu tư; năng lực nhà đầu tư có nhiều khó khăn. Thách thức và áp lực không nhỏ trong việc huy động nguồn lực để đầu tư xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là giao thông trong bối cảnh hiện nay còn rất lớn. Trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ, cần tiếp tục quán triệt các chương trình, kế hoạch đã được ban hành và có những giải pháp hợp lý và hiệu quả:

Một là, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, phân cấp quản lý gắn với tổ chức thực hiện và đề cao trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền trong thực hiện các chương trình, dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

Hai là, phát huy hiệu quả sử dụng nguồn vốn từ ngân sách, để dẫn dắt và là vốn mồi để thu hút các nguồn lực đầu tư các khu vực kinh tế ngoài vốn nhà nước, tạo động lực tăng trưởng kinh tế; khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải, kéo dài, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư theo đúng mục tiêu, định hướng của chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Ba là, tập trung nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu khu, cụm công nghiệp, khu du lịch, các khu dịch vụ phục vụ công nghiệp...; chuẩn bị, tạo điều kiện thuận lợi nhất để thu hút các nhà đầu tư vào địa bàn tỉnh, như: địa điểm, phối hợp thực hiện công tác đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư, đào tạo nhân lực.... Hoàn thành bộ tiêu chí về đầu tư nhằm tận dụng tối đa lợi thế của địa phương, thu hút các dự án phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh; quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2026 - 2030; triển khai hiệu quả các chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh.

III- ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân nhân dân tỉnh

Để thực hiện hoàn thành mục tiêu đã được xác định, Sở Xây dựng đề xuất Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục xem xét chỉ đạo các ngành liên quan, các cấp chính quyền thực hiện các giải pháp tập trung, đồng bộ, như sau:

- Thực hiện rà soát hệ thống giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch chung của tỉnh, đảm bảo hệ thống giao thông vận tải phát triển hợp lý, đồng bộ, bền vững, thống nhất; đảm bảo tính liên kết giữa các phương thức vận tải và tính kết nối với các địa phương trong tỉnh và trong vùng. Đồng thời việc quản lý thực hiện quy hoạch đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và kịp thời cho từng giai đoạn phát triển.

- Trên cơ sở quy hoạch và chương trình, đề án đã được phê duyệt, tiếp tục xác định thứ tự ưu tiên đầu tư, công trình trọng điểm, công trình có tính liên kết giữa các địa phương trong tỉnh, liên kết vùng trong khu vực và mang tính tạo động lực cao, tạo tiền đề cho phát triển các lĩnh vực khác, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương. Từ đó tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng và xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể cho từng dự án trong khoảng thời gian ngắn nhất có thể, để phát huy tối đa hiệu quả đầu tư.

- Tập trung hoàn thành các dự án giao thông trọng điểm trên địa bàn tỉnh đã được Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025 xác định, như tuyến đường ven biển, đường ven sông Cái Lớn, đường Dương Đông - Cửa Cạn - Gành Dầu, Cảng Rạch Giá... để tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tranh thủ nguồn lực đầu tư từ bộ, ngành Trung ương, từ các nhà đầu tư có năng lực đầu tư vào kết cấu hạ tầng giao thông vận tải của địa phương. Trước mắt, chỉ đạo các ngành, các địa phương liên quan phối hợp chặt chẽ với các đơn vị của Bộ Xây dựng tiếp tục thực hiện quy hoạch, nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Rạch Giá; phối hợp thực hiện kịp thời, đảm bảo phù hợp quy định pháp luật trong giải phóng mặt bằng phục vụ thi công các dự án giao thông trên địa bàn tỉnh, như: tuyến đường cao tốc Cần Thơ - Cà Mau, cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, tuyến đường Hồ Chí Minh đi qua địa bàn Châu Thành, Giồng Riềng, Gò Quao và Vĩnh Thuận, thông tuyến đường N1 qua địa bàn tỉnh An Giang và chuẩn bị đầu tư tuyến cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu kết nối với tỉnh Cà Mau.

- Vận dụng tối đa các chính sách thu hút nguồn lực đầu tư ngoài ngân sách Nhà nước đối với các nhà đầu tư có năng lực tốt để đầu tư vào các công trình cảng biển, cảng thủy nội địa, trung tâm logistics, đường cao tốc đi qua địa bàn tỉnh.

- Thống nhất chủ trương, xây dựng đề án, kế hoạch lựa chọn thực hiện nhượng quyền khai thác cơ sở hạ tầng giao thông vận tải như: cảng, bến xe, bến tàu... để tạo nguồn vốn tiếp tục đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông vận tải tại địa phương.

- Việc đầu tư xây dựng dự án giao thông phải thực hiện nhiều khâu, nhiều giai đoạn, từ lúc chuẩn bị đầu tư, giải phóng mặt bằng, triển khai thi công, cho đến hoàn thành đưa vào sử dụng và được thực hiện trải dài trên nhiều địa hình, nhiều địa phương khác nhau và liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau. Do vậy, rất cần sự quan tâm phối hợp chặt chẽ, chỉ đạo thực hiện kịp thời của các cấp ủy đảng, chính quyền có dự án đi qua và các ngành liên quan trong triển khai thực hiện dự án, nhất là công tác giải phóng mặt bằng phục vụ cho thi công dự án, hiện nay công tác này gặp nhiều khó khăn, mất nhiều thời gian. Việc rút ngắn thời gian góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, sớm đưa công trình vào phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương, phát huy tối đa hiệu quả nguồn vốn đầu tư.

2. Bộ, ngành Trung ương

- Tiếp tục quan tâm giúp đỡ tỉnh An Giang trong việc đầu tư hoàn thành các công trình, dự án phục vụ Hội nghị Cấp cao Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) được tổ chức tại Phú Quốc năm 2027; trong đó ngoài

hoàn thành các công trình dự án trên địa bàn đặc khu Phú Quốc; song song đó còn đầu tư và hoàn thành nâng cấp Cảng hàng không Rạch Giá để tiếp nhận các loại tàu bay lớn hơn.

- Hoàn thành tuyến cao tốc Cần Thơ - Cà Mau trong năm 2025; tiếp tục quan tâm đầu tư cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu, trong đó ưu tiên đoạn Hà Tiên - Rạch Giá khởi công năm 2026; hoàn thành tuyến đường Hồ Chí Minh đoạn qua địa bàn tỉnh An Giang trong năm 2026 và tiếp tục triển khai đoạn An Giang (xã Vĩnh Phong) đến Cà Mau; hoàn thành nâng cấp tuyến QL N1 qua địa bàn tỉnh An Giang.

- Tiếp tục quan tâm bố trí kinh phí bảo trì đường bộ Trung ương để cải thiện mặt đường, thoát nước, nhằm duy trì khả năng khai thác các tuyến quốc lộ hiệu hữu, trong thời gian các tuyến cao tốc chưa được triển khai như QL 61, QL 63, QL 80, QL N1 và đường hành lang ven biển phía Nam; theo hướng cải tạo, nâng cấp toàn bộ mặt đường, đồng bộ với hệ thống thoát nước, ATGT... đối với các tuyến đường hết niên hạn sử dụng theo quy trình. Tiếp tục triển khai xây dựng thay thế các cầu hạn chế tải trọng trên tuyến quốc lộ, trong đó tuyến quốc lộ 80: Rạch Sỏi (km111+913), Cầu Vàm Răng (Km138+143); cầu Linh Huỳnh (Km151+031).

- Quan tâm nâng cấp luồng hàng hải và hệ thống cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng cạn theo quy hoạch; duy tu nạo vét các tuyến đường thủy chủ đạo. Tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động tuyến vận tải biển Rạch Giá - Hà Tiên - Kép (Vương quốc Campuchia).

Với những kết quả đạt được, cùng với sự đoàn kết, nhất trí, quyết tâm của ngành Xây dựng, cùng với sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; sự ủng hộ của các ngành, địa phương giúp ngành Xây dựng triển khai và đạt được một số kết quả nhất định, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Chương trình hành động số 07-CTr/TU, ngày 02/4/2021 của Tỉnh ủy; hoàn thành mục tiêu “Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là giao thông”. Trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ này và tạo tiền đề cho các năm tiếp theo của nhiệm kỳ 2025 - 2030, với quyết tâm chính trị, ngành Xây dựng tiếp tục giữ vững tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, tiếp tục triển khai những nhiệm vụ của nhiệm kỳ mới được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh tin tưởng và giao cho ngành thực hiện. Ngành Xây dựng cam kết thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội.

HOÀN THIỆN HỆ THỐNG QUY HOẠCH TỈNH AN GIANG THEO HƯỚNG ĐỒNG BỘ, THỐNG NHẤT VỚI QUY HOẠCH QUỐC GIA, QUY HOẠCH VÙNG

Sở Xây dựng tỉnh

Tỉnh An Giang sau khi hợp nhất có diện tích tự nhiên hơn 9.888 km², dân số gần 5 triệu người (đứng đầu vùng Đồng bằng sông Cửu Long), có vị trí địa lý chiến lược đặc biệt quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh với đường bờ biển dài gần 200 km và tuyến biên giới giáp Campuchia gần 148 km. Tỉnh có 102 đơn vị hành chính, gồm 85 xã, 14 phường và 03 đặc khu.

Thực hiện Luật Quy hoạch năm 2017, tỉnh An Giang đã xây dựng, triển khai Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050. Đây là bước đi quan trọng nhằm cụ thể hóa đường lối, chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước. Việc hoàn thiện các quy hoạch xây dựng của tỉnh theo hướng đồng bộ, thống nhất với quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long có ý nghĩa then chốt, trọng tâm trong định hướng phát triển bền vững, hội nhập kinh tế và phát triển hạ tầng chiến lược.

I- Kết quả đạt được

Toàn tỉnh hiện có 38 đô thị (theo tiêu chí cũ) đã được lập và phê duyệt quy hoạch chung, tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu so với đất xây dựng đô thị theo định hướng quy hoạch chung chiếm 36,78%. Công tác quy hoạch và quản lý thực hiện quy hoạch xây dựng được triển khai thực hiện cơ bản đáp ứng yêu cầu và dần đi vào nền nếp theo quy định pháp luật. Chất lượng các đồ án quy hoạch từng bước được nâng cao, giúp các cấp chính quyền quản lý, đầu tư xây dựng thuận lợi hơn. Quy hoạch xây dựng, đô thị thường xuyên được rà soát, điều chỉnh định kỳ kịp thời đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư và đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Hệ thống đô thị tỉnh An Giang hiện có 38 đô thị (theo tiêu chí cũ), tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 40%, không gian đô thị được mở rộng, được quan tâm đầu tư theo hướng ngày càng đồng bộ và hiệu quả hơn; chất lượng sống của cư dân đô thị từng bước được nâng cao. Đô thị hóa và phát triển đô thị trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội; bước đầu hình thành cực tăng trưởng kinh tế tại các đô thị lớn như: Long Xuyên, Rạch Giá, Phú Quốc, Châu Đốc và Hà Tiên.

Phát huy tốt vai trò là đô thị động lực của tỉnh, các đô thị lớn này đã tạo tác động lan tỏa phát triển các vùng lân cận trong tỉnh. *Vùng Tứ giác Long Xuyên* đang phát triển khá tốt về du lịch, dịch vụ, cảng biển, sản xuất và chế biến nông thủy sản xuất khẩu, sản xuất vật liệu xây dựng. *Vùng Tây Sông Hậu* tập trung phát triển về nông nghiệp, công nghiệp chế biến, cơ khí và dịch vụ phục vụ nông nghiệp, nông thôn. *Vùng U Minh Thượng* phát triển sản xuất nông nghiệp kết hợp nuôi trồng thủy sản bước đầu có hiệu quả; các mô hình du lịch sinh thái, về nguồn lịch sử

được quan tâm đầu tư của doanh nghiệp và cộng đồng. *Vùng biển - đảo* phát triển mạnh và đa dạng các loại hình dịch vụ du lịch chất lượng cao, khai thác, nuôi trồng thủy sản,...

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai công tác quy hoạch vẫn còn một số tồn tại sau:

- Hệ thống pháp luật còn chồng chéo, chưa thống nhất.

- Một số nội dung quy hoạch chuyên ngành (quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, giao thông...) chưa đồng bộ với quy hoạch tỉnh, quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng. Ví dụ như một số quy hoạch đô thị xác định chỉ tiêu dân số, đất xây dựng đô thị cao hơn hoặc thấp hơn so với định hướng trong Quy hoạch tỉnh (các quy hoạch chung thành phố, thị xã, thị trấn).

- Một số dự án khi triển khai chưa kịp cập nhật, phù hợp với Quy hoạch tỉnh đã phê duyệt.

- Một số đô thị lớn phát triển nhanh, thật sự đã trở thành động lực phát triển của tỉnh nhưng vẫn còn một số hạn chế, bất cập. Kết cấu hạ tầng phát triển chưa đồng bộ. Công tác quản lý đất đai, quản lý quy hoạch, xây dựng chưa thật chặt chẽ, vẫn còn tình trạng xây dựng công trình chưa phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Công tác lập và quản lý xây dựng theo quy hoạch vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục. Nguồn vốn cho công tác lập quy hoạch và triển khai thực hiện quản lý theo quy hoạch còn hạn chế ảnh hưởng phần nào đến tiến độ của công tác rà soát, điều chỉnh và lập mới các đồ án quy hoạch. Chất lượng các đồ án quy hoạch chưa cao, nhiều đồ án có tầm nhìn và giải pháp còn hạn chế. Vấn đề quản lý xây dựng theo quy hoạch còn nhiều bất cập. Nguồn lực triển khai thực hiện đầu tư xây dựng theo quy hoạch vẫn còn hạn chế dẫn đến đô thị có phát triển nhưng chưa đồng bộ.

Nguyên nhân của những tồn tại trên là do quy hoạch chuyên ngành (quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất,...) được lập trước khi Quy hoạch quốc gia, Quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được phê duyệt nên không có cơ sở, định hướng, tầm nhìn từ quy hoạch cấp trên dẫn đến không đồng bộ. Một số quy hoạch chuyên ngành được lập trước hoặc song song với quy hoạch tỉnh nên chưa kịp cập nhật vào quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh đã phê duyệt. Phương pháp lập quy hoạch còn thiên về chỉ tiêu định tính, chưa gắn kết chặt chẽ với quy hoạch không gian, hệ sinh thái liên ngành - liên vùng.

II- Bài học kinh nghiệm

- Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất: Việc lập và triển khai quy hoạch tỉnh cần có sự chỉ đạo xuyên suốt của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời tuân thủ định hướng chiến lược của Trung ương để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng.

- Tăng cường sự phối hợp liên ngành, liên vùng: Trong quá trình lập quy hoạch tỉnh, cần phối hợp trao đổi với các bộ, ngành Trung ương và các tỉnh trong vùng Đồng bằng Sông Cửu Long nhằm hạn chế tình trạng mâu thuẫn giữa quy hoạch tỉnh với quy hoạch vùng, quy hoạch ngành quốc gia.

- Trong quá trình lập quy hoạch tỉnh, cần chủ động rà soát, đối chiếu với các quy hoạch chuyên ngành để vừa đảm bảo sự thống nhất, vừa phát hiện kịp thời những điểm chưa phù hợp để kiến nghị điều chỉnh,...

- Tổ chức báo cáo, kiểm tra, đánh giá định kỳ để nhận diện những vấn đề phát sinh và có biện pháp điều chỉnh kịp thời.

III- Nhiệm vụ và giải pháp

1. Các nhiệm vụ trọng tâm

- Hoàn thiện hệ thống quy hoạch tỉnh: Tập trung rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch tỉnh để bảo đảm đồng bộ, thống nhất với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long; bảo đảm quy hoạch tỉnh trở thành công cụ pháp lý quan trọng định hướng mọi hoạt động đầu tư phát triển.

- Đẩy mạnh liên kết vùng: Xác định rõ các cực tăng trưởng, hành lang kinh tế, kết nối giao thông - logistics của An Giang với Thành phố Cần Thơ và các tỉnh lân cận; gắn phát triển đô thị, công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao với chiến lược phát triển vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quy hoạch số: Triển khai đồng bộ hệ thống thông tin quy hoạch tỉnh, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia; bảo đảm công khai, minh bạch, phục vụ người dân và doanh nghiệp tiếp cận thông tin quy hoạch thuận lợi.

- Nâng cao hiệu lực quản lý và tổ chức thực hiện: Quy hoạch phải gắn với nguồn lực thực hiện, lộ trình, phân kỳ đầu tư; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, đầu tư không phù hợp với quy hoạch.

- Tập trung phát triển các đô thị động lực như: Rạch Giá, Long Xuyên, Phú Quốc, Châu Đốc và Hà Tiên để thúc đẩy nhanh sự phát triển của tỉnh.

- Đẩy mạnh việc thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển đô thị trên cơ sở nâng cấp mở rộng các đô thị hiện có và xây dựng mới cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại theo mô hình, tiêu chí tăng trưởng xanh, đô thị thông minh. Kế hoạch dự kiến đến cuối năm 2025 tỷ lệ đô thị hoá phấn đấu đạt 45% (hiện đang chờ hướng dẫn của Trung ương về phân loại đô thị).

- Huy động mọi nguồn lực tập trung đầu tư xây dựng hạ tầng các đô thị động lực và hạ tầng kỹ thuật khung kết nối các đô thị động lực với các vùng khác trong tỉnh. *Phát triển đô thị phải song hành với phát triển kinh tế - xã hội*, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, môi trường, quốc phòng và an ninh. Đồng thời phải đảm bảo tính liên kết vùng, nhất là các dự án trọng điểm có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển cho cả vùng.

2. Các giải pháp chủ yếu

- Về thể chế, pháp lý: Chủ động rà soát, kiến nghị sửa đổi những quy định pháp luật còn chồng chéo, chưa thống nhất giữa các Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Đầu tư công... để đảm bảo cơ sở pháp lý thống nhất cho tổ chức thực hiện quy hoạch; đẩy nhanh tiến độ điều chỉnh

quy hoạch tỉnh; đồng thời tích hợp đầy đủ các quy hoạch chuyên ngành, làm cơ sở pháp lý thống nhất trong quản lý.

- Tính liên kết vùng và phối hợp các bộ, ngành Trung ương: Tăng cường phối hợp chặt chẽ với Bộ, ngành Trung ương và các tỉnh trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long, nhằm bảo đảm quy hoạch tỉnh gắn kết với quy hoạch vùng và các quy hoạch ngành quốc gia; xác định rõ vai trò, vị thế của An Giang trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long, nhất là vai trò trung tâm kinh tế cửa ngõ biên giới, trung tâm nông nghiệp công nghệ cao và du lịch tâm linh - sinh thái.

- Công tác quy hoạch: Đẩy nhanh công tác rà soát, lập các quy hoạch đô thị và nông thôn trình cấp thẩm quyền phê duyệt, làm cơ sở điều chỉnh quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, tạo hành lang pháp lý để thu hút và kêu gọi đầu tư phát triển đô thị. Trong đó, tập trung các đồ án như Quy hoạch chung đô thị Rạch Giá, đô thị Long Xuyên, đô thị Châu Đốc, đô thị Hà Tiên và đặc khu Phú Quốc theo định hướng quy hoạch hệ thống đô thị quốc gia và quy hoạch tỉnh An Giang (mới). Đảm bảo sứ mệnh “đi trước” của quy hoạch để việc phát triển các đô thị động lực được đúng hướng và có hiệu quả.

- + Tiếp tục thực hiện Quyết định số 948/QĐ-TTg, ngày 17/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về giao nhiệm vụ chuẩn bị các điều kiện và thực hiện một số biện pháp để triển khai nhanh các dự án phục vụ Hội nghị APEC 2027 tại thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang; Kế hoạch số 164/KH-UBND, ngày 20/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lập quy hoạch phân khu các khu vực có ý nghĩa quan trọng trên địa bàn thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- + Lồng ghép tích hợp các mục tiêu phát triển đô thị tăng trưởng xanh, đô thị thông minh vào trong quá trình lập, thẩm định trình phê duyệt các đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh.

- + Ứng dụng công nghệ số, GIS và cơ sở dữ liệu dùng chung trong lập, quản lý quy hoạch; kết nối dữ liệu với hệ thống quy hoạch quốc gia; Nâng cao chất lượng công tác dự báo, phân tích xu thế phát triển, đảm bảo tính khoa học, tính khả thi và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu; chuẩn hóa quy trình lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch theo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và các văn bản pháp luật hiện hành.

- Công tác quản lý và phát triển đô thị: Song song với quá trình rà soát điều chỉnh và lập mới các đồ án quy hoạch chung đô thị triển khai lập các Chương trình phát triển đô thị tương ứng, tạo hành lang pháp lý cho việc đầu tư phát triển đô thị. Huy động mọi nguồn lực đầu tư các cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội thiết yếu cho các đô thị đảm bảo việc phát triển đô thị đi đôi với việc giải quyết các vấn đề xã hội, an sinh và môi trường.

- Tham mưu UBND tỉnh lập Chương trình phát triển đô thị tỉnh An Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; phù hợp Quy hoạch tỉnh; Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn Quốc gia; trong đó lồng ghép đánh giá thực trạng và đề ra các nhiệm vụ, giải pháp ưu tiên để phát triển đô thị theo hướng đô thị hiện đại, thông

minh, bền vững, tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu theo hướng dẫn từ các Bộ, ngành, Trung ương theo quy định.

- Tổ chức thực hiện và nguồn lực: Gắn quy hoạch với kế hoạch thực hiện, xác định rõ danh mục dự án ưu tiên, nguồn vốn và lộ trình đầu tư; Huy động nguồn lực xã hội hóa, thu hút doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia các dự án phát triển hạ tầng, đô thị, nông nghiệp công nghệ cao; xây dựng cơ chế giám sát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch; công khai, minh bạch thông tin để người dân, doanh nghiệp tiếp cận thuận lợi, qua đó nâng cao tính khả thi và đồng thuận xã hội.

- Về nâng cao nhận thức và đào tạo nguồn nhân lực: Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức cộng đồng, tạo sự đồng thuận của người dân trong việc xây dựng phát triển đô thị theo hướng văn minh hiện đại và phát triển bền vững; Triển khai thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý quy hoạch có năng lực, am hiểu pháp luật, có khả năng ứng dụng công nghệ hiện đại để nâng cao năng lực quản lý quy hoạch và phát triển đô thị.

IV- Kiến nghị

- Kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục quan tâm lãnh, chỉ đạo việc rà soát, tích hợp, điều chỉnh quy hoạch tỉnh, quy hoạch chuyên ngành để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa các cấp độ quy hoạch; ưu tiên bố trí vốn cho công tác lập quy hoạch xây dựng để đảm bảo phủ kín các quy hoạch chung của 102 xã phường, đặc khu sau sáp nhập làm cơ sở triển khai các quy hoạch cấp độ dưới và triển khai các dự án đầu tư.

- Kiến nghị với các Bộ, ngành Trung ương sớm hoàn thiện hệ thống pháp luật về quy hoạch, nhất là Luật Đất đai, Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, Luật Xây dựng và các nghị định hướng dẫn, nhằm khắc phục tình trạng chồng chéo, đảm bảo tính thống nhất đồng bộ; đẩy nhanh tiến độ điều chỉnh, phê duyệt các quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long,... để làm căn cứ cho tỉnh rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tỉnh kịp thời; hỗ trợ tỉnh An Giang về kinh phí, công nghệ, dữ liệu dùng chung để triển khai đồng bộ hệ thống thông tin quy hoạch số, kết nối với hệ thống quốc gia.

*

Hoàn thiện hệ thống quy hoạch tỉnh theo hướng đồng bộ, thống nhất với quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng vừa là yêu cầu cấp thiết, vừa là nhiệm vụ lâu dài. Với quyết tâm chính trị cao, sự đồng lòng của cả hệ thống chính trị, sự ủng hộ của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, tỉnh An Giang sẽ sớm khắc phục tồn tại, hạn chế; phát huy lợi thế, trở thành cực tăng trưởng quan trọng của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH AN GIANG TÂM CỖ QUỐC GIA VÀ QUỐC TẾ

Sở Du lịch tỉnh

Tỉnh An Giang được thành lập trên cơ sở hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang theo Nghị quyết số 60-NQ/TW, ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII. Sau hợp nhất, An Giang trở thành một địa bàn rộng lớn hội tụ đa dạng tài nguyên từ đồng bằng, biển đảo, núi rừng, biên giới đến nội địa sông nước vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Việc hợp nhất này không chỉ mở rộng diện tích tự nhiên của tỉnh lên 9.888,91 km², với quy mô dân số 4.952.238 người⁽²²⁾, mà còn tạo cho An Giang có nhiều địa danh với những sản phẩm du lịch nổi tiếng trong nước và thế giới như: Phú Quốc được định vị là trung tâm dịch vụ, du lịch sinh thái chất lượng cao, du lịch biển, đảo tầm cỡ quốc gia và quốc tế; Hà Tiên - Kiên Lương - Kiên Hải được biết đến với du lịch sinh thái biển đảo gắn với điểm đến văn hoá, di tích lịch sử của tỉnh; Vĩnh Tế - Núi Cấm nổi tiếng du lịch tâm linh với Miếu bà Chúa Xứ Núi Sam, Khu du lịch Núi Cấm; Vườn Quốc gia U Minh Thượng, Vườn Quốc gia Phú Quốc và Rừng trà Trà Sư được biết đến với hệ thái rừng đa dạng và phong phú nổi tiếng với loại hình du lịch sinh thái rừng, du lịch sinh thái gắn với di tích lịch sử cách mạng; du lịch sinh thái gắn với nghiên cứu khoa học,...

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị⁽²³⁾, của Thủ tướng Chính phủ⁽²⁴⁾, tỉnh An Giang đã hoàn thiện hồ sơ và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng Phú Quốc thành trung tâm dịch vụ, du lịch sinh thái chất lượng cao, du lịch biển, đảo tầm cỡ quốc gia và quốc tế”, điều này có thể khẳng định An Giang có nền tảng vững chắc để vươn tầm khu vực và quốc tế, đạt mục tiêu đón trên 3 triệu lượt khách quốc tế vào năm 2030. Thông điệp này phản ánh quyết tâm chính trị cao của Đảng bộ tỉnh, phù hợp với định hướng phát triển du lịch xanh, bền vững theo Nghị quyết Đại hội của Đảng, nhấn mạnh vai trò của du lịch là một ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm và nâng cao đời sống Nhân dân. Việc đẩy mạnh phát triển du lịch không chỉ mang lại giá trị kinh tế mà còn góp phần thúc đẩy giao lưu văn hóa, kinh tế vùng, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, giúp An Giang trở thành điểm đến hàng đầu Đông Nam Á.

I- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Những kết quả nổi bật

Sau tác động nặng nề của đại dịch COVID-19, thực hiện chủ trương của Trung ương, của tỉnh về tập trung phục hồi phát triển kinh tế - xã hội nói chung,

²² Nghị quyết 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 06 năm 2025 của Quốc Hội.

²³ Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

²⁴ Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/6/2022 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị.

phục hồi và thúc đẩy phát triển du lịch nói riêng, ngành du lịch đã chủ động, phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành, các địa phương và cộng đồng doanh nghiệp triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm kích cầu du lịch nội địa, thu hút khách du lịch quốc tế đến An Giang. Ngành đã tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh triển khai nhiều nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu đẩy nhanh phục hồi, tăng tốc, thúc đẩy phát triển du lịch, bảo đảm thực hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế hai con số theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Quá trình phục hồi và tăng tốc phát triển du lịch được các sở, ban, ngành và địa phương triển khai chủ động, tích cực, trên cơ sở bám sát Luật Du lịch 2017, các Nghị quyết, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch của Trung ương và của tỉnh. Đặc biệt là chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về phát triển du lịch với phương châm *“Sản phẩm đặc sắc - Dịch vụ chuyên nghiệp - Thủ tục thuận tiện và đơn giản - Giá cả cạnh tranh - Môi trường vệ sinh sạch và đẹp - Điểm đến an toàn, văn minh, thân thiện”*. Ngành du lịch đã phối hợp các địa phương tổ chức các sự kiện, hoạt động quảng bá điểm đến, đảm bảo chất lượng, dịch vụ du lịch được chú trọng triển khai kịp thời và hiệu quả. Sự chủ động, vào cuộc quyết liệt của địa phương cùng với sự đồng hành, sát cánh của doanh nghiệp đã tạo ra nhiều sản phẩm du lịch mang tính liên kết, liên vùng cao, thúc đẩy nhu cầu vui chơi giải trí, mua sắm, tham quan của du khách. Hoạt động liên kết, hợp tác phát triển du lịch giữa các địa phương được tăng cường hơn qua nhiều hoạt động nổi bật, tạo động lực cho du lịch phục hồi và tăng tốc phát triển bền vững.

Trong bối cảnh đó, ngành Du lịch tiếp tục nhận được sự quan tâm, lãnh đạo, sự chỉ đạo thống nhất, quyết liệt, sát sao của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; sự ủng hộ của các sở, ngành, địa phương cùng với sự đoàn kết của tập thể đơn vị, sự nỗ lực phấn đấu của cộng đồng doanh nghiệp và người dân tham gia vào hoạt động du lịch. Ngành Du lịch đã chủ động triển khai thực hiện nhiều giải pháp, nhiệm vụ quan trọng: tái cấu trúc thị trường khách du lịch, đổi mới công tác xúc tiến, thu hút khách du lịch; làm mới sản phẩm du lịch theo hướng đa dạng hóa, tăng sức hấp dẫn; nhiều điểm đến mới được đầu tư, hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật và kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch được cải thiện rõ rệt... Nhờ đó, lượng khách du lịch nội địa và quốc tế phục hồi và tăng trưởng nhanh, nhận thức của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân về tác động lan tỏa của ngành Du lịch trong nền kinh tế có chuyển biến tích cực. Du lịch đã được coi là điểm sáng trong tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong những năm qua.

Tính đến tháng 8/2025, toàn tỉnh thu hút 317 dự án đầu tư vào lĩnh vực du lịch với tổng diện tích 9.993 ha và tổng vốn đầu tư là 402.178 tỷ đồng; có 135 doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành được cấp phép (62 doanh nghiệp lữ hành quốc tế, 50 doanh nghiệp lữ hành nội địa và 23 Chi nhánh, Văn phòng đại diện, đại lý lữ hành); có 1.091 cơ sở lưu trú du lịch với 38.024 phòng. Trong đó: Cơ sở lưu trú xếp hạng 1-3 sao: 37 cơ sở với 1.618 phòng; cơ sở lưu trú xếp hạng 4-5 sao: 32 cơ sở với 13.749 phòng; khách sạn, nhà nghỉ đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch có 436 cơ sở với 11.910 phòng. Có 04 điểm du lịch, 04 khu du lịch cấp tỉnh và 01 khu du lịch cấp quốc gia đã được công nhận theo quy định của Luật Du lịch 2017.

Giai đoạn 2021 - 2025 An Giang ước đón 80.852.084 lượt khách du lịch đến tham quan; trong đó khách quốc tế ước đón 3.484.187 lượt; tổng thu từ du lịch ước đạt 142.804 tỷ đồng. Du lịch khẳng định được vai trò, vị trí ngày càng rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội, là một động lực tăng trưởng quan trọng trong nền kinh tế, thông qua hoạt động du lịch có thể kết nối hàng hóa, quảng bá nét văn hóa đặc trưng của An Giang đến với du khách trong và ngoài nước. Du khách quốc tế đến An Giang không chỉ trải nghiệm cảnh sắc và văn hóa, mà còn tiếp cận sản phẩm OCOP của địa phương ngay tại điểm đến.

Các chỉ tiêu phát triển du lịch theo thống kê ở trên cho thấy đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, điều này đã minh chứng cho sự phát triển của du lịch An Giang, mở ra cơ hội nâng tầm quy mô hoạt động của hệ thống doanh nghiệp, cơ sở cung ứng dịch vụ du lịch và việc làm cho người lao động. Kết quả hoạt động du lịch còn chứng tỏ hướng đi đúng trong cơ cấu lại thị trường khách, làm mới sản phẩm, hiệu quả từ xúc tiến, quảng bá trong những năm qua. Bên cạnh đó, với sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh cùng với việc tham mưu, đề xuất của ngành du lịch trong triển khai thực hiện các chính sách tháo gỡ khó khăn, rào cản, thúc đẩy phát triển du lịch đã đem lại nhiều tín hiệu tích cực, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế của hình ảnh du lịch An Giang trong nước và trên trường quốc tế, tạo ra nền tảng để tăng tốc phát triển nhanh và bền vững, đưa du lịch An Giang phát triển mang tầm cỡ quốc gia và quốc tế trong giai đoạn tới.

2. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Mặc dù đạt được những kết quả đáng kể, ngành du lịch tỉnh An Giang vẫn tồn tại một số thách thức, hạn chế làm ảnh hưởng đến khả năng phát triển tầm cỡ quốc gia và quốc tế. Cụ thể gồm:

- Hạ tầng giao thông tại các khu, điểm du lịch còn nhiều hạn chế, chưa được đầu tư đồng bộ nên việc kết nối tour, tuyến du lịch gặp khó khăn; bên cạnh đó, chất lượng phục vụ tại một số điểm đến chưa thực sự đáp ứng kỳ vọng bởi thiếu nguồn nhân lực du lịch chất lượng.

- Thiếu các khu phức hợp vui chơi giải trí - nghỉ dưỡng - mua sắm - ẩm thực hiện đại, đẳng cấp quốc tế trong bối cảnh nhu cầu của khách du lịch liên tục thay đổi, yêu cầu ngày càng cao về chất lượng, sự trải nghiệm, tính đa dạng, độc đáo (trừ đặc khu Phú Quốc).

- Thiếu sản phẩm, dịch vụ du lịch mới, sản phẩm du lịch về đêm phục vụ du khách nhằm tăng khả năng thu hút, cạnh tranh và kéo dài thời gian lưu trú của du khách.

- Số lượng doanh nghiệp vừa và nhỏ trong ngành du lịch chiếm tỷ lệ cao dẫn tới khả năng cạnh tranh hạn chế, thiếu nguồn lực để triển khai xây dựng sản phẩm, quảng bá xúc tiến, các chính sách ưu đãi thu hút khách du lịch.

- Các quốc gia trong khu vực có những chính sách thu hút khách linh hoạt, đẩy mạnh đầu tư, tạo sức cạnh tranh ngày càng lớn. Đặc biệt, việc chưa thiết lập được các văn phòng xúc tiến du lịch Việt Nam tại một số thị trường gửi khách trọng điểm là một điểm yếu của ngành du lịch Việt Nam chung và của An Giang nói riêng.

Những hạn chế này xuất phát từ nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, cụ thể:

- Nguyên nhân khách quan là do tình hình dịch bệnh COVID-19 đã tác động đến thị trường du lịch quốc tế, trong đó có du lịch Việt Nam và dòng khách đến An Giang; hệ thống giao thông đường bộ chưa đáp ứng được nhu cầu như: cầu, đường, bến tàu, bến cảng chưa được đầu tư, nâng cấp đồng bộ; tính cạnh tranh và hấp dẫn khách thấp hơn các điểm đến trong nước như: Quảng Ninh, Đà Nẵng, Khánh Hòa và khu vực Đông Nam Á như: Phuket (Thái Lan) hay Bali (Indonesia), nơi có hạ tầng đồng bộ hơn; các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch tại thị trường quốc tế của tỉnh còn hạn chế, thiếu sự liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp trong công tác xúc tiến, quảng bá và tổ chức các sự kiện thu hút khách du lịch.

- Nguyên nhân chủ quan là do hệ thống hạ tầng phục vụ du lịch chưa được đầu tư đồng bộ nên chưa thu hút được các nhà đầu tư lớn, để đầu tư phát triển các sản phẩm vui chơi giải trí - nghỉ dưỡng - mua sắm - ẩm thực và sản phẩm du lịch đêm tại các địa bàn trọng điểm về du lịch của tỉnh; hoạt động kinh doanh du lịch còn mang tính nhỏ lẻ, tính chuyên nghiệp chưa cao, một số địa phương sản phẩm du lịch chưa đa dạng, phong phú và chưa thật sự hấp dẫn.

3. Một số kinh nghiệm

Từ thực tiễn phát triển du lịch trong thời gian qua, ngành du lịch rút ra một số kinh nghiệm sau:

- *Một là*, mỗi địa bàn trọng điểm về du lịch cần tập trung đầu tư phát triển du lịch trên cơ sở tiềm năng thế mạnh của địa phương mình, để tạo thành những điểm nhấn du lịch chuyên đề về biển đảo, văn hóa, lịch sử, sinh thái,... mang dấu ấn của mỗi địa danh du lịch nhằm tạo ra sản phẩm du lịch khác biệt, đặc trưng để tăng sức cạnh tranh, tạo trải nghiệm ấn tượng cho du khách, góp phần xây dựng thương hiệu du lịch An Giang một cách bền vững và hiệu quả.

- *Hai là*, tập trung nguồn lực đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch. Khuyến khích các nhà đầu tư, doanh nghiệp đầu tư du lịch có trách nhiệm theo hướng đầu tư xanh và bền vững.

- *Ba là*, chú trọng hợp tác quốc tế và liên vùng trong phát triển du lịch; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong du lịch; huy động nguồn lực xã hội và sự hợp tác công tư để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động xúc tiến quảng bá tại các thị trường có khả năng đóng góp thị phần quan trọng cho du lịch An Giang nhằm đảm bảo mục tiêu tăng trưởng.

- *Bốn là*, tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cả về chất lượng và số lượng, bảo đảm cân đối cơ cấu ngành nghề, trình độ đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành du lịch và hội nhập quốc tế.

- *Năm là*, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về du lịch, thực hiện tốt các cơ chế, chính sách về du lịch; tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc đầu tư và phát triển sản phẩm du lịch phù hợp với quy hoạch của tỉnh.

II- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỜI GIAN TỚI

1. Nhiệm vụ

- Đến năm 2030: An Giang tiếp đón 39,5 triệu lượt khách, trong đó khách quốc tế 3.040.000 lượt, tổng thu đạt 108.450 tỷ đồng; là một trong những địa bàn trọng điểm du lịch của Việt Nam, trở thành điểm đến du lịch hấp dẫn, có thương hiệu bản sắc riêng; trong đó, các tiêu chí năng lực cạnh tranh du lịch đều tăng, là cửa ngõ kết nối quan trọng của nền kinh tế du khách, định vị được thương hiệu phát triển bền vững trong khu vực ASEAN.

- Đến năm 2050: An Giang là điểm điểm đến du lịch biển đảo đặc sắc đẳng cấp quốc tế, là trung tâm du lịch xanh của khu vực, đảm bảo phát triển bền vững, phát triển dựa vào cộng đồng và phát huy các giá trị lịch sử văn hóa địa phương. Hướng tới phát triển định hướng không gian đô thị du lịch thông minh tại các khu vực trọng điểm về du lịch của tỉnh. Song song đó, phát huy các điểm đến du lịch tâm linh, du lịch sinh thái trải nghiệm, đa văn hóa kết hợp bảo tồn, phát huy tính đặc thù và độc đáo của các không gian du lịch, dựa trên ba trụ cột chính: nền kinh tế du khách hướng đến sản phẩm du lịch theo chuỗi giá trị; nguồn nhân lực tại chỗ chất lượng cao; nền tảng cơ sở hạ tầng đầy đủ, hiện đại, mang tính liên kết.

2. Giải pháp

Để thực hiện tốt những nhiệm vụ nêu trên, cũng như đưa tầm nhìn và khát vọng phát triển du lịch trở thành hiện thực; ngành du lịch sẽ tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh và phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, địa phương tập trung triển khai thực hiện một số một số trọng tâm sau đây:

Một là, lãnh đạo chỉ đạo công tác tham mưu cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa thủ tục cấp phép hoạt động cho doanh nghiệp du lịch; tham mưu xin ý kiến mở rộng và kéo dài chính sách miễn thị thực đơn phương đối với một số thị trường khách quốc tế tiềm năng, có khả năng chi tiêu cao, lưu trú dài ngày, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy phát triển du lịch bền vững trong bối cảnh mới.

Hai là, tiếp tục đổi mới cả về nội dung, phương thức thực hiện trong quảng bá xúc tiến định vị thương hiệu du lịch của tỉnh; tăng cường liên kết vùng với thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long; đẩy hợp tác quốc tế với các nước thuộc khu vực ASEAN, các nước có tiềm năng về thị trường khách du lịch thông qua các hội chợ du lịch quốc tế và sự kiện APEC 2027.

Ba là, đẩy nhanh công tác tổ chức điều tra, rà soát, cập nhật thông tin tài nguyên du lịch trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh. Trên cơ sở kết quả điều tra, xây dựng lại định hướng phát triển sản phẩm du lịch theo hướng khai thác thế mạnh về tài nguyên, tận dụng cơ hội nổi trội, lợi thế cạnh tranh gắn với phát huy giá trị di sản và bản sắc văn hóa dân tộc.

Bốn là, thiết lập mạng lưới các thành phần tham gia vào quá trình chuyển đổi du lịch xanh (chuyên gia, cơ quan quản lý du lịch, nhà đầu tư, doanh nghiệp, cơ

quan truyền thông...), xây dựng cơ chế khuyến khích đổi mới sáng tạo nhằm thúc đẩy phát triển và quản lý hiệu quả các điểm đến du lịch xanh tại An Giang.

Năm là, tăng cường công tác quản lý hoạt động du lịch, chú trọng đảm bảo an ninh, an toàn cho du khách, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch tại các điểm đến; tiếp tục đẩy mạnh công tác điều hành, kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch, xây dựng môi trường du lịch an toàn, văn minh, thân thiện, góp phần nâng cao uy tín, hình ảnh du lịch An Giang trên thị trường Việt Nam và quốc tế.

Sáu là, tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cả về chất lượng và số lượng, bảo đảm cân đối cơ cấu ngành nghề, trình độ đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành du lịch và hội nhập quốc tế.

Bảy là, đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giám sát, cảnh báo, dự báo thị trường và đánh giá hiệu quả chính sách phát triển du lịch. Đồng thời hỗ trợ thiết thực cho hoạt động của doanh nghiệp, khách du lịch trong nước và quốc tế trong tiếp cận thông tin, dịch vụ, trải nghiệm số hóa.

Tám là, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển du lịch theo hướng đồng bộ, hiện đại, bảo đảm tính kết nối liên vùng, liên ngành, đặc biệt là kết nối giao thông thuận tiện giữa sân bay, cảng biển, bến tàu với các trung tâm du lịch trọng điểm và các khu, điểm du lịch tiềm năng.

III- ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh

- *Với Tỉnh ủy*: Để tiếp tục phát huy tiềm năng và lợi thế, thúc đẩy du lịch phát triển mạnh hơn, nhanh hơn trong thời gian tới, kính đề nghị Tỉnh ủy giao ngành du lịch phối hợp với các sở, ban ngành và địa phương có liên quan tham mưu xây dựng mới Nghị quyết phát triển du lịch của tỉnh An Giang thay thế Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 16/11/2017 của Tỉnh ủy Kiên Giang về phát triển du lịch của tỉnh Kiên Giang đến 2020 và định hướng đến năm 2030.

- *Với Ủy ban nhân dân tỉnh*: Kiến nghị UBND tỉnh quan tâm bố trí nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 theo đề xuất của ngành du lịch nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phục vụ phát triển du lịch, tạo điểm nhấn thu hút nhà đầu tư và du khách đến với tỉnh An Giang.

2. Bộ, ngành Trung ương

- Kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các bộ, ngành Trung ương nghiên cứu và sớm có quy định chi tiết, hướng dẫn về tổ chức du lịch trò chơi dưới nước, hoạt động du lịch mạo hiểm...

- Kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Bộ Ngoại giao và các bộ ngành có liên quan tham mưu Chính phủ sớm thành lập cơ quan Văn phòng xúc tiến du lịch Việt Nam ở nước ngoài nhằm phục vụ cho công tác quảng bá, xúc tiến và kết nối du lịch của Việt Nam với các nước, trong đó có An Giang.

- Kiến nghị Bộ Ngoại giao phối hợp với các bộ, ngành Trung ương nghiên cứu đề xuất cho phép mở rộng diện miễn visa đối với khách du lịch quốc tế vào Việt Nam tạo cơ hội cho An Giang thu hút, chia sẻ nguồn khách quốc tế thông qua các cảng hàng không quốc tế trong cả nước (đối với các đường bay không bay trực tiếp đến Phú Quốc). Bên cạnh đó, có ý kiến trình cơ quan có thẩm quyền cho phép khách nước ngoài được miễn thị thực khi tham quan Phú Quốc từ 30 ngày lên 180 ngày.

Với quyết tâm chính trị cao, tinh thần đoàn kết và trách nhiệm, ngành du lịch An Giang cam kết thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030, góp phần xây dựng An Giang giàu mạnh, hướng tới tầm vóc quốc gia và quốc tế trong du lịch. Ngành du lịch sẽ huy động mọi nguồn lực, từ ngân sách tỉnh đến xã hội hóa và hỗ trợ Trung ương, để biến những hạn chế thành cơ hội, đảm bảo du lịch An Giang không chỉ là ngành kinh tế mũi nhọn mà còn là cầu nối văn hóa, góp phần vào tầm nhìn 2050 của Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long, nơi An Giang trở thành trung tâm du lịch khu vực và quốc tế mang lại lợi ích lâu dài cho Nhân dân và đất nước.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BIÊN GIỚI TỈNH AN GIANG

Sở Du lịch tỉnh

Biên giới lãnh thổ quốc gia là thiêng liêng, bất khả xâm phạm, với nhận thức trên, Đảng bộ tỉnh An Giang xác định công tác quản lý biên giới là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng về quốc phòng, an ninh và đối ngoại, nhằm khẳng định chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác phát triển và bền vững.

An Giang là tỉnh biên giới phía Tây Nam của Tổ quốc, có đường biên giới đất liền dài 147,888km, tiếp giáp với ba tỉnh Kandal, Takeo và Kampot của Vương quốc Campuchia. Có 03 cửa khẩu quốc tế: Vĩnh Xương, Tịnh Biên, Hà Tiên; 03 cửa khẩu chính: Khánh Bình, Vĩnh Hội Đông, Giang Thành; 01 cửa khẩu phụ: Bắc Đai và nhiều lối mở, An Giang có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng, vừa là tuyến đầu bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh quốc gia phía Tây Nam của Tổ quốc, vừa là cầu nối giao lưu, hợp tác kinh tế, văn hóa, xã hội với nước láng giềng Campuchia và các nước trong khu vực.

Với quyết tâm chính trị cao, Đảng bộ tỉnh An Giang tích cực phối hợp với Bộ, ngành Trung ương quan tâm phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư cơ sở hạ tầng khu vực biên giới: ưu tiên xây dựng các dự án cầu cống, đường xá, nhiều dự án công trình lưỡng dụng; xây dựng ý thức tôn trọng Nhân dân, phát huy dân chủ, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Nhân dân tự do sản xuất, kinh doanh theo pháp luật. Hệ thống chính trị các cấp, lực lượng vũ trang gắn bó mật thiết với Nhân dân: Xây dựng các phong trào phát triển kinh tế, giảm nghèo, đời sống văn hóa, củng cố hệ thống chính trị ngày vững mạnh, từ đó huy động được sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới, góp phần xây dựng biên giới vững mạnh toàn diện, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng biên.

I- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Những kết quả nổi bật

- Công tác phân giới cắm mốc được triển khai thực hiện từ tháng 5 năm 2007 đến nay. Hiện đã triển khai xây dựng hoàn thành 58/74 mốc chính, 172 mốc phụ, 67 cọc dấu. Theo thỏa thuận, giữa hai nước, Việt Nam chịu trách nhiệm xây dựng tất cả các công trình mốc chính, công trình mốc phụ và cọc dấu mang số hiệu chẵn; Campuchia xây dựng công trình mốc phụ và cọc dấu mang số hiệu lẻ (*được xây dựng từ năm 2016 đến năm 2018*). Hai bên cũng đã thống nhất bảo dưỡng công trình mốc giới (Việt Nam có kí hiệu số chẵn, Campuchia có kí hiệu số lẻ).

- Phân giới được 118,761km.

- Chưa phân giới 29,127m, trong đó gồm 16 mốc chính gồm:

+ 11 mốc tiếp giáp với tỉnh Kandal chưa PGCM;

+ 05 cột mốc chưa được chuyển vẽ gồm: thuộc xã Giang Thành, tiếp giáp với tỉnh Kampot.

- Đặc biệt, mốc số 314 cột mốc cuối cùng trên tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia đã được tổ chức Lễ khánh thành cấp Nhà nước, đánh dấu bước tiến lịch sử trong sự nghiệp phân giới cắm mốc.

Đã tổ chức 3.677 lượt tuần tra với 22.613 lượt cán bộ, chiến sĩ tham gia, kiên quyết ngăn chặn tình trạng xâm canh, xâm cư, lấn chiếm biên giới. Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng như Hải quân Vùng 5, Cảnh sát biển Vùng 4, Hải đoàn 28... đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh trên biển. Kịp thời ngăn chặn nhiều vụ buôn lậu, ma túy, xuất nhập cảnh trái phép, mua bán người; từng bước làm giảm các hoạt động vi phạm pháp luật trên tuyến biên giới.

An Giang đã ký kết quan hệ hợp tác hữu nghị với 21 địa phương của 9 quốc gia là Campuchia, Lào, Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Pháp, Thụy Điển, Đức, Hà Lan; trong đó có 6 địa phương của Campuchia giáp biên với tỉnh An Giang, đồng thời mở rộng hợp tác về đánh bắt hải sản với Thái Lan, Malaysia, Indonesia.

Hệ thống cửa khẩu: quốc tế, chính, phụ được nâng cấp, tạo điều kiện thuận lợi cho giao thương hàng hóa. An Giang thu hút nhiều dự án hạ tầng quan trọng như đường tuần tra biên giới, tuyến cáp điện ra các đảo: Đặc khu Phú Quốc, Đặc khu Kiên Hải, xã đảo Tiên Hải,...

Tổ chức hơn 10.000 cuộc tuyên truyền, 05 lớp tập huấn pháp luật cho hàng trăm ngàn lượt cán bộ, chiến sĩ và Nhân dân. Nhiều chương trình truyền thông đặc sắc: “Người đi biển”, “Vì chủ quyền biển đảo Việt Nam”, “Biển đảo khúc tình ca”... đã góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo vệ biên giới, biển đảo.

2. Những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân

Công tác phân giới cắm mốc chưa hoàn thành toàn tuyến, còn một số mốc và đoạn biên giới chưa được bàn giao do vướng mắc khách quan. Hoạt động tội phạm xuyên biên giới (buôn lậu, ma túy, cờ bạc, mua bán người) còn diễn biến phức tạp. Hạ tầng biên giới - biển đảo chưa đồng bộ, đời sống Nhân dân còn khó khăn. Phối hợp song phương có lúc chưa thống nhất, thủ tục pháp lý phía Campuchia còn nhiều khác biệt, nhất là trong việc công nhận cửa khẩu phụ, lối mở.

3. Một số kinh nghiệm

- *Biên giới là thiêng liêng của Tổ quốc.* Biên giới quốc gia là biểu tượng cao nhất của **chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích quốc gia - dân tộc**. Theo quan điểm của Đảng và Nhà nước ta, bảo vệ biên giới không chỉ là bảo vệ một đường kẻ trên bản đồ mà là bảo vệ thành quả cách mạng, giữ gìn môi trường hòa bình cho phát triển. Thực tiễn lịch sử chứng minh: mỗi khi biên giới bị xâm phạm thì chủ quyền, độc lập dân tộc, lợi ích quốc gia bị đe dọa. Vì vậy, nhận thức biên giới là thiêng liêng chính là cơ sở để xây dựng ý chí kiên định, quyết tâm bảo vệ đến cùng.

- *Ổn định chính trị và quan hệ láng giềng hữu nghị là điều kiện quan trọng.* Quan hệ ổn định với các nước láng giềng góp phần tạo ra **môi trường hòa bình, hợp tác, hữu nghị**, tránh xung đột, chiến tranh, phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế hiện nay. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “*Giữ vững hòa bình để xây dựng đất nước*”. Do đó, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển chính là đảm bảo cho đất nước có điều kiện tập trung nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

- *Khéo léo nhưng kiên quyết trong xử lý vấn đề biên giới.* Trong giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn về biên giới, cần dựa trên **nguyên tắc tôn trọng chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, luật pháp quốc tế và các hiệp định đã ký kết**. Khéo léo là để **giữ hòa khí, tránh leo thang căng thẳng**; kiên quyết là để **khẳng định lập trường chính nghĩa và bảo vệ lợi ích quốc gia**. Việc sử dụng **chứng cứ xác thực (ghi hình, lập biên bản, quay phim, bản đồ, hồ sơ pháp lý...)** không chỉ để dập tắt dư luận xuyên tạc của các thế lực thù địch mà còn tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ từ dư luận xã hội và cộng đồng quốc tế. Đây là một kinh nghiệm quan trọng trong công tác đối ngoại và truyền thông về biên giới.

- *Chủ quyền gắn liền với phát triển đất nước và đời sống Nhân dân biên giới.* Bảo vệ chủ quyền không chỉ là nhiệm vụ an ninh - quốc phòng mà còn gắn chặt với **mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội**. Khi biên giới được xác lập rõ ràng, ổn định thì **giao thương, hợp tác kinh tế, xuất nhập khẩu hàng hóa** được thuận lợi, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao đời sống người dân. Đồng thời, chính sách biên giới còn có ý nghĩa củng cố **tình đoàn kết thân tộc, dân tộc, mối quan hệ cộng đồng cư dân biên giới**, tăng cường sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc - yếu tố then chốt để bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống.

II- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỜI GIAN TỚI

Để nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về biên giới, cần thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp sau:

Một là, xác định nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia, là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng. Kiên quyết bảo vệ thành quả phân giới cắm mốc mà hai nước đã đạt được để xây dựng đường biên giới ổn định, bền vững. Các địa phương phải chủ động phối hợp với các lực lượng chức năng, triển khai các biện pháp tuyên truyền, vận động Nhân dân nâng cao nhận thức về chủ quyền biên giới, cùng nhau bảo vệ thành quả đã đạt được.

Hai là, ưu tiên xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực biên giới, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh toàn diện. Cần có chính sách ưu tiên, thu hút đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân khu vực biên giới sinh sống ổn định, lâu dài. Việc xây dựng các công trình dân sinh, dự án phát triển kinh tế biển và củng cố quốc phòng - an ninh cần được quan tâm, ưu tiên.

Ba là, tăng cường đối ngoại Đảng, đối ngoại chính quyền và đối ngoại nhân dân ở tất cả các cấp, các ngành. Cần xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với thể chế lãnh đạo kế cận của Campuchia để tiếp tục thực hiện công tác phân giới cắm mốc với tinh thần bình đẳng, tôn trọng và hiểu biết lẫn nhau, vì lợi ích hài hòa của cả hai nước.

Bốn là, các sở, ngành, địa phương liên quan cần luôn đồng hành với Ban Quản lý dự án đường tuần tra biên giới để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đảm bảo dự án được thực hiện thuận lợi. Việc giải quyết triệt để các vấn đề liên quan đến sạt lở, bồi thường giải phóng mặt bằng là ưu tiên hàng đầu, nhằm đảm bảo cuộc sống cho người dân và tiến độ của dự án.

Năm là, tăng cường công tác phòng chống tội phạm, đặc biệt là tội phạm buôn lậu, vận chuyển ma túy, mua bán người và xuất nhập cảnh trái phép. Các lực lượng chức năng cần phối hợp chặt chẽ, sử dụng các biện pháp nghiệp vụ hiện đại để kiểm soát chặt chẽ tuyến biên giới, ngăn chặn các hoạt động phi pháp.

Sáu là, tiếp tục triển khai các dự án ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý chống xói mòn, sạt lở ven biển, phục hồi rừng ngập mặn. Đây là những giải pháp quan trọng để bảo vệ môi trường, phát triển bền vững và củng cố an ninh quốc phòng ở khu vực biên giới biển.

Bảy là, tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng trên biển An Giang và Kam Pốt, Kép, vương quốc Campuchia và Thái Lan trong việc phối hợp tuần tra bảo vệ an ninh trật tự vùng biển chung.

III- ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân

- Quan tâm chỉ đạo, các sở, ban ngành và địa phương phối hợp giải quyết các vấn đề biên giới, đặc biệt là công tác bồi thường, hỗ trợ cho người dân bị ảnh hưởng sau phân giới cắm mốc (nếu có).

- Đầu tư xây dựng các công trình dân sinh, dự án ở khu vực biên giới biển nhằm phát triển kinh tế biển và củng cố quốc phòng an ninh ở khu vực biên giới biển.

2. Đối với các ban, bộ, ngành Trung ương

- Đề nghị Ủy ban Biên giới quốc gia, Bộ Ngoại giao tích cực tham mưu giải quyết các khu vực còn tồn đọng trên địa bàn tỉnh An Giang. Tiếp tục tham mưu sớm ký kết Hiệp định quản lý cửa khẩu biên giới với Campuchia.

- Đề nghị Bộ Quốc phòng xem xét đối với những khó khăn trong việc triển khai dự án đường tuần tra biên giới.

- Đề xuất Chính phủ hỗ trợ kinh phí để xây dựng các công trình dân sinh và dự án ở khu vực biên giới biển nhằm phát triển kinh tế biển và củng cố quốc phòng - an ninh, đặc biệt là các dự án kéo điện, xây dựng hồ chứa nước, khu neo đậu tàu thuyền tránh bão.

*

Biên giới, biển đảo là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Những kết quả đạt được trong thời gian qua là rất đáng trân trọng, song vẫn còn nhiều nhiệm vụ nặng nề phía trước. Với tinh thần đoàn kết, quyết tâm chính trị cao, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh An Giang, nguyện phát huy truyền thống, nỗ lực vượt khó, xây dựng tuyến biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác, phát triển bền vững, góp phần giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH AN GIANG

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh

Những năm qua, khoa học và công nghệ (KHCN) nói chung đã có những thay đổi mạnh mẽ và đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; đặc biệt giai đoạn sau đổi mới (1986), từ nền tảng chủ yếu phục vụ nông nghiệp và quốc phòng, KHCN đã tập trung vào phát triển công nghệ hiện đại, thúc đẩy đổi mới sáng tạo (ĐMST) và chuyển đổi số (CDS) để tạo đột phá trong phát triển và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia và địa phương, trong đó có tỉnh An Giang.

Trong bối cảnh đất nước đang bước vào giai đoạn phát triển mới, yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu đặt ra ngày càng cấp thiết; phát triển KHCN, ĐMST và CDS được khẳng định là *yếu tố quyết định phát triển của các quốc gia; là điều kiện tiên quyết, thời cơ tốt nhất để nước ta phát triển giàu mạnh, hùng cường trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*. Đối với các địa phương, việc tích hợp và triển khai đồng bộ ba trụ cột KHCN - ĐMST - CDS trở thành yêu cầu mang tính chiến lược. Đây là một hệ sinh thái phát triển thống nhất và tương hỗ, tạo nền tảng tri thức, công cụ, giải pháp và môi trường thực thi để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. KHCN là nền tảng nâng cao năng suất, chất lượng và cạnh tranh, có thể đóng góp 1% GDP từ thương mại hóa nghiên cứu. ĐMST là khâu trung gian biến tri thức thành sản phẩm, mô hình kinh doanh mới, tiềm năng đóng góp 3% GDP. CDS là môi trường lan tỏa đổi mới, tối ưu quản lý - sản xuất - dịch vụ, có thể đóng góp thêm 1% GDP.

Với không gian phát triển mới và tầm nhìn mới, tỉnh An Giang đang đóng vai trò là một trong những địa phương trọng điểm trong phát triển kinh tế nông nghiệp, kinh tế biển, dịch vụ, cùng với việc đảm bảo an ninh lương thực và an ninh biên giới. Việc ứng dụng KHCN, kết hợp ĐMST và CDS giữ vai trò thiết yếu trong định hướng tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm; gia tăng giá trị sản phẩm chế biến; đẩy mạnh năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường; cải thiện đời sống của người dân, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý của nhà nước. Việc xác định *“lấy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm khâu đột phá chiến lược hướng tới mục tiêu cuối cùng là tăng trưởng kinh tế”* là quan điểm phát triển đúng đắn, phù hợp, giúp tỉnh An Giang vươn lên mạnh mẽ trong giai đoạn 2025-2030.

I- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Những kết quả nổi bật

- Về thông tin, tuyên truyền

+ Công tác thông tin, tuyên truyền được chú trọng, nhận thức về phát triển KHCN, ĐMST và CDS không ngừng được nâng cao tạo được sự đồng thuận của

cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; nhận thức về vị trí, vai trò của KHCN, ĐMST và CDS trong sản xuất, đời sống được nâng lên; các mục tiêu và nội dung về phát triển KHCN, ĐMST và ĐMST được chuyển hóa thành các công việc, nhiệm vụ cụ thể gắn với nhiệm vụ của cấp ủy đảng, chính quyền, các sở, ban, ngành, đoàn thể và tiếp tục được lan tỏa trong toàn xã hội.

+ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh An Giang; UBND tỉnh đã tổ chức Lễ phát động phong trào “Bình dân học vụ số” và ra mắt nền tảng “Học tập suốt đời” trên ứng dụng di động SmartAnGiang trên địa bàn tỉnh để phục vụ người dân học tập suốt đời trên môi trường số. Các Tổ công nghệ số cộng đồng; Tổ bình dân học vụ số tại các xã, phường, khóm, ấp đã và đang triển khai các hoạt động tổ chức phổ biến kiến thức và kỹ năng về chuyển đổi số cho người dân. Tỉnh đoàn và Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tỉnh bước đầu triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”.

- Về nghiên cứu khoa học và công nghệ

+ Giai đoạn 2020 - 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo ngành KHCN triển khai thực hiện 210 nhiệm vụ KHCN các cấp, trong đó 06 nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia, 94 nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh và 110 nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở. Theo đó, 47 nhiệm vụ thuộc lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ, 99 nhiệm vụ thuộc lĩnh vực nông nghiệp, 24 nhiệm vụ thuộc lĩnh vực y dược và 40 nhiệm vụ thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.

+ Trong lĩnh vực dược liệu, nghiên cứu tập trung bảo tồn, phát triển và nâng cao giá trị các cây dược liệu quý, có nguồn gốc bản địa vùng Bảy Núi. Trong lĩnh vực nông nghiệp, nghiên cứu lai tạo giống lúa, giống thủy sản và phát triển các mô hình sản xuất ứng dụng tiến bộ KHCN. Những kết quả này tạo nền tảng vững chắc cho định hướng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, góp phần thực hiện thành công Đề án tái cơ cấu nông nghiệp và hiện đại hóa nông thôn. Các nghiên cứu còn đóng vai trò quan trọng trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển du lịch, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa - lịch sử, xây dựng đời sống tinh thần người dân và đảm bảo ổn định kinh tế - xã hội. Kết quả nghiên cứu đã được nghiệm thu và ứng dụng vào thực tiễn đời sống cũng như sản xuất, cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoạch định chiến lược và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Về ứng dụng, chuyển giao và phát triển công nghệ

+ Hỗ trợ triển khai thực hiện 08 dự án hỗ trợ ứng dụng, đổi mới công nghệ, với tổng kinh phí là 19,17 tỷ đồng, trong đó nguồn sự nghiệp KHCN hỗ trợ 3,64 tỷ đồng (chiếm 18,99%), còn lại 15,53 tỷ đồng (chiếm 81,01%) từ nguồn xã hội hóa. Các dự án tập trung vào việc thúc đẩy ứng dụng tiến bộ KHCN trong sản xuất nhằm tăng hàm lượng công nghệ vào sản phẩm chủ lực của tỉnh. Điều này tạo thuận lợi để nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm địa phương với thị trường toàn quốc và mở rộng cơ hội hợp tác quốc tế. Duy trì ổn định hoạt động sàn giao dịch công nghệ (www.atte.vn). Hỗ trợ, kết nối thực hiện 10 giao dịch ứng dụng đổi mới công nghệ, thiết bị cho các đơn vị sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh; tổ chức 04 phiên kết nối công nghệ giới thiệu các công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực

vật liệu xây dựng, thủy sản, trồng trọt,...; tổ chức nhiều hoạt động, sự kiện trưng bày công nghệ thiết bị; tổ chức tham gia các hoạt động kết nối trong và ngoài tỉnh giúp các đơn vị, doanh nghiệp tiếp cận các công nghệ, thiết bị tiên tiến để định hướng ứng dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao sức sản xuất và cạnh tranh của doanh nghiệp, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh.

+ Bên cạnh đó, ngành KHCHN đã phối hợp cùng các sở, ngành thực hiện thẩm định hơn 190 dự án trên địa bàn tỉnh nhằm loại bỏ các công nghệ lạc hậu, kém chất lượng, kém hiệu quả khỏi quá trình đầu tư. Hoạt động phát triển thị trường KHCHN cũng được quan tâm đẩy mạnh thông qua việc hình thành mạng lưới trung gian gồm 2 doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao, 5 doanh nghiệp KHCHN và 47 tổ chức KHCHN.

- Về đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ

+ Triển khai thực hiện Đề án hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tổ chức 65 lớp tập huấn đa dạng chủ đề dành cho nhiều nhóm đối tượng khác nhau; đồng thời tổ chức 22 cuộc hội thảo, diễn đàn nhằm tháo gỡ vướng mắc trong quá trình hỗ trợ các hoạt động khởi nghiệp ĐMST. Phối hợp cùng AEA Việt Nam và Ngân hàng Standard Chartered để tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng quản lý tài chính và gọi vốn cho hơn 40 thanh niên khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh.

+ Xúc tiến việc hình thành các đơn vị hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST trong các trường đại học; phát động và tổ chức 32 cuộc thi khởi nghiệp ĐMST ở cấp tỉnh và cấp cơ sở, thu hút đông đảo học sinh, sinh viên, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cũng như các nhóm cá nhân khởi nghiệp tham gia với hơn 500 ý tưởng/dự án dự thi. Đặc biệt, cuộc thi “Ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp” tỉnh An Giang lần thứ VII năm 2023 đã chọn 16/67 ý tưởng xuất sắc vào vòng chung kết. Hỗ trợ các cá nhân, nhóm khởi nghiệp và doanh nghiệp tham gia các cuộc thi khởi nghiệp ĐMST mang tầm khu vực như Startup Kite tổ chức tại Hà Nội (do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp cùng Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc - UNFPA), tại Thành phố Hồ Chí Minh và các khu vực khác dưới sự tổ chức của Trung ương, với tổng kinh phí hỗ trợ 166.225.000 đồng.

+ Công tác sở hữu trí tuệ (SHTT) từng bước được triển khai đồng bộ, tạo nền tảng để bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ gắn với sản phẩm đặc thù, thương hiệu địa phương và hoạt động ĐMST. Hoạt động quản lý nhà nước về SHTT tại địa phương tiếp tục được tăng cường, đặc biệt là lĩnh vực sở hữu công nghiệp. Công tác tuyên truyền, tư vấn hướng dẫn về sở hữu công nghiệp được triển khai dưới nhiều hình thức, trực tiếp và gián tiếp qua số điện thoại. Công tác tư vấn, hướng dẫn được triển khai đồng bộ, hiệu quả, đặc biệt là cho các sản phẩm tham gia Chương trình OCOP. Hoạt động thúc đẩy tài sản trí tuệ tiếp tục được quan tâm thực hiện, thông qua các hoạt động như: Hội thi Sáng tạo kỹ thuật, Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên, Cuộc thi Khởi nghiệp sáng tạo định kỳ hàng năm của tỉnh. Hoạt động thực thi quyền SHTT trên địa bàn tỉnh được tăng cường, đẩy mạnh nhằm góp phần bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người tiêu dùng và các cơ sở sản xuất, kinh doanh.

- Về chuyển đổi số

An Giang đã có những bước tiến mạnh mẽ với những kết quả đáng khích lệ trên cả 3 trụ cột: Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số:

+ *Chính quyền số không ngừng được nâng cao hiệu quả, phục vụ người dân.* Tỉnh đã chú trọng kiến tạo nền tảng vững chắc. Hạ tầng số và hệ thống thông tin được đầu tư đồng bộ. Về dịch vụ công trực tuyến, tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng và trước hạn đạt 91,83%. Tháng 7 năm 2025, hệ thống đã tiếp nhận 40.884 hồ sơ trực tuyến, chiếm hơn 75% tổng số hồ sơ, cho thấy sự tin tưởng của người dân vào các kênh số của chính quyền. Khoảng 96% cán bộ, công chức, viên chức đã được cấp chữ ký số chuyên dùng công vụ. Các cơ quan nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh đã hoàn thành Chính quyền điện tử và đang tập trung xây dựng Chính quyền số.

+ *Kinh tế số được thúc đẩy tăng trưởng, tạo động lực mới.* Năm 2024, quy mô kinh tế số của tỉnh chiếm trung bình 6,11% GRDP của tỉnh. Phát triển kinh tế số đang được quan tâm, xem đây là động lực tăng trưởng quan trọng cho giai đoạn sắp tới. Người dân và doanh nghiệp nhanh chóng làm chủ các hình thức thanh toán điện tử, thích nghi với các mô hình thương mại điện tử. Hóa đơn điện tử được phổ cập 100%, các phần mềm quản lý giá cả, giám định sinh vật gây hại được đưa vào ứng dụng hiệu quả. 100% doanh nghiệp nộp thuế điện tử và sử dụng hóa đơn điện tử. Tỉnh cũng đang triển khai Dự án Khu Công nghệ thông tin tập trung; hằng năm tổ chức định kỳ các hoạt động các hội thảo, hội nghị về chuyển đổi số để hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ.

+ *Xã hội số đem lại nhiều tiện ích và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.* Chuyển đổi số len lỏi sâu rộng vào đời sống xã hội, nhiều tiện ích thiết thực được triển khai. Các cơ sở y tế, lưu trú triển khai thông báo lưu trú trực tuyến, thanh toán không tiền mặt. Dữ liệu y tế, bảo hiểm xã hội được số hóa và xác thực. Hạ tầng số phủ sóng rộng khắp, với mạng Internet tốc độ cao đến mọi ngõ ngách. Tỷ lệ người dân sử dụng điện thoại thông minh, hộ gia đình có kết nối Internet không ngừng tăng.

Phong trào “Bình dân học vụ số” đã được phát động mạnh mẽ, thu hút gần 8.000 thành viên trong hơn 1.000 Tổ công nghệ số cộng đồng; tỷ lệ người dân trưởng thành có kiến thức cơ bản về chuyển đổi số đạt trên 71% và 100% cán bộ, công chức, viên chức hiểu biết về nền tảng số; tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số của tỉnh An Giang đạt 5%.

2. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Tốc độ phát triển KHCN, ĐMST và CDS của tỉnh còn chậm và chưa đồng bộ. Theo đó, tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) vẫn ở mức thấp. Hệ sinh thái ĐMST của tỉnh chưa hoàn thiện, số lượng doanh nghiệp ĐMST ít, chưa có nhiều sản phẩm, dịch vụ mang tính đột phá; tỷ trọng kinh tế số trong GRDP chưa cao.

- Hạ tầng số tại một số vùng nông thôn còn thiếu đồng bộ; tốc độ internet chưa ổn định; trang thiết bị công nghệ thông tin tại cấp xã vẫn cần được nâng cấp

và đầu tư thêm; tỷ lệ người dân trưởng thành sở hữu chữ ký số công cộng chỉ đạt 5%, gây cản trở trong việc mở rộng thanh toán trực tuyến.

- Nguồn nhân lực cho KHCN, ĐMST và CDS chưa đảm bảo, nhất là nhân lực chất lượng cao còn thiếu hụt, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển.

- Nguyên nhân là do nhận thức về ĐMST và CDS của một bộ phận cán bộ, doanh nghiệp và người dân chưa đầy đủ. Chưa có cơ chế, chính sách đặc thù cho đột phá phát triển KHCN, ĐMST và CDS. Sự liên kết giữa viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp chưa thực sự hiệu quả. Quy mô và nguồn lực còn hạn chế, thiếu các chiến lược đột phá; cơ chế chính sách chưa tạo động lực mạnh mẽ cho các tổ chức và doanh nghiệp; đầu tư nguồn lực còn phân tán.

3. Một số kinh nghiệm

- Công tác thông tin, tuyên truyền giữ vai trò quan trọng trong nâng cao nhận thức, thống nhất trong hệ thống chính trị và tạo sự đồng thuận cộng đồng xã hội.

- Công tác chỉ đạo cần quyết liệt hơn, đi kèm với việc tăng cường kỷ luật trong thực hiện nhiệm vụ. Khen thưởng và xử lý kỷ luật phải chính xác và kịp thời, đặc biệt là gắn với trách nhiệm của người đứng đầu tại các cơ quan, đơn vị và địa phương.

- Hạ tầng KHCN, ĐMST và CDS cần được hoàn thiện trước một bước để tạo nền tảng phát triển bền vững 03 trụ cột KHCN, ĐMST và CDS; chú trọng thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo và phát triển kinh tế số để tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội.

- Nguồn nhân lực KHCN chất lượng cao là yếu tố then chốt để thúc đẩy những bước tiến vượt bậc trong phát triển KHCN, ĐMST và CDS trên toàn tỉnh.

II- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỜI GIAN TỚI

Để tiếp tục phát huy những thành quả đã đạt được, khắc phục những hạn chế, khó khăn và tạo ra các bước đột phá *trong thời gian tới, toàn ngành KHCN triển khai thực hiện đồng bộ 07 nhóm nhiệm vụ và giải pháp theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị*; trong đó, để thực hiện thành công mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội với tốc độ tăng trưởng hai con số giai đoạn 2025 - 2030, chú trọng triển khai các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo và kinh tế số để tạo ra mô hình và động lực mới cho tăng trưởng. Cụ thể như sau:

1. Tiếp tục đẩy mạnh truyền thông thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh. Triển khai có hiệu quả Quyết định số 1169/QĐ-TTg, ngày 16/6/2025 phê duyệt Chương trình “Đẩy mạnh truyền thông thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030”; trong đó đổi mới mạnh mẽ phương thức truyền thông, đảm bảo tính đa dạng, linh hoạt, sáng tạo, hấp dẫn, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm phù hợp với từng đối tượng, lĩnh vực, chú trọng đổi

tượng đặc thù nhằm đáp ứng nhiệm vụ chính trị và nhu cầu xã hội để tạo đồng thuận trong việc triển khai thực hiện. Tăng cường ứng dụng công nghệ hiện đại trong công tác truyền thông khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia với phương châm lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, lấy công nghệ làm công cụ, lấy sáng tạo làm động lực. Tiếp tục triển khai có hiệu quả phòng trào “Bình dân học vụ số” và “Học tập suốt đời” trên địa bàn tỉnh.

2. Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, ưu đãi cho phát triển KHCN, ĐMST và CDS. Khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, đặc biệt doanh nghiệp vừa và nhỏ, đầu tư R&D, ứng dụng KHCN; hỗ trợ khởi nghiệp, ĐMST và CDS. Hình thành quỹ phát triển KHCN địa phương; nghiên cứu thúc đẩy triển khai quỹ đầu tư mạo hiểm và sàn giao dịch vốn cho khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh, nhất là tại các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng và trung cấp trên địa bàn. Hoàn thiện pháp lý về dữ liệu, an toàn thông tin, giao dịch điện tử; ưu đãi đất, thuế, tín dụng để thúc đẩy R&D.

3. Triển khai các chương trình nghiên cứu đột phá; ưu tiên các ngành mũi nhọn và tiềm năng (kinh tế biển, công nghệ sinh học, chế biến nông sản, dược liệu, nông nghiệp công nghệ cao, AI). Xây dựng hạ tầng, nhóm nghiên cứu mạnh, gắn với sản phẩm thực tế và sự tham gia của địa phương, doanh nghiệp, trường học.

4. Tăng cường ứng dụng và chuyển giao trong KHCN; chú trọng tính hiệu quả, quan tâm ứng dụng, nhân rộng kết quả sau nghiên cứu, đồng thời đẩy mạnh việc phát triển tài sản SHTT, chuyển giao công nghệ chế biến sâu và công nghệ sinh học, công nghệ số, AI để nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh và mở rộng thị trường; trong đó, ưu tiên ứng dụng chuyển đổi số (IoT, AI, Big Data,...) vào sản xuất, nông nghiệp, y tế, du lịch, giáo dục và phục vụ quản lý, dự báo và nâng cao cạnh tranh. Các nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao phải dựa trên các “bài toán lớn”, nhu cầu đặt hàng của các ngành, địa phương và xã hội có gắn với địa chỉ ứng dụng cụ thể; tiếp tục hỗ trợ tiếp cận, đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và các sản phẩm OCOP.

5. Phát triển hoàn thiện Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; tạo môi trường thuận lợi để đẩy mạnh kết nối viện - trường - doanh nghiệp; đầu tư trung tâm khởi nghiệp, nghiên cứu ứng dụng, công trình trọng điểm. Mở rộng tổ chức KHCN, nâng cao năng lực doanh nghiệp, thu hút nhân lực chất lượng cao về KHCN và CDS.

6. Tập trung phát triển kinh tế số; mở rộng thanh toán không tiền mặt, phổ biến công nghệ số, mô hình kinh tế sáng tạo; ưu tiên phát triển doanh nghiệp công nghệ số, nội dung số, TMĐT, sản xuất thông minh; hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp, phấn đấu tỷ trọng số $\geq 70\%$ trong ngành chủ lực; đặt hàng nhiệm vụ CDS cho doanh nghiệp hòa động trên địa bàn; xây dựng khu/khu đô thị công nghệ số, hỗ trợ doanh nghiệp cải tiến hạ tầng và nghiên cứu.

7. Thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; triển khai chính sách thu hút, đãi ngộ chuyên gia, đào tạo kỹ năng ĐMST, R&D, thương mại hóa sản phẩm; triển khai có hiệu quả các đề án, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực KHCN, ĐMST và CDS; ưu tiên cho đào tạo kỹ năng số, quản trị dữ liệu, AI; phổ cập dịch vụ số, xây dựng mô hình công dân số toàn diện.

8. Đẩy nhanh phát triển hoàn thiện hạ tầng số và đô thị thông minh; chuẩn hóa dịch vụ công trực tuyến, mạng băng thông rộng, thanh toán số; đầu tư đô thị thông minh tại Rạch Giá, Hà Tiên, Phú Quốc, Long Xuyên, Châu Đốc.

9. Tăng cường hợp tác công - tư và hợp tác quốc tế; tạo liên kết chặt chẽ chính quyền - viện nghiên cứu, trường đại học - doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước để thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo; tăng hợp tác với doanh nghiệp FDI và kiều bào; mở rộng nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, giúp startup tiếp cận vốn, thị trường và công nghệ tiên tiến.

III- ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Với Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh

- Ưu tiên vốn đầu tư công và khuyến khích xã hội hóa trong xây dựng hạ tầng số, trung tâm ĐMST, khu nông nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp công nghệ thông tin.

- Có chính sách thu hút, đãi ngộ nhân lực KHCN chất lượng cao.

2. Với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

- Tiếp tục ban hành các cơ chế, chính sách nhằm hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về khuyến khích phát triển KHCN, ĐMST, đổi mới hoạt động quản lý nhà nước, cơ chế tài chính về KHCN.

- Xem xét ban hành các cơ chế, chính sách thu hút, đãi ngộ nhân lực KHCN chất lượng cao; khuyến khích đẩy mạnh hoạt động KHCN, ĐMST và CDS ở cơ sở thông qua mạng lưới cộng tác viên KHCN, ĐMST và CDS.

Phát triển KHCN, ĐMST và CDS là con đường tất yếu để An Giang vươn tới một tương lai thịnh vượng. Với định hướng đúng đắn, việc triển khai quyết liệt và có hiệu quả, KHCN, ĐMST và CDS có thể đóng góp trực tiếp khoảng 5% GRDP (*KHCN* đóng vai trò nền tảng, tạo ra tri thức và công cụ mới, góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp địa phương. Nếu được đầu tư và ứng dụng hiệu quả, KHCN có thể đóng góp trực tiếp khoảng 1% GRDP thông qua thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu. *ĐMST* là khâu trung gian chuyên hóa tri thức, công nghệ thành các sản phẩm, quy trình và mô hình kinh doanh mới. Đây là động lực chính để tái cấu trúc nền kinh tế địa phương, mở rộng thị trường và nâng cao hiệu quả sản xuất. Với cơ chế hỗ trợ phù hợp, ĐMST có tiềm năng đóng góp khoảng 3% GRDP. *CDS* là môi trường triển khai và công cụ lan tỏa đổi mới sáng tạo, giúp nâng cao hiệu quả quản lý, kết nối hệ thống, tối ưu hóa quy trình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Nếu triển khai quyết liệt và đồng bộ, CDS có thể đóng góp thêm khoảng 1% GRDP thông qua cải thiện hiệu suất toàn hệ thống). Đồng thời, với việc quan tâm xây dựng và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo và thúc đẩy phát triển kinh tế số sẽ tạo ra mô hình và động lực mới cho phát triển tỉnh nhà trong kỷ nguyên mới.

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng bộ, chính quyền, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của người dân và doanh nghiệp, cùng với những chủ trương và giải pháp đồng bộ, quyết liệt, An Giang sẽ tạo ra những bước đột phá mạnh mẽ trong lĩnh vực KHCN, ĐMST và CDS.

Với tinh thần đoàn kết, đổi mới và khát vọng phát triển, ngành KHCN quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu nghị quyết Đại hội, đưa KHCN, ĐMST và CDS trở thành động lực then chốt để An Giang phát triển nhanh, bền vững, hội nhập sâu rộng.

ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH AN GIANG

Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh

Công tác dân tộc được xem là một nhiệm vụ hết sức quan trọng của Đảng và Nhà nước đóng vai trò then chốt trong việc củng cố mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước đối với đồng bào các dân tộc thiểu số. Công tác dân tộc là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của cấp ủy, chính quyền các cấp, những năm qua, được sự quan tâm của Trung ương, của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, cùng với sự nỗ lực vươn lên của đồng bào dân tộc thiểu số đã đạt nhiều kết quả quan trọng; trên cơ sở các dự án, đề án các chương trình, Nghị quyết của Trung ương, tỉnh đã cụ thể hóa, triển khai thực hiện đồng bộ và đạt được những kết quả quan trọng về công tác dân tộc, chính sách dân tộc, trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.

I- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Thực trạng vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh An Giang

An Giang là tỉnh thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, có diện tích tự nhiên là 9.888,91 km², có 102 đơn vị hành chính cấp cơ sở trực thuộc; tỉnh có 65 xã, phường và 46 ấp, khu phố, khóm thuộc vùng dân tộc thiểu số (DTTS), trong đó có 9 xã và 49 ấp đặc biệt khó khăn. Hiện trên địa bàn tỉnh, có 29 thành phần dân tộc anh em cùng sinh sống trên địa bàn, tuy nhiên chỉ có 03 thành phần DTTS chính (*Khmer, Hoa, Chăm*). Dân số khoảng 472.132 người, chiếm tỷ lệ 9,53% dân số toàn tỉnh (*đồng bào Khmer có 399.002 người, chiếm 8%; đồng bào Hoa có 46.515 người, chiếm 0,93%; đồng bào Chăm có 21.594 người, chiếm 0,43% và đồng bào các dân tộc thiểu số khác khoảng 5.021 người, chiếm 1,75%*).

Là tỉnh có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, đa số sống đan xen với các dân tộc anh em ở khắp các xã, phường, đặc khu. Đồng bào dân tộc Khmer hầu hết theo Phật giáo (*Hệ phái Phật giáo Nam tông Khmer*), các ngôi chùa Khmer là nơi sinh hoạt tôn giáo, đồng thời cũng là trung tâm sinh hoạt văn hoá của đồng bào, một bộ phận sinh sống khu vực biên giới, sinh sống chủ yếu bằng nghề nông nghiệp, dịch vụ, làm thuê theo vụ mùa, công cụ lao động giản đơn. Đồng bào người Hoa sống đan xen trong cộng đồng dân cư, tập trung nhiều tại các đô thị để hoạt động kinh tế, chủ yếu phát triển lĩnh vực thương mại, dịch vụ và sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làm vườn nương rẫy, đánh bắt hải sản và một số ngành nghề khác. Đồng bào dân tộc Chăm theo Hồi giáo (Islam), sinh sống bằng nghề buôn bán nhỏ, chăn nuôi, dệt vải, thêu đan, đánh bắt thủy sản ven sông và một số ít hộ sinh sống bằng nghề nông nghiệp, đời sống một bộ phận còn khó khăn. Các dân tộc thiểu số khác chủ yếu là cán bộ, công chức, bộ đội từ miền Bắc vào công tác, đời sống tương đối ổn định.

Đồng bào các DTTS trong tỉnh vốn có truyền thống đoàn kết, cần cù lao động và yêu nước, luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, gắn bó với cộng đồng các dân tộc, góp phần tích cực cùng Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Những kết quả nổi bật

Thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, trong 5 năm qua, các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp đã chỉ đạo, lãnh đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đạt được nhiều kết quả quan trọng.

- *Lĩnh vực kinh tế, đời sống*: Thông qua nguồn lực của Trung ương, của tỉnh và các nguồn lực hợp pháp khác, tỉnh đã tập trung triển khai thực hiện các chương trình, dự án, các chính sách có liên quan đến đồng bào các DTTS, từ đó kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS không ngừng phát triển, đời sống của đồng bào ngày càng nâng lên. Kết cấu hạ tầng tương đối đồng bộ, cơ bản đảm bảo giao thông nông thôn thuận tiện, điện lưới quốc gia, hệ thống thủy lợi đảm bảo cho sản xuất và sinh hoạt, hạ tầng viễn thông được phát triển, đảm bảo cho yêu cầu kết nối, nhu cầu thông tin liên lạc của người dân. Từ đó, đời sống của đồng bào được nâng lên, tỷ lệ hộ nghèo giảm. Hiện nay có 100% số xã vùng DTTS có đường ô tô đến trung tâm; trên 95% ấp đặc biệt khó khăn có đường giao thông; 100% xã đặc biệt khó khăn có điện lưới đến trung tâm, gần 99% hộ được sử dụng điện; 100% số xã có điểm bưu điện văn hóa; 100% xã đã phủ sóng phát thanh - truyền hình, 89,3% tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 98,6% hộ sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác; 100% xã vùng DTTS có trạm y tế đạt chuẩn quốc gia. Từ đó đã tạo được sự đồng thuận cao, củng cố thêm lòng tin của đồng bào vào đường lối đổi mới của Đảng, Nhà nước. Qua đó đồng bào an tâm hơn và tập trung cho việc đầu tư phát triển sản xuất, mở rộng kinh doanh để cải thiện cuộc sống gia đình và góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội: Công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa của đồng bào DTTS được quan tâm thực hiện, tỉnh tập trung đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa thể thao ở cơ sở để nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của Nhân dân ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Các thiết chế văn hóa thể thao vùng đồng bào dân tộc từng bước được đầu tư hoàn thiện. Các ngày tết, lễ hội truyền thống của đồng bào được duy trì và tổ chức đúng truyền thống như: Tết Chôl Chnăm Thmây, Sene Đôn Ta, Ok Om Bok của người Khmer. Hằng năm, tỉnh xuất ngân sách hỗ trợ hộ nghèo đón tết; tổ chức họp mặt, thăm... Nâng cấp tổ chức lễ hội Lễ hội Ok Om Bok của đồng bào Khmer thành Ngày hội văn hóa, thể thao và du lịch cấp tỉnh. Các lễ hội như Tết Roya Haji của đồng bào Chăm, Tết Nguyên tiêu, lễ Cầu An... của người Hoa được chính quyền, mặt trận các cấp tạo điều kiện tổ chức trang trọng mang đậm bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc. Hỗ trợ, duy trì hoạt động và nhân rộng mô hình Đội văn nghệ quần chúng Khmer tại cơ sở nhằm bảo tồn, phát huy các loại hình nghệ thuật truyền thống của đồng bào. Toàn tỉnh có 142 chùa Phật giáo Nam tông Khmer, trong đó có 07 cơ sở thờ tự và 01

tháp được công nhân di tích; có 40 chùa, 23 miếu là cơ sở tín ngưỡng của người Hoa. Có 01 Hội đoàn kết sư sãi yêu nước tỉnh và 10 hội Tương tế người Hoa đang hoạt động trên địa bàn. Tỉnh cũng đã ban hành Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND, ngày 08/01/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng mới ghe Ngo truyền thống của đồng bào dân tộc Khmer, trong năm 2025 hỗ trợ cho 10 điểm chùa, với kinh phí thực hiện 3 tỷ đồng.

Công tác giáo dục, đào tạo được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, lãnh đạo thực hiện nhiều chính sách, hệ thống giáo dục cơ bản đáp ứng được yêu cầu, ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo vùng dân tộc, chất lượng dạy và học trong các trường phổ thông dân tộc nội trú ngày càng được nâng lên. Đã thực hiện tốt chính sách miễn, giảm đóng học phí và quỹ xây dựng trường lớp đối với học sinh là DTTS ở các cấp học phổ thông, đầu tư nâng cấp sửa chữa và đưa vào sử dụng 09 Trường phổ thông dân tộc nội trú và 01 trường trung cấp nghề dân tộc nội trú, chất lượng dạy và học trong các trường phổ thông dân tộc nội trú ngày càng được nâng lên. Tỷ lệ huy động học sinh dân tộc trong độ tuổi đến trường hằng năm đạt trên 98%. Hiện toàn tỉnh có 47 điểm trường thực hiện chương trình dạy tiếng Khmer cho học sinh DTTS tại các cơ sở giáo dục phổ thông; mỗi năm có khoảng 60 điểm chùa tổ chức dạy chữ DTTS trong dịp hè. Riêng năm 2025 có 130 điểm chùa tổ chức được 451 lớp, với 11.987 học sinh theo học, với kinh phí hỗ trợ khoảng 3,2 tỷ đồng. Việc tổ chức các lớp dạy chữ Khmer trong dịp hè ngày càng được nhiều học sinh hưởng ứng, thể hiện rõ nhất trong 2 năm gần đây, số lượng các lớp cũng như số học sinh theo học tăng lên đáng kể. Tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND, ngày 22/7/2024, về hỗ trợ người dạy chữ Khmer tại các cơ sở tôn giáo và chữ Hoa tại các điểm dạy chữ Hoa do Hội Tương tế người Hoa.

Thực hiện công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới, chất lượng khám, chữa bệnh được nâng lên trong đó, vùng đồng bào DTTS được quan tâm, chú trọng, các xã, ấp có đông đồng bào dân tộc đều có trạm y tế xã và nhân viên y tế ấp, khu phố. Hiện toàn tỉnh có 102 xã, phường, đặc khu đã có trạm y tế, 100% trạm y tế có y, bác sĩ luân phiên trực; đầu tư bệnh viện, trung tâm y tế các xã nơi có đông đồng bào DTTS, đồng thời tuyển tỉnh cũng triển khai đưa vào hoạt động 06 bệnh viện cấp tỉnh, cơ bản đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của Nhân dân. Đội ngũ y, bác sĩ, nhân viên y tế là người DTTS không ngừng tăng lên, tạo điều kiện khám và điều trị bệnh cho đồng bào. Thực hiện chính sách bảo hiểm y tế, Luật Bảo hiểm y tế, các chương trình y tế quốc gia ở vùng đồng bào DTTS đầy đủ và kịp thời, tỷ lệ đồng bào DTTS tham gia BHYT đạt gần 98%. Tỷ lệ xã có trạm y tế đạt chuẩn quốc gia trong vùng đồng bào DTTS đạt 100%. Công tác dân số kế hoạch hoá gia đình, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em được cấp ủy, chính quyền, các ngành, các cấp thực hiện thường xuyên; tỷ lệ tăng dân số và trẻ em suy dinh dưỡng trong đồng bào DTTS giảm đáng kể. Công tác cải thiện vệ sinh môi trường ở vùng đồng bào DTTS được quan tâm; công tác phòng, chống dịch bệnh được tăng cường thực hiện.

- *Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I (2021-2025):* Đây là

Chương trình đầu tiên mà Đảng dành riêng cho đồng bào dân tộc thiểu số, quá trình thực hiện đã tạo được sự đồng thuận của cả hệ thống chính trị, sự tin tưởng của đồng bào các dân tộc thiểu số vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kết quả đạt được của Chương trình đã góp phần không nhỏ vào phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh, bảo đảm an ninh quốc phòng trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là đối với các địa bàn trọng yếu, địa bàn biên giới.

3. Những hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc thời gian qua cũng còn những tồn tại hạn chế nhất định. Kinh tế tăng trưởng cao nhưng thiếu toàn diện, chưa khai thác hết tiềm năng thế mạnh của địa phương. Lĩnh vực nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi còn chậm, chăn nuôi chiếm tỉ trọng thấp so với trồng trọt; các mô hình kinh tế mang lại hiệu quả nhưng thiếu bền vững. Đời sống một bộ phận đồng bào dân tộc còn khó khăn nhất là ở các xã có đông đồng bào Khmer. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nhìn chung còn thấp; việc phối hợp trong xử lý ô nhiễm môi trường hiệu quả chưa cao, thiếu tính kiên quyết. Lĩnh vực văn hóa - xã hội một số nơi chưa quan tâm đúng mức, trình độ dân trí còn hạn chế, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo trong đồng bào Khmer còn cao, một số loại hình văn hóa - nghệ thuật truyền thống bị mai một. Hệ thống chính trị cơ sở nơi có đông đồng bào dân tộc thiểu số tuy có được quan tâm cũng cố, nhưng vẫn chưa đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ mới; công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số một số nơi chưa thực hiện tốt. An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội từng lúc, từng nơi còn diễn biến phức tạp.

Nguyên nhân của những hạn chế trên là do một số cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể chưa đặt nhiệm vụ công tác dân tộc là trọng tâm thường xuyên, việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Trung ương và của tỉnh về công tác dân tộc có nơi chưa đầy đủ; trình độ dân trí trong đồng bào DTTS còn thấp, tập quán sản xuất, sinh hoạt còn lạc hậu, một bộ phận còn ỷ lại, phó mặc cho số phận. Tổ chức bộ máy và cán bộ chuyên trách làm công tác dân tộc vừa hẫng hụt vừa không ổn định. Cán bộ làm công tác dân tộc ở phần lớn không biết tiếng dân tộc, chưa am hiểu tập quán, sinh hoạt văn hoá của đồng bào... làm hạn chế đến công tác tuyên truyền, vận động quần chúng tham gia các phong trào hành động cách mạng ở cơ sở.

4. Một số bài học kinh nghiệm

Từ những kết quả đạt được trong thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc thời gian qua, có thể rút ra một số kinh bài học nghiệm sau đây:

Một là, tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền, mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội về công tác dân tộc, kịp thời cụ thể hoá bằng chương trình, kế hoạch sát hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Hai là, quan tâm nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở, trong vùng đồng bào DTTS. Xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp là người DTTS. Quan tâm bố trí cán bộ, công chức làm công tác dân tộc ở địa bàn

có đồng đồng bào dân tộc phải biết tiếng dân tộc, am hiểu tập quán, sinh hoạt văn hóa của đồng bào, nắm tình hình và thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS.

Ba là, tập trung triển khai đồng bộ và huy động các nguồn lực đầu tư để lồng ghép thực hiện có hiệu quả chính sách dân tộc trong vùng đồng bào DTTS. Trong đó tập trung thực hiện tốt các Chương trình mục tiêu quốc gia. Ưu tiên đầu tư các lĩnh vực phát triển hạ tầng cơ sở, thu hút đầu tư vào vùng dân tộc; hỗ trợ đồng bào, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất, kinh doanh, nâng cao thu nhập để thoát nghèo bền vững.

Bốn là, tuyên truyền, vận động, giáo dục, nâng lên tinh thần ý chí tự lực tự cường vượt qua số phận, phấn đấu thoát nghèo, trở nên khấm khá, làm giàu chính đáng. Phổ biến nhân rộng mô hình tiêu biểu, gương điển hình tiên tiến, người có uy tín trong đồng bào DTTS.

II- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Tập trung thực hiện hiệu quả 03 chương trình mục tiêu quốc gia để nâng cao mức sống của đồng bào DTTS, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Triển khai thực hiện tốt Chương trình hành động số 29-CT/TU, ngày 26/7/2022 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Tiếp tục đầu tư chính sách phát triển văn hóa - xã hội ở vùng có đồng đồng bào DTTS, thực hiện tốt các chính sách dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số; huy động tốt trẻ em đến trường; thực hiện tốt chính sách cử tuyển; nâng cao chất lượng giáo dục vùng dân tộc; tăng cường xây dựng, sửa chữa trường phổ thông dân tộc nội trú đạt chuẩn quốc gia; tiếp tục tuyển sinh và thực hiện tốt chính sách đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho thanh niên dân tộc.

3. Tiếp tục thực hiện tốt các Chương trình y tế quốc gia, vận động thực hiện hiệu quả Chương trình dân số, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực DTTS; tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang bị y tế ở cơ sở; thực hiện tốt chính sách cấp thẻ bảo hiểm y tế; thực hiện tốt vệ sinh môi trường vùng đồng bào DTTS.

4. Giải quyết kịp thời các yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của tôn giáo và hoạt động tín ngưỡng của đồng bào DTTS phù hợp với quy định của pháp luật. Hỗ trợ, hướng dẫn Hội đoàn kết sư sãi yêu nước, các Hội Tương tế người Hoa ở cơ sở hoạt động đúng pháp luật và điều lệ của Hội.

5. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và năng lực về chuyển đổi số cho người dân; hỗ trợ đồng bào DTTS được tiếp cận thông tin về khoa học và công nghệ; vận động con em tích cực học tập nâng cao trình độ dân trí; tiếp cận thông tin, mạnh dạn ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào đời sống và sản xuất; sử dụng các thiết bị hiện đại ứng dụng công nghệ số, thương mại điện tử, dịch vụ hành chính công và tham gia thực hiện chuyển đổi số trong từng lĩnh vực của đời sống.

6. Tăng cường an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng đồng bào DTTS, an ninh biên giới; tiếp tục tuyên truyền, nâng cao nhận thức của đồng bào về chủ quyền, lãnh thổ quốc gia, ý thức bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định và phát triển. Nắm chắc mọi diễn biến tình hình, kịp thời phát hiện ngăn chặn và đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, nhất là của các tổ chức phản động, giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các vụ khiếu kiện có liên quan đến đồng bào dân tộc; đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục, ý thức chấp hành pháp luật.

*

Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số không chỉ là trách nhiệm, nghĩa vụ chính trị của cả hệ thống chính trị, mà còn là yêu cầu khách quan để tỉnh An Giang phát triển bền vững, hài hòa, toàn diện. Với truyền thống đoàn kết, với sự quan tâm lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, sự chung sức của cả hệ thống chính trị và sự đồng thuận, nỗ lực vươn lên của đồng bào các dân tộc thiểu số, tin tưởng rằng vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh An Giang sẽ có bước phát triển mạnh mẽ hơn trong nhiệm kỳ tới, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

HOÀN THIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH, TẠO ĐỘNG PHÁ THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH AN GIANG

Sở Tư pháp tỉnh

Trong bối cảnh đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới với những yêu cầu ngày càng cao về hoàn thiện thể chế, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, hội nhập sâu rộng và phát triển bền vững, việc hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm tạo động lực đột phá thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương, trong đó có tỉnh An Giang, là nhiệm vụ cấp thiết. Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới khẳng định: xây dựng nền hành chính trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại; coi trọng phát huy vai trò của pháp luật và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, trong đó chú trọng đến việc đảm bảo tính thượng tôn pháp luật, công bằng và thúc đẩy phát triển bền vững. Cùng với đó, Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã đặt ra nhiều định hướng quan trọng, nhấn mạnh vào việc xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, minh bạch và hiệu quả. Pháp luật phải thực sự là công cụ kiến tạo, dẫn dắt và thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời, yêu cầu các cấp, các ngành phải coi trọng đổi mới phương thức xây dựng pháp luật, nâng cao chất lượng tổ chức thi hành pháp luật, kịp thời tháo gỡ rào cản, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo động lực cho phát triển. Đây là những định hướng quan trọng, có ý nghĩa kim chỉ nam cho các địa phương, trong đó có tỉnh An Giang trong việc xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới.

Trên cơ sở các định hướng lớn của Đảng, tỉnh An Giang với vị trí địa lý chiến lược ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, tiềm năng phát triển nông nghiệp, du lịch và kinh tế cửa khẩu - cần tận dụng các cơ hội từ hai nghị quyết nêu trên để tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội. Việc hoàn thiện cơ chế, chính sách tại địa phương không chỉ góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển bền vững mà còn khẳng định vai trò của An Giang trong chiến lược phát triển vùng và quốc gia.

I- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Những kết quả nổi bật

Ngay sau khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 66-NQ/TW và Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã nghiêm túc quán triệt, cụ thể hóa và ban hành các Chương trình, Kế hoạch triển khai thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp phù hợp với đặc điểm, tình hình của chính quyền địa phương. Với sự quyết tâm chính trị

cao, công tác xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách và tổ chức thi hành pháp luật ở An Giang đã có bước chuyển biến rõ nét, tạo nền tảng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, củng cố niềm tin của Nhân dân.

- *Về công tác quán triệt, cụ thể hóa văn bản cấp trên:* Tỉnh đã tổ chức cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức tham dự Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW. Toàn tỉnh tổ chức 46 cuộc tuyên truyền, phổ biến về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, biên soạn, phát hành 400 cuốn Tập hệ thống các văn bản và bài nghiên cứu liên quan đến xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

- *Những kết quả nổi bật về xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách:*

Trong công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã lãnh đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát 886 văn bản (354 nghị quyết, 532 quyết định) trên địa bàn 02 tỉnh An Giang (cũ) và Kiên Giang đang còn hiệu lực. Trên cơ sở kết quả rà soát, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 14 Nghị quyết về việc áp dụng nghị quyết quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang, tỉnh Kiên Giang ban hành trước ngày 01/7/2025; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 12 Quyết định áp dụng quyết định quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành trước ngày 01/7/2025. **Đây là điểm sáng trong việc hoàn thiện cơ chế, chính sách trên địa bàn tỉnh**, thể hiện các cấp, các ngành đã chủ động trong lãnh đạo, điều hành hoàn thành mục tiêu sắp xếp tổ chức và tinh gọn bộ máy, có ý nghĩa hết sức quan trọng, tạo hành lang pháp lý phục vụ công tác lãnh đạo, điều hành, quản lý nhà nước sau hợp nhất; đảm bảo liên tục, không bị gián đoạn, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 03 văn bản (1) Triển khai Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật, (2) Rà soát, cập nhật văn bản, nâng cao chất lượng Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật; (3) Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực pháp luật. Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thành đúng tiến độ tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013.

Tỉnh tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền hợp lý theo từng ngành, lĩnh vực, đảm bảo thực sự chủ động, sáng tạo và tự chịu trách nhiệm trong vận hành của mình theo phương châm “*địa phương quyết, địa phương làm và địa phương chịu trách nhiệm*”; ban hành các Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ hoặc điều chỉnh, bổ sung quy định chức năng, nhiệm vụ đối với các cơ quan chuyên môn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã cơ bản phù hợp, hoạt động hiệu quả, khắc phục được tình trạng trùng lắp, chồng chéo; việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao ở các đơn vị đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất, hiệu quả hoạt động được nâng lên.

Trong công tác cải cách hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh đã triển khai các nhiệm vụ cho sở, ban, ngành tỉnh, địa phương; tổ chức rà soát, hoàn thiện pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh theo hướng cắt giảm ít nhất 30% điều kiện đầu tư

kinh doanh bảo đảm nguyên tắc cân đối, hợp lý giữa mức độ hạn chế quyền với lợi ích chính đáng đạt được.

2. Những hạn chế, khó khăn và nguyên nhân

Mặc dù đạt nhiều kết quả quan trọng, việc hoàn thiện cơ chế, chính sách để tạo đột phá thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội theo tinh thần Nghị quyết số 66-NQ/TW và Nghị quyết số 27-NQ/TW vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, khó khăn:

Một là, cần phải đổi mới căn bản tư duy xây dựng pháp luật. Các cơ quan, đơn vị phải chuyển từ tư duy “*quản lý*” sang “*phục vụ*”, từ bị động sang chủ động, kiến tạo sự phát triển; xây dựng pháp luật phải đi trước một bước, bảo đảm tính dự báo cao, phù hợp với thực tiễn và yêu cầu của sự phát triển nhanh chóng. Để làm được điều này cần phải có nguồn lực tương thích, bao gồm cả về kinh phí, cơ sở vật chất và nguồn nhân lực chất lượng cao làm công tác tham mưu xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật. Nguồn nhân lực phải trải qua quá trình đào tạo, bồi dưỡng, tích lũy thực tiễn và cần được bố trí phù hợp với trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ công tác.

Hai là, thể chế, chính sách còn thiếu đồng bộ, phần nào gây khó khăn trong thực thi và áp dụng pháp luật. Một số văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết ở cấp trung ương và cấp tỉnh còn chậm được ban hành hoặc chưa kịp thời sửa đổi khi có quy định mới.

Ba là, chất lượng tổ chức thi hành pháp luật chưa đồng đều, đặc biệt khi bắt đầu thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Ở cấp xã, cán bộ làm công tác thực thi pháp luật đôi lúc còn lúng túng, dẫn đến việc thực thi cơ chế, chính sách của trung ương, của tỉnh để đột phá phát triển kinh tế - xã hội còn hạn chế, thiếu chiều sâu.

Bốn là, môi trường đầu tư, kinh doanh tuy cải thiện nhưng vẫn còn điểm nghẽn. Thủ tục hành chính ở một số lĩnh vực còn phức tạp; việc tháo gỡ vướng mắc cho doanh nghiệp đôi lúc còn chậm, tình trạng “*chờ hướng dẫn*” trong giải quyết nguyện vọng của người dân, doanh nghiệp vẫn còn diễn ra ở một số nơi và trên một số lĩnh vực. Ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành chưa đồng bộ như: Một số hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu chưa được liên thông, kết nối; dữ liệu pháp lý, dữ liệu hành chính còn phân tán, gây khó khăn cho công chức thực thi pháp luật, người dân và doanh nghiệp khi thực hiện, giải quyết thủ tục hành chính.

Nguyên nhân của những hạn chế, khó khăn nêu trên trước hết do ở một vài nơi, một vài bộ phận chưa thực sự quyết liệt, sáng tạo trong tổ chức thực hiện; năng lực nghiên cứu, dự báo và đánh giá tác động của chính sách khi áp dụng trong thực tiễn của một số đơn vị, cán bộ làm công tác tham mưu chưa đáp ứng yêu cầu; công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức thi hành pháp luật có lúc, có nơi chưa được thường xuyên và sâu sát.

II- ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

Thời gian tới, Sở Tư pháp với vai trò là cơ quan chuyên môn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật sẽ tiếp tục tích cực phối hợp với các cấp, các ngành liên quan thực hiện tốt các định hướng và giải pháp trọng tâm theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh để từng bước hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo đột phá thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang, tập trung vào các nội dung sau:

Một là, đẩy mạnh cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin. Tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận các dịch vụ công. Xây dựng chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương. Đẩy mạnh hỗ trợ pháp lý cho người dân và doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa dễ dàng tiếp cận dịch vụ pháp lý chất lượng, giảm rủi ro pháp luật trong kinh doanh.

Hai là, từng bước hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp đặc thù tại địa phương. Nghiên cứu, đề xuất với Trung ương ban hành hoặc cho phép thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù cho An Giang trong phát triển kinh tế biên mậu, nông nghiệp công nghệ cao, du lịch sinh thái - tâm linh, phát triển du lịch biển và kinh tế biển. Tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành, liên kết vùng với các tỉnh, thành phố lân cận thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong xây dựng, triển khai chính sách, tạo sức mạnh tổng hợp cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Ba là, lãnh đạo, phân công giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban, ngành, địa phương để ban hành chương trình, kế hoạch thực hiện từng bước hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo đột phá thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội với phương châm 06 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền và rõ kết quả. Từ nay đến hết năm 2026, Sở Tư pháp sẽ chủ động phối hợp với các cơ quan, địa phương có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý 565 văn bản (221 nghị quyết, 344 quyết định) do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân 02 tỉnh An Giang (cũ) và Kiên Giang ban hành nhằm đảm bảo tính kịp thời, phù hợp với thực tiễn tại địa phương.

Bốn là, xây dựng văn hóa pháp luật trong toàn xã hội. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật sâu rộng đến mọi tầng lớp nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức, nhất là thế hệ trẻ. Xây dựng ý thức thượng tôn pháp luật, coi pháp luật là nền tảng cho sự phát triển bền vững của xã hội, là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Phát huy vai trò của các cơ quan báo chí, truyền thông trong việc xây dựng văn hóa pháp luật.

Năm là, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có trình

độ chuyên môn cao, am hiểu pháp luật và có khả năng thích ứng với môi trường hội nhập quốc tế. Xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ phù hợp để thu hút và giữ chân người tài trong lĩnh vực pháp luật. Tăng cường hợp tác, trao đổi kinh nghiệm với các cơ quan, tổ chức để nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực thực thi pháp luật.

Sáu là, mở rộng các hình thức tham vấn, lấy ý kiến về chính sách phát triển kinh tế - xã hội trước khi trình Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội thông qua hội thảo, diễn đàn đối thoại, lấy ý kiến trực tuyến của người dân, doanh nghiệp.

Bảy là, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và các công cụ đánh giá hiệu quả thi hành pháp luật. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) để phân tích, dự báo xu hướng, bất cập trong chính sách, phục vụ hoạch định chính sách kịp thời, hiệu quả. Tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật.

*

Phát huy kết quả đạt được, để hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo đột phá thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang trong nhiệm kỳ tới đòi hỏi sự chung tay, nỗ lực của các cấp, các ngành trong toàn tỉnh. Với quyết tâm chính trị cao, tinh thần đổi mới, sáng tạo và sự đồng thuận của cả hệ thống chính trị, An Giang sẽ tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo đột phá trong tổ chức thi hành pháp luật, phát huy tiềm năng, lợi thế, khẳng định vị thế là tỉnh năng động, phát triển bền vững của vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC, ĐẶC BIỆT LÀ NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN TỈNH AN GIANG

Sở Nội vụ tỉnh

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao trở thành yếu tố then chốt quyết định năng lực cạnh tranh và sự phát triển nhanh, bền vững của mỗi quốc gia, mỗi địa phương. Đảng ta nhiều lần khẳng định “con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển”, là một trong ba đột phá chiến lược được xác định tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng và tiếp tục được khẳng định là một trong ba đột phá chiến lược của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Nguồn nhân lực phát triển, có đủ năng lực, trình độ, sẽ góp phần tăng năng suất lao động, duy trì tăng trưởng kinh tế và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

Ngày 12/6/2025, Quốc hội ban hành Nghị quyết sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Kiên Giang và tỉnh An Giang thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh An Giang, sau khi sắp xếp, tỉnh An Giang có diện tích tự nhiên là 9.888,91 km², quy mô dân số là 4.952.238 người. An Giang có vị trí địa kinh tế - chính trị thuận lợi, sở hữu bờ biển dài hơn 200 km cùng với lợi thế vùng biên giới quốc tế đang mở ra nhiều tiềm năng và cơ hội phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại - dịch vụ kinh tế biển, logistics, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và du lịch... thì yêu cầu phát triển nguồn nhân lực càng có ý nghĩa cấp thiết. Việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nói chung và nhân lực chất lượng cao nói riêng, gắn với chuyển đổi số, kinh tế tri thức và yêu cầu hội nhập quốc tế, là yếu tố quyết định để An Giang phát huy lợi thế, khắc phục thách thức, bứt phá trong giai đoạn phát triển mới.

Xuất phát từ tầm quan trọng đó, tham luận này tập trung đánh giá thực trạng, kết quả đạt được và những hạn chế trong phát triển nguồn nhân lực của tỉnh thời gian qua, đồng thời đề xuất nhiệm vụ, giải pháp và kiến nghị nhằm phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của tỉnh An Giang trong thời kỳ mới.

I- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Những kết quả nổi bật

Tỉnh An Giang được thành lập trên cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính hai tỉnh: An Giang và Kiên Giang. Tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025 xác định “phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực” là một trong những khâu đột phá chiến lược quan trọng quyết định đến sự tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Chính vì vậy, trong nhiệm kỳ vừa qua, cả hai tỉnh An Giang và Kiên Giang rất chú trọng đến công tác phát triển nguồn nhân lực. Nhờ có sự quan tâm lãnh đạo của Đảng bộ và Ủy ban nhân dân hai tỉnh trước đây, nên nguồn nhân

lực của tỉnh An Giang mới hiện nay đã đạt được một số kết quả cụ thể, đáng ghi nhận như sau:

Tại khu vực công, công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp... luôn được chú trọng. Sau sắp xếp, toàn tỉnh có trên 60.000 cán bộ, công chức, viên chức. Trong đó, tỷ lệ đào tạo cao đẳng, đại học và trên sau đại học chiếm trên 80%; có 16,18% cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh dưới 40 tuổi; 12,72% đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế; có 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên và cơ bản được chuẩn hóa về lý luận chính trị, kỹ năng công tác. Số cán bộ, công chức, viên chức có trình độ lý luận chính trị trung cấp trở lên là 67,39% (cao cấp 27,29%); ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương 0,05%; ngạch chuyên viên chính và tương đương 13,43%; ngạch chuyên viên và tương đương 70,99%. Số cán bộ, công chức, viên chức có trình độ ngoại ngữ đạt trình độ B1 và tương đương là 4.801 người. Đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ được quan tâm tăng cường về số lượng và không ngừng nâng cao về chất lượng. Các lĩnh vực được ưu tiên đào tạo như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ chế biến... phục vụ phát triển thế mạnh nông nghiệp, du lịch của tỉnh.

Công tác đào tạo nghề được tăng cường, hệ thống mạng lưới cơ sở dạy nghề được quan tâm đầu tư, đảm bảo tổ chức đào tạo nghề ở 3 cấp trình độ (cao đẳng nghề, trung cấp nghề và sơ cấp nghề). Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn, dân tộc thiểu số, người khuyết tật, lao động hộ nghèo đạt nhiều kết quả tích cực. Công tác tuyển sinh dạy nghề có quy mô tăng, cơ cấu ngành nghề đào tạo đã từng bước được điều chỉnh theo nhu cầu sản xuất. Đến năm 2025, đã có hàng trăm ngàn lao động được đào tạo, bồi dưỡng nghề, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 67% (trong đó, lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 50%).

Có thể thấy, trong nhiệm kỳ vừa qua, công tác phát triển nguồn nhân lực ở cả khu vực công và khu vực tư đều được chú trọng. Nguồn nhân lực chất lượng cao sau đại học cơ bản được quy hoạch gắn với đào tạo, bố trí phát huy được năng lực, hiệu quả công tác. Đội ngũ viên chức từng bước đáp ứng đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, đạt chuẩn về trình độ đào tạo. Công tác đào tạo nguồn nhân lực có trọng tâm, trọng điểm, chú trọng đào tạo ngành nghề mũi nhọn và ngành nghề có tiềm năng phát triển của tỉnh. Công tác đào tạo và quản lý giáo dục nghề nghiệp từng bước ổn định, đi vào chiều sâu; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được đầu tư xây dựng; cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng quy mô đào tạo; công tác giải quyết việc làm sau đào tạo đã từng bước khởi sắc.

2. Những tồn tại, hạn chế, yếu kém và nguyên nhân

Mặc dù có diện tích và dân số tăng nhiều sau sắp xếp, An Giang vẫn là một trong những tỉnh thiếu về số lượng và chưa hoàn toàn đáp ứng yêu cầu về chất lượng, đặc biệt là lao động trình độ cao trong các lĩnh vực mũi nhọn như: du lịch, logistics, công nghệ, tài chính - ngân hàng...

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từng bước được chuẩn hóa, nhưng tính chuyên nghiệp chưa cao theo yêu cầu của nền công vụ; đào tạo trình độ sau đại học

chưa thật sự theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, chưa thu hút được nguồn nhân lực có trình độ cao về tỉnh công tác.

Cơ sở hạ tầng đào tạo nghề, cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên chất lượng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phát triển công nghệ cao. Đào tạo nghề chưa gắn với nhu cầu sử dụng lao động, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất nhận lao động làm việc phải đào tạo lại mới đáp ứng được yêu cầu, chưa có nhiều cơ hội đào tạo chuyên ngành tương ứng với nhu cầu phát triển của tỉnh.

Nguyên nhân dẫn đến những tồn tại, hạn chế:

Thứ nhất, một số cơ quan, đơn vị, địa phương, cấp ủy, chính quyền và đoàn thể chính trị - xã hội chưa quyết liệt, chưa phối hợp chặt chẽ trong triển khai đề án phát triển nguồn nhân lực của tỉnh. Người đứng đầu chưa thực sự phát huy vai trò, trách nhiệm của mình trong trực tiếp chỉ đạo, điều hành, triển khai phát triển nguồn nhân lực; chưa nhìn nhận và quan tâm chỉ đạo đúng mức về phát triển nguồn nhân lực nói chung và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao nói riêng.

Thứ hai, nguồn kinh phí đầu tư cho chương trình phát triển nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu, huy động các nguồn lực trong xã hội để phát triển nhân lực còn hạn chế.

Thứ ba, cơ chế, chính sách khuyến khích đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chậm sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn; chưa thực sự hấp dẫn để thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao về tỉnh công tác.

Thứ tư, sự phối kết hợp giữa một số sở, ban, ngành và chính quyền địa phương trong công tác đào tạo nghề, gắn với giải quyết việc làm cho lao động nông thôn chưa chặt chẽ.

II- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỜI GIAN TỚI

Đề khai thác tiềm năng, vượt qua thách thức và phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, phục vụ mục tiêu phát triển nhanh và bền vững của tỉnh trong giai đoạn mới, cần tập trung một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

Một là, nâng cao nhận thức và đổi mới tư duy về phát triển nguồn nhân lực: cần tiếp tục xác định “phát triển con người, phát triển nguồn nhân lực là một trong những đột phá chiến lược” để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nhận thức rõ vai trò và trách nhiệm đào tạo và sử dụng nhân lực, biến thách thức về nguồn nhân lực thành lợi thế; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức ở tất cả các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Phát triển nguồn nhân lực phải toàn diện, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, có tầm nhìn dài hạn, có bước đi phù hợp; đảm bảo tính hài hòa về cơ cấu và cân đối nhân lực theo ngành, lĩnh vực, vùng, miền trên cơ sở cơ cấu kinh tế và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030 đã được Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025 đề ra. Sử dụng, đánh giá và đãi ngộ nguồn nhân lực phải dựa vào năng lực thực tiễn và kết quả, hiệu quả công việc.

Hai là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành, hoàn thiện cơ chế chính sách đào tạo, thu hút và trọng dụng nguồn nhân lực chất lượng cao: nâng cao sự lãnh đạo của các cấp, các ngành và trách nhiệm người đứng đầu trong việc phát hiện, phát triển, theo dõi và sử dụng nguồn nhân lực của cơ quan, đơn vị, địa phương. Tiếp tục củng cố, hoàn thiện tổ chức bộ máy, đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của cơ quan tham mưu, giúp việc về công tác quản lý, phát triển nguồn nhân lực. Phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của các cấp, các ngành trong công tác theo dõi, dự báo, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển nguồn nhân lực. Tiếp tục thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh phân cấp, thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực.

Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện chính sách đãi ngộ: lương, thưởng, nhà ở, môi trường làm việc cho lao động trình độ cao, chuyên gia, nhà khoa học; có chính sách đặc thù thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về An Giang công tác. Đồng bộ chính sách đào tạo - sử dụng - đãi ngộ: gắn đào tạo với nhu cầu phát triển ngành nghề mũi nhọn, như: nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế biển, logistics, thương mại biên giới, du lịch, chuyển đổi số.

Ba là, tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo dục, đào tạo nghề: Rà soát đánh giá lại các cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn; tiếp tục đầu tư, nâng cấp cơ sở giáo dục, đào tạo nghề theo hướng hiện đại, đa dạng ngành nghề, chú trọng các ngành có lợi thế cạnh tranh của tỉnh. Liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước: mở các chương trình đào tạo nhân lực chất lượng cao, gửi cán bộ - sinh viên đi đào tạo tại các cơ sở đào tạo uy tín để tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh.

Bốn là, tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khu vực công: Rà soát trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng gắn với công tác sắp xếp, bố trí, quy hoạch, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển... bảo đảm sự liên tục, kế thừa giữa các thế hệ, tránh tình trạng hụt hẫng trong công tác cán bộ; bảo đảm tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số phù hợp. Thực hiện hợp lý trong quản lý, sử dụng nhân lực giữa cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Giao nhiệm vụ theo các hình thức khoán, đấu thầu, hợp đồng... gắn với đãi ngộ dựa trên kết quả cuối cùng để khuyến khích phát huy tinh thần sáng tạo và khích lệ người tài, người có nhiều đóng góp.

Năm là, tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khu vực tư: Cần đánh giá tổng thể thực trạng nguồn nhân lực trong khu vực tư của tỉnh hiện nay, chỉ ra được nhu cầu về số lượng, chất lượng, cơ cấu và trình độ nguồn nhân lực trong các ngành, lĩnh vực, vùng miền; hình thành nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển nhanh những ngành, lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh của tỉnh với

cả nước và khu vực. Tiếp tục triển khai các chương trình hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn, dân tộc thiểu số, lao động tự do để nâng cao năng suất lao động, tăng khả năng tiếp cận thị trường việc làm hiện đại. Tập trung đào tạo một số kỹ năng để đáp ứng nhu cầu phát triển một số ngành thế mạnh của tỉnh như: du lịch, thương mại biên giới...

Sáu là, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để phục vụ cho nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao của tỉnh: Tăng cường ngân sách và huy động xã hội hóa cho phát triển nguồn nhân lực. Thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, các chương trình, dự án hợp tác với các nước, tổ chức quốc tế để tăng cường đầu tư cho công tác giáo dục, đào tạo. Khuyến khích hợp tác công - tư trong đào tạo nhân lực: doanh nghiệp cùng tham gia, đặt hàng các chương trình đào tạo phù hợp; gắn kết chặt chẽ nhà trường - doanh nghiệp - chính quyền. Phát triển thị trường lao động hiện đại, minh bạch, kết nối cung - cầu lao động; dự báo nhu cầu nhân lực ngắn, trung và dài hạn để có kế hoạch đào tạo phù hợp.

Bảy là, nghiên cứu và đề xuất, triển khai các giải pháp khuyến khích hỗ trợ tăng tỷ lệ sinh trên địa bàn tỉnh: nghiên cứu xây dựng và triển khai các chính sách hỗ trợ sinh và nuôi con. Mở rộng hệ thống nhà trẻ, trường mầm non công lập và tư nhân chất lượng; khuyến khích doanh nghiệp xây dựng nhà trẻ tại khu công nghiệp; linh hoạt thời gian làm việc cho phụ nữ sau sinh để tạo tâm lý an tâm cho các gia đình khi sinh con. Tiếp tục tuyên truyền, thay đổi nhận thức về sinh con và hôn nhân gia đình cho cộng đồng.

III- ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VỚI TỈNH ỦY, HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Sớm ban hành và triển khai chương trình phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế; xác định nhân lực chất lượng cao là khâu đột phá chiến lược.

- Xây dựng và thực hiện chính sách đặc thù về đào tạo, thu hút, trọng dụng nhân tài: hỗ trợ nhà ở, thu nhập, môi trường làm việc, cơ hội thăng tiến cho chuyên gia, trí thức, lao động kỹ thuật cao; có chính sách giữ chân nhân tài địa phương và thu hút nhân lực từ các địa phương khác về An Giang làm việc.

- Xây dựng các đề án nâng cấp cơ sở hạ tầng giáo dục, đào tạo nghề; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia đào tạo; xây dựng và triển khai các chương trình liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước trong đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh.

- Xây dựng hệ thống dự báo nhu cầu nhân lực ngắn, trung và dài hạn; hỗ trợ thông tin thị trường lao động minh bạch để cung - cầu lao động gặp nhau.

- Ban hành quy chế về trách nhiệm người đứng đầu các cấp, ngành trong việc quy hoạch, sử dụng, đánh giá và đào tạo nhân lực; coi hiệu quả công tác nhân sự là một tiêu chí quan trọng trong đánh giá cán bộ.

*

Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đề ra định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030, đó là: “Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài. Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bất kị, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới”.

Để hiện thực hóa mục tiêu đó, tỉnh An Giang - với vị thế mới sau - phải coi phát triển con người, phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao, là nhiệm vụ trọng tâm và xuyên suốt trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Đây chính là yếu tố quyết định để An Giang phát huy lợi thế, khắc phục thách thức, bứt phá vươn lên trong thời kỳ hội nhập sâu rộng.

Nếu tập trung đồng bộ các giải pháp đã nêu, An Giang hoàn toàn có thể phát triển nguồn nhân lực, hình thành nguồn nhân lực chất lượng cao, đủ sức đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế, góp phần xây dựng tỉnh nhà phát triển nhanh, bền vững, xứng đáng với kỳ vọng của Đảng bộ và Nhân dân trong giai đoạn mới.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh

Được sự quan tâm lãnh đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh và sự đồng hành của các cấp, các ngành, cùng với sự cố gắng nỗ lực của lực lượng toàn ngành, nhiệm kỳ 2020 - 2025, ngành giáo dục và đào tạo (GDĐT) tỉnh An Giang đã có những bước tiến rõ nét, khẳng định vị thế là một trong những địa phương dẫn đầu về chất lượng giáo dục trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) và vươn lên mạnh mẽ, ghi dấu ấn trên bản đồ giáo dục quốc gia. Tỉnh đã duy trì vững chắc và toàn diện các chỉ số đánh giá về giáo dục đại trà, giữ vững phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, nâng mức đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học lên mức độ 3, phổ cập giáo dục trung học cơ sở (THCS) mức độ 2, tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và THCS ở mức ổn định trên 99%, đồng thời đạt thành tích ngày càng cao tại các kỳ thi học sinh giỏi và cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia. Điểm trung bình kỳ thi THPT quốc gia của An Giang thường xuyên nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành cao nhất cả nước, vượt trội so với mặt bằng chung của khu vực ĐBSCL. So với các tỉnh trong khu vực, tỉnh An Giang nổi bật về cả chất lượng giáo dục đại trà lẫn giáo dục mũi nhọn (học sinh giỏi), đồng thời có chính sách phát triển giáo dục rõ ràng, bài bản và có chiều sâu. Trong bối cảnh cả nước đang đẩy mạnh đổi mới căn bản toàn diện giáo dục, tỉnh An Giang đã và đang thể hiện vai trò tiên phong, góp phần nâng cao mặt bằng tri thức và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho vùng ĐBSCL và quốc gia.

I- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC GIAI ĐOẠN 2020 - 2025

1. Xây dựng củng cố các điều kiện phát triển bền vững cho giáo dục và đào tạo

Nhiệm kỳ qua, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học từng bước được tăng cường theo hướng kiên cố hóa, hiện đại và chuẩn hóa, bảo đảm cơ bản cho việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục mầm non, phổ thông. Trong đó, chú trọng đặc biệt việc tăng cường, đầu tư đồng bộ cả 5 tiêu chí⁽²⁵⁾ thuộc bộ tiêu chí xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, từ đó, nâng tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia tăng từ hơn 40% (An Giang cũ: 40,65%, Kiên Giang cũ: 47,88%) lên 59,41% đến thời điểm hiện tại, phấn đấu đến cuối năm 2025, tỷ lệ đạt 60,03%, vượt chỉ tiêu đề ra ít nhất 0,03%.

Công tác phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên, yếu tố cốt lõi quyết định chất lượng giáo dục rất được chú trọng. Việc vượt chỉ tiêu đào tạo sau đại học không chỉ là thành tích mà còn là minh chứng cho sự đầu tư có chiều sâu, chiến lược dài hạn

²⁵ Bao gồm công tác quản lý, công tác nhân sự, cơ sở vật chất, chất lượng chuyên môn và công tác phối hợp nhà trường - gia đình - xã hội trong giáo dục.

của tỉnh trong phát triển nguồn nhân lực giáo dục. Toàn ngành hiện có 49.274 viên chức, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn theo Luật Giáo dục 2019 là 92,9%, trong đó THPT đạt 100%. Tỷ lệ giáo viên có trình độ sau đại học cấp THPT đạt 27,45%, vượt 7,45% so với chỉ tiêu đề ra. Đặc biệt là, đội ngũ giáo viên các trường chuyên, trường trọng điểm của tỉnh có trình độ chuyên môn sau đại học vượt khá cao so với chỉ tiêu⁽²⁶⁾.

Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số không chỉ là xu hướng mà đã trở thành động lực phát triển giáo dục. Những năm qua, việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào quản lý, giảng dạy và kiểm định chất lượng⁽²⁷⁾ đã giúp ngành giáo dục tỉnh An Giang nâng cao hiệu quả, minh bạch và tính cạnh tranh trong toàn hệ thống.

Một trong những dấu ấn quan trọng khác là ngành GDĐT đã ký kết và thực hiện hiệu quả quy chế phối hợp với UBND các huyện, thành phố, tạo cơ chế đồng bộ trong quản lý giáo dục; công tác chỉ đạo thực hiện củng cố và phát triển chất lượng chuyên môn trong giáo dục đại trà qua chuyên đề “nâng cao tỷ lệ thi tốt nghiệp”; chất lượng thi học sinh giỏi qua các đề án “nâng cao chất lượng trường chuyên” được triển khai hiệu quả và đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận⁽²⁸⁾.

²⁶ Trường THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt là 60,67%; Trường THCS&THPT Võ Văn Kiệt là 60,81%, Trường THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu là 72,48%, Trường THPT chuyên Thủ Khoa Nghĩa là 55,24%, Trường THPT Nguyễn Trung Trực 47%...;

²⁷ Năm học 2024 - 2025, ngành Giáo dục đã triển khai thực hiện 100% học bạ số cấp tiểu học và đã triển khai 50% thí điểm học bạ số cấp THCS, THPT và giáo dục thường xuyên theo quy định của Bộ GDĐT.

- Dịch vụ công trực tuyến như tuyển sinh đầu cấp, đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT đạt 100%.

- Mô hình xác thực thi online qua căn cước công dân gắn chip được thí điểm tại 4 trường, chuẩn bị sẵn sàng để khi có cơ chế sẽ mở rộng toàn tỉnh, áp dụng vào các kỳ thi.

- Trung tâm điều hành giáo dục thông minh IOC EDU đã đi vào hoạt động từ năm 2022, kết nối dữ liệu toàn ngành.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong truyền thông, quản lý và hỗ trợ học tập qua chatbot ROBOKI AI, nền tảng Khan Academy Vietnam được triển khai tại các trường vùng sâu, vùng xa.

²⁸ So với đầu nhiệm kỳ, các chỉ tiêu giáo dục đều tăng mạnh: Tỷ lệ huy động nhà trẻ đạt 11,4% (tăng 5,95%); mẫu giáo từ 3 - 5 tuổi 84,8% (tăng 14,93%), trong đó tỷ lệ trẻ mẫu giáo 05 tuổi ra lớp đạt 99,98% (tăng 0,69%); tỷ lệ trẻ mầm non học 02 buổi/ngày và bán trú: 87,9% (tăng 3,58%). Tổng số học sinh phổ thông toàn tỉnh năm học 2024-2025 là 637.061 em, tăng gần 15.000 em so với đầu nhiệm kỳ huy động trẻ 06 đến 14 tuổi đến trường đạt 97,52%, tăng 0,5%. Tỷ lệ học sinh tiểu học hoàn thành chương trình đạt 98,46%, THCS đạt 99,17%, THPT đạt 99,57%; tỷ lệ đảng viên trong trường học là 71,81%, cao hơn chỉ tiêu, kế hoạch đề ra là 4,81%. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT năm 2025 đạt 99,24%, so với đầu nhiệm kỳ tăng 1,38%. Có 76 đơn vị đạt tỷ lệ tốt nghiệp 100%. Đây là minh chứng rõ nét cho chất lượng giáo dục đại trà ngày càng ổn định và nâng cao.

- Năm học 2024 - 2025, kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh ở bậc THPT, có 1.599/3.463 thí sinh đạt giải, chiếm tỷ lệ 46,17%; ở bậc THCS, có 873/2.117 thí sinh đạt giải, đạt 41,24%; tỉnh có 180 học sinh tham gia kỳ thi học sinh giỏi quốc gia ở 9 môn thi, kết quả đạt 84 giải (tỷ lệ 46,67%). Trong đó có 12 giải Nhì, 28 giải Ba và 44 giải Khuyến khích. Đây là thành tích cao nhất trong 10 năm qua, xếp thứ 1 về số lượng và thứ 2 về chất lượng so với các tỉnh ĐBSCL chỉ sau Thành Phố Cần Thơ.

- Cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp quốc gia: năm 2025, tỉnh có 6 dự án dự thi, cả 6 dự án đều đạt giải (3 giải Nhì, xếp thứ nhất khu vực ĐBSCL và 3 giải triển vọng). Đặc biệt, năm 2022, Dự án “Nhựa sinh học tạo thành từ tinh bột huyền có khả năng tự phân hủy” của học sinh Trường trung học phổ thông chuyên Thủ Khoa Nghĩa tham gia Hội thi khoa học kỹ thuật quốc tế năm 2022 (ISEF 2022); năm 2023, dự án “Nghiên cứu điều chế hydrogel tiêm tại chỗ từ alginate và cao chiết lá cây Hồng sim - định hướng trong chữa lành vết thương” của học sinh Trường THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt được chọn tham dự cuộc thi quốc tế ISEF 2023 tại Hoa Kỳ - là những đại diện duy nhất trong các năm của các tỉnh phía Nam.

- Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025” được triển khai hiệu quả. Năm 2024, có 5 dự án tham gia cấp quốc gia, đạt 1 giải Nhất, 1 giải Nhì và 1 giải Khuyến khích. Năm 2025, có 4 dự án dự thi, đạt 3 giải Ba và 1 giải Khuyến khích.

2. Triển khai nhiệm vụ đổi mới toàn diện và khẳng định chất lượng giáo dục và đào tạo

Đối với giáo dục mầm non (GDMN): 100% nhà trẻ, trường mầm non, mẫu giáo và cơ sở GDMN độc lập được công nhận trường học an toàn. 100% trẻ mầm non đến trường được kiểm tra sức khỏe và theo dõi sự phát triển bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), không có trường hợp ngộ độc thực phẩm hay tai nạn thương tích. Nhiều hoạt động hiệu quả được triển khai như: phát triển chương trình GDMN theo hướng tự chủ, có 59,1% cơ sở GDMN đưa phương pháp giáo dục STEM/STEAM vào tổ chức các hoạt động giáo dục; 76,4% thực hiện Chương trình làm quen tiếng Anh; thực hiện tốt chuyên đề “Tôi yêu Việt Nam”, triển khai thí điểm mô hình tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ em dân tộc thiểu số và xây dựng thư viện thân thiện; đẩy mạnh ứng dụng CNTT phục vụ chuyển đổi số trong quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục.

Đối với giáo dục phổ thông: Nhiệm kỳ 2020 - 2025, Sở GDĐT đã chỉ đạo quyết liệt việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018, đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng. Đã tổ chức dạy học 2 buổi/ngày ở 100% các trường tiểu học; trên 30% đối với cấp THCS và THPT. Việc xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường được thực hiện linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tiễn từng địa phương. Song song với việc đổi mới phương pháp dạy và học, Sở GDĐT chỉ đạo toàn ngành triển khai các giải pháp đổi mới phương thức thi và kiểm tra, đánh giá bảo đảm trung thực, khách quan; từng bước nâng cao yêu cầu vận dụng kiến thức liên môn vào thực tiễn, đánh giá kết quả giáo dục theo hướng chú trọng năng lực phân tích, sáng tạo, tự cập nhật, đổi mới kiến thức; năng lực nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ; năng lực thực hành và khả năng thích nghi với môi trường. Công tác phát hiện, tuyển chọn và bồi dưỡng học sinh giỏi được thực hiện bài bản, khoa học và có chiều sâu. Kết quả tích cực được ghi nhận qua từng năm, tạo được tiếng vang lớn trong toàn ngành, đưa chất lượng giáo dục mũi nhọn (bồi dưỡng học sinh giỏi) của tỉnh vào hàng đầu các tỉnh ĐBSCL.

Công tác quản lý, chất lượng dạy học ở các cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đã có những chuyển biến tích cực, tỷ lệ kết quả học tập; tỷ lệ tốt nghiệp THPT hàng năm đều tăng và tỷ lệ học viên đạt loại, khá, giỏi khá cao, nhất là năm 2024 - 2025.

Công tác giáo dục nghề nghiệp (GDNN) được quan tâm nhiều hơn, nhiều chính sách đặc thù đã giúp huy động nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị; đào tạo, bồi dưỡng giáo viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, góp phần nâng cao nguồn nhân lực²⁹. Công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh từng bước có những chuyển biến tích cực, được các cấp, các ngành, địa

²⁹ Phối hợp với Tổng Cục Giáo dục nghề nghiệp tổ chức Hội nghị tuyển sinh, đào tạo và cung ứng lao động lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn tại Phú Quốc; kết nối ký kết hợp tác giữa các trường Cao đẳng với tập đoàn tại Phú Quốc cung ứng đào tạo lao động; sau tốt nghiệp nghề, người học có thể tự tạo việc làm tại địa phương hoặc được tư vấn giới thiệu việc làm ở các doanh nghiệp trong ngoài tỉnh, tạo thu nhập bình quân từ 6 -10 triệu đồng/học sinh, sinh viên/tháng.

- Tham dự hội thi thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc lần thứ VII, năm 2022, kết quả đạt 01 giải nhất, 02 giải nhì, 01 giải ba và 12 giải khuyến khích và Tham gia Hội giảng giáo dục nghề nghiệp toàn quốc năm 2024 tại tỉnh Quảng Ninh, kết quả đạt 01 giải nhì, 03 giải ba và 02 giải khuyến khích; 04 được công nhận giáo viên dạy giỏi GDNN.

phương và các CSGD quan tâm thực hiện. Giai đoạn 2021 - 2024 tuyển sinh và đào tạo nghề đạt, vượt kế hoạch năm, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 72,75%.

Ngành GDĐT tỉnh An Giang xác định giáo dục đạo đức, kỹ năng sống là nền tảng để hình thành nhân cách học sinh, xây dựng thể hệ công dân có trách nhiệm, biết yêu thương, chia sẻ và sống có lý tưởng. Từ năm học 2020 - 2021, toàn ngành triển khai chuyên đề “Giáo dục đạo đức học sinh” với mục tiêu 100% trường học xây dựng và thực hiện bộ quy tắc ứng xử văn hóa trong trường học. Đến hiện tại, tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt, khá đạt 99,96%, tăng 0,42% so với trước khi thực hiện chuyên đề. Các mô hình “Trường học hạnh phúc”, “Trường học thân thiện - học sinh tích cực” được triển khai sâu rộng, tạo môi trường học tập an toàn, tích cực và nhân văn. Công tác phát triển đảng viên trong ngành giáo dục được quan tâm và xác định là giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục từ bên trong, tỷ lệ đảng viên trong trường học tăng từ 66,9% (năm 2020) lên 71,81% (năm 2025), vượt chỉ tiêu đề ra 4,81%.

II- MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

Cơ sở vật chất chưa đồng đều, xuống cấp, ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học đặc biệt, việc thực hiện dạy học 2 buổi/ngày ở cấp THCS và THPT. Quy định mới về diện tích phòng học thông thường, phòng học bộ môn, phòng chức năng đều thay đổi tăng lên so với phòng học, phòng bộ môn hiện nay; số lượng thiết bị cần được trang bị theo tiêu chuẩn quy định tại các Thông tư của Bộ GDĐT là rất nhiều, quy mô lớn. Vì vậy, cần phải có số kinh phí rất lớn để cải tạo mở rộng, xây dựng mới.

Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ, trẻ mẫu giáo 3, 4 tuổi ra lớp thấp hơn so với trung bình toàn quốc và khu vực ĐBSCL, hạn chế này xuất phát từ các nguyên nhân: thiếu phòng học ở các điểm lẻ, vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn, các xã đảo như Thổ Châu, Tiên Hải, Hòn Nghệ, Sơn Hải; tỷ lệ giáo viên/nhóm, lớp chưa đáp ứng nhu cầu trẻ ra lớp; hiện loại hình trường mẫu giáo trong tỉnh chiếm tỷ lệ cao 55,9% (không có nhóm trẻ) nên không thu nhận được trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ.

Việc triển khai chương trình GDPT mới còn gặp khó khăn. Nguyên nhân do một số cơ sở giáo dục vẫn còn lúng túng trong xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, chưa thật sự chủ động trong tổ chức dạy học các môn tích hợp, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và nội dung giáo dục địa phương. Những khó khăn này phản ánh thực tế rằng đổi mới giáo dục không chỉ là thay đổi chương trình mà còn là thay đổi tư duy, phương pháp và năng lực thực thi. Việc chuyển từ “dạy theo sách” sang “dạy theo năng lực” đòi hỏi sự đầu tư bài bản hơn vào bồi dưỡng giáo viên và hỗ trợ chuyên môn.

Chất lượng đội ngũ chưa đồng đều giữa các địa phương. Mặc dù tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn tăng đều, nhưng vẫn tồn tại sự chênh lệch về trình độ chuyên môn giữa các vùng thuận lợi và vùng khó khăn. Một số giáo viên chưa được đào tạo nâng chuẩn, chưa đáp ứng yêu cầu giảng dạy các môn tích hợp, giáo dục STEM.

Việc triển khai thực hiện chuyển đổi số trong GDNN còn khó khăn; cơ sở GDNN thiếu các nguồn đầu tư, hỗ trợ về tài chính cho chuyển đổi số; trang thiết bị thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số chưa đáp ứng; đội ngũ giáo viên, cán bộ làm công tác quản lý và quản trị hệ thống còn hạn chế về năng lực chuyển đổi số khả năng tiếp cận nguồn vốn, nguồn ý tưởng, đề tài và kinh nghiệm thực hiện nghiên cứu khoa học.

III- MỘT SỐ NHÓM GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỜI GIAN TỚI

1. Nhóm nhiệm vụ truyền thông về giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động

Quán triệt đầy đủ, sâu sắc trong cả hệ thống chính trị và toàn xã hội các quan điểm, chủ trương của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục và đào tạo. Đặc biệt là, việc triển khai hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức và vai trò, trách nhiệm của tất cả các tổ chức chính trị - xã hội, các cấp ủy, chính quyền địa phương, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và toàn dân đối với sự nghiệp giáo dục, đào tạo.

2. Huy động trẻ/học sinh đến trường

Tham mưu bố trí nguồn lực, bổ sung đội ngũ giáo viên mầm non, ban hành các chính sách thu hút, ưu đãi để phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên; tăng cường công tác quy hoạch trường lớp, trang thiết bị; quan tâm chuyển đổi loại hình trường lớp từ Mẫu giáo sang Mầm non để tạo điều kiện thuận lợi trong việc huy động trẻ mầm non ra lớp đáp ứng việc triển khai thực hiện Đề án huy động trẻ 3, 4 tuổi ra lớp, nâng cao chất lượng PCGD trẻ mầm non 5 tuổi giai đoạn 2025 - 2030. Triển khai đồng bộ các giải pháp duy trì và nâng tỷ lệ học sinh từ 6 đến 14 tuổi ra lớp. Phát triển mô hình “Trường học thân thiện - học sinh tích cực” để tạo môi trường học tập hấp dẫn, an toàn, kết hợp tuyên truyền đồng bộ với nâng cao chất lượng học tập; huy động các nguồn lực hỗ trợ học sinh đến trường.

3. Nhóm giải pháp về chuyên môn

Tập trung nghiên cứu, áp dụng phương pháp giáo dục hiện đại, tích cực, tăng cường tự học, trải nghiệm sáng tạo, hướng học sinh phát huy tư duy độc lập, năng lực giải quyết vấn đề; tiếp tục đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá,... để mỗi nhà trường phải là trung tâm văn hóa - tri thức, nơi rèn luyện phẩm chất, năng lực toàn diện cho học sinh. Đầu tư tổ chức các kỳ thi học sinh giỏi, đảm bảo chất lượng cao và ổn định làm tiền đề tốt cho công tác bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Chú trọng giáo dục tư tưởng, truyền thống, đạo đức, thể chất, thẩm mỹ, giáo dục hướng nghiệp, kỹ năng mềm; các môn khoa học, công nghệ, tin học, nghệ thuật; nghiên cứu đưa kiến thức về năng lực số, trí tuệ nhân tạo vào chương trình.

Tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của các trường chuyên, tập trung ươm tạo nhân tài quốc gia, mở rộng các lớp chuyên khối STEM/STEAM. Tăng

cường việc dạy và học ngoại ngữ, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

Tập trung sắp xếp, tổ chức lại hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tinh gọn, hiệu quả, đạt chuẩn. Tập trung đào tạo đối với những ngành, nghề mà thị trường có nhu cầu cao, gắn với chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, từng địa phương; lồng ghép việc thực hiện đào tạo nghề nông nghiệp để triển khai có hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); bảo tồn, phát triển làng nghề truyền thống.

4. Đột phá về chuyển đổi số trong chỉ đạo chuyên môn nghiệp vụ và nhóm hành chính

Tập trung xây dựng kho học liệu, nghiên cứu áp dụng các nền tảng giáo dục thông minh, sách giáo khoa, giáo trình thông minh; đẩy mạnh ứng dụng, trí tuệ nhân tạo trong đổi mới phương pháp dạy và học, kiểm tra, đánh giá; thúc đẩy ứng dụng các mô hình giáo dục số, giáo dục trí tuệ nhân tạo; số hóa quy trình quản lý trường học, triển khai hệ thống quản lý chuyên môn trực tuyến: hồ sơ giáo viên, kế hoạch giảng dạy, báo cáo chuyên đề; kết nối liên thông dữ liệu giữa Bộ GDĐT - Sở GDĐT - trường học; phát triển mô hình quản trị giáo dục thông minh, trường học số, lớp học thông minh. Nâng cao chuẩn năng lực số và trí tuệ nhân tạo cho người học và đội ngũ ở tất cả các cấp học. Đưa ngành GDĐT đi đầu trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

5. Nhóm nhiệm vụ phát triển đội ngũ

Tiếp tục triển khai, thực hiện việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, rà soát, hoàn thiện tiêu chuẩn, quy chuẩn, bảo đảm số lượng, chất lượng, cơ cấu đội ngũ giáo viên; bố trí đủ số lượng biên chế giáo viên, nhân viên theo tiêu chuẩn quy định; nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Xây dựng đề án về nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo của tỉnh An Giang, giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn 2045.

6) Giải pháp về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Xây dựng đề án tăng cường, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho các cấp học từ mầm non đến trung cấp đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục giai đoạn 2025-2030 trong đó có phân bổ lộ trình đầu tư trọng điểm theo thứ tự ưu tiên phù hợp với nguồn lực địa phương, trước mắt ưu tiên đầu tư trường học vùng sâu vùng xa, dạy học 2 buổi/ngày toàn cấp tiểu học và những nơi đủ điều kiện đối với cấp THCS, THPT.

Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng kiên cố hoá, hiện đại hoá trường, lớp học; bảo đảm đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt chuẩn, trang bị các trang thiết bị dạy học hiện đại: máy chiếu, bảng tương tác, ...đặc biệt chú trọng đầu tư các phòng học thực hành, trải nghiệm STEM/STEAM, không gian vui chơi, môi trường rèn luyện thể chất.

7. Phối hợp với các sở ngành và UBND cấp xã

Tập trung phối hợp rà soát các quy định pháp luật để kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt về thể chế, cơ chế, chính sách. Thiết lập các cơ chế phối hợp liên ngành: GDĐT - Y tế - Nội vụ - Công an - Văn hóa; triển khai thông suốt cơ chế, quy chế phối hợp giữa cấp xã và cấp tỉnh; hỗ trợ kịp thời trong giải quyết các vấn đề về quản lý GDĐT ở cấp xã. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực, tăng cường tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục gắn với kiểm tra, giám sát hiệu quả; giảm đầu mối cơ quan quản lý đối với các cơ sở giáo dục, bảo đảm nguyên tắc gắn trách nhiệm quản lý chuyên môn với quản lý nhân sự và tài chính, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy trong lãnh đạo, chỉ đạo; chuyển mạnh từ quản lý hành chính sang kiến tạo phát triển, quản trị hiện đại, hành động quyết liệt. Xây dựng hệ thống giáo dục mở, liên thông, thúc đẩy học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập.

*

Nhiệm kỳ qua, ngành GDĐT tỉnh An Giang đã nỗ lực vượt qua nhiều khó khăn, thách thức để đạt được những thành tựu quan trọng, toàn diện và có chiều sâu. Những kết quả đó không chỉ là con số, mà là minh chứng cho sự đoàn kết, sáng tạo và quyết tâm của toàn ngành dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và sự đồng hành của các cấp, các ngành.

Trong bối cảnh đất nước đang bước vào kỷ nguyên vươn mình phát triển, việc triển khai đồng bộ nhóm giải pháp mang tính đột phá không chỉ là yêu cầu chuyên môn cấp thiết, mà còn thể hiện rõ nét quyết tâm chính trị của toàn ngành GDĐT trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài cho địa phương. Ngành giáo dục rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm sâu sắc, chỉ đạo sát sao từ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh trong thực hiện và sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ban, ngành, chính quyền cấp xã; cùng với quyết tâm và nỗ lực không ngừng của đội ngũ nhà giáo, chúng ta hoàn toàn có cơ sở để tin tưởng rằng giáo dục tỉnh An Giang sẽ có những bước chuyển mình mạnh mẽ, góp phần xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà trong giai đoạn mới.

XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG VĂN HÓA LÀNH MẠNH VÀ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI AN GIANG TRONG THỜI ĐẠI SỐ

Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh

Trong tiến trình xây dựng và phát triển đất nước, văn hóa luôn được Đảng và Nhà nước ta xác định là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã nhấn mạnh: “*Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam*”.

An Giang - vùng đất đầu nguồn sông Cửu Long - giàu truyền thống lịch sử, văn hóa, là nơi hội tụ và giao thoa của nhiều cộng đồng dân tộc như: Kinh, Khmer, Chăm, Hoa,... Đây là lợi thế quý báu, là “vốn văn hóa” phong phú để xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, hình thành con người An Giang năng động, hội nhập nhưng vẫn giữ gìn bản sắc.

Ngày 01/7/2025, thực hiện Nghị quyết của Quốc hội và các quyết định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, tỉnh An Giang và Kiên Giang hợp nhất thành một tỉnh mới mang tên An Giang, với diện tích 9.888,91 km², dân số 4.952.238 người, gồm 102 đơn vị hành chính cấp xã (85 xã, 14 phường và 3 đặc khu). Đây là bước ngoặt lịch sử, mở ra không gian phát triển mới, tạo thêm nhiều cơ hội để phát huy sức mạnh văn hóa và con người.

Nhiệm kỳ qua, dưới sự lãnh đạo sát sao của Tỉnh ủy, sự chỉ đạo quyết liệt và linh hoạt của Ủy ban nhân dân tỉnh, cùng sự chung sức, đồng lòng của cả hệ thống chính trị và Nhân dân, tỉnh An Giang (sau khi sáp nhập) đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng và toàn diện trên lĩnh vực văn hóa - xã hội.

Mạng lưới thiết chế văn hóa - thể thao ngày càng được mở rộng và hoàn thiện, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, học tập và rèn luyện của người dân. Đến nay, 100% xã, phường, đặc khu đều có nhà văn hóa, thư viện hoặc điểm sinh hoạt cộng đồng hoạt động ngày càng hiệu quả, trở thành những “điểm hẹn” gắn kết cộng đồng. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được triển khai sâu rộng, lan tỏa đến từng khu dân cư, gia đình và cá nhân, góp phần hình thành môi trường sống văn minh, nghĩa tình. Hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa trên 92%, ấp, khóm được công nhận danh hiệu văn hóa 84%, cho thấy sự đồng thuận và hưởng ứng mạnh mẽ của người dân.

Công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống được đặc biệt quan tâm, gắn với quảng bá hình ảnh địa phương. Hiện nay, An Giang có 2 di sản văn hóa phi vật thể nhân loại được UNESCO ghi danh (Nghệ thuật đờn ca tài tử Nam Bộ; Lễ hội Bà Chúa Xứ núi Sam) và 10 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia (Lễ hội

đình thần Nguyễn Trung Trực - Rạch Giá; Hội đua bò bảy núi; Tri thức và kỹ thuật khắc chữ trên lá Buông; Lễ hội kỳ yên đình Thoại Ngọc Hầu; Nghệ thuật sân khấu Dì kê; Nghi lễ vòng đời người Chăm Islam; Nghề làm nước mắm Phú Quốc; Nghề dệt thổ cẩm Chăm; Nghề làm đường thốt nốt của người Khmer; Nghệ thuật Diễn tấu Chhay dăm của người Khmer) được duy trì bảo tồn và phát huy. Bên cạnh đó, tỉnh có 28 di tích cấp quốc gia, nhiều công trình văn hóa tiêu biểu như: Quảng trường và Tượng đài Hồ Chí Minh tại Phú Quốc; Nhà hát An Giang; Đền tưởng niệm anh hùng liệt sĩ và người có công được xây dựng ở những di tích lịch sử cách mạng quan trọng như: Rừng tràm Bang Biện Phú (Vĩnh Thuận), Tuyến đường 1C (Giang Thành), Ba Hòn - Hòn Đất, Địa điểm ra mắt Ủy ban Nhân dân cách mạng tỉnh Rạch Giá ngày 27/8/1946... Các lễ hội tiêu biểu như Lễ hội Bà Chúa Xứ núi Sam, Lễ hội Nguyễn Trung Trực, đua bò Bảy Núi, cùng các nghề truyền thống như dệt thổ cẩm Chăm, nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ... được duy trì đều đặn, tổ chức ngày càng bài bản, thu hút đông đảo du khách, góp phần khẳng định vị thế của An Giang trên bản đồ văn hóa cả nước.

Du lịch văn hóa kết hợp du lịch biển đảo đã có bước bứt phá mạnh mẽ. Chỉ trong 7 tháng năm 2025, tỉnh đón 16,3 triệu lượt khách, trong đó có hơn 1 triệu lượt khách quốc tế; tổng doanh thu đạt 42.599 tỷ đồng, tăng 16,2% về lượt khách và 76,8% về doanh thu so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, Phú Quốc nổi lên như “điểm sáng” du lịch, thu hút 5,2 triệu lượt khách, gần 1 triệu khách quốc tế; doanh thu 24.866 tỷ đồng, chiếm hơn một nửa tổng doanh thu du lịch toàn tỉnh.

Các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, thể thao tiếp tục được quan tâm đầu tư, nâng cao chất lượng dịch vụ và cơ sở hạ tầng. Chỉ số phát triển con người (HDI) của tỉnh duy trì ở nhóm khá trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long, khẳng định những bước tiến vững chắc trong việc nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác xây dựng môi trường văn hóa và phát triển con người ở An Giang vẫn còn tồn tại những hạn chế cần được quan tâm khắc phục. Một số thiết chế văn hóa - thể thao, nhất là ở cơ sở, chưa phát huy hết công năng và hoạt động chưa thật sự hiệu quả, nên chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu hưởng thụ văn hóa của Nhân dân. Khoảng cách số giữa các vùng, nhóm dân cư khá lớn, nhất là tại các khu vực miền núi, biên giới, hải đảo, nơi điều kiện hạ tầng công nghệ thông tin còn hạn chế, khiến người dân khó tiếp cận các dịch vụ, sản phẩm văn hóa và tri thức mới trên môi trường số. Cùng với đó, tác động tiêu cực của môi trường mạng đang đặt ra nhiều thách thức: sự xâm nhập ngày càng tinh vi của các sản phẩm văn hóa độc hại, thông tin sai lệch, cùng lối sống thực dụng, lệch chuẩn đang ảnh hưởng không nhỏ đến nhận thức, lối sống và giá trị đạo đức của một bộ phận thanh thiếu niên. Mặt khác, việc ứng dụng công nghệ trong quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa còn thiếu tính đồng bộ và chiến lược lâu dài; đội ngũ cán bộ, nhân lực trong lĩnh vực văn hóa vẫn chưa đồng đều về kỹ năng số, dẫn

đến hạn chế trong việc khai thác các công cụ công nghệ phục vụ công tác chuyên môn cũng như đổi mới phương thức tiếp cận công chúng trong thời đại số.

2. Yêu cầu đặt ra trong thời đại số

Trong bối cảnh thời đại số, sự thay đổi về cách thức con người giao tiếp, học tập, làm việc, tiêu dùng và sáng tạo văn hóa đang diễn ra với tốc độ chưa từng có, đặt ra những yêu cầu mới đối với công tác phát triển văn hóa ở An Giang sau khi sáp nhập. Trước hết, việc xây dựng môi trường văn hóa cần được thực hiện trên cả hai không gian song song: đời sống thực và không gian mạng. Điều này đòi hỏi vừa bảo đảm tính lành mạnh, an toàn, vừa chú trọng hàm lượng giáo dục và tính định hướng giá trị, để không gian văn hóa trực tuyến trở thành nơi lan tỏa tri thức, bản sắc và tinh thần cộng đồng, chứ không chỉ là kênh giải trí đơn thuần.

Song song đó, phát triển con người toàn diện phải được coi là trọng tâm, trong đó kết hợp hài hòa giữa trí tuệ, đạo đức, thể chất, kỹ năng sống và năng lực số. Mục tiêu không chỉ nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập, mà còn phục vụ trực tiếp cho sự phát triển của những ngành kinh tế mũi nhọn của địa phương như kinh tế biển, du lịch và dịch vụ chất lượng cao. Đây là cơ sở để hình thành nguồn nhân lực vừa am hiểu văn hóa bản địa, vừa thành thạo công nghệ và ngoại ngữ, có khả năng giao tiếp, làm việc hiệu quả trong môi trường quốc tế.

Đồng thời, bảo tồn và phát huy bản sắc của vùng đất đa văn hóa, đa cảnh quan là nhiệm vụ then chốt. Từ văn hóa Khmer, Chăm, Hoa ở Châu Đốc - Tri Tôn - Gò Quao đến văn hóa biển đảo của Phú Quốc - Thổ Châu - Kiên Hải, mỗi di sản vật thể và phi vật thể đều cần được nhận diện, bảo vệ và khai thác giá trị một cách bền vững, gắn với du lịch văn hóa - sinh thái - tâm linh. Đây cũng là yếu tố giúp An Giang có thể định vị rõ ràng thương hiệu văn hóa và du lịch của mình trên bản đồ quốc gia và khu vực.

Cuối cùng, việc thu hẹp khoảng cách số giữa các vùng, đặc biệt là ở khu vực đặc khu, miền núi, hải đảo, phải trở thành ưu tiên. Mọi người dân, không phân biệt điều kiện địa lý hay hoàn cảnh kinh tế - xã hội, cần được bảo đảm cơ hội tiếp cận hạ tầng công nghệ, dịch vụ số và sản phẩm văn hóa chất lượng. Điều này không chỉ giúp nâng cao mức hưởng thụ văn hóa, mà còn góp phần thúc đẩy bình đẳng, gắn kết cộng đồng và phát huy nội lực phát triển bền vững.

Sau sáp nhập, An Giang không chỉ mở rộng về không gian địa lý mà còn làm giàu thêm vốn văn hóa - con người. Đây là sự giao thoa giữa bản sắc đồng bằng sông nước, núi non hùng vĩ của An Giang với sắc thái biển đảo, thương mại quốc tế sôi động của Kiên Giang. Sự hòa quyện ấy tạo nên một diện mạo con người An Giang mới: rộng mở, đa văn hóa, năng động và sáng tạo, vừa giữ gìn bản sắc truyền thống, vừa thích ứng nhanh với sự vận động của thời đại số.

3. Định hướng và giải pháp chủ yếu

Một là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước. Cần tiếp tục cụ thể hóa các nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng môi trường văn hóa trong bối cảnh chuyển đổi số, bảo đảm tính thống nhất từ trung ương đến địa phương. Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động giai đoạn 2025 - 2035 với tầm nhìn đưa An Giang trở thành một trung tâm văn hóa - du lịch biển đảo kết hợp văn hóa đồng bằng, có sức lan tỏa trên phạm vi cả nước.

Hai là, phát triển môi trường văn hóa lành mạnh. Cùng với việc hoàn thiện và nâng cấp hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao ở cơ sở, nhất là các đặc khu, vùng nông thôn, miền núi và hải đảo, cần triển khai mô hình “Khu dân cư số văn minh” và “Đặc khu văn hóa số” dựa trên nền tảng quản lý, kết nối và phục vụ cộng đồng trực tuyến. Đồng thời, đẩy mạnh công tác kiểm soát, kịp thời ngăn chặn, loại bỏ các sản phẩm văn hóa độc hại, thông tin xấu độc trên không gian mạng, góp phần bảo vệ thuần phong mỹ tục và giá trị đạo đức xã hội.

Ba là, phát triển con người An Giang trong thời đại số. Tỉnh cần chú trọng giáo dục kỹ năng công dân số cho thanh thiếu niên, bao gồm kỹ năng quản trị thông tin, tư duy phản biện, ứng xử văn minh trên không gian mạng. Tập trung bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch - dịch vụ chất lượng cao, phục vụ chiến lược phát triển các địa bàn trọng điểm như Phú Quốc, Kiên Hải, Thổ Châu. Việc phát động phong trào học tập suốt đời gắn với hệ thống thư viện số cộng đồng sẽ góp phần nâng cao dân trí và tạo nền tảng tri thức vững chắc cho người dân.

Bốn là, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống. Một trong những nhiệm vụ quan trọng là tiến hành số hóa toàn bộ di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của tỉnh, xây dựng ngân hàng dữ liệu văn hóa số làm cơ sở cho nghiên cứu, giáo dục và quảng bá. Trên nền tảng này, tỉnh có thể phát triển các sản phẩm du lịch - văn hóa ứng dụng công nghệ 3D, VR, AR cho những lễ hội đặc sắc như: Lễ hội Bà Chúa Xứ, đua bò Bảy Núi, chợ nổi Long Xuyên, hay cảnh quan biển đảo Nam Du... Hoạt động quảng bá hình ảnh An Giang cần được thực hiện trên các nền tảng số đa ngôn ngữ, tiếp cận thị trường trong và ngoài nước.

Năm là, phát triển văn hóa trên không gian mạng. Cần xây dựng một cổng thông tin văn hóa - du lịch tích hợp, cung cấp đầy đủ dữ liệu, hình ảnh, video và dịch vụ tra cứu trực tuyến. Việc hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ để sản xuất nội dung số chất lượng cao về văn hóa, ẩm thực, lịch sử An Giang sẽ giúp nâng cao sức hấp dẫn và giá trị thương hiệu địa phương. Đồng thời, tỉnh phải chú trọng công tác bảo đảm an ninh mạng, phòng chống tin giả, tin xấu độc để tạo môi trường mạng an toàn, lành mạnh.

Sáu là, huy động nguồn lực xã hội. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh và phát triển con người An Giang trong thời đại số đại số cần có sự chung tay của

toàn xã hội đồng hành cùng Nhà nước. Cần có những chính sách khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư vào hạ tầng, dịch vụ, đào tạo nhân lực và sản phẩm văn hóa. Ngoài ra, việc mở rộng hợp tác quốc tế sẽ giúp An Giang tiếp cận công nghệ tiên tiến, nâng cao năng lực bảo tồn di sản, đào tạo nhân lực chất lượng cao, và quảng bá hiệu quả hình ảnh tỉnh trên trường quốc tế. Huy động nguồn lực xã hội tạo điều kiện để việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh lan tỏa, bám rễ sâu vào cộng đồng dân cư từ đó trở thành động lực để con người An Giang chuyển đổi, phát triển đáp ứng yêu cầu trong thời đại số.

Sau sáp nhập, An Giang trở thành tỉnh có quy mô dân số và diện tích lớn nhất vùng Đồng bằng sông Cửu Long, sở hữu cả núi, đồng bằng, sông, biển và đảo, cùng kho tàng văn hóa phong phú. Điểm đặc biệt sau sáp nhập là sự hình thành bản sắc văn hóa hợp nhất: đồng bằng - biển đảo, nội địa - quốc tế, truyền thống - hiện đại. Đây sẽ là nền tảng để xây dựng một thế hệ con người An Giang mới, vừa tự tin hội nhập, vừa tự hào với cội nguồn và di sản quê hương. Đây là thời cơ “vàng” để chúng ta xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phát triển con người toàn diện, đáp ứng yêu cầu của thời đại số.

Chúng ta tin tưởng rằng, với truyền thống đoàn kết, sáng tạo và khát vọng vươn lên, cùng sự chung tay của toàn hệ thống chính trị, doanh nghiệp và nhân dân, An Giang sẽ trở thành điểm sáng văn hóa - con người của khu vực và cả nước.

NÂNG CAO CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

Sở Y tế tỉnh

Chăm sóc sức khỏe nhân dân luôn là một trụ cột quan trọng trong đường lối của Đảng ta, được thể hiện xuyên suốt qua nhiều nghị quyết và gần đây nhất là tại Đại hội XIII của Đảng và Kết luận Hội nghị Trung ương 8 khóa XIII. Đảng ta xác định rõ phải xây dựng hệ thống y tế hiện đại, công bằng, hiệu quả, bền vững, lấy y tế cơ sở làm nền tảng, phòng bệnh là then chốt, nhân dân là trung tâm và chủ thể của chăm sóc sức khỏe.

Những năm qua, ngành y tế cả nước đã có bước tiến tích cực. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 94,1%, tuổi thọ trung bình người dân đạt 74,6 tuổi, nhiều chương trình y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe cộng đồng đạt kết quả khả quan. Tuy nhiên, tình hình cũng đặt ra không ít khó khăn: mô hình bệnh tật thay đổi nhanh, dân số già hóa, áp lực lên hệ thống y tế công, bất bình đẳng trong tiếp cận dịch vụ y tế giữa các vùng miền, và yêu cầu cấp thiết phải chuyển đổi số toàn diện trong ngành y tế.

Tại An Giang mới, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự hỗ trợ từ Trung ương và sự nỗ lực của ngành y tế, công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân đã có nhiều chuyển biến tích cực. Mạng lưới y tế được củng cố từ tỉnh đến cơ sở, với 100% xã có trạm y tế, hơn 77% trạm có bác sĩ; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế (BHYT) toàn dân đạt trên 93,9%; các chương trình tiêm chủng, phòng chống dịch bệnh được triển khai đồng bộ, hiệu quả. Ngành y tế đã chủ động triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và khám chữa bệnh như bệnh án điện tử, phần mềm quản lý tiêm chủng, kết nối dữ liệu liên thông giữa y tế - bảo hiểm - dân cư. Đặc biệt, tỉnh đã trình đề án đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa An Giang quy mô 1.500 giường - một công trình có ý nghĩa chiến lược không chỉ về chuyên môn mà còn thể hiện quyết tâm chính trị của tỉnh trong hiện đại hóa ngành y.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực, ngành Y tế tỉnh An Giang cũng đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức cần được nhìn nhận nghiêm túc và có giải pháp căn cơ trong thời gian tới. Trước hết là tình trạng thiếu hụt nhân lực y tế, đặc biệt là bác sĩ chuyên khoa sâu, kỹ thuật cao tại các bệnh viện tỉnh và trung tâm y tế huyện. Nhiều cơ sở y tế, nhất là ở vùng sâu, vùng biên giới, còn gặp khó trong thu hút, giữ chân cán bộ y tế có chuyên môn. Một số trạm y tế xã chưa đáp ứng được yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị và điều kiện khám chữa bệnh theo hướng hiện đại, thân thiện với người dân. Công tác chuyển đổi số trong y tế tuy đã khởi động nhưng vẫn còn phân tán, thiếu đồng bộ, chưa hình thành được hệ sinh thái dữ liệu liên thông toàn ngành, gây khó khăn cho công tác quản trị, theo dõi sức khỏe người dân và liên kết giữa các cơ sở khám chữa bệnh. Một số dịch vụ y tế còn tập trung chủ yếu tại bệnh viện tỉnh, trong khi trung tâm y tế chưa phát huy hết vai trò “gác cổng” trong quản lý sức khỏe cộng đồng. Ngoài ra, nhận thức về vai

trò của y tế dự phòng, quản lý bệnh không lây nhiễm, chăm sóc sức khỏe tinh thần vẫn còn hạn chế ở cả cán bộ và người dân. Công tác xã hội hóa y tế, mặc dù được quan tâm, nhưng vẫn gặp nhiều vướng mắc về cơ chế chính sách, nhất là trong thu hút đầu tư tư nhân vào lĩnh vực y tế công cộng. Những tồn tại, thách thức nêu trên đòi hỏi ngành Y tế tỉnh An Giang phải có bước đột phá mạnh mẽ hơn trong nhiệm kỳ tới, đồng thời cần có sự chỉ đạo quyết liệt từ cấp ủy, chính quyền và sự phối hợp của các sở, ngành, địa phương để đảm bảo mọi người dân đều được tiếp cận dịch vụ y tế một cách công bằng, chất lượng và bền vững.

Trên cơ sở đó, ngành Y tế tỉnh An Giang xác định nhiệm vụ then chốt trong giai đoạn 2025 - 2030 là: Xây dựng hệ thống y tế công bằng, hiện đại, nhân văn, lấy người dân làm trung tâm; chú trọng y tế cơ sở, phòng bệnh hơn chữa bệnh; đảm bảo mọi người dân, dù ở bất kỳ vùng nào, cũng được chăm sóc sức khỏe một cách toàn diện, liên tục và bình đẳng.

Để thực hiện hiệu quả mục tiêu đó, chúng tôi xin đề xuất một số nhóm giải pháp trọng tâm như sau:

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện và nâng cao năng lực hệ thống y tế từ tỉnh đến cơ sở, trong đó y tế cơ sở là nền tảng, y tế dự phòng là then chốt. Cần tổ chức lại hoạt động trạm y tế xã theo mô hình quản lý sức khỏe toàn dân, gắn kết chặt chẽ giữa điều trị và phòng bệnh, giữa y học hiện đại và y học cổ truyền. Các trung tâm y tế cần được tăng cường năng lực cấp cứu, hồi sức và sàng lọc bệnh tật sớm.

Thứ hai, đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trong ngành y tế. Đây là giải pháp mang tính đột phá. Tỉnh cần đặt mục tiêu đến năm 2026, mỗi người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử. Bên cạnh đó, cần hoàn thiện hệ thống quản lý bệnh viện thông minh, trạm y tế số, tăng cường khám chữa bệnh từ xa, kết nối dữ liệu giữa các hệ thống: bảo hiểm y tế, dân cư, giáo dục, bảo trợ xã hội. Chuyển đổi số không chỉ giúp tăng hiệu quả quản lý mà còn rút ngắn thời gian, chi phí, minh bạch quy trình phục vụ người bệnh.

Thứ ba, chăm sóc sức khỏe theo vòng đời, lấy con người làm trung tâm. Mỗi giai đoạn của cuộc đời đều cần chính sách y tế phù hợp. Tỉnh cần quan tâm đặc biệt đến trẻ em, thanh thiếu niên, phụ nữ mang thai, người cao tuổi, người khuyết tật. Phát triển dịch vụ chăm sóc dài hạn tại nhà, dịch vụ y tế tâm lý học đường, phòng chống suy dinh dưỡng và phát triển thể chất trẻ em.

Thứ tư, phát triển nhân lực y tế đủ về số lượng, vững về chuyên môn, cao về y đức. Tỉnh cần có chính sách thu hút bác sĩ trẻ, bác sĩ chuyên khoa sâu về công tác tại y tế cơ sở. Đồng thời, tăng cường hợp tác với các cơ sở đào tạo, bệnh viện lớn để chuyển giao kỹ thuật, đào tạo tại chỗ và nâng cao năng lực đội ngũ.

Thứ năm, mở rộng an sinh y tế, bảo đảm công bằng trong chăm sóc sức khỏe. Tỉnh cần duy trì tỷ lệ BHYT toàn dân bền vững, hỗ trợ nhóm khó khăn tham gia bảo hiểm, và mở rộng các chương trình chăm sóc người già, người yếu thế, người khuyết tật. Các chính sách trợ giúp xã hội cần được tích hợp với hệ thống y tế để bảo đảm tính liên tục, toàn diện trong bảo vệ sức khỏe người dân.

Thứ sáu, đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực ngoài ngân sách phát triển ngành y tế. Tỉnh cần khuyến khích đầu tư tư nhân vào các lĩnh vực: xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, phục hồi chức năng, dịch vụ chăm sóc tại nhà... Tuy nhiên, phải đồng thời tăng cường kiểm soát chất lượng, không thương mại hóa y tế công, bảo đảm quyền lợi bệnh nhân.

Chăm sóc sức khỏe nhân dân không chỉ là trách nhiệm của ngành y tế mà là nhiệm vụ chính trị của toàn Đảng bộ, của cả hệ thống chính trị. Ngành Y tế tỉnh An Giang cam kết sẽ phát huy tinh thần đổi mới, đoàn kết, sáng tạo, tận tâm phục vụ nhân dân; chủ động tham mưu Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác y tế một cách đồng bộ, hiệu quả và thực chất hơn.

Chúng tôi đề xuất Tỉnh ủy tiếp tục quan tâm chỉ đạo, bố trí nguồn lực và cho phép thí điểm một số cơ chế đặc thù trong phát triển nhân lực y tế và chuyển đổi số. Đồng thời kiến nghị Trung ương hỗ trợ nguồn vốn đầu tư các công trình y tế trọng điểm tại vùng biên giới, chuyển giao kỹ thuật cao và hỗ trợ nhân lực chất lượng về cho địa phương.

XÂY DỰNG KHU VỰC PHÒNG THỦ VỮNG MẠNH, TOÀN DIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

An Giang là tỉnh có đường biên giới dài, vùng biên rộng, có vị trí chiến lược, quan trọng về quốc phòng, an ninh (QP-AN) trong thế trận phòng thủ của Quân khu và cả nước. Nhận thức sâu sắc chủ trương chiến lược của Đảng, Nhà nước về xây dựng khu vực phòng thủ (KVPT) và tính chất đặc thù địa bàn, những năm qua Đảng ủy - Bộ CHQS tỉnh đã phát huy tốt vai trò tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng và hoạt động KVPT đạt được nhiều kết quả thiết thực, quan trọng; nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân có nhiều chuyển biến tiến bộ; huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong hoạt động xây dựng KVPT tỉnh vững mạnh toàn diện cả về tiềm lực, lực lượng và thế trận, đặc biệt các LLVT của tỉnh được quan tâm xây dựng tinh - gọn - mạnh theo tổ chức biên chế mới, có chất lượng tổng hợp, sức chiến đấu cao, góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân vững mạnh, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của tỉnh trong nhiệm kỳ qua.

Trên cơ sở quán triệt sâu sắc đường lối quân sự, quốc phòng của Đảng, trực tiếp là Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XIII) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Nghị quyết số 28-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành KVPT vững chắc trong tình hình mới; Nghị định số 164/2018/NĐ-CP của Chính phủ về kết hợp quốc phòng với kinh tế và kinh tế với quốc phòng; Nghị định số 21/2019/NĐ-CP của Chính phủ về KVPT và đặc điểm, tính chất đặc thù của địa bàn, Đảng ủy - Bộ CHQS tỉnh đã tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng KVPT tỉnh với nhiều chủ trương, giải pháp mang tính căn cơ, đồng bộ và đạt được nhiều kết quả quan trọng. Trong đó, luôn coi trọng công tác tham mưu quản lý Nhà nước về quốc phòng điều chỉnh các dự án, đề án trong quy hoạch, kế hoạch góp phần thúc đẩy phát triển KT - XH tạo nền tảng vững chắc về tiềm lực xây dựng thế trận quân sự, quốc phòng trong KVPT.

Để tăng cường tiềm lực chính trị - tinh thần trong KVPT, LLVT tỉnh đã tham mưu cấp ủy, chính quyền các cấp lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước về 2 nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhiệm kỳ 2020 - 2025, đã bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho trên 41.000 người (trong đó có trên 3.000 chức sắc, chức việc các tôn giáo); giáo dục cho trên 600.000 học sinh, sinh viên, đạt 100% chỉ tiêu. Thông qua quán triệt, giáo dục, tuyên truyền nhận thức của các tầng lớp nhân dân và cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, LLVT về đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên lĩnh

vực QP - AN được nâng lên, tạo sự đồng thuận trong triển khai xây dựng và hoạt động KVPT.

Trong xây dựng “thế trận lòng dân”, Đảng ủy - Bộ CHQS tỉnh đã phối hợp các sở, ngành, đoàn thể, địa phương thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo, chính sách an sinh xã hội, hậu phương Quân đội và phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”. Trong nhiệm kỳ qua, đã chi trả chế độ chính sách cho hơn 70.000 đối tượng với số tiền trên 1.300 tỷ đồng; tìm kiếm, quy tập và tổ chức an táng 526 hài cốt liệt sỹ; hỗ trợ sửa chữa và xây mới 5.024 căn nhà đại đoàn kết, nhà đồng đội, nhà tình nghĩa, tham gia xây dựng 423 căn nhà cho người nghèo theo chương trình “xóa nhà tạm, nhà dột nát” của Chính phủ; tặng quà cho các đối tượng chính sách, người có công với số tiền trên 5.000 tỷ đồng; cung cấp hơn 20.000m³ nước ngọt cho trên 1.500 hộ dân bị ảnh hưởng bởi hạn hán, xâm nhập mặn. Nhiều mô hình “dân vận khéo” phát huy hiệu quả và được nhân rộng, trong đó điểm sáng là mô hình “Tết Quân - Dân” với tổng kinh phí thực hiện trên 780 tỷ đồng, trong đó trên 90% là nguồn xã hội hóa. Trong phòng chống đại dịch Covid - 19, LLVT tỉnh đã phối hợp tổ chức trên 600 “Chuyến xe nghĩa tình” đưa đón hàng chục nghìn lượt người dân về quê tránh dịch; vận chuyển hơn 800 tấn lương thực, thực phẩm; vận động và đóng góp trên 25 tỷ đồng mua nhu yếu phẩm hỗ trợ cho người dân có hoàn cảnh khó khăn. Những việc làm ý nghĩa trên đã góp phần xây dựng “thế trận lòng dân” vững chắc, củng cố, tăng cường tiềm lực chính trị - tinh thần, văn hóa, xã hội trong KVPT.

Xây dựng thế trận quân sự trong KVPT là nhiệm vụ then chốt trong tiềm lực quân sự, an ninh và đối ngoại, trong đó LLVT giữ vai trò nòng cốt. Đảng ủy - Bộ CHQS tỉnh luôn quan tâm xây dựng LLVT vững mạnh toàn diện; tập trung xây dựng lực lượng Bộ đội địa phương, Bộ đội Biên phòng theo hướng “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại”. Hằng năm tham mưu thực hiện chặt chẽ các bước tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, đạt 100% chỉ tiêu. Lực lượng dự bị động viên được đăng ký, quản lý, sắp xếp đạt 99,92%. Lực lượng Dân quân tự vệ đạt 0,8% so với dân số; các lực lượng được xây dựng, điều chỉnh phù hợp với tình hình địa bàn và yêu cầu nhiệm vụ chiến đấu phòng thủ.

Xuất phát từ yêu cầu bảo vệ chủ quyền biển, đảo; An Giang là 1 trong 6 địa phương được Bộ Quốc phòng chọn triển khai Đề án “Xây dựng Hải đội dân quân thường trực tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo trong tình hình mới”. Đảng ủy - Bộ CHQS tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đưa Hải đội Dân quân thường trực từng bước đi vào hoạt động hiệu quả; phối hợp tổ chức tuần tra, kiểm soát, phòng, chống khai thác IUU trên các vùng biển tiếp giáp, góp phần hạn chế tình trạng đánh bắt hải sản trái phép. Sự hiện diện của Hải đội Dân quân thường trực trên các vùng biển là điểm tựa vững chắc, đã tạo được niềm tin để bà con ngư dân yên tâm vươn khơi, bám biển; góp phần khẳng định và bảo vệ chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

Thực hiện phương châm “Mỗi bước phát triển KT - XH ở địa phương là một bước tăng cường củng cố tiềm lực QP - AN”; Đảng ủy - Bộ CHQS tỉnh tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh quán triệt triển khai thực hiện nghiêm túc Kết luận số 57-

KL/TW của Bộ Chính trị, Nghị định số 164/2018/NĐ-CP của Chính phủ về kết hợp quốc phòng với kinh tế và kinh tế với quốc phòng; thẩm định chặt chẽ các dự án phát triển KT-XH bảo đảm không ảnh hưởng đến QP - AN; đồng thời quy hoạch xây dựng thể trận QP - AN không gây cản trở đến phát triển KT - XH.

Thường xuyên điều chỉnh, bổ sung quy hoạch; triển khai xây dựng thể trận quân sự trong KVPT; bố trí lực lượng có trọng tâm, trọng điểm ở các địa bàn trọng yếu, quan trọng, bảo đảm liên hoàn, vững chắc, có chính diện, chiều sâu; có thể đánh, thể giữ trong KVPT tỉnh và phòng thủ Quân khu; phù hợp với thể trận chiến tranh nhân dân, chiến tranh toàn dân, toàn diện; quy hoạch khu căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương, căn cứ hậu cần - kỹ thuật; các KVPT then chốt; các điểm tựa, cụm điểm tựa, sở chỉ huy, đường cơ động ven biển, đường tuần tra biên giới; công trình bến cập tàu, phà, công trình chiến đấu, các mốc không chế pháo binh, không chế quân dụng, trong đó đã xây dựng các chốt dân quân chiến đấu trên tuyến biên giới; tiếp tục quy hoạch, bố trí thêm các chốt dân quân chiến đấu trên tuyến biển, đảo nhằm tạo thể trận quân sự liên hoàn vững chắc, góp phần giữ vững chủ quyền biên giới, biển, đảo. Giai đoạn 2020 - 2025, Đảng ủy - Bộ CHQS đã tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh ưu tiên bố trí ngân sách, huy động nguồn lực xây dựng các hạng mục, công trình trong KVPT với số tiền trên 785 tỷ đồng.

Công tác đối ngoại quốc phòng luôn được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo; duy trì tốt mối quan hệ đoàn kết, hữu nghị với chính quyền, LLVT và nhân dân khu vực biên giới các tỉnh thuộc Vương quốc Campuchia, tổ chức nhiều đoàn công tác sang thăm, tặng quà, khám, chữa bệnh, cấp thuốc miễn phí số tiền trên 14 tỷ đồng; giữ vững biên giới hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển.

Trước yêu cầu nhiệm vụ đặt ra trong tình hình mới, để xây dựng tỉnh An Giang thành KVPT chiến lược vững chắc của đất nước nhằm đạt được mục tiêu: “Vững về chính trị, giàu về kinh tế, mạnh về QP - AN, văn minh về văn hoá”. Với quan điểm “phát triển KT - XH là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội; bảo đảm QP-AN là trọng yếu, thường xuyên”; lấy xây dựng “thể trận lòng dân” vững chắc, xây dựng xã, phường, đặc khu vững mạnh làm nền tảng, Đảng ủy - Bộ CHQS tỉnh đề xuất một số giải pháp chủ yếu như sau:

Một là, thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vị trí, ý nghĩa, tầm quan trọng của nhiệm vụ xây dựng và hoạt động KVPT và văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ QP - AN, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Hai là, xây dựng lực lượng chính trị nòng cốt, phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào dân tộc, tôn giáo làm hạt nhân trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Thực hiện tốt chính sách đền ơn đáp nghĩa và các chính sách an sinh xã hội. Thường xuyên làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, tăng cường đấu tranh làm thất bại âm mưu “*diễn biến hòa bình*” của các thế lực thù địch; phòng ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, các biểu hiện “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hoá*” trong nội bộ, góp phần xây dựng “thể trận lòng dân” ngày càng vững chắc.

Ba là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng; chính quyền các cấp; phát huy có hiệu quả vai trò làm tham mưu của cơ quan quân sự và ban ngành, đoàn thể địa phương trong xây dựng KVPT. Tiếp tục đầu tư, bố trí ngân sách xây dựng thể trận quân sự trong KVPT ngày càng vững chắc. Tập trung huy động mọi nguồn lực phát triển KT - XH; xây dựng quy hoạch, phát triển các khu công nghiệp, các công trình phục vụ kinh tế, văn hóa, xã hội luôn bảo đảm tính lưỡng dụng, sẵn sàng phục vụ QP - AN khi cần thiết.

Bốn là, phát huy vai trò nòng cốt của LLVT trong xây dựng KVPT; xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, thực sự là lực lượng chính trị, lực lượng chiến đấu trung thành, tin cậy của Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Chú trọng đổi mới nội dung, phương pháp huấn luyện, diễn tập sát thực tế; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong xây dựng và hoạt động KVPT; xử lý có hiệu quả các vấn đề về an ninh phi truyền thống.

Năm là, duy trì mối quan hệ đoàn kết, hữu nghị với chính quyền và LLVT Campuchia; phối hợp ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, giữ vững biên giới hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển; thúc đẩy việc phân giới cắm mốc, bảo đảm hành lang pháp lý cho quản lý, bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia trên địa bàn, góp phần bảo vệ Tổ quốc “từ sớm, từ xa”, tạo môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước.

**HIỆU QUẢ CÔNG TÁC BẢO ĐẢM AN NINH, TRẬT TỰ
TRÊN ĐỊA BÀN ĐẶC KHU PHÚ QUỐC THỜI GIAN QUA; CÔNG TÁC
TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG, ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG
ĐẶC KHU PHÚ QUỐC THÀNH ĐƠN VỊ KIỂU MẪU VỀ AN NINH,
TRẬT TỰ VÀ VĂN MINH ĐÔ THỊ**

Công an tỉnh

Đặc khu Phú Quốc là đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc tỉnh An Giang, được thành lập từ ngày 01/7/2025 theo Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15, ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trên cơ sở sáp nhập 08/09 xã, phường của thành phố Phú Quốc cũ (trừ xã Thổ Châu) nên gần như có quy mô tương đương với thành phố Phú Quốc cũ.

Phú Quốc được xác định có vị trí chiến lược, nằm gần các trung tâm kinh tế lớn trong khu vực Đông Nam Á và nằm trên tuyến hàng hải quốc tế, có lợi thế về giao thương, du lịch và kết nối quốc tế, được định hướng phát triển thành trung tâm kinh tế du lịch, dịch vụ tổng hợp tầm quốc gia, quốc tế. Đặc biệt, Phú Quốc được chọn làm địa điểm tổ chức Hội nghị cấp cao APEC 2027, được đầu tư nhiều dự án trọng điểm, tạo ra nhiều cơ hội tốt để phát triển hơn.

Thời gian qua, bên cạnh những kết quả nổi bật, công tác bảo đảm an ninh, trật tự, văn minh đô thị trên địa bàn Phú Quốc còn một số tồn tại, hạn chế nhất định cần phải tập trung lãnh đạo giải quyết, đòi hỏi phải có hệ thống các giải pháp cụ thể, khoa học, đồng bộ, với sự quyết tâm chính trị cao của cả hệ thống chính trị và quần chúng Nhân dân, nhằm xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, bình yên, lành mạnh; xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh trong cơ quan, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư; ứng dụng tối đa thành tựu khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong công tác quản lý, vận hành của các cấp chính quyền trong quản lý xã hội, phục vụ tốt nhu cầu, lợi ích chính đáng của Nhân dân.

Trong những năm qua, công tác bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn đặc khu Phú Quốc luôn được cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện quyết liệt, mang lại hiệu quả cao. Công an tỉnh đã tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 31-NQ/TU, ngày 24/11/2022 về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn Phú Quốc; Đảng ủy Công an tỉnh phát huy vai trò nòng cốt đã ban hành Nghị quyết số 249-NQ/ĐUCA, ngày 11/7/2022 và Kế hoạch số 314-KH/ĐUCA, ngày 07/12/2022 thực hiện Nghị quyết số 31-NQ/TU của Tỉnh ủy; Giám đốc Công an tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo thực hiện với nhiều giải pháp trọng tâm, như: Kế hoạch số 261/KH-CAT-PC06, ngày 04/12/2023 về tăng cường các mặt công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội trên địa bàn Phú Quốc nhằm góp phần phục vụ công tác phòng ngừa tội phạm; chỉ đạo triển khai xây dựng mô hình quản lý dân cư của Cảnh sát khu vực, đến nay đã hoàn thành 100% việc vẽ sơ đồ quản lý dân cư; phối hợp với Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ

Công an triển khai hệ thống camera AI để giám sát an ninh, trật tự trên địa bàn Phú Quốc; Kế hoạch số 17/KH-CAT-PC04, ngày 15/7/2025 về xây dựng đặc khu Phú Quốc không ma túy.

Bên cạnh đó, khi không tổ chức Công an cấp huyện và sắp xếp, tổ chức lại Công an cấp xã, Công an tỉnh đã chủ động thành lập Ban Chỉ đạo và các Tổ Công tác để chỉ đạo toàn diện các mặt công tác đối với Công an 102 xã, phường, đặc khu, trong đó đồng chí Giám đốc Công an tỉnh trực tiếp phụ trách chỉ đạo Công an đặc khu Phú Quốc; duy trì họp định kỳ hàng tháng để đánh giá các mặt công tác đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn đặc khu Phú Quốc, kịp thời chỉ đạo tháo gỡ nhiều khó khăn, vướng mắc và giải quyết tình hình nổi lên trên địa bàn đặc khu.

Qua thời gian thực hiện Nghị quyết số 31 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, dưới sự quan tâm chỉ đạo sâu sát, kịp thời của lãnh đạo Bộ Công an, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND), sự quyết tâm của Đảng ủy, Ban Giám đốc Công an tỉnh, đến nay tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn Phú Quốc đã có chuyển biến tích cực; nhiều vụ mâu thuẫn, tranh chấp, lán, chiếm đất đai được tập trung giải quyết, gắn với xử lý quyết liệt các sai phạm; tập trung triệt xóa các nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm; các băng nhóm tội phạm đã bị triệt xóa, bắt, xử lý nhiều đối tượng cộm cán, các đối tượng còn lại co cụm, không còn hoạt động, tội phạm về trật tự xã hội được kéo giảm hàng năm; tỷ lệ điều tra, khám phá tội phạm đạt cao; tội phạm về kinh tế, tham nhũng, môi trường, ma túy phát hiện, bắt giữ nhiều hơn; số người nghiện, sử dụng trái phép chất ma túy giảm sâu và đều được quản lý chặt chẽ (*giảm 786 người so với năm 2020*); các phong trào, mô hình phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh, trật tự được thực hiện thường xuyên, huy động được sự tham gia tích cực của quần chúng Nhân dân. Đây là những thuận lợi cơ bản để triển khai thực hiện chủ trương xây dựng đặc khu Phú Quốc thành đơn vị kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị trong thời gian tới.

Bên cạnh những kết quả nổi bật, công tác bảo đảm an ninh, trật tự, văn minh đô thị trên địa bàn Phú Quốc vẫn còn một số tồn tại, hạn chế xuất phát từ nhiều nguyên nhân cả khách quan và chủ quan, như sau:

(1) Công tác quản lý nhà nước về đất đai, xây dựng chưa chặt chẽ, các đối tượng từ các tỉnh, thành phố trong cả nước đến Phú Quốc cấu kết với các đối tượng tại địa phương lán, chiếm đất, xây dựng trái phép, lừa đảo trong mua bán, là nguyên nhân phát sinh một số loại tội phạm.

(2) Phương thức, thủ đoạn hoạt động của tội phạm ngày càng tinh vi, nhất là tội phạm có yếu tố nước ngoài, tội phạm sử dụng công nghệ cao, lợi dụng không gian mạng; trong khi đó năng lực của một số cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu; công tác theo dõi tình hình, giải quyết mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân ở cơ sở có lúc, có nơi chưa kịp thời.

(3) Nhận thức và ý thức về bảo đảm an ninh, trật tự, phòng ngừa tội phạm, tệ nạn xã hội trong một bộ phận người dân có mặt còn hạn chế; công tác phối hợp giữa các lực lượng có mặt chưa chặt chẽ.

(4) Trật tự đô thị, cảnh quan, môi trường đô thị một số nơi chưa sạch, đẹp; ý thức của người dân trong xây dựng văn hóa còn hạn chế.

(5) Ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và thực hiện chuyển đổi số còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra, nhất là trong quản lý đô thị, quản lý xã hội, dân cư, thủ tục hành chính và trong công tác phòng, chống tội phạm.

(6) Nguồn nhân lực, trang bị, cơ sở vật chất còn thiếu, từng lúc chưa đáp ứng yêu cầu... Đây là những vấn đề cần phải được đầu tư, tập trung giải quyết trong thời gian tới.

Qua triển khai công tác bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn đặc khu Phú Quốc trong thời gian qua, Đảng ủy Công an tỉnh rút ra một số kinh nghiệm sau:

Một là, quyết tâm chính trị của Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh trong lãnh đạo, chỉ đạo, huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị tham gia đảm bảo an ninh, trật tự là yếu tố quan trọng hàng đầu, tác động đến tinh thần quyết tâm, quyết liệt trong tổ chức thực hiện của các cấp, các ngành, đặc biệt là lực lượng trực tiếp đấu tranh, phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh, trật tự, góp phần nhanh chóng giải quyết ổn định tình hình trên địa bàn.

Hai là, tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy Công an Trung ương, lãnh đạo Bộ Công an và sự phối hợp, hỗ trợ của các Cục nghiệp vụ, Bộ Công an đối với Công an tỉnh trên các lĩnh vực. Đồng thời chủ động trong các mặt công tác để kịp thời giải quyết, khắc phục những hạn chế trong công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, nhất là những nguyên nhân làm nảy sinh tội phạm; gắn với tăng cường các mặt công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội, làm nền tảng cho công tác phòng ngừa tội phạm; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Ba là, quan tâm củng cố, nâng cao chất lượng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc làm gốc, phát huy sức mạnh của Nhân dân để phòng ngừa, trấn áp tội phạm. Quá trình thực hiện phải được tiến hành thường xuyên, phù hợp với từng địa bàn và chỉ đạo sâu sát của cấp ủy đảng, chính quyền mà trực tiếp là cấp ủy đảng cơ sở, lực lượng Công an làm tham mưu nòng cốt, huy động hệ thống chính trị thực hiện.

Bốn là, coi trọng công tác xây dựng lực lượng, giáo dục tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc tổ chức thực hiện chỉ thị, nghị quyết, mệnh lệnh công tác của lãnh đạo cấp trên, đây là yếu tố quan trọng góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ được giao.

Để đảm bảo thực hiện thắng lợi chủ trương xây dựng đặc khu Phú Quốc thành đơn vị kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị, Công an tỉnh đã tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 05/8/2025 về lãnh đạo xây dựng đặc khu Phú Quốc thành đơn vị kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án số 565/ĐA-UBND, ngày 13/8/2025 về xây dựng đặc khu Phú Quốc thành đơn vị kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị.

Đồng thời, đã báo cáo và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất chủ trương thành lập Ban Chỉ đạo của tỉnh do 01 đồng chí lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban. Đặc biệt, ngày 23/8/2025, Công an tỉnh đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thành công Lễ ra quân thực hiện Đề án **“Xây dựng đặc khu Phú Quốc thành đơn vị kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị”**, có lãnh đạo Bộ Công an, Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh tham dự, chỉ đạo nhằm tuyên truyền, huy động sức mạnh đoàn kết của cả hệ thống chính trị và Nhân dân tích cực tham gia, ủng hộ. Thời gian tới, Đảng ủy Công an tỉnh sẽ tiếp tục lãnh đạo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án và các văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện; đồng thời, chỉ đạo thành lập Ban Chỉ đạo của Công an tỉnh để tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện.

Để hiện thực hóa mục tiêu xây dựng đặc khu Phú Quốc thành **“Đơn vị kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị”**, Đảng ủy Công an tỉnh xác định một số nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới như sau:

Thứ nhất, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng Công an với cấp ủy chính quyền địa phương trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện mục tiêu xây dựng đặc khu Phú Quốc thành “Đơn vị kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị”. Đảng ủy, Ban Giám đốc và các phòng nghiệp vụ Công an tỉnh tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền đặc khu Phú Quốc trong đảm bảo an ninh, trật tự và xây dựng lực lượng Công an đặc khu, trong giai đoạn hiện nay cần tiếp tục nâng cao chất lượng lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; tăng cường vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tham gia tích cực vào phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc gắn với xây dựng nếp sống văn minh đô thị. Trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương cần gắn liền với việc đáp ứng các tiêu chí cần có để được công nhận là đô thị kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh, từ đó có lộ trình cụ thể, hoạch định từng giai đoạn để hoàn thành mục tiêu trong thời gian sớm nhất.

Thứ hai, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người dân trong xây dựng đặc khu Phú Quốc thành “Đơn vị kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị”. Thời gian tới, tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, cần thiết có thể phát động chiến dịch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật bằng nhiều hình thức, trên các nền tảng khác nhau nhằm nâng cao ý thức chính trị của Nhân dân trong chấp hành pháp luật và khơi dậy tinh thần trách nhiệm cá nhân trong công cuộc xây dựng quê hương ngày một văn minh, giàu đẹp. Phải làm cho Nhân dân ý thức được xây dựng đặc khu Phú Quốc thành “Đơn vị kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị” là mục tiêu chung của địa phương, là nhiệm vụ có tính bước ngoặt nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, Nhân dân đặc khu sẽ là người sẽ được thụ hưởng trực tiếp.

Thứ ba, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, lấy chất lượng phục vụ Nhân dân là mục tiêu cốt lõi của chính quyền trong kỷ nguyên mới, xây dựng được chính quyền số, chính quyền phục vụ. Chính quyền địa phương, các cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý nhà nước cần tích cực đổi mới tư duy, phương pháp

làm việc, đẩy mạnh chuyển đổi số để phục vụ người dân, cơ quan và doanh nghiệp tốt hơn, tạo môi trường thông thoáng để thu hút đầu tư, phát triển địa phương.

Thứ tư, huy động sức mạnh của hệ thống chính trị trong xây dựng, củng cố phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Lực lượng Công an chủ động tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương triển khai các biện pháp phát huy vai trò tích cực của các cơ quan ban, ngành, đoàn thể địa phương trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự, cùng với lực lượng Công an, thực hiện phòng ngừa xã hội gắn với phòng ngừa nghiệp vụ, xây dựng thể trận an ninh nhân dân gắn với thể trận quốc phòng toàn dân vững chắc.

Để triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh về xây dựng đặc khu Phú Quốc thành “Đơn vị kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị”, Đảng ủy Công an tỉnh kính đề xuất:

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo các ban đảng, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Đảng ủy đặc khu Phú Quốc tổ chức quán triệt và lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 05/8/2025 về lãnh đạo xây dựng đặc khu Phú Quốc thành đơn vị kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị; xây dựng kế hoạch cụ thể và thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết.

2. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối bố trí nguồn kinh phí và các nguồn lực cần thiết để thực hiện Đề án số 565/ĐA-UBND, ngày 13/8/2025 về xây dựng đặc khu Phú Quốc thành đơn vị kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị. Chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ địa phương về chuyên môn nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ của từng sở, ban, ngành trong việc thực hiện Đề án.

*

Với tinh thần đoàn kết, trách nhiệm và quyết tâm chính trị sâu sắc, Đảng ủy Công an tỉnh tin tưởng rằng với sự lãnh đạo sâu sát của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và sự phối hợp hiệu quả của các ngành các cấp sẽ sớm thực hiện được mục tiêu xây dựng đặc khu Phú Quốc thành “Đơn vị kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị”, hướng đến thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự và chuẩn bị các điều kiện tổ chức Hội nghị APEC 2027 tại Phú Quốc. Từ đó, góp phần thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh An Giang, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

PHÁT TRIỂN RẠCH GIÁ THÀNH TRUNG TÂM KINH TẾ TỔNG HỢP, KINH TẾ CÔNG NGHIỆP, KINH TẾ BIỂN

Đảng bộ phường Rạch Giá

Phường Rạch Giá được thành lập trên cơ sở sáp nhập 9 phường gồm: Vĩnh Thanh Vân, Vĩnh Thanh, Vĩnh Quang, Vĩnh Lạc, Vĩnh Hiệp, An Hòa, An Bình, Rạch Sỏi và Vĩnh Lợi. Tổng diện tích tự nhiên 45,53 km², dân số là 250.661 người, với mật độ dân số 5.505 người/km². Sau khi thực hiện mô hình **chính quyền địa phương 2 cấp**, phường có điều kiện **thuận lợi** là địa bàn trung tâm hành chính của tỉnh; hạ tầng được đầu tư cơ bản đồng bộ; kinh tế - xã hội và đời sống người dân tương đối ổn định; nhờ đó, quá trình phát triển của phường được kế thừa, liên tục, tạo nền tảng để khai thác tốt các tiềm năng hiện có.

Thực hiện Chương trình hành động số 29-CTr/TU, ngày 26/7/2022 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, xây dựng Rạch Giá thành một trong các đô thị giữ vai trò là trung tâm tổng hợp, chuyên ngành của Vùng. Rạch Giá có vị trí địa lý thuận lợi, đặc biệt có hệ thống giao thông kết nối đa dạng về đường bộ, đường thủy, cảng biển và đường hàng không tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao thương, nhất là đầu mối vùng tứ giác Long Xuyên - Châu Đốc - Rạch Giá - Hà Tiên là động lực phát triển công nghiệp, logistics và du lịch văn hóa sinh thái, sản xuất nông nghiệp, thủy sản...

Nhìn lại chặng đường nhiệm kỳ vừa qua, trong bối cảnh khó khăn chung của đất nước do tác động của đại dịch Covid-19, biến đổi khí hậu, xung đột địa chính trị và biến động kinh tế toàn cầu, Rạch Giá vẫn nỗ lực vượt qua, đạt được những thành tựu quan trọng. Đây là kết quả của sự nỗ lực không ngừng, lãnh đạo đúng đắn của Đảng bộ, sự chỉ đạo điều hành quyết liệt của chính quyền, sự chung sức đồng lòng của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp.

Trước hết, về kinh tế, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2020 - 2025 đạt **8,5%/năm**; tổng giá trị sản phẩm đạt 161.964 tỷ đồng, chiếm 8,04% so với cả tỉnh (tỉnh An Giang mới); thu ngân sách nhà nước tăng bình quân **5,42%/năm**; tổng nguồn vốn huy động đầu tư phát triển đạt 55.600 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 110 triệu đồng. Trên địa bàn hiện có **19.536 doanh nghiệp và các cơ sở** sản xuất, kinh doanh (trong đó 2.741 doanh nghiệp, 16.795 hộ kinh doanh cá thể), tăng hơn 13% so với nhiệm kỳ trước.

Phát triển Rạch Giá thành trung tâm kinh tế tổng hợp là việc phát triển kinh tế đa ngành, bao gồm nhiều lĩnh vực như thương mại, dịch vụ, công nghiệp, tài chính, giao thông vận tải, khoa học công nghệ,... và đóng vai trò hạt nhân thúc đẩy phát triển của tỉnh và vùng.

Về thương mại - dịch vụ tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, chiếm 51,38% trong cơ cấu kinh tế; tạo điều kiện phát triển, mở rộng hệ thống thương mại, đa dạng các ngành dịch vụ, nhất là dịch vụ ăn uống, nhà hàng, khách sạn, vui chơi, giải trí, y tế, bưu chính, viễn thông, tài chính ngân hàng, giao thông, vận tải, chợ, trung tâm thương mại,... giữ vai trò là đầu mối giao thương hàng hóa trong và ngoài tỉnh. Hoạt động du lịch phục hồi phát triển, là điểm trung chuyển gắn kết với các vùng du lịch trọng điểm của tỉnh, các loại hình dịch vụ phục vụ du lịch kết hợp với các sự kiện, lễ hội ở địa phương phát triển mạnh về số lượng, quy mô và chất lượng phục vụ; lượng khách tăng mạnh trở lại sau dịch Covid-19, nhất là Lễ hội truyền thống Anh hùng Dân tộc Nguyễn Trung Trực và các sự kiện văn hóa, thể thao được tổ chức trên địa bàn, thu hút bình quân 1,3 triệu lượt khách/năm (*tăng trung bình 9,2%/năm*). Giá trị sản xuất ngành thương mại - dịch vụ đạt 83.218 tỷ đồng, chiếm 14,79% so toàn tỉnh An Giang mới.

Song song với phát triển thế mạnh về thương mại - dịch vụ, **công nghiệp và xây dựng** trên địa bàn có nhiều bước tiến, chiếm 36,52% trong cơ cấu kinh tế, đặc biệt ở các ngành cơ khí, chế biến thực phẩm, hàng tiêu dùng, trang trí nội thất. Nhiều công trình hạ tầng được đầu tư, trong đó có các dự án chỉnh trang đô thị như: Kè xử lý sạt lở cấp bách bờ tây Kênh ông Hiền, Kè và đường Nguyễn Thái Học,...; các công trình điện, giao thông quan trọng như: Dự án đường dây 220 kv Rạch Giá 2 - Kiên Bình mạch 2, Dự án đường dây 110 kv Rạch Giá 2 - Vĩnh Quang, mở rộng đường Võ Trường Toản, đường Trần Văn Giàu, đường Nguyễn Thị Minh Khai, đường 3/2 nối dài đoạn qua Rạch Giá - Châu Thành, Rạch Giá - Hòn Đất... đã góp phần thay đổi diện mạo đô thị Rạch Giá theo hướng văn minh, hiện đại, xanh và sạch hơn. Giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 59.143 tỷ đồng, chiếm 7,86% so cả tỉnh (An Giang mới).

Trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản có nhiều đổi mới, giá trị sản xuất ngành nông nghiệp, thủy sản giai đoạn 2020 - 2025 đạt 19.603 tỷ đồng, chiếm 12,10% trong cơ cấu kinh tế phường. Tiếp tục chỉ đạo tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao chuỗi giá trị và phát triển bền vững; đẩy mạnh chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa; triển khai nhân rộng các mô hình khuyến nông có hiệu quả, nhiều mô hình trồng rau màu sạch và các loại cây cảnh hiệu quả kinh tế cao. Sản lượng lúa giai đoạn 2020 - 2025 đạt 47.145 tấn, trong đó lúa chất lượng cao chiếm trên 98%; sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 2.565 tấn.

Về phát triển kinh tế biển: Tập trung triển khai thực hiện Chương trình hành động số 47-CTr/TU, ngày 21/02/2019 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; trong đó đẩy mạnh cơ cấu lại lĩnh vực khai thác hải sản, tổ chức rà soát, sắp xếp lại đội tàu khai thác hải sản theo hướng không tăng thêm số lượng; vận động khuyến khích đầu tư phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá, một số nghề khai thác thủy sản mang tính chọn lọc cao nhằm tăng giá trị khai thác đi đôi với bảo vệ nguồn lợi thủy sản, môi trường biển. Tăng cường vận động ngư dân thực hiện

nghiêm việc chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định; tăng cường tuần tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản ven bờ, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Hiện nay trên địa bàn phường Rạch Giá có **1.487 tàu cá**; sản lượng khai thác thủy sản bình quân hằng năm trên 150.000 tấn.

Tiếp tục kế thừa các kết quả đạt được trong công tác lấn biển từ năm 1999 làm tiền đề cho Rạch Giá tiếp tục phát triển trong thời gian hơn 25 năm qua, đến nay diện tích lấn biển đạt khoảng 688 hecta và dự kiến đến năm 2040 đạt khoảng 3.960 hecta, trong đó bao gồm các đảo nhân tạo khoảng 2.800 ha (*theo Quyết định số 1024/QĐ-UBND, ngày 18/4/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang cũ về phê duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung Rạch Giá đến năm 2040*). Quan tâm chỉ đạo công tác quy hoạch, phát triển đô thị ven biển, phối hợp với các sở ngành tỉnh trong việc khai thác nguồn vật liệu san lấp phục vụ các công trình lấn biển; nhiều công trình, dự án trọng điểm, cảng hành khách được đầu tư góp phần mở rộng không gian đô thị, tạo điều kiện phát triển kinh tế biển điển hình như: dự án Cảng hành khách Rạch Giá sẽ trở thành trung tâm dịch vụ - hậu cần - thương mại, đầu mối giao thương, vận chuyển hàng hóa, phục vụ nhu cầu giao thông biển ngày càng tăng, đặc biệt là kết nối đến các điểm du lịch như Phú Quốc, Nam Du, Lại Sơn,...; các khu đô thị lấn biển mới được hình thành: Khu đô thị mới Lấn biển Tây Bắc (99 hecta), Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (68 hecta), Khu đô thị Phú Quý (99 hecta); nhiều công trình ngăn mặn, ứng phó biến đổi khí hậu được đầu tư, khai thác mang lại hiệu quả như: Cống Kênh Cụt, Cống Sông Kiên, Cống Kênh Nhánh,...

Với những kết quả nổi bật trong phát triển kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng đầu tư đồng bộ, chỉnh trang đô thị, hệ thống y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao phát triển, chất lượng đời sống nhân dân được nâng cao, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định. Qua đó, ngày 21/01/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 195/QĐ-TTg công nhận Rạch Giá là đô thị loại I trực thuộc tỉnh.

Những kết quả đạt được nêu trên là minh chứng rõ nét rằng, Rạch Giá không chỉ vượt qua khó khăn, mà còn từng bước khẳng định được vị thế là đô thị trung tâm ven biển, có sức lan tỏa mạnh mẽ trong phát triển của tỉnh.

Thành tựu đạt được là rất quan trọng, song chúng ta cũng cần thẳng thắn nhìn nhận những hạn chế, khuyết điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện trong những năm vừa qua.

Sự phát triển của Rạch Giá trong thời gian qua chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh. Việc huy động vốn ngoài ngân sách cho đầu tư phát triển vẫn còn hạn chế, chưa có những đột phá lớn.

Công tác kêu gọi đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Vĩnh Hiệp (cũ) gặp nhiều khó khăn; nhiều khu vực đô thị cũ xuống cấp, việc nâng cấp gặp khó vì chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng cao, vượt xa khả năng cân đối ngân sách; hệ thống hạ tầng kỹ thuật giữa khu vực đô thị mới và cũ chưa đồng bộ, gây ngập lụt trong mùa mưa, triều cường.

Tiềm năng phát triển kinh tế biển vẫn chưa được khai thác đúng mức; các dự án lấn biển được triển khai nhưng chưa mang tính chiến lược dài hạn, chưa tạo ra sản phẩm đô thị mang tính đặc trưng, bền vững. Địa hình bờ biển bồi, nhiều cửa sông là thách thức cho việc phát triển nuôi trồng thủy sản và du lịch biển, nhất là dịch vụ chất lượng cao.

Nguyên nhân của những hạn chế này trước hết là do nguồn lực ngân sách còn hạn hẹp, trong khi nhu cầu đầu tư rất lớn. Công tác quy hoạch chưa kịp thời điều chỉnh, còn chậm so với thực tiễn. Việc thu hút các nhà đầu tư gặp khó khăn, do chính sách ưu đãi chưa đủ mạnh, thủ tục hành chính còn rườm rà, chưa tạo được môi trường đầu tư thật sự hấp dẫn. Bên cạnh đó, một số khâu trong quản lý, điều hành còn bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu mới và sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, cán bộ, công chức năng lực chuyên môn chưa đồng đều, thiếu nguồn nhân lực ở một số lĩnh vực quản lý đô thị, đất đai, công thương, du lịch...

Từ thực tiễn đó, phường Rạch Giá rút ra một số bài học kinh nghiệm quan trọng:

Thứ nhất, tranh thủ sự lãnh đạo tập trung của Đảng bộ tỉnh, sự hỗ trợ của các sở, ngành và sự đồng lòng của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Rạch Giá trong quá trình phát triển.

Thứ hai, phát huy các thế mạnh, tập trung kêu gọi đầu tư; việc huy động nguồn lực xã hội hóa phải gắn với lợi ích thiết thực cho người dân và doanh nghiệp, để mọi nguồn vốn trong dân và trong xã hội được khai thông, cùng tham gia vào sự nghiệp phát triển.

Thứ ba, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong công tác quy hoạch, phát triển hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông và đô thị, phải đi trước một bước để mở đường cho thu hút đầu tư và phát triển sản xuất, dịch vụ.

Thứ tư, mọi chiến lược phát triển kinh tế biển phải theo hướng hiện đại và bền vững, gắn với yêu cầu bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu, bảo đảm cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ tài nguyên.

Phường Rạch Giá được tỉnh xác định là Trung tâm chính trị - hành chính, kinh tế tổng hợp, kinh tế biển, đầu mối giao thương và giữ vai trò hạt nhân trong 5 vùng đô thị động lực trọng điểm của tỉnh. Đây là vinh dự to lớn, nhưng cũng là trách nhiệm rất nặng nề đối với Đảng bộ và Nhân dân phường trên con đường phát triển trong thời gian tới. Để thực hiện mục tiêu đó, chúng tôi cho rằng cần tập trung vào những nhiệm vụ, giải pháp sau:

Một là, triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình hành động số 02-CTr/TU, ngày 22/8/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Chương trình hành động số 05-CTr/TU, ngày 22/8/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. Cần xác định mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi

số là yêu cầu tất yếu khách quan, là nhiệm vụ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, vừa cấp bách, vừa lâu dài. Đồng thời, xác định kinh tế tư nhân là động lực quan trọng nhất của nền kinh tế, giữ vai trò tiên phong trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh. Xem đây là hai nhiệm vụ quan trọng trong suốt quá trình lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Hai là, kiến nghị đầu tư các tuyến giao thông kết nối trọng điểm, thúc đẩy liên kết vùng; đồng thời huy động, khơi thông các nguồn lực theo hướng “lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư” để triển khai các công trình, dự án hạ tầng trọng điểm kết nối vùng và liên vùng, tạo không gian phát triển mới; ưu tiên đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu thúc đẩy kinh tế-xã hội như: nâng cấp mở rộng sân bay Rạch Giá, quốc lộ 80 nối 02 đô thị Long Xuyên - Rạch Giá, tiến tới đầu tư tuyến cao tốc mới kết nối Long Xuyên-Rạch Giá; nâng cấp cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi, đồng thời phát triển tuyến song song Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu,...

Ba là, tập trung rà soát, nâng cao chất lượng quy hoạch và quản lý đô thị. Quy hoạch phải có tầm nhìn dài hạn, đi trước một bước, bảo đảm tính khả thi và bền vững. Cần nhanh chóng phủ kín quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, điều chỉnh những đồ án không còn phù hợp, triển khai các dự án hạ tầng trọng điểm: Xử lý nước thải, chống ngập úng, nhà ở xã hội, chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu.

Bốn là, tập trung kêu gọi, đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp trên địa bàn. Thu hút các nhà đầu tư có đủ năng lực nhằm khai thác hiệu quả các dự án lấn biển, đảo nhân tạo như: phân khu sinh thái hoa biển (Pk10); phân khu đô thị thương mại, dịch vụ, sân Golf (Pk7); phân khu đô thị dịch vụ Lạc Hồng (Pk8), các khu đô thị này sẽ góp phần tạo nên sản phẩm dịch vụ, thương mại, du lịch, nguồn thu ngân sách và tạo việc làm cho người lao động.

Năm là, khai thác tiềm năng kinh tế biển một cách bền vững. Cần quy hoạch không gian biển hợp lý, phát triển nuôi trồng thủy sản, cảng biển, dịch vụ hậu cần biển, logistics, du lịch biển. Liên kết chặt chẽ với Phú Quốc và Hà Tiên để hình thành “**tam giác đô thị động lực**”, đóng vai trò đầu tàu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế biển. Đồng thời, kiên quyết chống khai thác IUU, hỗ trợ ngư dân vươn khơi xa, vừa phát triển kinh tế, vừa bảo vệ chủ quyền biển đảo.

Sáu là, phát triển thương mại - dịch vụ và du lịch chất lượng cao. Rạch Giá phải trở thành điểm đến hấp dẫn với những sản phẩm du lịch độc đáo như phố đi bộ, chợ đêm, nghệ thuật đường phố, gắn với dịch vụ lưu trú, ẩm thực, giải trí chất lượng cao. Kết nối du lịch với Phú Quốc, Hà Tiên, Châu Đốc, Cần Thơ,... mở rộng thị trường, gia tăng lợi thế cạnh tranh.

Bảy là, phát triển nguồn nhân lực và đẩy mạnh cải cách hành chính. Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu công nghiệp và dịch vụ biển. Đồng thời, cải cách hành chính phải đi vào thực chất, gắn với chuyển đổi số và chính quyền số, tạo môi trường đầu tư minh bạch, thuận lợi, an toàn cho doanh nghiệp.

Đề Rạch Giá phát huy tốt vai trò trung tâm kinh tế, chúng tôi kiến nghị:

Đối với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh:

- Tổ chức các hội nghị xúc tiến đầu tư, kêu gọi các tập đoàn lớn trong và ngoài nước, nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm thực hiện các dự án trên địa bàn, đặc biệt là các dự án lấn biển, đảo nhân tạo.

- Cần ban hành cơ chế, chính sách đặc thù cho Rạch Giá về phát triển đô thị lấn biển, trong huy động vốn đầu tư các dự án trên địa bàn; ưu tiên các nguồn vốn để bố trí vốn cho các dự án giao thông, xử lý môi trường (trong đó có nước thải và rác thải).

- Có cơ chế tổ chức, định mức và khung biên chế phù hợp với đặc thù là phường trung tâm hành chính của tỉnh, nhằm bảo đảm năng lực quản lý, điều hành trên địa bàn rộng, dân cư đông và khối lượng công việc lớn.

Với những kết quả đã đạt được, với tiềm năng, lợi thế sẵn có, sự hỗ trợ của Tỉnh và với khát vọng vươn lên, chúng ta hoàn toàn có cơ sở để tin tưởng rằng Rạch Giá sẽ phát triển, trở thành trung tâm kinh tế tổng hợp, kinh tế công nghiệp, kinh tế biển của tỉnh An Giang và vùng ven biển Tây Nam Bộ, phấn đấu tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm bình quân từ 11,63% trở lên. Đây không chỉ là mục tiêu phát triển kinh tế, mà còn là trách nhiệm chính trị của chúng ta đối với sự nghiệp phát triển chung của tỉnh.

Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân phường Rạch Giá xin hứa trước Đại hội: sẽ nêu cao tinh thần đoàn kết, phát huy mọi nguồn lực, hành động quyết liệt và sáng tạo để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nghị quyết của Đại hội.

DANH MỤC
CÁC DỰ ÁN LẤN BIỂN VÀ CÁC ĐẢO NHÂN TẠO
TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG RẠCH GIÁ DỰ KIẾN ĐẾN NĂM 2040

1. Danh mục dự án đã và đang triển khai thực hiện đến năm 2025

STT	Chức năng	Diện tích (ha)
1	Khu đô thị lấn biển (mở rộng thị xã Rạch Giá)	420
2	Khu đô thị Phú Cường - Hoàng Gia	68,7
3	Khu đô thị Phú Quý	99,9
4	Khu đô thị lấn biển Tây Bắc (TB1)	99,4
	Tổng	688

2. Danh mục dự án lấn biển và đảo nhân tạo quy hoạch đến năm 2040
 (theo Quyết định 1024/QĐ-UBND, ngày 18/4/2023 của UBND tỉnh)

2.1. Danh mục các dự án lấn biển

STT	Chức năng	Diện tích (ha)
1	Khu đô thị Tây Bắc phường Vĩnh Quang giai đoạn 2 (Khu đô thị Sonasea Kiên Giang City) (thuộc PK1)	83
2	Khu đô thị Hành chính - Thương mại - Dịch vụ Lạc Hồng (thuộc PK3)	92
3	Khu đô thị Thương mại dịch vụ phía Tây (thuộc PK3)	177,12
4	Khu đô thị sinh thái Hoa Biển (PK10)	108
5	Khu đô thị mở rộng khu 16ha (thuộc PK1)	12
	Tổng	472

2.2. Danh mục các đảo nhân tạo

STT	Chức năng	Diện tích (ha)
1	Khu đô thị Thương mại - dịch vụ - sân Golf (PK7)	694
2	Khu đô thị dịch vụ Lạc Hồng (PK8)	450
3	Khu đô thị dịch vụ du lịch (PK9)	576
4	Khu đô thị sân bay (PK11)	1.080
	Tổng	2.800

PHÁT TRIỂN ĐẶC KHU PHÚ QUỐC THÀNH TRUNG TÂM KINH TẾ, DU LỊCH - DỊCH VỤ TỔNG HỢP TẦM QUỐC GIA, QUỐC TẾ

Đảng bộ đặc khu Phú Quốc

Phú Quốc có vị trí đặc biệt quan trọng vừa là trung tâm du lịch, dịch vụ, kinh tế biển, đảo của vùng và cả nước, vừa là cửa ngõ giao thương quốc tế quan trọng lại giữ vai trò chiến lược về quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Có diện tích tự nhiên 575,29 km² và quy mô dân số là 157.629 người, có 51 khu phố, 585 Tổ nhân dân tự quản. Đảng bộ đặc khu Phú Quốc hiện có 137 chi, đảng bộ, bao gồm 12 chi bộ, đảng bộ cơ sở, 51 chi bộ trực thuộc, 74 chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ sở. Tổng số đảng viên toàn Đảng bộ là 3.470 đảng viên (các số liệu tính đến 8/2025).

Với lợi thế có hơn 150 km bờ biển bao bọc quanh đảo, Phú Quốc sở hữu rất nhiều bãi biển đẹp, trong đó nhiều bãi biển lọt top những bãi biển đẹp nhất nước, khu vực và thế giới; là thiên đường nghỉ dưỡng, thu hút đông đảo các nhà đầu tư, du khách trong nước và quốc tế. Không chỉ xinh đẹp, có khí hậu ôn hòa, hệ sinh thái biển phong phú, cảnh quan đa dạng, Phú Quốc còn có những giá trị lịch sử, tôn giáo, văn hóa truyền thống,...

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Kiên Giang nhiệm kỳ 2020-2025 đề ra, tập trung phát triển Phú Quốc thành trung tâm dịch vụ, du lịch sinh thái biển mạnh mang tầm quốc tế; Phát huy vai trò động lực của đảo Phú Quốc thúc đẩy sự phát triển của tỉnh; phối hợp với các bộ, ngành Trung ương xây dựng cơ chế, chính sách đột phá tạo điều kiện cho Phú Quốc phát triển trở thành trung tâm du lịch, dịch vụ lớn của cả nước, khu vực Đông Nam Á và Quốc tế; Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 cũng xác định xây dựng Phú Quốc thành “trung tâm dịch vụ, du lịch sinh thái chất lượng cao, du lịch biển, đảo tầm cỡ quốc gia và quốc tế, kết nối với các trung tâm kinh tế lớn trong khu vực và thế giới”.

Những năm qua, với sự quan tâm của Trung ương Đảng, Chính phủ, sự chỉ đạo quyết liệt của tỉnh, cùng sự nỗ lực không ngừng của cả hệ thống chính trị, doanh nghiệp và người dân, Đảng bộ Phú Quốc đã tập trung các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực trong hệ thống chính trị, đẩy mạnh huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh; tập trung phát triển đô thị Phú Quốc theo đúng quy hoạch. Phú Quốc phát triển mạnh mẽ, thương hiệu “du lịch Phú Quốc” ngày càng khẳng định trên bản đồ du lịch thế giới, trở thành điểm đến của hàng triệu du khách, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng chung của tỉnh và cả nước. Tổng giá trị sản xuất của các ngành chủ yếu đã tăng 23,88% so với đầu nhiệm kỳ, với mức tăng bình quân 4,38% mỗi năm. Động lực chính đến từ khu vực thương mại - dịch vụ (khu vực III) tăng 68,45%, bình quân 10,99% mỗi năm, cho thấy sự chuyển dịch kinh tế đúng hướng.

Du lịch, dịch vụ đã khẳng định vai trò là ngành kinh tế mũi nhọn. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đến năm 2025 ước đạt 56.317 tỷ đồng, với mức tăng bình quân 11,52% mỗi năm. Đáng chú ý, lượng khách du lịch tính đến tháng 8 năm 2025 ước đạt trên 6 triệu lượt khách, tăng 32,80% so với cùng kỳ, đạt 85,90% kế hoạch năm, trong đó khách quốc tế đạt 1.088.025 lượt, tăng 66,49% so với cùng kỳ, đạt 82,08% kế hoạch năm. Trong đó khách quốc tế chiếm tỷ trọng ngày càng cao. Số lượng các chuyến bay quốc tế đến Phú Quốc liên tục tăng, đặc biệt hãng hàng không mới Sun PhuQuoc Airways đang đi vào hoạt động.

Phú Quốc đã triển khai thực hiện tốt các chủ trương, cơ chế, chính sách đặc thù, thu hút được các nhà đầu tư có năng lực, chiến lược. Đến nay, có 321 dự án đầu tư, với tổng vốn lên tới 435.547,98 tỷ đồng, chủ yếu đầu tư vào các dịch vụ vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng đẳng cấp, sang trọng quy mô quốc tế như: Sun Group, Vingroup, BIM Group, CEO Group...; hệ thống cơ sở lưu trú hiện có hơn 700 cơ sở, với trên 24.000 phòng. Trong đó, có 29 khách sạn đạt chuẩn 4 đến 5 sao, cung cấp 13.475 phòng tiêu chuẩn quốc tế; có hơn 100 doanh nghiệp lữ hành quốc tế và nội địa đang hoạt động trên địa bàn.

Kết cấu hạ tầng giao thông, từ đường bộ đến đường hàng không, đã được đầu tư đồng bộ, hiện đại. Sân bay quốc tế Phú Quốc đã trở thành cửa ngõ quan trọng, với trung bình 70 chuyến bay hạ và cất cánh mỗi ngày. Cảng hành khách quốc tế Dương Đông cũ cũng là cửa ngõ mới, đón nhiều chuyến Tàu du lịch 05 sao cập cảng (cụ thể: năm 2023 đón 01 chuyến tàu quốc tế đầu tiên mang quốc tịch Ý với 3.600 khách; năm 2024 đón 03 chuyến tàu du lịch quốc tế với 3.299 khách du lịch; đầu năm 2025 đón 03 tàu với 8.900 khách quốc tế).

Các sản phẩm du lịch không ngừng được làm mới và đa dạng hóa với nhiều loại hình như: lặn biển, câu cá, dù lượn, tham quan rừng... Các địa danh văn hóa - lịch sử như: Dinh Cậu, Di tích Quốc gia đặc biệt Trại giam tù binh Cộng sản Việt Nam/Phú Quốc được bảo tồn, tôn tạo. Hàng năm có nhiều Lễ hội diễn ra như: Lễ hội Nguyễn Trung Trực, Nghinh Ông, Dinh Bà Ông Lang, Dinh Cậu, Đình Thần Dương Đông, Thủy Long Thánh Mẫu,...

Bên cạnh đó, Phú Quốc còn sở hữu nhiều kỷ lục ấn tượng như “Cáp treo 3 dây dài nhất thế giới” 7,999 km; “Công viên san hô đầu tiên tại Việt Nam”; “Siêu quần thể đa dạng với các loại hình vui chơi giải trí và nghỉ dưỡng có diện tích lớn nhất Việt Nam”; “Công viên Chủ đề lớn nhất Việt Nam”; Safari Phú Quốc - “Vườn thú bán hoang dã đầu tiên và lớn nhất tại Việt Nam”, cũng là top nhất, nhì Đông Nam Á...

Nghề làm nước mắm truyền thống cũng đã được vinh danh là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, khẳng định giá trị văn hóa độc đáo của “Đảo Ngọc”. Ngoài ra, Phú quốc có nhiều sản phẩm nổi tiếng (58 sản phẩm OCOP, trong đó 6 sản phẩm đạt 5 sao cấp quốc gia) như: Nước mắm, hồ tiêu, nấm tràm, rượu sim rừng là đặc sản duy nhất chỉ có ở Phú Quốc;...Nhiều mô hình, sản phẩm du lịch đêm phát triển mạnh mẽ, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí, ăn uống của du khách; các hoạt động biểu diễn nghệ thuật đặc sắc, trở thành điểm nhấn chỉ có riêng ở Phú Quốc.

Qua 05 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, tốc độ tăng trưởng kinh tế Phú Quốc luôn ở mức cao, đạt gần 19,6%/năm, ổn định và bền vững, năm sau cao hơn năm trước; hầu hết các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đều tăng, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, tăng nhanh tỷ trọng thương mại - dịch vụ, công nghiệp xây dựng. Tổng thu ngân sách Nhà nước tăng cao qua các năm, đóng góp lớn cho ngân sách chung của tỉnh (năm 2024 chiếm 51,6% tổng thu ngân sách toàn tỉnh Kiên Giang và góp 5,4% thu ngân sách của vùng đồng bằng sông Cửu Long, 0,35% tổng thu ngân sách của cả nước). 5 năm trở lại đây, Phú Quốc không những tự chủ ngân sách mà còn điều tiết lại cho ngân sách tỉnh.

Công tác bảo vệ tài nguyên môi trường, cảnh quan, di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn tiếp tục được quan tâm thực hiện tốt; nhiều hoạt động bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên trong các doanh nghiệp và cộng đồng dân cư, đem lại hiệu quả tích cực như: cuộc vận động *“vì môi trường Phú Quốc xanh, sạch, đẹp và an toàn”*, phong trào hành động *“Ngày vì môi trường Phú Quốc”*.

Các lĩnh vực văn hóa, xã hội được quan tâm, tạo chuyển biến tiến bộ trên nhiều mặt. Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân được tăng cường, chất lượng khám, chữa bệnh nâng lên, cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế được đầu tư nâng cấp. Thực hiện có hiệu quả các chương trình quốc gia về giáo dục - đào tạo; các chính sách xã hội và an sinh xã hội được đẩy mạnh; điều kiện sinh sống của Nhân dân ngày được nâng cao, “thế trận lòng dân” được củng cố, vững chắc...

Quốc phòng, an ninh được tăng cường, giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Công tác phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn giao thông được tăng cường. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được đẩy mạnh, nhất là từ khi thực hiện Nghị quyết số 31-NQ/TU, ngày 24/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn Phú Quốc, các loại tội phạm giảm mạnh, nhiều băng nhóm, tụ điểm phức tạp được triệt phá, hàng trăm vụ vi phạm được xử lý nghiêm minh, hàng trăm héc-ta đất bị lấn chiếm trái phép được thu hồi; công tác phòng, chống ma túy đạt kết quả nổi bật, đem lại sự bình an cho Nhân dân, tạo điểm đến an toàn cho du khách.

Bên cạnh những kết quả nổi bật, Phú Quốc vẫn còn những hạn chế, khó khăn, vướng mắc như: Hoạt động quản lý điều hành của chính quyền ở một số lĩnh vực còn hạn chế, thiếu chặt chẽ, nhất là công tác quản lý tài nguyên môi trường, đất đai, quản lý quy hoạch và trật tự xây dựng; tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính đạt ở mức thấp, nhất là lĩnh vực đất đai. Kinh tế chuyển dịch đúng hướng nhưng chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong phát triển kinh tế và du lịch, dịch vụ còn chậm. Nhiều dự án công bố quy hoạch chậm triển khai thực hiện. Phát triển văn hóa chưa ngang tầm với phát triển kinh tế. Tình hình khiếu kiện, tranh chấp có liên quan đến đất đai, bồi thường, hỗ trợ tái định cư từng lúc vẫn còn diễn biến phức tạp.

Những hạn chế trên, nguyên nhân do nhịp độ phát triển nhanh, khối lượng công việc lớn, đô thị hóa nhanh, địa bàn rộng, trong khi tổ chức bộ máy quản lý chưa đủ sức; việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh còn chậm. Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành của Phú Quốc với các sở, ban, ngành tỉnh chưa nhịp nhàng, đồng bộ; vai trò tham mưu của một số phòng, ban chuyên môn còn hạn chế. Từ kết quả đạt được, cũng như những hạn chế và nguyên nhân, có thể rút ra một số kinh nghiệm như sau:

1. Phải phát huy đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng bộ; sự đồng thuận của Nhân dân, trong thực hiện chủ trương phát triển đảo Phú Quốc. Giải quyết tốt mối quan hệ lợi ích hài hoà giữa người dân và doanh nghiệp; thực thi đúng các cơ chế chính sách, huy động được nguồn lực trong Nhân dân.

2. Phải kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế gắn với giải quyết tốt các vấn đề văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống cho người dân; giữ vững ổn định quốc phòng, an ninh sẽ tạo môi trường thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư, điểm đến an toàn cho du khách, sự an tâm trong cuộc sống của người dân.

3. Phải thu hút được các nguồn lực cho đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ; vận dụng tốt các cơ chế, chính sách ưu đãi, gắn với cải cách hành chính; triển khai thực hiện quy hoạch và tăng cường quản lý tốt quy hoạch.

Thời gian tới, Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ tiếp tục quan tâm đặc biệt có những cơ chế, chính sách phù hợp, vượt trội, thu hút nhiều nhà đầu tư lớn, tiềm lực, tiếp tục triển khai các dự án chiến lược trên địa bàn, tạo thuận lợi Phú Quốc phát triển nhanh và bền vững; đặc biệt Phú Quốc được Trung ương quyết định, chọn là địa điểm tổ chức tuần lễ Cấp cao APEC 2027. Đây là thời cơ vàng để thúc đẩy Phú Quốc hoàn thiện hạ tầng kinh tế - xã hội; phát triển kinh tế biển làm động lực, thu hút đầu tư, tăng trưởng du lịch, dịch vụ, góp phần phát triển chung cho cả tỉnh.

Trong nhiệm kỳ mới, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân đặc khu Phú Quốc quyết tâm xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới, biển, đảo; tăng cường đối ngoại, hội nhập quốc tế; phối hợp thực hiện tốt công tác tuyên truyền và các nhiệm vụ phục vụ tuần lễ Cấp cao APEC 2027 tại Phú Quốc; phấn đấu xây dựng Phú Quốc trở thành trung tâm sinh thái, nghỉ dưỡng và sáng tạo quốc tế; tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đến năm 2030, ước đạt 17.058 tỷ đồng, tăng 76,23% so với năm 2025, bình quân hằng năm tăng 12%; tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn đến năm 2030 đạt 66.292 tỷ đồng, tăng 81,72% so với năm 2025, bình quân hằng năm tăng 12,69%; tổng lượt khách du lịch đến năm 2030 đạt 15 triệu lượt, tăng 114,29% so với năm 2025, bình quân hằng năm tăng 16,47%.

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ trên, Đảng bộ đặc khu Phú Quốc sẽ tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau:

1. Vận dụng có hiệu quả cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội của Trung ương, tỉnh. Tập trung khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế sẵn có thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững. Phát triển đặc khu Phú Quốc trở thành Trung tâm du lịch, dịch vụ sinh thái chất lượng cao, du lịch biển, đảo tầm cỡ quốc gia và quốc tế; Chú trọng phát triển du lịch, dịch vụ biển, kinh tế hàng hải, bảo vệ đa dạng sinh học biển, khu bảo tồn thiên nhiên biển.

2. Rà soát, tích hợp, cập nhật lại quy hoạch Phú Quốc, bảo đảm đồng bộ với các quy hoạch của tỉnh, vùng, quốc gia. Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch đô thị kịp thời, bảo đảm các tiêu chuẩn phát triển đô thị hiện đại. Xây dựng Phú Quốc là khu đô thị trung tâm, có tính chất du lịch, dịch vụ sinh thái, thông minh, hướng tới đô thị du lịch biển.

3. Đẩy mạnh chuyển đổi số trên tất cả các lĩnh vực; trong đó, ưu tiên một số lĩnh vực như: kinh tế biển, thương mại - dịch vụ, du lịch, y tế, giáo dục, tài chính - ngân hàng, tài nguyên và môi trường; Triển khai xây dựng các khu trung tâm thương mại, dịch vụ mua sắm, tiêu dùng theo quy hoạch. Phát triển hệ thống thương mại theo hướng văn minh, hiện đại; đầu tư xây dựng các trung tâm thương mại, tài chính, ngân hàng.

4. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường, nhất là đất đai, rừng, môi trường sinh thái, nguồn nước. Nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, thực hiện tốt công tác quản lý đất đai.

5. Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực trong hệ thống chính trị, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có đủ phẩm chất, năng lực, tư duy mới, trách nhiệm cao, uy tín, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; hội nhập quốc tế, phổ cập ngoại ngữ cho cán bộ, đảng viên và người dân Phú Quốc.

6. Tăng cường xây dựng, củng cố và bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, biển, đảo, an ninh biên giới quốc gia; Đẩy mạnh hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; xây dựng đặc khu Phú Quốc thành “đơn vị kiêu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị”, đặc khu Phú Quốc không tội phạm, không ma túy; Phát động cả hệ thống chính trị, mỗi người dân và cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn chuẩn bị và phục vụ tốt nhất cho Tuần lễ cấp cao APEC 2027 với phương châm “*mỗi người dân Phú Quốc là một đại sứ du lịch*”.

Để tiếp tục phát triển đảo Phú Quốc trở thành động lực phát triển của tỉnh, từng bước trở thành trung tâm dịch vụ, du lịch sinh thái chất lượng cao, du lịch biển, đảo tầm cỡ quốc gia và quốc tế. Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Phú Quốc rất cần sự quan tâm từ Trung ương, tỉnh với nhiều chủ trương, chính sách

phù hợp, sự phối hợp, hướng dẫn từ các bộ, ngành Trung ương, các sở, ban, ngành, cấp tỉnh, tiếp tục chỉ đạo rà soát và điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển Phú Quốc đến năm 2030, tầm nhìn 2045. Ưu tiên nguồn vốn đầu tư vào các dự án hạ tầng thiết yếu như: hệ thống xử lý rác thải, nước thải tập trung để giải quyết triệt để các vấn đề môi trường; Phân cấp, phân quyền cho chính quyền đặc khu Phú Quốc để chủ động và linh hoạt hơn trong xây dựng, phát triển đặc khu Phú Quốc trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Đồng thời, đáp ứng yêu cầu của một đô thị du lịch tầm cỡ quốc gia, quốc tế; ban hành các chính sách ưu đãi, vượt trội về tài chính, đất đai, thuế quan và thủ tục hành chính, nhất là khung pháp lý khu phi thuế quan đối với Phú Quốc; Đầu tư, hoàn thiện các tuyến giao thông đường bộ, đường biển kết nối Phú Quốc với các quốc gia trong khu vực; hỗ trợ Phú Quốc trong công tác quảng bá, xúc tiến du lịch và đối ngoại. Đặc biệt, sự phối hợp chặt chẽ, chuẩn bị tốt nhất cho Tuần lễ cấp cao APEC 2027 tại Phú Quốc - An Giang, biến sự kiện này thành cơ hội để quảng bá hình ảnh Phú Quốc - An Giang - Việt Nam với bạn bè, du khách quốc tế.

Phú Quốc đang nhận được sự quan tâm của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương, của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, đặc biệt được chọn là nơi tổ chức Tuần lễ cấp cao APEC 2027, đứng trước ngưỡng cửa của một kỷ nguyên phát triển mới. Với tiềm năng, thế mạnh sẵn có và với sự nỗ lực không ngừng, cùng với quyết tâm chính trị cao, chúng ta tin tưởng rằng Phú Quốc sẽ phát triển nhanh, bền vững, là đặc khu hiện đại, văn minh, xanh, sạch, đẹp, an toàn và đáng sống.

ĐẨY MẠNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN, NHẤT LÀ NUÔI BIỂN THEO HƯỚNG HIỆN ĐẠI, BỀN VỮNG

Đảng bộ đặc khu Kiên Hải

Đặc khu Kiên Hải có tổng diện tích khoảng 3.350,13km², trong đó diện tích biển trên 3.325,38km² và diện tích đất tự nhiên 24,75km² với hơn 23 hòn đảo lớn nhỏ, được chia thành 13 ấp, 116 tổ nhân dân tự quản và tổng dân số là 22.949 khẩu. Trung tâm hành chính đặc khu hiện đặt tại đảo Hòn Tre - cách phường Rạch Giá khoảng 30km và đảo có khoảng cách xa đất liền nhất là 90km (Quần đảo Nam Du). Trên địa bàn đặc khu đã được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận 02 Khu du lịch địa phương là Quần đảo Nam Du (Quyết định số 2931/QĐ-UBND, ngày 29/12/2017) và Khu du lịch Lại Sơn (Quyết định số 2932/QĐ-UBND, ngày 29/12/2017).

Với địa hình các đảo phân bố rải rác trên vùng biển Tây Nam, nên Kiên Hải được xem là địa bàn có tiềm năng, lợi thế rất lớn về phát triển kinh tế biển và dịch vụ du lịch, trong đó, ngành nông nghiệp vẫn giữ vai trò nền tảng quyết định đối với tốc độ tăng trưởng kinh tế và chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu ngành kinh tế của đặc khu. Những năm gần đây, tình hình khai thác thủy sản ngày càng trở nên khó khăn do nguồn lợi tự nhiên đang dần cạn kiệt. Do đó, để phát huy tốt tiềm năng, thế mạnh của địa phương, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Kiên Hải nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã xác định rõ mục tiêu là: *“Phấn đấu đến năm 2025 Kiên Hải trở thành huyện (nay là đặc khu) phát triển mạnh về du lịch và nuôi trồng thủy sản; đến năm 2030 trở thành một trong những huyện trọng điểm về phát triển du lịch, đồng thời là huyện đứng top đầu về sản lượng nuôi trồng thủy sản”*. Đây là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa mang tính chiến lược lâu dài, gắn phát triển kinh tế biển với bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của tổ quốc; đồng thời, là cơ sở có tính chiến lược lâu dài, là động lực để khuyến khích các hộ ngư dân phát triển sản xuất, khơi dậy và phát triển toàn diện tiềm năng của biển.

Thực hiện Quyết định số 3214/QĐ-UBND, ngày 31/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Đề án phát triển nuôi biển theo hướng bền vững trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2030, Kế hoạch số 123/KH-UBND, ngày 17/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án phát triển nuôi biển theo hướng bền vững trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2030, Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải (trước đây) đã tổ chức rà soát, lấy ý kiến, lập quy hoạch đối với 21 vị trí nuôi trồng thủy sản, với tổng diện tích 11.956ha. Đến nay, toàn đặc khu có 215 hộ nuôi, 1.189 lồng, tổng thể tích trên 756.000m³, với trên 662.000 con cá các loại. Đối tượng nuôi chủ lực là những loài có giá trị kinh tế cao như: Cá bớp, cá mú các loại, cá chim vây vàng. Nhiều mô hình mới được thí điểm như: Triển khai thí điểm 15 mô hình trong lồng HDPE bằng thức ăn công nghiệp kết hợp trồng Rong Sụn. Từ đó, góp phần đưa sản lượng nuôi hàng năm đạt trung bình 1.200 tấn/năm và

trong 08 tháng đầu năm 2025, ước đạt 900 tấn, đạt 62% kế hoạch năm, tạo việc làm ổn định và sinh kế cho 1.200 lao động phổ thông; giải quyết việc làm cho lao động địa phương, nâng thu nhập bình quân đầu người của đặc khu năm 2024 đạt 73,25 triệu đồng/người/năm. Đặc khu không còn hộ nghèo, đồng thời thực hiện chủ trương xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn đạt 100%.

Ngoài ra, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về thu hút đầu tư nuôi biển. Đến nay, có 02 Tập đoàn Mavin và Công ty Australis Việt Nam đã khảo sát chọn vùng nuôi biển công nghiệp tập trung tại Quần đảo Nam Du, qua đó thực hiện các thủ tục để đầu tư dự án nuôi biển và đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư. Đây là một trong những doanh nghiệp nuôi biển hàng đầu, áp dụng công nghệ hiện đại nhất tại Việt Nam hiện nay. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân tỉnh cũng đã phê duyệt danh mục dự án kêu gọi đầu tư đối với 04 dự án đầu tư nuôi biển công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao trên vùng biển Quần đảo Nam Du (tại Quyết định số 1696/QĐ-UBND, ngày 13/6/2025). Điều này cũng là cơ hội cho nghề nuôi biển của Kiên Hải trong thời gian tới.

Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển nhanh và bền vững lĩnh vực nuôi biển tại Đặc khu Kiên Hải còn khó khăn, thách thức sau:

- Công tác quy hoạch và quản lý vùng nuôi chưa đồng bộ, còn chồng lấn giữa các hoạt động khai thác và bảo tồn. Hạ tầng phục vụ nuôi biển (khu hậu cần nghề cá; cơ sở chế biến...) chưa đáp ứng nhu cầu.

- Khó tiếp cận vốn tín dụng lãi suất thấp, dài hạn để đầu tư công nghệ mới, hiện đại nên khả năng mở rộng sản xuất bị hạn chế; nguồn vốn, nguồn nhân lực chất lượng cao, ứng dụng công nghệ tiên tiến chưa nhiều, dẫn đến giảm năng lực cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

- Chịu tác động của biến đổi khí hậu, nguy cơ ô nhiễm môi trường biển cục bộ, nguồn cá giống thiếu ổn định; dịch bệnh còn hiện hữu, dẫn đến tỷ lệ hao hụt lớn trong quá trình nuôi.

- Hầu hết, hộ nuôi quy mô sản xuất nhỏ lẻ, kỹ thuật nuôi chủ yếu dựa vào kinh nghiệm truyền thống, thiếu quy trình chuẩn về an toàn sinh học, truy xuất nguồn gốc; năng lực liên kết chuỗi giá trị còn hạn chế.

Quan điểm và định hướng phát triển thủy sản theo hướng hiện đại, bền vững trên cơ sở tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả phát triển kinh tế biển theo Nghị quyết số 36-NQ/TW; Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 139/2024/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã xác định *“Xây dựng Đặc khu Kiên Hải thành trung tâm kinh tế biển với những hoạt động nổi bật như: Dịch vụ du lịch biển đảo dựa vào cộng đồng, nuôi biển và chế biến thủy sản; xây dựng, nâng cấp các cảng cá kết hợp công tác hậu cần, dịch vụ logistics cho nuôi biển”*.

Xuất phát từ thực tiễn giai đoạn 2020 - 2025 và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đặc khu giai đoạn 2025 - 2030; đồng thời, bám sát Nghị quyết của Đảng, chỉ đạo của tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ đặc khu Kiên Hải lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 xác định mục tiêu: Phấn đấu đến năm 2030 xây dựng đặc khu Kiên

Hải phát triển mạnh kinh tế biển. Trong đó, tập trung ưu tiên lĩnh vực dịch vụ, du lịch và nuôi biển với các khâu đột phá: (1) Tập trung các giải pháp thực hiện chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển, trong đó ưu tiên đẩy mạnh phát triển lĩnh vực dịch vụ, du lịch và nuôi biển trên địa bàn. (2) Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thực hiện ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới; (3) Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện quy hoạch, tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, gắn với xây dựng nông thôn mới.

Để phấn đấu thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ, mục tiêu đề ra, đặc khu Kiên Hải đề ra một số giải pháp trọng tâm, trọng điểm như sau:

- 1. Quy hoạch và quản lý vùng nuôi:** Rà soát, cập nhật quy hoạch, phân vùng nuôi hợp lý, gắn với bảo tồn hệ sinh thái và bảo đảm quốc phòng, an ninh.
- 2. Phát triển hạ tầng và dịch vụ hậu cần:** Đầu tư cảng cá, bến neo đậu, khu tránh trú bão, kho lạnh, cơ sở chế biến, trung tâm giống thủy sản chất lượng cao.
- 3. Ứng dụng khoa học - công nghệ:** Khuyến khích sử dụng lồng bè HDPE, hệ thống cho ăn tự động, giám sát môi trường nước qua thiết bị cảm biến IoT, công nghệ Biofloc và tuần hoàn nước.
- 4. Tổ chức lại sản xuất:** Thực hành sản xuất theo các vùng nuôi tập trung, áp dụng tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, ASC (bộ tiêu chuẩn quốc tế về nuôi trồng thủy sản); xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu cho sản phẩm chủ lực của Kiên Hải.
- 5. Liên kết sản xuất - tiêu thụ:** Phát triển mô hình Hợp tác xã, kết hợp tăng cường liên kết “4 nhà”: Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp - Nhà nông, để hình thành chuỗi giá trị khép kín từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ, góp phần mở rộng thị trường, xuất khẩu và kết nối du lịch sinh thái biển.
- 6. Chính sách hỗ trợ:** Mời gọi, khuyến khích, tạo điều kiện tối ưu để tổ chức, cá nhân tiếp cận cơ chế, chính sách vốn ưu đãi, bảo hiểm thủy sản, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của lĩnh vực nuôi biển hiện đại.
- 7. Bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu:** Tăng cường bảo vệ nguồn lợi thủy sản nhất là các bãi giống tự nhiên ven đảo, các rạn san hô. Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý chất thải nuôi biển; áp dụng quy trình nuôi an toàn sinh học để kiểm soát dịch bệnh; đầu tư, mở rộng hệ thống quan trắc nước biển để dự báo sớm các yếu tố môi trường nuôi để tăng cường giám sát dịch bệnh; nâng cao nhận thức của người dân và doanh nghiệp trong sử dụng thức ăn, thuốc thú y thủy sản đúng cách, bảo vệ hệ sinh thái.
- 8. Gắn phát triển kinh tế biển với bảo đảm quốc phòng, an ninh:** kết hợp sản xuất với tham gia bảo vệ chủ quyền biển đảo; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân trên biển.

Để thực hiện được những nhiệm vụ và giải pháp nêu trên, đặc khu Kiên Hải kiến nghị như sau:

- Kiến nghị Trung ương ban hành cơ chế, chính sách đặc thù về tín dụng ưu đãi cho tổ chức, cá nhân tham gia nuôi biển, bảo hiểm thủy sản, dịch vụ hậu cần

nghe nuôi; miễn, giảm tiền giao, cho thuê mặt nước biển, ưu đãi về thuế; tăng cường hợp tác quốc tế, thu hút doanh nghiệp lớn đầu tư vào nuôi biển công nghệ cao tại Kiên Hải; hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước.

- Kiến nghị Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư hạ tầng nuôi biển đồng bộ; hỗ trợ kinh phí nghiên cứu khoa học, hỗ trợ chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ phục vụ phát triển kinh tế biển, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các địa phương; hỗ trợ các thủ tục đối với dự án nuôi biển của 02 tập đoàn nuôi biển Mavin và Australis ở Quần đảo Nam Du để sớm đưa dự án vào hoạt động; tăng cường kết nối liên vùng, đặc biệt là với các tỉnh ven biển lân cận để xây dựng vùng sản xuất thủy sản liên tỉnh, mở rộng thị trường và logistics.

*

Có thể nói, phát triển nuôi biển hiện đại, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu là nhiệm vụ chiến lược, vừa mang ý nghĩa kinh tế - xã hội, vừa gắn chặt với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc. Với quyết tâm chính trị cao, sự chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, sở, ngành cấp tỉnh, cùng với tinh thần đoàn kết, đổi mới và sáng tạo của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân đặc khu Kiên Hải, chúng tôi tin tưởng rằng: Nuôi trồng thủy sản, nhất là nuôi biển hiện đại, bền vững sẽ tiếp tục là mũi nhọn, tạo đột phá trong cơ cấu kinh tế, góp phần nâng cao đời sống Nhân dân, bảo vệ chủ quyền biển đảo và đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của tỉnh An Giang và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

HÀ TIÊN TẬP TRUNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN, DỊCH VỤ - DU LỊCH, THƯƠNG MẠI BIÊN GIỚI

Đảng bộ phường Hà Tiên

Phường Hà Tiên được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của các phường Bình San, Pháo Đài, Mỹ Đức, Đông Hồ, theo Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15, ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Phường có diện tích 61,35 km², gồm 16 khu phố, là địa bàn có vị trí địa lý - chính trị đặc biệt quan trọng: vừa giáp biển, vừa giáp biên giới Campuchia dài 14 km, có cửa khẩu quốc tế, nằm trên các trục giao thông huyết mạch như: Quốc lộ 80, Quốc lộ N1 và hành lang ven biển.

Hà Tiên được thiên nhiên ưu đãi với nhiều cảnh quan đặc sắc, đồng thời sở hữu bề dày văn hóa - lịch sử với 10 di tích đã được công nhận (trong đó có 05 di tích cấp quốc gia), cùng các Lễ hội truyền thống giàu giá trị và mang đậm dấu ấn riêng của vùng đất như: Tao đàn Chiêu Anh Các, Lễ giỗ Đức khai trấn Mạc Cửu, Lễ giỗ Bà Mạc Mi Cô... Những lợi thế này tạo điều kiện để Hà Tiên phát huy vị trí địa lý - chính trị đặc biệt, đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, thương mại biên giới, đồng thời trở thành điểm đến hấp dẫn, trung tâm kết nối và trung chuyển trong phát triển thương mại - dịch vụ và du lịch của vùng.

Phát huy lợi thế sẵn có, cùng với sự quan tâm chỉ đạo của tỉnh, sự quyết tâm của chính quyền và sự đồng thuận của nhân dân, thời gian qua phường Hà Tiên đã huy động hiệu quả các nguồn lực để phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn thương mại - dịch vụ - du lịch, đồng thời đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, khai thác tiềm năng biên mậu và du lịch biển. Nhờ đó, không gian phát triển kinh tế ngày càng được mở rộng, gắn kết hài hòa giữa biên giới và biển. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, trong đó thương mại - dịch vụ - du lịch tiếp tục khẳng định vai trò ngành mũi nhọn. Trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, tổng giá trị sản xuất các ngành kinh tế đạt 58.829 tỷ đồng, tỷ trọng thương mại - dịch vụ - du lịch chiếm 81,18% (tương đương 47.760 tỷ đồng); doanh thu dịch vụ - du lịch đạt 14.507 tỷ đồng; tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 442.953 nghìn USD, trong đó xuất khẩu 337.265 nghìn USD, nhập khẩu 105.688 nghìn USD. Tổng vốn huy động toàn xã hội đạt 7.997 tỷ đồng.

Hạ tầng du lịch được chú trọng đầu tư với tổng kinh phí hơn 46 tỷ đồng cho các công trình chỉnh trang, nâng cấp Khu du lịch Mũi Nai, Thạch Động, Đá Dựng... Một số dự án đô thị, nghỉ dưỡng được hình thành và đi vào hoạt động như Khu nhà ở nghỉ dưỡng cao cấp Mũi Nai, Bãi Nò; Dự án Lô A5 thuộc khu đô thị mới Hà Tiên... góp phần thu hút khách du lịch, đa dạng nhu cầu vui chơi giải trí,

đồng thời mở rộng cơ hội đầu tư. Hạ tầng giao thông - đô thị tiếp tục được hoàn thiện với các công trình trọng điểm: Đường Nguyễn Phúc Chu, Đường ra cửa khẩu Quốc tế Hà Tiên, Đường dẫn ra cảng tổng hợp Hà Tiên... Công tác quy hoạch, quản lý tài nguyên và môi trường ven biển được tăng cường; hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu từng bước hình thành, tạo tiền đề để Hà Tiên trở thành điểm trung chuyển hàng hóa quan trọng trong khu vực. Những kết quả đó là động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển bền vững của phường trong giai đoạn tới.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy quá trình phát triển kinh tế của phường vẫn còn thiếu tính bền vững; các lĩnh vực kinh tế biển, thương mại - dịch vụ - du lịch, thương mại biên giới vẫn chưa phát huy đầy đủ tiềm năng, lợi thế sẵn có. Kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; sản phẩm du lịch chưa thật sự phong phú, chưa khai thác sâu các giá trị văn hóa, lịch sử, ẩm thực để thu hút du khách; chưa hình thành được sự liên kết và đột phá cần thiết trong phát triển ngành kinh tế mũi nhọn. Hiệu quả kinh tế biển chưa cao; hạ tầng giao thông kết nối cửa khẩu và cảng biển còn thiếu đồng bộ.

Nguyên nhân của những hạn chế trên xuất phát từ cả yếu tố khách quan và chủ quan. *Về khách quan*, tình hình biến đổi khí hậu, thời tiết diễn biến phức tạp; kinh tế thị trường nhiều biến động; đặc biệt giai đoạn 2019 - 2023 chịu tác động nặng nề của dịch bệnh COVID-19, ảnh hưởng sâu rộng đến mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội. *Về chủ quan*, công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành của một số tổ chức, đơn vị có thời điểm chưa thật sự quyết liệt; việc rà soát, đề xuất giải quyết khó khăn, vướng mắc chưa kịp thời; sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị đôi lúc còn thiếu chặt chẽ, làm giảm hiệu quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế nói chung, cũng như các lĩnh vực kinh tế biển, thương mại - dịch vụ - du lịch, thương mại biên giới nói riêng.

Bước vào giai đoạn mới, với vị thế mới của phường Hà Tiên, nhiệm vụ đặt ra là rất nặng nề nhưng cũng đầy triển vọng. Để góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030, nhất là phấn đấu trở thành trung tâm kinh tế biển - du lịch - thương mại biên giới của tỉnh và khu vực, phường Hà Tiên xin đề xuất tập trung vào một số định hướng, giải pháp chủ yếu sau:

Một là, huy động tất cả các nguồn lực để sớm hoàn thành đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của phường trên cơ sở vận dụng hiệu quả cơ chế, chính sách mới. Đặc biệt kiến nghị với tỉnh sớm có cơ chế kết nối cực tăng trưởng đặc thù cho vùng tứ giác Long Xuyên (gồm Rạch Giá - Long Xuyên - Châu Đốc - Hà Tiên), nhằm hình thành khu vực động lực phát triển của tỉnh về logistics, du lịch văn hóa, kinh tế biển, thương mại biên mậu, đầu mối giao thương, hợp tác với Vương quốc Campuchia. Đồng thời, đề xuất tỉnh quan tâm nâng cấp Quốc lộ N1 kết nối Hà Tiên - Tịnh Biên - Châu Đốc, sớm triển khai các dự án trọng điểm như cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá, cầu Đông Hồ và các trục giao

thông chính của phường Hà Tiên. Song song đó, đẩy mạnh thu hút đầu tư thông qua việc tạo môi trường đầu tư kinh doanh hấp dẫn, thuận lợi, kêu gọi các nhà đầu tư có tiềm lực, uy tín và thương hiệu trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ, kinh tế biển tham gia các dự án lấn biển, phát triển đảo và cụm đảo nhân tạo, xây dựng khu nghỉ dưỡng, dịch vụ cao cấp mang tầm khu vực.

Hai là, tập trung hoàn chỉnh công tác quy hoạch, chủ động phối hợp với các sở, ngành của tỉnh điều chỉnh, trình cấp thẩm quyền phê duyệt Quy hoạch chung phường Hà Tiên và Chương trình phát triển đô thị Hà Tiên phù hợp với tình hình mới, trên cơ sở đồ án Quy hoạch chung thành phố Hà Tiên và khu kinh tế cửa khẩu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Xây dựng quy chế quản lý kiến trúc, cảnh quan đô thị; hoàn thiện các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, tích hợp yếu tố biến đổi khí hậu, nước biển dâng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý; đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy hoạch. Tập trung phát triển kinh tế biển theo hướng hiện đại, bền vững; đẩy mạnh phát triển nuôi tôm công nghiệp, nhất là khu vực Đông Hồ và Mỹ Đức, hướng đến khuyến khích chuyển đổi mô hình nuôi tôm quảng canh (gần 1.000 ha) sang nuôi tôm công nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tăng cường kiểm tra, chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU). Đặc biệt, tận dụng lợi thế về vị trí địa lý gần các tuyến hàng hải Quốc tế, gần sân bay và đặc khu Phú Quốc, Hà Tiên định hướng phát triển cảng biển tổng hợp, tranh thủ nguồn lực tỉnh, Trung ương để sớm đầu tư hoàn thành Cảng Tổng hợp Hà Tiên (*giai đoạn 1*), đồng thời kêu gọi đầu tư hình thành khu đô thị - du lịch - cảng đồng bộ, hiện đại.

Ba là, tập trung nâng cao chất lượng và xây dựng thương hiệu du lịch; phát triển theo hướng du lịch xanh, bền vững gắn với các sản phẩm du lịch đặc thù như: du lịch biển, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng. Hình thành các khu vui chơi giải trí, phố đi bộ, sản phẩm đặc trưng, dịch vụ về đêm nhằm thu hút du khách; đồng thời chú trọng đào tạo nguồn nhân lực du lịch đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp du lịch, loại hình và sản phẩm, đảm bảo tính chuyên nghiệp, chất lượng. Tiếp tục đầu tư, tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa để bảo tồn và phát huy giá trị địa phương, trong đó ưu tiên: đầu tư cơ sở hạ tầng quần thể khu di tích lịch sử, văn hóa cấp Quốc gia núi Bình San; đầu tư hạ tầng quần thể khu di tích cấp quốc gia - danh thắng núi Thạch Động, Đá Dựng; đầu tư xây dựng cụm công trình Đông Hồ ẩn nguyệt - Hà Tiên thập cảnh,... Đẩy mạnh khai thác Đầm Đông Hồ gắn với phát triển dịch vụ - du lịch, tạo động lực thúc đẩy ngành dịch vụ - du lịch phát triển nhanh, bền vững. Đồng thời, chỉnh trang, nâng cấp các khu du lịch hiện hữu, đặc biệt là Khu du lịch Mũi Nai; định hướng khai thác du lịch tại khu vực Núi Đền, Tà Lu,... Tăng cường liên kết các tour, tuyến du lịch kết nối các vùng khác trong và ngoài tỉnh, qua đó mở rộng không gian và nâng cao tính đa dạng, hấp dẫn của du lịch Hà Tiên.

Bốn là, phát huy lợi thế vị trí địa lý chiến lược của Hà Tiên - giáp Vương quốc Campuchia, có cửa khẩu Quốc tế, Hà Tiên giữ vai trò cửa ngõ giao thương quan trọng của vùng Đồng Bằng sông Cửu Long với các nước ASEAN. Theo định hướng của tỉnh, Hà Tiên được xác định là một trong năm vùng động lực trọng điểm của tỉnh An Giang. Tiếp tục tranh thủ các nguồn lực để phát triển mạnh thương mại biên giới và dịch vụ logistics; đầu tư hoàn thiện hạ tầng giao thông kết nối cửa khẩu và cảng biển tổng hợp; kêu gọi, thu hút đầu tư vào khu kinh tế cửa khẩu; hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp xuất khẩu hàng hoá sang Campuchia, Thái Lan theo quy định. Tận dụng tối đa lợi thế của địa phương để phát triển kinh tế biên mậu, góp phần nâng cao vị thế Hà Tiên trong phát triển Khu kinh tế cửa khẩu theo hướng hiện đại, năng động và bền vững.

*

Tập trung phát triển kinh tế biên, dịch vụ - du lịch và thương mại biên giới không chỉ là định hướng chiến lược, mà còn là con đường tất yếu để Hà Tiên khẳng định vị thế trung tâm động lực của tỉnh và khu vực. Với lợi thế *“một địa phương - nhiều tiềm năng”*, nếu được khai thác đồng bộ, bền vững, Hà Tiên hoàn toàn có thể trở thành điểm sáng trong phát triển kinh tế - xã hội vùng biên, vùng biển, gắn liền với bảo đảm quốc phòng - an ninh và tăng cường tình hữu nghị với nước bạn Campuchia.

Với tinh thần đoàn kết, quyết tâm, Đảng bộ và nhân dân phường Hà Tiên tin tưởng sẽ cùng toàn Đảng bộ tỉnh An Giang thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội, tạo bước đột phá mạnh mẽ trong phát triển kinh tế biển - dịch vụ du lịch - thương mại biên giới, đưa Hà Tiên trở thành địa phương phát triển năng động, hiện đại, xứng đáng với vị trí chiến lược của mình.

XÂY DỰNG CHÂU ĐỐC LÀ ĐÔ THỊ TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TỔNG HỢP VÀ DU LỊCH SINH THÁI VEN SÔNG VÙNG BIÊN GIỚI TÂY NAM TỈNH AN GIANG

Đảng bộ phường Châu Đốc

Những năm qua, cùng với sự phát triển chung của tỉnh, Châu Đốc đã không ngừng nỗ lực, phấn đấu, phát huy tiềm năng, lợi thế của một đô thị trung tâm vùng biên giới Tây Nam, nơi hội tụ nhiều giá trị đặc sắc về lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng, thương mại và du lịch. Với vị trí quan trọng, là cửa ngõ giao thương với các địa phương trong khu vực và nước bạn Campuchia, đồng thời là trung tâm du lịch tâm linh nổi tiếng trong và ngoài nước, Châu Đốc có vai trò then chốt trong việc thực hiện mục tiêu, đưa An Giang trở thành tỉnh phát triển khá trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Nhiệm kỳ qua, việc thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ các cấp đã tạo động lực mạnh mẽ cho phường Châu Đốc phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng dịch vụ, thương mại và du lịch. Kinh tế duy trì tốc độ tăng trưởng khá, bình quân giai đoạn 2020-2024 đạt trên 8,5%/năm; thu ngân sách năm 2024 đạt khoảng 1.350 tỷ đồng, tăng 1,4 lần so với năm 2020. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, trong đó thương mại - dịch vụ chiếm trên 70%, công nghiệp - xây dựng chiếm 18% và nông - lâm - thủy sản còn dưới 12%. Các hoạt động thương mại - dịch vụ khẳng định vai trò trung tâm giao thương của địa bàn, hệ thống chợ, siêu thị và trung tâm thương mại từng bước được đầu tư nâng cấp, riêng chợ Châu Đốc duy trì trên 2.000 hộ kinh doanh, bình quân mỗi ngày thu hút từ 10.000 - 15.000 lượt khách; kim ngạch xuất nhập khẩu qua cửa khẩu Vĩnh Xương và các lối mở biên giới đạt trên 600 triệu USD/năm, đóng góp tích cực cho tăng trưởng chung của tỉnh.

Song song đó, du lịch có bước phát triển sôi động, từng bước khẳng định thương hiệu **“đô thị du lịch tâm linh - sinh thái”** của An Giang. Khách du lịch đến Châu Đốc tăng hằng năm, năm 2024 đón trên 5,5 triệu lượt khách, riêng Lễ hội Vía Bà Chúa xứ Núi Sam thu hút hơn 2,5 triệu lượt; doanh thu du lịch năm 2024 đạt 3.200 tỷ đồng, tăng gần 1,5 lần so với năm 2020. Bên cạnh thế mạnh du lịch tâm linh truyền thống, địa phương chú trọng kết nối phát triển các sản phẩm du lịch mới: du lịch cộng đồng tại làng Chăm Châu Phong, du lịch trải nghiệm làng bèo trên sông, du lịch sinh thái miệt vườn ven sông Hậu, qua đó góp phần đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao thời gian lưu trú và mức chi tiêu của du khách. Hạ tầng du lịch, hạ tầng giao thông đô thị được quan tâm, đầu tư, với nhiều công trình quan trọng như cầu Cồn Tiên, cầu Châu Đốc, đường dẫn vào Khu du lịch Quốc gia Núi Sam, bến xe trung tâm, cùng với các dự án khách sạn, khu nghỉ dưỡng ven sông Hậu,... hình thành nền tảng phát triển chuỗi dịch vụ du lịch - nghỉ dưỡng quy mô và hiện đại.

Đáng chú ý, phường Châu Đốc đã quan tâm xây dựng nhiều mô hình, cách làm mới, mang lại hiệu quả thiết thực. Mô hình “chợ văn minh - thương mại kết hợp du lịch” tại chợ Châu Đốc, góp phần vừa phục vụ giao thương, vừa quảng bá sản phẩm đặc sản địa phương; chương trình “Người dân Châu Đốc thân thiện, mến khách” nâng cao ý thức cộng đồng trong xây dựng môi trường du lịch văn minh, an toàn; việc ứng dụng công nghệ thông tin được đẩy mạnh với cổng thông tin điện tử du lịch, dịch vụ đặt phòng trực tuyến, tạo điều kiện thuận lợi cho du khách. Nhờ đó, đời sống nhân dân từng bước được nâng lên, thu nhập bình quân đầu người năm 2024 đạt 74 triệu đồng, tăng 1,3 lần so với năm 2020; không còn hộ nghèo, hộ cận nghèo. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và an ninh biên giới tiếp tục được giữ vững, tạo môi trường ổn định, thuận lợi để thương mại, dịch vụ và du lịch phát triển bền vững trong những năm tới.

Bên cạnh những kết quả đạt được, phường Châu Đốc vẫn còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế như: Kinh tế tăng trưởng khá nhưng chưa thật sự bền vững, phụ thuộc nhiều vào thương mại biên giới và du lịch lễ hội theo mùa; tỷ trọng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ chất lượng cao còn thấp, chưa hình thành nhiều sản phẩm đặc thù có sức cạnh tranh mạnh. Hạ tầng đô thị, nhất là dịch vụ lưu trú, hạ tầng giao thông, bến bãi, bãi đỗ xe, hệ thống xử lý nước thải, rác thải chưa đáp ứng kịp với tốc độ phát triển và nhu cầu của khách du lịch. Công tác chỉnh trang, quản lý đô thị, xây dựng cảnh quan ven sông chưa đồng bộ; tình trạng buôn bán nhỏ lẻ, lấn chiếm lòng lề đường, chèo kéo du khách vẫn còn diễn ra, ảnh hưởng đến hình ảnh điểm đến của du khách.

Trong lĩnh vực du lịch, mặc dù lượng khách tăng nhanh nhưng chủ yếu tập trung vào mùa cao điểm, thời gian lưu trú bình quân ngắn (chỉ 1 đến 2 ngày/khách); chỉ tiêu bình quân của khách còn thấp, chưa khai thác hết tiềm năng dịch vụ lưu trú, ẩm thực, mua sắm. Nguồn nhân lực du lịch và dịch vụ còn thiếu về số lượng, hạn chế về kỹ năng ngoại ngữ, nghiệp vụ; đội ngũ hướng dẫn viên tại chỗ chưa đáp ứng yêu cầu chuyên nghiệp hóa. Công tác quảng bá, xúc tiến du lịch chưa mạnh, chủ yếu dựa vào truyền thống tín ngưỡng, chưa tận dụng hiệu quả công nghệ số, truyền thông hiện đại. Bên cạnh đó, tình hình buôn lậu, gian lận thương mại qua biên giới còn diễn biến phức tạp, gây ảnh hưởng đến môi trường đầu tư và trật tự thị trường.

Nguyên nhân của những hạn chế trên là do nguồn lực đầu tư của phường Châu Đốc còn hạn chế so với nhu cầu phát triển nhanh; quy hoạch tổng thể đô thị và phát triển du lịch chậm được điều chỉnh, còn thiếu tính liên kết vùng; việc phối hợp giữa các ngành, các cấp trong triển khai chính sách chưa thật sự chặt chẽ. Một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa chủ động, quyết liệt trong đổi mới tư duy phát triển, còn trông chờ vào lợi thế sẵn có. Bên cạnh đó, tác động của dịch COVID-19 trong những năm 2020 - 2022 cũng ảnh hưởng lớn đến du lịch và thương mại, làm chậm lại nhiều kế hoạch, dự án trọng điểm của địa phương.

Từ thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, phường Châu Đốc rút ra một số kinh nghiệm sau:

Thứ nhất, phải đặt công tác quy hoạch, quản lý và phát triển đô thị gắn với khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế, định hướng xây dựng đô thị thương mại - dịch vụ - du lịch sinh thái ven sông, có tầm nhìn dài hạn, tránh tình trạng đầu tư manh mún, dàn trải.

Thứ hai, coi trọng công tác huy động nguồn lực xã hội, phát huy vai trò đồng hành của doanh nghiệp và nhân dân trong phát triển hạ tầng, dịch vụ và du lịch; chú trọng xã hội hóa trong các lĩnh vực như chỉnh trang đô thị, bảo vệ môi trường, xây dựng điểm đến văn minh.

Thứ ba, quan tâm xây dựng hình ảnh “con người Châu Đốc” thân thiện, nghĩa tình, xây dựng nếp sống văn hóa đô thị gắn với chuyển đổi số để vừa bảo tồn, gìn giữ, vừa mở rộng, giao lưu, phát huy các giá trị văn hóa, quảng bá hình ảnh con người Châu Đốc, qua đó tạo sức hấp dẫn riêng có của một đô thị du lịch biên giới.

Thứ tư, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của cấp ủy, chính quyền, cùng sự phối hợp nhịp nhàng giữa các ngành, các cấp và sự đồng thuận của nhân dân chính là yếu tố quyết định giúp phường Châu Đốc đạt được nhiều kết quả quan trọng trong giai đoạn vừa qua.

Thời gian tới, phường Châu Đốc xác định nhiệm vụ trọng tâm là tập trung xây dựng đô thị theo định hướng thương mại - dịch vụ tổng hợp và du lịch sinh thái ven sông, gắn với mục tiêu phát triển xanh, bền vững và hiện đại.

Trước hết, rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội và quy hoạch chung phường Châu Đốc, đồng thời tập trung nguồn lực (Trung ương, tỉnh) xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội, trọng tâm là hạ tầng giao thông đô thị và liên kết vùng; chống ngập, xử lý rác thải, môi trường; tăng cường quản lý đất đai, xây dựng gắn với chỉnh trang đô thị, từng bước xây dựng phường Châu Đốc theo hướng đô thị xanh - sạch - đẹp, văn minh.

Hai là, khai thác tối đa lợi thế là đô thị cửa ngõ quan trọng từ các địa phương trong khu vực đi các cửa khẩu quốc tế, quốc gia sang Vương quốc Campuchia (cả đường bộ và đường thủy), đặc biệt sau khi tuyến cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng hoàn thành vào cuối năm 2025 và với điều kiện hạ tầng hiện có về giao thông, hệ thống ngân hàng, chợ đầu mối, kho hàng, cơ sở lưu trú... Đồng thời, chủ trương kết nối giao thông từ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng đến An Phú, Tịnh Biên, đây là điều kiện thuận lợi để Châu Đốc tập trung phát triển dịch vụ thương mại - du lịch, đặc biệt gắn kết trục Châu Đốc - Tịnh Biên - Hà Tiên.

Ba là, tăng cường quản lý, sắp xếp, nâng cấp các chợ, phố chuyên doanh, xây dựng mô hình thương mại văn minh, an toàn, kết hợp phát triển thương mại điện tử. Quan tâm mở rộng các loại hình dịch vụ mới, xây dựng tuyến phố đi bộ, khu

chợ đêm, không gian sinh hoạt cộng đồng ven sông nhằm tạo điểm nhấn cho phát triển dịch vụ và du lịch, đẩy mạnh dịch vụ chất lượng cao nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách du lịch.

Bốn là, phát triển du lịch sinh thái - văn hóa - tâm linh tiếp tục là trụ cột kinh tế quan trọng. Châu Đốc sẽ phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng để đẩy nhanh tiến độ các dự án hạ tầng du lịch, như các tuyến đường ven sông, bến tàu du lịch, khu ẩm thực, khu lưu trú cộng đồng. Đồng thời, chú trọng bảo tồn, phát huy các giá trị di tích lịch sử - văn hóa gắn với tín ngưỡng Bà Chúa Xứ, miếu, chùa, làng nghề truyền thống; khuyến khích phát triển du lịch sinh thái ven sông, du lịch trải nghiệm. Song song đó, cần đẩy mạnh quảng bá, ứng dụng công nghệ số trong truyền thông du lịch, hình thành các sản phẩm du lịch thông minh để kéo dài thời gian lưu trú, gia tăng chi tiêu của khách.

Năm là, cùng với phát triển kinh tế và hạ tầng, phường Châu Đốc đặc biệt quan tâm đến nhiệm vụ xây dựng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực du lịch - dịch vụ, mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng ngoại ngữ, nghiệp vụ hướng dẫn, nghiệp vụ nhà hàng - khách sạn cho lao động địa phương; khuyến khích thanh niên khởi nghiệp, sáng tạo trong lĩnh vực du lịch và dịch vụ thương mại. Song song đó, tăng cường công tác quản lý trật tự đô thị, nâng cao ý thức văn minh thương mại, xây dựng hình ảnh con người Châu Đốc nghĩa tình, hiếu khách, qua đó tạo sức hút bền vững đối với du khách trong và ngoài nước.

Sáu là, tiếp tục củng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định trật tự trên địa bàn biên giới, tăng cường phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại; đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp, tạo môi trường đầu tư thuận lợi.

Để thực hiện đạt mục tiêu “Xây dựng Châu Đốc là đô thị trung tâm thương mại, dịch vụ tổng hợp và du lịch sinh thái ven sông vùng biên giới Tây Nam tỉnh An Giang”, đề nghị tỉnh quan tâm:

- Ưu tiên phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là các công trình trọng điểm có tính chất chiến lược như tuyến đường ven sông, bến tàu du lịch, công viên ven sông, khu ẩm thực - thương mại tổng hợp và hệ thống giao thông kết nối giữa Châu Đốc với các địa phương trong và ngoài tỉnh. Đây là nền tảng quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh của đô thị biên giới, thu hút đầu tư và thúc đẩy phát triển thương mại - dịch vụ, du lịch sinh thái một cách bền vững.

- Ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù, linh hoạt hơn trong thu hút doanh nghiệp, nhà đầu tư chiến lược; tạo điều kiện cho các tập đoàn, doanh nghiệp lớn đầu tư vào các lĩnh vực then chốt như thương mại hiện đại, logistics, dịch vụ lưu trú, vui chơi giải trí, du lịch thông minh. Đồng thời, tỉnh cần chỉ đạo đồng bộ công tác chỉnh trang đô thị theo hướng xanh - sạch - đẹp, văn minh, gắn với bảo tồn,

phát huy các di tích văn hóa - lịch sử, tín ngưỡng đặc thù của Châu Đốc, sẽ giúp Châu Đốc giữ gìn bản sắc địa phương, đồng thời gia tăng tính cạnh tranh và sức hút đối với du khách trong nước và quốc tế.

- Một vấn đề quan trọng khác là nguồn nhân lực: tập trung đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là trong các lĩnh vực du lịch, ngoại ngữ, thương mại điện tử, quản lý đô thị và dịch vụ thương mại, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị với Trung ương sớm triển khai các dự án nâng cấp, mở rộng các tuyến quốc lộ, dự án chống sạt lở bờ sông Hậu, sông Châu Đốc - vốn là thách thức lớn đối với an toàn hạ tầng và đời sống nhân dân.

*

Trong bối cảnh đất nước và tỉnh An Giang đang bước vào giai đoạn phát triển mới, với nhiều thời cơ và thách thức đan xen. Với tinh thần đoàn kết, sáng tạo, chủ động, tích cực, phường Châu Đốc quyết tâm, nêu cao ý chí tự lực, tự cường, phát huy tối đa lợi thế của địa phương, đồng thời khắc phục những tồn tại, hạn chế, đề ra những giải pháp phù hợp, khả thi để bứt phá trong thời gian tới. Đảng bộ và Nhân dân phường Châu Đốc, cam kết thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh An Giang bằng những hành động cụ thể, thiết thực và hiệu quả, góp phần hiện thực hóa mục tiêu xây dựng tỉnh nhà ngày càng giàu đẹp, văn minh, hiện đại, vững bước trên con đường hội nhập và phát triển. Với niềm tin vững chắc, sự đoàn kết thống nhất và quyết tâm chính trị, chúng tôi tin tưởng rằng Châu Đốc sẽ sớm trở thành đô thị trung tâm thương mại, dịch vụ tổng hợp và du lịch đặc sắc, là điểm đến hấp dẫn của du khách trong và ngoài nước, xứng tầm là một trong năm cực tăng trưởng của tỉnh.

PHÁT TRIỂN LONG XUYỀN THÀNH TRUNG TÂM ĐÔ THỊ, THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ, VĂN MINH, HIỆN ĐẠI, NGHĨA TÌNH

Đảng bộ phường Long Xuyên

Nhiệm kỳ qua, mặc dù còn nhiều khó khăn do tác động của đại dịch COVID-19, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiên tai, cùng với yêu cầu sáp nhập, sắp xếp đơn vị hành chính theo Nghị quyết của Trung ương, nhưng với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy, sự hỗ trợ tích cực của các sở, ban, ngành tỉnh và với tinh thần đoàn kết, quyết tâm cao của toàn Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân, phường Long Xuyên đã nỗ lực phấn đấu và đạt được nhiều thành tựu quan trọng, toàn diện trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh. Những kết quả đó đã góp phần quan trọng vào sự phát triển chung của thành phố và của tỉnh, tạo tiền đề để phường Long Xuyên bước vào giai đoạn phát triển mới, với một số điểm nổi bật như sau:

1. Kinh tế tiếp tục phát triển ổn định, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, trong đó thương mại - dịch vụ chiếm khoảng 75% tổng giá trị kinh tế của phường - Long Xuyên đã hình thành diện mạo đô thị dịch vụ trung tâm, có các trục thương mại sôi động và bước đầu phát triển kinh tế số, kinh tế đêm. Các trục đường thương mại sôi động như Trần Hưng Đạo, Hà Hoàng Hổ, Lý Thái Tổ... kết hợp hài hòa giữa chợ truyền thống và siêu thị hiện đại, tạo nên diện mạo mới cho đô thị trung tâm. Các mô hình kinh doanh trên nền tảng số, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt đã được người dân và doanh nghiệp áp dụng thành thạo, góp phần quan trọng vào xu thế phát triển kinh tế số.

- Hạ tầng đô thị tiếp tục được quan tâm đầu tư, nhiều công trình trọng điểm được triển khai như tuyến tránh Long Xuyên, cụm công nghiệp Mỹ Quý, khu công nghệ thông tin tập trung. Đáng chú ý, trên lĩnh vực đầu tư hạ tầng và phát triển dịch vụ đô thị, phường Long Xuyên đã và đang triển khai nhiều công trình trọng điểm, trong đó có Dự án Khu phức hợp nhà ở - thương mại - dịch vụ do Tập đoàn T&T làm chủ đầu tư. Đến nay, dự án đã hoàn thành giai đoạn 1 với 118 căn hộ và hạ tầng đồng bộ, sẵn sàng đưa vào vận hành. Hiện nay, tiếp tục khởi công khối khách sạn - trung tâm thương mại - trung tâm hội nghị, được xem là điểm nhấn kiến trúc tiêu biểu, mô phỏng hình ảnh Núi Cẩm - biểu tượng của vùng đất An Giang, kết hợp kiến trúc xanh đặc trưng văn hóa miệt vườn Tây Nam Bộ. Công trình này dự kiến sẽ hoàn thành vào ngày 31/12/2026, không chỉ góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ lưu trú, mua sắm, hội nghị của phường Long Xuyên mà còn tạo nên điểm nhấn kiến trúc hiện đại, góp phần quảng bá, định vị Long Xuyên - An Giang trở thành điểm đến du lịch, nghỉ dưỡng cao cấp, sánh tầm với các trung tâm dịch vụ - du lịch lớn trong khu vực.

- Công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số có nhiều đổi mới, đặc biệt là việc đưa Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) vào vận hành, góp phần

nâng cao hiệu quả quản lý đô thị, an ninh trật tự tạo nền tảng xây dựng chính quyền số, đô thị thông minh.

- Trên lĩnh vực văn hóa - xã hội: công tác an sinh được xem là điểm nhấn nổi bật. Đến nay, phường đã cơ bản xóa hộ nghèo, chỉ còn 609 hộ cận nghèo; đặc biệt, hoàn thành chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát với 100% nguồn kinh phí chủ yếu từ xã hội hóa, sớm hơn 6 tháng so với kế hoạch đề ra, được Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang đánh giá cao. Giáo dục, y tế, văn hóa phát triển khá toàn diện, trong đó 25/29 trường đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 96%, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và phúc lợi xã hội, thể hiện rõ nét tinh thần không để ai bị bỏ lại phía sau.

2. Quốc phòng - an ninh luôn được giữ vững, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh Nhân dân không ngừng được củng cố; công tác tuyên quân hằng năm đều đạt 100% chỉ tiêu. Công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội được triển khai quyết liệt, giữ vững trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội. Các phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, mô hình tự quản, tự phòng, tự bảo vệ được duy trì, phát huy hiệu quả.

3. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị tiếp tục được chú trọng, tập trung vào giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện đạo đức cách mạng, nâng cao bản lĩnh chính trị và năng lực cán bộ, đảng viên. Trong nhiệm kỳ, phường đã kết nạp 352 đảng viên mới, đạt chỉ tiêu nghị quyết, chất lượng tổ chức cơ sở Đảng được nâng lên với hơn 98% chi bộ hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ. Công tác kiểm tra, giám sát, phòng chống tham nhũng, tiêu cực được tăng cường, kịp thời chấn chỉnh hạn chế, góp phần giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương. Phong trào “Dân vận khéo” triển khai sâu rộng với 117 mô hình hiệu quả, lan tỏa trong đời sống xã hội, tạo sự đồng thuận và niềm tin của Nhân dân, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

4. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội phường tiếp tục được đổi mới nội dung, phương thức, gắn với các phong trào thi đua yêu nước, nâng cao hiệu quả vận động Nhân dân. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội hằng năm đều hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, đạt từ 99% trở lên. Các cuộc vận động lớn được triển khai đồng bộ, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Bước vào giai đoạn 2025 - 2030, trong bối cảnh hội nhập và phát triển mạnh mẽ, phường Long Xuyên được xác định là một trong ba trung tâm đô thị của tỉnh. Để thực hiện thắng lợi mục tiêu “*Phát triển Long Xuyên thành trung tâm đô thị, thương mại, dịch vụ, văn minh, hiện đại, nghĩa tình*”, Đảng bộ xác định một số nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu sau:

- Trên lĩnh vực xây dựng nguồn nhân lực và đội ngũ cán bộ, Đảng bộ phường tiếp tục thực hiện nghiêm túc công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, trẻ hóa và chuẩn hóa đội ngũ cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có phẩm chất, năng lực, uy tín, thật sự tiên phong, gương mẫu, có bản lĩnh chính trị vững vàng, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới.

- Về phát triển kinh tế, tiếp tục chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế theo hướng thương mại - dịch vụ chất lượng cao, coi đây là lĩnh vực chủ lực, mũi nhọn, ưu tiên phát triển các ngành có giá trị gia tăng cao như tài chính, ngân hàng, logistics, thương mại điện tử, du lịch sinh thái - trải nghiệm và dịch vụ y tế chất lượng cao. Cùng với đó, khuyến khích khởi nghiệp, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã; phát huy vai trò của kinh tế tư nhân theo tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị. Từng bước hình thành kinh tế số, kinh tế đêm gắn với các tuyến phố thương mại, các không gian ven sông Hậu, các trục Nguyễn Trãi, Hai Bà Trưng, Lý Thái Tổ, qua đó tăng sức hút đầu tư, kích cầu tiêu dùng, tạo động lực liên kết vùng và nâng cao vị thế đô thị trung tâm của tỉnh.

- Song song với phát triển kinh tế, phường tập trung đầu tư hạ tầng đồng bộ, hiện đại, bền vững. Đây là điều kiện tiên quyết để phát triển đô thị văn minh, hiện đại. Trọng tâm là triển khai hiệu quả các công trình, dự án trọng điểm như tuyến tránh Long Xuyên, cụm công nghiệp Mỹ Quý, dự án khu công nghệ thông tin, cải tạo rạch Cái Sơn - Bà Bầu - Ông Mạnh và các dự án chỉnh trang, mở rộng, nâng cấp đô thị trung tâm. Phường chú trọng đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư, huy động nguồn lực trong dân và doanh nghiệp cùng tham gia phát triển hạ tầng xanh, đô thị sinh thái, tăng cường cây xanh, công viên ven sông, ứng phó với biến đổi khí hậu, ngập úng, sạt lở. Đặc biệt, gắn kết hạ tầng với công nghệ thông tin hiện đại, vận hành hiệu quả Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC), phát triển hệ thống đô thị thông minh, từng bước xây dựng chính quyền số, đô thị số, kinh tế số.

- Công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số tiếp tục được đẩy mạnh, lấy sự hài lòng của Nhân dân và doanh nghiệp làm thước đo hiệu quả. Đảng bộ phường tập trung rút ngắn quy trình giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ, phát triển dịch vụ công trực tuyến mức độ cao, đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả. Đồng thời, xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu dùng chung, liên thông giữa các phường, giữa địa phương với tỉnh, nhằm hiện đại hóa nền hành chính, góp phần xây dựng chính quyền phục vụ, kiến tạo, thân thiện, hiện đại.

- Tập trung phát triển nhân lực, kinh tế, hạ tầng, phường đặc biệt quan tâm đến phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Chăm lo chu đáo cho hộ cận nghèo, gia đình chính sách, người có công, người yếu thế, bảo đảm an sinh xã hội bền vững. Đồng thời, xây dựng nếp sống văn minh đô thị, hình ảnh người Long Xuyên nghĩa tình, thân thiện, văn minh trong giao tiếp, ứng xử, kinh doanh, góp phần tạo dựng bản sắc riêng của đô thị trung tâm.

Bên cạnh các giải pháp trên, Đảng bộ phường Long Xuyên đặc biệt coi trọng nhiệm vụ quốc phòng - an ninh. Thời gian tới, tiếp tục củng cố vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh Nhân dân, phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng công an, quân sự phường trong giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tăng cường đầu tư trang thiết bị hiện đại, ứng dụng công nghệ trong giám sát an ninh, phòng chống tội phạm; xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng vũ trang, chính quyền và Nhân dân trong xử lý tình huống, nhất là ở khu vực trọng điểm, cửa ngõ giao thương. Đồng thời, phát động sâu rộng các phong

trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, nhân rộng mô hình tự quản, tự phòng, tự bảo vệ, góp phần ngăn chặn kịp thời tội phạm, tệ nạn xã hội, nhất là mục tiêu phấn đấu đến năm 2030 đạt tiêu chuẩn phường không ma túy, giữ vững bình yên cuộc sống Nhân dân, tạo môi trường an toàn, ổn định và lành mạnh để Long Xuyên phát triển bền vững.

Với phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp nêu trên, Đảng bộ phường Long Xuyên thể hiện quyết tâm chính trị cao, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, triển khai lộ trình phù hợp, khả thi, bền vững, quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng Long Xuyên trở thành đô thị trung tâm của tỉnh, văn minh, hiện đại, nghĩa tình, đóng góp xứng đáng vào sự phát triển nhanh, bền vững của tỉnh An Giang trong giai đoạn mới.

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ trong giai đoạn tới, bên cạnh sự nỗ lực, quyết tâm cao của toàn Đảng bộ và Nhân dân, Đảng bộ phường Long Xuyên kính đề nghị Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục quan tâm, hỗ trợ nguồn lực đầu tư cho các công trình, dự án trọng điểm trên địa bàn, nhất là hạ tầng giao thông, chỉnh trang đô thị, khu tái định cư, công trình phòng chống ngập úng, sạt lở, nhằm tạo động lực phát triển đô thị bền vững, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân. Đồng thời, đề nghị tỉnh sớm ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển kinh tế đêm, kinh tế số, thương mại - dịch vụ chất lượng cao, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao vị thế của Long Xuyên trong tiến trình phát triển chung của tỉnh.

Với kỳ vọng vào tiềm lực to lớn của tỉnh An Giang sau sáp nhập là tỉnh có vị trí địa chiến lược đặc biệt quan trọng, với đường bờ biển dài 200 km và tuyến biên giới hơn 148 km giáp Vương quốc Cam-pu-chia, địa hình đa dạng, thuận lợi giao thương quốc tế qua cửa khẩu quốc tế Vĩnh Xương, Tịnh Biên, Hà Tiên; không gian phát triển kinh tế được mở rộng với sự kết hợp hài hòa giữa đồng bằng, biên giới và biển đảo, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế tổng hợp, phát triển đa ngành, đa lĩnh vực. Đảng bộ và Nhân dân phường Long Xuyên nguyện nêu cao tinh thần trách nhiệm, phát huy truyền thống đoàn kết, khát vọng vươn lên, quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng Long Xuyên trở thành trung tâm đô thị - thương mại - dịch vụ của tỉnh, văn minh, hiện đại, nghĩa tình; góp phần quan trọng vào sự phát triển nhanh, bền vững của tỉnh nhà, *“Xây dựng tỉnh An Giang phát triển nhanh, bền vững, cùng đất nước bước vào kỷ nguyên mới”*.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP ĐA CANH TỔNG HỢP KHÓM - CAU - DỪA TẠI XÃ BÌNH AN

Đảng bộ xã Bình An

Đảng bộ xã hiện có 40 chi, đảng bộ trực thuộc với gần 1.000 đảng viên. Đây là lực lượng nòng cốt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Xã Bình An có diện tích tự nhiên 73,43 km², gồm 20 ấp, 245 tổ Nhân dân tự quản với dân số 13.406 hộ, gần 59.500 khẩu. Cơ cấu dân tộc đa dạng: Kinh chiếm 61,8%, Khmer 25,86%, Hoa 12,29%, dân tộc khác 0,05%, đã tạo nên bức tranh văn hóa - xã hội phong phú. Về vị trí địa lý, xã Bình An có điều kiện đặc biệt thuận lợi: vừa giáp với đô thị Rạch Giá, có trục đường Hồ Chí Minh, Quốc Lộ 63 và tuyến hành lang ven biển phía Nam đi qua và Vịnh Thái Lan. Đây là lợi thế quan trọng để phát triển công nghiệp chế biến Thủy sản, thương mại, dịch vụ; sản xuất nông nghiệp. Đặc biệt xã có 5 ấp cù lao nằm giữa hai con sông Cái Lớn và Cái Bé tổng diện tích 1.880 ha, có trên 90% đồng bào người Hoa sinh sống, kinh tế chủ đạo là nông nghiệp với ba tầng sinh thái “Khóm - Cau - Dừa”. Đây là 03 loại cây phù hợp với thổ nhưỡng, đất bãi bồi phù sa chịu được phèn mặn; gần bó hàng trăm năm với người dân Bình An là một đặc sản riêng có của tỉnh An Giang.

Khóm Tắc Cậy nổi tiếng với chất lượng, thơm, ngọt thanh đã được Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) cấp chứng nhận đăng ký nhãn hiệu tập thể “Khóm Queen Tắc Cậy” năm 2013. Năm 2018, nghề làm khóm Tắc Cậy được UBND tỉnh Kiên Giang công nhận là nghề truyền thống. Ngoài khóm trái, hiện địa phương đã có nhiều sản phẩm chế biến sâu như: khóm sấy khô, mứt khóm, bánh khóm hoa mai, nước ép khóm, rượu khóm, nước màu khóm. Đối với sản phẩm dừa chủ yếu là bán trái tươi phục vụ giải khát và dừa khô phục vụ chế biến dầu dừa ngoài ra các phụ phẩm từ vỏ dừa khô được đánh tơi làm phân bón, miềm dừa làm than đốt; cọng dừa làm chổi. Đối với cây cau trái chủ yếu là bán tươi tiêu thụ trong nước và xuất khẩu sang Trung Quốc. Ngoài ra, nơi đây còn là môi trường sinh sống đặc trưng cho nhiều loại thủy sản tự nhiên như: tép đất, cá dầy, cá sặc bươm ở vùng sông nước xung quanh Cù Lao Khóm Tắc Cậy.

Trong những năm qua, để hỗ trợ người dân duy trì sản xuất, địa phương đã mở nhiều lớp tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật, giúp giảm 10-15% chi phí sản xuất. Điển hình như hộ bà Trần Thị Lệ ở ấp Vĩnh Phú áp dụng công nghệ tưới nhỏ giọt đã nâng năng suất khóm thêm 12%/năm; hộ ông Dư Văn Thái ở ấp An Lạc- nông dân điển hình sản xuất kinh doanh giỏi với tổng thu nhập hàng năm gần 2 tỷ đồng... Hợp tác kinh tế cũng được chú trọng, trên địa bàn có 2 hợp tác xã nông nghiệp chuyên canh khóm và 6 tổ liên kết sản xuất. Các hợp tác xã, tổ hợp tác đã mạnh dạn áp dụng quy trình sản xuất VietGAP, hữu cơ, ký hợp đồng bao tiêu khóm Tắc Cậy với các doanh nghiệp chế biến, mở rộng thị trường ra các tỉnh phía Bắc và xuất khẩu. Điển hình là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Vũ Phát Đạt- Bình An; Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đặc sản Vùng miền Lê Gia - xã Châu Thành; Cơ sở chế biến rượu khóm GREENFARM - phường Rạch Giá... Thực tiễn cho thấy, việc kết hợp trồng khóm, cau và dừa trên cùng diện tích đất tạo thành mô hình đa canh tổng hợp có hiệu quả rõ rệt. Năng suất khóm bình quân đạt 23 - 25 tấn/ha/năm, cau đạt 9.500 quả/cây/năm, dừa 120 quả/cây/năm. Tính bình quân, cho thu nhập từ 150 - 200 triệu đồng/ha/năm, lợi nhuận gấp 3 lần so với trồng lúa trên cùng diện tích.

Thu nhập từ mô hình kinh tế đa canh “Khóm - Cau - Dừa” của Bình An đã đóng góp một phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế của địa phương, tạo việc làm ổn định cho hơn 5.000 lao động nông thôn; góp phần nâng cao thu nhập bình quân đầu người của xã đạt 72 triệu đồng/năm, tăng 23 triệu đồng so đầu nhiệm kỳ; thúc đẩy tinh thần đoàn kết, hỗ trợ nhau cùng phát triển. Về môi trường, đa canh giúp cân bằng sinh thái, hạn chế sâu bệnh, giảm chi phí thuốc bảo vệ thực vật, góp phần bảo vệ nguồn đất, nước.

Mặc dù đã đạt được nhiều kết quả tích cực, song việc phát triển kinh tế đa canh khóm - cau - dừa tại xã Bình An vẫn còn bộc lộ những tồn tại, hạn chế: Quy mô sản xuất nhiều hộ còn nhỏ lẻ, manh mún, chưa liên kết sản xuất để tạo được vùng chuyên canh lớn, khó tạo lợi thế cạnh tranh. Công tác chế biến, bảo quản sau thu hoạch còn hạn chế; phụ thuộc nhiều vào thị trường tiêu thụ tươi, dễ bị ép giá khi nguồn cung dư thừa. Nhiều phụ phẩm chưa được khai thác triệt để như lá khóm, mo cau; thân gỗ dừa cau, còn lãng phí nguồn tài nguyên. Hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng chưa được đầu tư đồng bộ, ảnh hưởng đến sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Ứng dụng khoa học công nghệ cao mới ở mức bước đầu, chưa đồng đều giữa các hộ nông dân. Liên kết sản xuất - tiêu thụ chưa chặt chẽ, chưa phát huy được lợi thế du lịch sinh thái gắn với nông nghiệp.

Nguyên nhân chủ yếu là do nguồn lực đầu tư còn hạn chế; trình độ sản xuất của nông dân chưa đồng đều; thị trường tiêu thụ bấp bênh; một số cơ chế, chính sách hỗ trợ chậm đi vào thực tiễn.

Nhiệm kỳ 2025 - 2030, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Bình An xác định: Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ; phát huy sức mạnh của toàn dân, huy động tối đa nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh về vị trí địa lý phát triển công nghiệp, thương mại - dịch vụ; đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp tăng giá trị sản xuất và lợi nhuận gắn với bảo vệ môi trường. Phát triển văn hóa - xã hội phục vụ tốt đời sống tinh thần của người dân; xây dựng con người Bình An đoàn kết, năng động, nghĩa tình và giữ gìn phát huy các giá trị truyền thống của dân tộc. Đẩy mạnh tư vấn, giới thiệu việc làm; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững. Giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng chống có hiệu quả các loại tội phạm và tệ nạn xã hội. Phấn đấu đến năm 2030 xã đạt chuẩn đô thị loại V.

Trong gian tới, để phát triển mô hình “Khóm - Cau - Dừa” trở thành đặc sản của Bình An về sản phẩm nông nghiệp, du lịch sinh thái, xã Bình An xác định tập trung thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp:

Thứ nhất, quy hoạch và mở rộng vùng sản xuất tập trung. Hoàn thiện quy hoạch vùng sản xuất đa canh khóm - cau - dừa, phấn đấu đến năm 2030 đạt trên 2.000 ha, gắn với đầu tư đồng bộ hạ tầng thủy lợi, giao thông, điện, nước phục vụ sản xuất.

Thứ hai, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số. Đẩy mạnh ứng dụng giống mới, tưới thông minh, phân bón hữu cơ; triển khai truy xuất nguồn gốc điện tử; xây dựng cơ sở dữ liệu sản xuất - tiêu thụ gắn với chuyển đổi số nông nghiệp.

Thứ ba, liên kết chuỗi giá trị và chế biến sâu. Khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất, tạo điều kiện kêu gọi các doanh nghiệp xây dựng nhà máy chế biến khóm, cau, dừa; nâng cao giá trị gia tăng, đa dạng hóa sản phẩm.

Thứ tư, xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường. Hoàn thiện bao bì, nhãn mác; đạt chứng nhận VietGAP; sản phẩm OCOP, tăng cường xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, đưa khóm Tắc Cậu, cau, dừa Bình An vươn xa thị trường trong và ngoài nước.

Thứ năm, huy động nguồn lực và đào tạo nhân lực. Tận dụng các nguồn vốn ưu đãi, vốn tín dụng chính sách; khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức xã hội đầu tư vào nông nghiệp. Đẩy mạnh đào tạo thế hệ trẻ kỹ năng quản trị, thương mại điện tử, khởi nghiệp nông nghiệp.

Thứ sáu, gắn với xây dựng nông thôn mới và đô thị loại V. Kết hợp phát triển kinh tế đa canh với xây dựng nông thôn mới nâng cao, tiến tới đô thị loại V. Đồng thời, khai thác tiềm năng phát triển du lịch sinh thái dưới tầng sinh thái khóm - cau - dừa, phát huy bản sắc văn hoá của đồng bào người Hoa ở khu vực Tắc Cậu - Bình An.

Để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ trên, ngoài nguồn lực của địa phương, trong nhiệm kỳ 2025 - 2030 xã Bình An kính đề nghị:

- Đối với Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang: Ưu tiên bố trí vốn đầu tư hoàn thiện hệ thống đê bao ngăn triều cường, đầu tư hệ thống nước sạch giao thông nội đồng toàn bộ khu vực các ấp cù lao Tắc Cậu - Vĩnh Phú - Vĩnh Quới. Hỗ trợ tín dụng, khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong nông nghiệp. Tăng cường xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm OCOP của địa phương.

- Đối với các bộ, ngành Trung ương: Có chính sách hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu gắn với chế biến sâu; mở rộng thị trường xuất khẩu khóm, cau, dừa; ưu tiên các dự án nghiên cứu, chuyển giao công nghệ cho nông dân.

Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân xã Bình An thống nhất cao với các mục tiêu phát triển của tỉnh nhà trong giai đoạn mới, trong đó có xã Bình An. Nếu được tỉnh đầu tư đúng mức, cùng với sự tự lực tự cường của người dân, chúng tôi tin tưởng, mô hình kinh tế đa canh Khóm - Cau - Dừa của xã Bình An sẽ có sự chuyên môn, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh An Giang nhiệm kỳ 2025 - 2030.

XÂY DỰNG VÙNG NGUYÊN LIỆU TÔM SINH THÁI - LÚA HỮU CƠ ĐẠT CHUẨN TẠI XÃ ĐÔNG HÒA

Đảng bộ xã Đông Hòa

Xã Đông Hòa có diện tích tự nhiên là 15.248,01 ha; trong đó diện tích sản xuất nông nghiệp thủy sản là 12.403 ha, có 14 hợp tác xã và 61 tổ hợp tác nông nghiệp sản xuất theo mô hình luân canh lúa - tôm. Hiện nay, trên địa bàn xã có tổng diện tích tôm đã đạt chứng nhận (ASC) 259 hộ, 321 ao; 824,6 ha là diện tích tôm sú được nuôi trên đất lúa đạt chứng nhận ASC đầu tiên tại xã Đông Hòa (*ngày 10/01/2025, mô hình lúa - tôm sú đã được Hội đồng quản lý nuôi trồng thủy sản - Aquaculture Stewardship Council cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn quốc tế, chứng nhận ASC về tôm sạch*). Các hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn cũng đã chủ động liên kết ký hợp đồng tiêu thụ lúa với các công ty gồm các giống lúa ST25, ST24, dài thơm 8 với mức giá thu mua cao, giúp tăng lợi nhuận cho nông dân.

Xã Đông Hòa đã triển khai thành công mô hình nuôi tôm sinh thái kết hợp sản xuất lúa hữu cơ đạt chuẩn, tạo ra vùng nguyên liệu ổn định với diện tích lớn, đáp ứng tiêu chuẩn về chất lượng và an toàn thực phẩm theo các quy định hiện hành. Mô hình này không chỉ là mô hình kinh tế trọng điểm của địa phương mà còn góp phần quan trọng vào việc phát triển nền nông nghiệp bền vững, thân thiện với môi trường, nâng cao giá trị sản phẩm và cải thiện đời sống người dân.

Mô hình “con tôm ôm cây lúa” đã phát huy mạnh mẽ ưu điểm của sự cộng sinh giữa cây lúa và con tôm: Tôm phát triển trong vùng ruộng lúa giúp cung cấp phân bón hữu cơ tự nhiên cho cây lúa; đồng thời cây lúa cũng góp phần làm sạch môi trường nước, hạn chế sâu bệnh cho tôm và cải tạo đất. Do đó, mô hình giúp giảm thiểu việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón hóa học, bảo vệ môi trường sinh thái vùng ngập mặn.

Theo số liệu thống kê, vụ lúa mùa năm 2024 - 2025 trên vùng đất lúa-tôm xuống giống khoảng 27.000 ha. Diện tích áp dụng canh tác lúa hữu cơ chiếm khoảng 1.300 ha, trong đó hơn 50% được các doanh nghiệp bao tiêu đầu ra với giá cao hơn thị trường từ 100 - 300 đồng/kg. Năng suất lúa đạt từ 6-7 tấn/ha, tôm sú nuôi xen canh đạt từ 2 - 3 tấn/ha. Tổng thu nhập từ mô hình lúa - tôm có thể đạt khoảng 100 - 130 triệu đồng/ha/năm, gấp gần 2 lần so với sản xuất truyền thống.

Bên cạnh năng suất tăng, chất lượng sản phẩm ngày càng nâng cao, đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu, đặc biệt là các thị trường đòi hỏi tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm cao. Nhiều diện tích đã được cấp chứng nhận hữu cơ, nhờ đó thương hiệu “tôm lúa Đông Hòa” ngày càng được khẳng định trên thị trường. Việc duy trì và bảo vệ môi trường sinh thái cũng được chú trọng sâu sắc. Mô hình góp phần bảo vệ hệ sinh thái vùng ngập mặn, tạo điều kiện thuận lợi cho đa dạng sinh học và nâng cao chất lượng đất sản xuất. Mô hình khắc phục được

tình trạng suy thoái đất do canh tác đơn giản lâu năm, bảo đảm phát triển bền vững vùng sản xuất.

Mặc dù đã đạt nhiều kết quả tích cực, xã Đông Hòa vẫn còn tồn tại một số hạn chế ảnh hưởng đến phát triển bền vững mô hình như:

- Một số diện tích vùng nguyên liệu chưa được quy hoạch khoa học và đồng bộ, gây ra manh mún, phân tán, làm giảm hiệu quả quản lý và sản xuất. Việc thiếu liên kết giữa các hộ nông dân, doanh nghiệp và cơ quan chức năng làm suy giảm khả năng xây dựng chuỗi giá trị.

- Nguồn lực đầu tư công nghệ, chuyên gia kỹ thuật hiện đại còn chưa đáp ứng đủ nhu cầu mở rộng và tối ưu mô hình, nhất là trong các khâu quản lý dịch bệnh, kiểm soát chất lượng và áp dụng kỹ thuật canh tác hữu cơ. Việc chưa phổ biến thường xuyên các lớp tập huấn và hỗ trợ kỹ thuật làm giảm tính ứng dụng khoa học vào sản xuất.

- Ngoài ra, những tác động từ biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn ngày càng gia tăng cũng tạo ra nhiều thách thức trong duy trì ổn định sản xuất tôm và lúa trên vùng đất mặn phức tạp như Đông Hòa.

3. Kinh nghiệm rút ra

Sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền địa phương, các cơ quan chuyên môn, doanh nghiệp và người dân là điều kiện quyết định để mô hình hoạt động hiệu quả và bền vững.

Việc áp dụng khoa học kỹ thuật hiện đại, cải tiến kỹ thuật nuôi, trồng hữu cơ đi đôi với tập huấn, đào tạo nâng cao nhận thức, kỹ năng cho nông dân là phương thức quan trọng để thúc đẩy sản xuất nâng cao chất lượng và năng suất.

Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ chặt chẽ giúp tránh tình trạng bị ép giá, tăng lợi nhuận cho nông dân. Đây cũng là cách bảo đảm phát triển sản xuất ổn định, lâu dài và thuận lợi trong xuất khẩu.

Những bài học này không chỉ có ý nghĩa đối với xã Đông Hòa mà còn là kinh nghiệm quý báu để nhân rộng mô hình ra các vùng nguyên liệu khác trong tỉnh và khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

II- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục quy hoạch nâng cao chất lượng vùng nguyên liệu tôm sinh thái và lúa hữu cơ theo hướng bền vững, đảm bảo tính đồng bộ và khả năng mở rộng sản xuất

Xã Đông Hòa cần phối hợp cùng các ngành cấp tỉnh, ngành nông nghiệp và các chuyên gia để xây dựng quy hoạch chi tiết vùng nguyên liệu tôm sinh thái - lúa hữu cơ với hệ thống đồng bộ từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ, đạt chuẩn chất lượng cao.

Dựa theo kế hoạch phát triển của tỉnh An Giang và vùng Đồng bằng sông Cửu Long, mô hình lúa - tôm hữu cơ dự kiến sẽ được mở rộng song song với các Đề án phát triển bền vững 01 triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao đến năm

2030. Đây là mô hình sản xuất mới, được thí điểm trong Đề án tại tỉnh An Giang với nhiệm vụ trọng tâm là đưa những tiến bộ kỹ thuật và những công nghệ mới vào quy trình sản xuất. Qua đó, giúp nông dân canh tác lúa chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính, tăng thu nhập và đóng góp vào tăng trưởng xanh của ngành nông nghiệp.

2. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, tăng cường đào tạo, tập huấn cho người dân về kỹ thuật nuôi trồng đạt chuẩn

Tăng cường hợp tác với các đơn vị nghiên cứu, các trung tâm khuyến nông để chuyển giao nhanh chóng các quy trình nuôi tôm sinh thái và sản xuất lúa hữu cơ tiên tiến, giảm phát thải và thích ứng biến đổi khí hậu.

Tổ chức định kỳ các lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ thuật cho nông dân, đặc biệt là các kỹ thuật lựa chọn giống chất lượng, kiểm soát dịch bệnh thủy sản trong mô hình sinh thái và kỹ thuật gieo trồng lúa hữu cơ đồng bộ.

Khuyến khích ứng dụng công nghệ cao như sử dụng drone phun thuốc, quản lý nước bằng công nghệ thông minh, đồng thời áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm minh bạch để tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

3. Phát triển các mô hình liên kết chuỗi giá trị, nâng cao khâu chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm

Xây dựng các liên kết 4 nhà (nhà nước - nhà khoa học - nhà doanh nghiệp - nhà nông) để xây dựng chuỗi giá trị bền vững, bảo đảm đầu ra ổn định và tăng giá trị gia tăng cho sản phẩm tôm sinh thái và lúa hữu cơ.

Đầu tư phát triển hệ thống chế biến tập trung nhằm nâng cao chất lượng, kéo dài thời gian bảo quản, đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

Mở rộng thị trường tiêu thụ, đẩy mạnh quảng bá thương hiệu “Tôm - Lúa Đồng Hòa”, đồng thời xây dựng các mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác phục vụ tiêu thụ sản phẩm của nông dân theo chuẩn hữu cơ, sạch.

4. Huy động nguồn lực hỗ trợ đầu tư, phát triển hạ tầng phục vụ sản xuất tại các vùng nguyên liệu trọng điểm

Cần kêu gọi đầu tư hợp tác công tư (PPP) và các nguồn vốn ưu đãi từ chính phủ, tổ chức quốc tế để phát triển hạ tầng phục vụ sản xuất, đặc biệt là hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng, kho lạnh bảo quản, trung tâm logistics cho vùng sản xuất.

Tỉnh và các ngành cần hỗ trợ kinh phí triển khai các đề án ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư sản xuất và hoàn thiện chuỗi giá trị.

Đẩy mạnh các mô hình hợp tác xã kiểu mới có đủ năng lực tiếp cận vốn, công nghệ và thị trường để phát triển vùng nguyên liệu quy mô lớn, bền vững.

5. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường sinh thái, bảo đảm phát triển bền vững vùng nông nghiệp sạch

Thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất tôm sinh thái và lúa hữu cơ, kiểm soát tốt các yếu tố gây ô nhiễm nguồn nước, đất và không khí.

Triển khai các biện pháp cải tạo đất, phục hồi chức năng vùng ngập mặn và duy trì đa dạng sinh học, góp phần nâng cao sức chống chịu của hệ sinh thái trước biến đổi khí hậu ngày càng gay gắt.

Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò của bảo vệ môi trường trong phát triển nông nghiệp bền vững, khuyến khích người dân áp dụng các biện pháp sản xuất sạch và hữu cơ.

Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định bảo vệ môi trường, đảm bảo nước, đất và không khí tại các vùng sản xuất tôm - lúa luôn sạch. Áp dụng hệ thống quan trắc môi trường hiện đại để phát hiện và xử lý kịp thời các nguy cơ ô nhiễm.

Xây dựng các trạm xử lý nước thải sinh học tại các vùng nguyên liệu trọng điểm, tái sử dụng chất thải hữu cơ làm phân bón, giảm thiểu tác động đến môi trường.

Tăng cường giám sát, xử lý nghiêm các hành vi gây ô nhiễm, đảm bảo sản xuất tôm sinh thái và lúa hữu cơ đạt tiêu chuẩn sạch.

III- ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh

Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh cần tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi về chính sách, cơ chế nhằm thúc đẩy phát triển sự nghiệp nông nghiệp sinh thái nói chung, đặc biệt là mô hình vùng nguyên liệu tôm sinh thái - lúa hữu cơ tại xã Đông Hòa. Cần bố trí nguồn lực tài chính ưu đãi hỗ trợ trực tiếp người dân và các tổ chức sản xuất, nhằm mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả mô hình.

Hỗ trợ kỹ thuật và hướng dẫn quy trình sản xuất chuẩn theo tiêu chuẩn hữu cơ và sinh thái quốc tế, giúp nông dân cải tiến công nghệ, nâng cao giá trị sản phẩm và khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

Tăng cường đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất tại vùng nguyên liệu trọng điểm như giao thông nội đồng, hệ thống thủy lợi, nhà kho bảo quản, trung tâm kiểm soát dịch bệnh và phát triển logistics phục vụ tiêu thụ.

Triển khai các chương trình đào tạo, tập huấn kỹ thuật quy mô lớn, nâng cao năng lực sản xuất và quản lý cho các hợp tác xã, tổ hợp tác và nông dân, bảo đảm tính hiện đại và bền vững trong phát triển vùng nguyên liệu.

2. Với ban, bộ, ngành Trung ương

Đề nghị Trung ương rà soát và ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ ưu tiên phát triển mô hình kinh tế nông nghiệp tuần hoàn, sinh thái, thân thiện môi trường tại các vùng nguyên liệu trọng điểm của tỉnh An Giang và khu vực đồng bằng sông Cửu Long nói chung và trên địa bàn xã Đông Hòa nói riêng. Chính sách tín dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư công nghệ cao và trợ giá cho sản phẩm sạch sẽ là động lực quan trọng giúp địa phương phát triển bền vững mô hình này.

Hỗ trợ kỹ thuật và nguồn lực đầu tư từ các chương trình quốc gia, dự án quốc tế phục vụ nghiên cứu, chuyên gia và áp dụng công nghệ cao trong sản xuất tôm sinh thái và lúa hữu cơ, bao gồm công nghệ quản lý nước, giống tôm - lúa, kiểm soát dịch bệnh và bảo vệ môi trường.

Hỗ trợ xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc, đánh giá chất lượng sản phẩm đạt chuẩn quốc tế, tạo thuận lợi xúc tiến thương mại, xuất khẩu, nâng tầm thương hiệu sản phẩm tôm lúa của An Giang trên thị trường thế giới.

Với quyết tâm chính trị và tinh thần đoàn kết, toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân xã Đông Hòa cam kết thực hiện thành công chiến lược xây dựng vùng nguyên liệu tôm sinh thái - lúa hữu cơ, góp phần tạo nên một bước đột phá trong phát triển kinh tế nông nghiệp bền vững của địa phương. Chúng tôi nhận thức rõ rằng, mô hình sản xuất tôm sinh thái kết hợp lúa hữu cơ không chỉ mang lại giá trị kinh tế cao mà còn bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống và khẳng định thương hiệu nông sản sạch của xã Đông Hòa trên thị trường trong nước và quốc tế.

Bằng sự đồng lòng và trách nhiệm, từ đội ngũ lãnh đạo đến từng người dân, xã Đông Hòa sẽ tập trung đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, tối ưu hóa các nguồn lực, đồng thời xây dựng chuỗi giá trị bền vững từ sản xuất đến tiêu thụ. Mỗi giọt mồ hôi, mỗi ý tưởng sáng tạo và mỗi hành động cụ thể của cộng đồng sẽ là nền tảng để biến vùng đất Đông Hòa thành một biểu tượng của nông nghiệp sinh thái hiện đại, nơi con tôm và cây lúa cùng phát triển hài hòa, mang lại lợi ích lâu dài cho con người và môi trường.

PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LÚA HỮU CƠ TRÊN NỀN ĐẤT TÔM GẮN VỚI LIÊN KẾT TIÊU THỤ CHUỖI GIÁ TRỊ TẠI XÃ AN BIÊN

Đảng bộ xã An Biên

Sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, xã An Biên được thành lập (từ xã Đông Yên, Hưng Yên và Thị Trấn Thứ 3) với diện tích tự nhiên 11.827 ha, trong đó diện tích sản xuất nông nghiệp 10.526 ha. Dân số toàn xã có 10.413 hộ với 40.292 khẩu tại địa phương, gồm 3 dân tộc chính: Kinh, Khmer và Hoa, xã có 24 ấp và 203 tổ nhân dân tự quản.

Thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Đề án 01 triệu ha lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long; kế hoạch thực hiện Chiến lược trồng trọt đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050, những năm qua và nhất là trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, xã đã tập trung chỉ đạo xây dựng kế hoạch đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp phù hợp với đặc điểm điều kiện tự nhiên và phát huy hiệu quả các nguồn tài nguyên; chuyển đổi sản xuất theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đồng thời rà soát, điều chỉnh quy hoạch sản xuất, xây dựng các tiểu vùng sản xuất chuyên canh tập trung, qua đó đã hình thành 2 tiểu vùng sản xuất đặc trưng: Tiểu vùng lúa - nuôi trồng thủy sản nước lợ: Tập trung phát triển mô hình lúa - tôm theo hướng sạch, hữu cơ, VietGap. Tiểu vùng chuyên canh sản xuất lúa 02 vụ kết hợp nuôi các loài thủy sản nước ngọt, trồng lúa chất lượng cao, rau, màu, cây ăn trái kết hợp.

Để phát huy hiệu quả các mô hình sản xuất, hiệu quả cao, cùng với công tác quy hoạch xã xác định việc tổ chức sản xuất là khâu quan trọng từ đó chỉ đạo phát triển nâng cao chất lượng hợp tác xã, gắn với liên kết sản xuất đến nay xã đã có 21 hợp tác xã nông nghiệp (03 hợp tác xã tôm - lúa). Đa số các hợp tác xã hoạt động khá tốt vai trò cầu nối cho các thành viên, như: cung ứng giống, cây trồng, vật tư nông nghiệp, theo hình thức mua chung, bán chung, chia sẻ kỹ thuật, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Đồng thời, tăng cường hỗ trợ hướng dẫn khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ, cơ giới vào sản xuất. Đã tổ chức 88 lớp tập huấn kỹ thuật, xây dựng 14 cánh đồng lớn, ứng dụng giống mới, quy trình tiên bộ kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, chuyển đổi tư duy Người nông dân từ “sản xuất nông nghiệp” sang “kinh tế nông nghiệp”.

Hàng năm, xã quan tâm rà soát đề xuất danh mục đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất gắn với xây dựng nông thôn mới và phục vụ dân sinh, nhất là nâng cấp đê bao, hạ tầng thủy lợi, giao thông, điện. Từ đó, mô hình phát triển sản xuất lúa sạch, lúa chất lượng cao trên nền đất tôm với diện tích 4.759 ha, năng suất bình quân đạt từ 6 - 7 tấn/ha. Để có được năng suất và hiệu quả đem lại lúa chất lượng cao, hàng năm đều có tập huấn hướng dẫn về kỹ thuật canh tác như: chọn giống lúa đạt chất lượng, năng suất cao, cải tạo đất, quản lý nguồn nước, quy trình canh tác “4 đúng”, “3 giảm 3 tăng”, “1 phải 5 giảm” kỹ thuật tưới “Nông - Lợ - Phơi”... Những giải

pháp, quy trình kỹ thuật đồng bộ này, đã và đang mang lại nhiều lợi ích trong thực tiễn, giúp tăng năng suất và chất lượng sản phẩm, tăng giá trị nông sản, giảm chi phí sản xuất và giảm gây ô nhiễm môi trường. Điều đó giúp nâng cao, năng lực cạnh tranh, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, chủ động làm cầu nối để nông dân thực hiện liên kết sản xuất thông qua các hợp tác xã, cánh đồng lớn với công ty, doanh nghiệp trong việc cung cấp các loại vật tư nông nghiệp đầu vào cũng như bao tiêu sản phẩm khi đến kỳ thu hoạch, đảm bảo lợi nhuận cho nông dân. Có được áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, quy trình sản xuất đảm bảo an toàn và sạch, giống chất lượng cao... Qua đó, trên địa bàn xã đã xây dựng được nhãn hiệu Gạo sạch Anh Thoại liên kết sản xuất trên nền đất Tôm - Lúa, được UBND tỉnh công nhận sản phẩm OCOP 3 sao, hướng sắp tới sẽ cải thiện để nâng lên 4 sao.

Để nâng cao giá trị, xã cũng đã tập trung chỉ đạo thực hiện chương trình lúa hữu cơ trên nền đất nuôi tôm, bước đầu đã chọn hợp tác xã nông nghiệp Hưng Nông ấp Lô 15A để thực hiện thí điểm với diện tích 50ha với 35 hộ tham gia, giống: ST24, ST25; gieo sạ 100kg/ha, cơ bản qua 02 vụ triển khai thực hiện (2023, 2024) đã mang lại kết quả khả quan, các yếu tố đầu vào được kiểm soát chặt chẽ. Năng suất bình quân 6,0 tấn/ha, cao hơn đối chứng 0,2 tấn/ha; giá bán: 7.500 đ/kg (cao hơn 200đ so với ngoài mô hình); lợi nhuận: 26,12 triệu đồng/ha, cao hơn đối chứng 2,65 triệu đồng/ha. Hiệu quả mô hình này mang lại là giúp nông dân giảm lượng giống, giảm thuốc bảo vệ thực vật (giảm 2,5 lần phun xịt); hình thành vùng sản xuất tập trung, sản lượng 300 tấn/năm; sử dụng phân hữu cơ, thuốc sinh học không gây tác động xấu đến môi trường. Xây dựng liên kết “4 nhà”: Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà nông - Doanh nghiệp. Mô hình này chứng minh sản xuất hữu cơ vừa hiệu quả về kinh tế, vừa thân thiện môi trường. Năng suất không giảm nhiều so với sản xuất thường, nhưng giá trị gia tăng và lợi nhuận cao hơn. Đây là nền tảng để nhân rộng, xây dựng thương hiệu gạo hữu cơ gắn OCOP và thương mại sản phẩm. Bước đầu các yếu tố theo yêu cầu sản xuất lúa hữu cơ đáp ứng đạt, trong vụ mùa 2025 này sẽ tiếp tục thực hiện và lấy mẫu kiểm tra các tiêu chuẩn theo quy định.

Trong thời gian tới, xã tiến hành triển khai từ các mô hình sản xuất lúa cánh đồng lớn, lúa sạch đã có hiệu quả trong thời gian qua, thành mô hình sản xuất lúa hữu cơ trên nền đất tôm để góp phần tái tạo đất và giảm thiểu tác động đến môi trường, giảm phát thải tăng thu nhập cho người nông dân, thực hiện tốt kế hoạch hành động quốc gia về kinh tế tuần hoàn và giảm phát thải, giảm bớt nhu cầu về tài nguyên và tác động đến sinh thái ngành nông nghiệp của xã An Biên nói riêng và tỉnh An Giang nói chung. Đồng thời, để sản xuất lúa hữu cơ được phát triển mạnh trong thời gian tới, chúng ta cần quan tâm một số giải pháp như:

Thứ nhất, Nhà nước cần ban hành các chính sách cụ thể, để hỗ trợ nông nghiệp hữu cơ phát triển. Các chính sách nên tập trung vào quy hoạch, bảo vệ đất đai và nguồn nước hiện chưa hoặc ít bị ô nhiễm, vẫn còn thích hợp cho sản xuất nông nghiệp hữu cơ; hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn sản xuất, chế biến, chứng nhận chất lượng, thanh tra, giám sát liên quan đến nông nghiệp hữu cơ; sản xuất nông nghiệp hữu cơ cũng cần các yếu tố đầu vào phải đảm bảo. Phần lớn các

loại phân bón hữu cơ đều mua hoặc nhập khẩu, làm tăng cao chi phí sản xuất cho người dân. Về thương hiệu, giúp đỡ nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp xây dựng thương hiệu, phát triển thị trường và quảng bá sản phẩm.

Thứ hai, về kỹ thuật sản xuất, nông hộ cần phải kiểm soát và tuân thủ sản xuất theo kỹ thuật tiên tiến an toàn thực phẩm, có chứng nhận và nên thống nhất trong quy trình sản xuất để có thể đảm bảo chất lượng và năng suất lúa. Thúc đẩy việc chuyển đổi các giống lúa có chất lượng cao vào sản xuất đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và nước ngoài. Bên cạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, quy trình tiên bộ kỹ thuật vào sản xuất và kiểm soát chất lượng sản phẩm.

Thứ ba, quy hoạch đầu tư hạ tầng đồng bộ, vừa nâng cao hiệu quả sản xuất, vừa thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Cụ thể đối với xã tiếp tục hoàn thiện các hệ thống thủy lợi nhỏ, giao thôn nông thôn, giao thông nội đồng giúp gắn kết với vùng trồng; đồng thời kiên nghị tỉnh nâng cấp đê bao vùng hạ lưu Cống Cái Lớn, kêu gọi đầu tư các ngành nghề chế biến lương thực, thực phẩm, chế biến phụ phẩm...

Thứ tư, về tổ chức lại sản xuất, tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của 21 hợp tác xã và 25 tổ hợp tác hiện có, mở rộng quy mô, nâng cao năng lực quản lý, áp dụng mô hình quản trị hiện đại; củng cố và mở rộng vùng chuyên canh lúa đặc sản, tiếp tục cải tạo đất, chuyển những diện tích sản xuất lúa vô cơ sang sản xuất lúa theo hướng hữu cơ, với sản lượng lớn đảm bảo nhu cầu xuất khẩu, sản xuất hàng hóa. Liên kết sản xuất, thành lập các hợp tác xã sản xuất và tiêu thụ lúa đủ mạnh để góp phần bình ổn giá, bảo vệ quyền lợi cho các nông dân và đáp ứng yêu cầu của Doanh nghiệp về số lượng, chất lượng. Đặc biệt hỗ trợ nâng cao chất lượng chuỗi giá trị lúa - gạo hữu cơ, đa dạng các sản phẩm thương mại, dịch vụ, sản phẩm OCOP từ quá trình sản xuất lúa chất lượng cao, sạch, hữu cơ.

Thứ năm, về thị trường, Nhà nước nên có biện pháp bảo vệ các thương hiệu lúa hữu cơ đã đăng ký trong ngành hàng lúa - gạo. Xây dựng chiến lược nâng cao chất lượng sản phẩm kết hợp với chiến lược về thị trường trong và ngoài nước cho lúa hữu cơ trên địa bàn tỉnh ta nói chung. Tăng cường kêu gọi các doanh nghiệp xây dựng các nhà máy chế biến, xuất khẩu lúa hữu cơ và lúa theo hướng hữu cơ tại các khu tập trung. Hạn chế các trường hợp sản xuất hàng hóa không đúng theo các tiêu chuẩn đã đăng ký cho thương hiệu đồng thời có biện pháp trợ giá hoặc cơ chế thị trường đặc thù cho sản phẩm lúa hữu cơ.

Canh tác lúa theo tiêu chuẩn hữu cơ đang từng bước khẳng định được hiệu quả. Do đó, việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền thay đổi dần nhận thức và tập quán sản xuất của nông dân về lợi ích sản xuất lúa theo hướng hữu cơ, hướng đến phát triển nông nghiệp sạch, xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và kết nối bền vững với chuỗi giá trị nông sản... là xu hướng tất yếu trong giai đoạn hiện nay, hướng tới sản xuất bền vững, tạo ra sản phẩm lúa gạo có chất lượng, giá trị cao. Từ đó, Nghị quyết Đại hội xã An Biên nhiệm kỳ 2025 - 2030 xác định: Phát triển vùng sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp và tăng trưởng xanh (1.500 ha); vùng sản xuất lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản theo hướng sạch, hữu cơ; nâng cao chất lượng chuỗi giá trị nông sản và kết hợp phát triển công đồng nông thôn.

PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LÚA CHẤT LƯỢNG CAO, PHÁT THẢI THẤP TẠI XÃ HÒN ĐẤT, HƯỚNG TỚI NÔNG NGHIỆP XANH, BỀN VỮNG

Đảng bộ xã Hòn Đất

Xã Hòn Đất được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Thổ Sơn, Nam Thái Sơn, Linh Huỳnh và thị trấn Hòn Đất theo Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15, ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Sau khi thành lập, xã Hòn Đất có diện tích đất tự nhiên 281,70 km², dân số trên 61.000 nhân khẩu, gồm các dân tộc: Kinh, Hoa, Khmer... sinh sống trên địa bàn 25 ấp. Có 06 tôn giáo đang hoạt động, gồm: Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Phật giáo Hòa Hảo, Cao Đài; 13 cơ sở giáo dục công lập. Hệ thống giao thông tương đối thuận lợi với Quốc lộ 80, đường hành lang ven biển, cơ sở hạ tầng kỹ thuật đáp ứng cho nhu cầu thiết yếu của Nhân dân. Trên địa bàn xã có Di tích lịch sử - thắng cảnh Quốc gia Ba Hòn và Di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh Chùa Champa Hòn Sóc. Đảng bộ xã có 09 tổ chức cơ sở đảng, 38 chi bộ trực thuộc Đảng ủy xã với 1.573 đảng viên, chiếm 2,56% dân số toàn xã.

Hòn Đất là một trong những địa phương có tiềm năng, thế mạnh về nông nghiệp, với 19.933 ha đất trồng lúa, sản lượng 247.169 tấn/năm. Hòn Đất có vai trò đặc biệt quan trọng trong đảm bảo an ninh lương thực và phục vụ cho xuất khẩu của tỉnh An Giang.

Để chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và khắc phục khó khăn trong sản xuất nông nghiệp, biến thách thức thành cơ hội đồng thời thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh và Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ 2020 - 2025, Đảng bộ xã đã ban hành các Nghị quyết về đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp đồng bộ phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030 và gắn với xây dựng nông thôn mới để triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Quan tâm chỉ đạo toàn diện về phát triển nông nghiệp của xã, theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn. Đẩy mạnh phát triển vùng sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất, từng bước khai thác tốt hơn tiềm năng, lợi thế của từng tiểu vùng, tạo ra các sản phẩm có giá trị cao, đa dạng hóa; thu nhập, mức sống của người nông dân ngày càng được nâng lên.

Trong 5 năm qua, bằng nhiều hình thức tuyên truyền, cả hệ thống chính trị đã vận động Nhân dân dần thay đổi tập quán sản xuất, từ sản xuất truyền thống, riêng lẻ sang sản xuất có liên kết, theo điều kiện hiện có và nhu cầu thị trường; từ sử dụng giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng thấp sang sử dụng giống có năng suất, chất lượng cao. Đồng thời, kêu gọi được một số doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất như: Quy hoạch, đăng ký tham gia Đề án 1 triệu ha lúa chất lượng cao gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long trên địa bàn xã với diện tích hơn 1.450 ha

và phân đầu đạt trên 12.000 ha vào năm 2030. Hiện nay toàn xã có 5.100 ha canh tác lúa áp dụng “3 giảm 3 tăng”/năm, 4.912 ha diện tích áp dụng “1 phải 5 giảm”/năm; trên 98% diện tích đã chuyển sang giống lúa chất lượng cao như ST24, ST25, OM 5451, OM 18, Đài Thơm 8, Jasmine 85... lượng giống sử dụng chỉ từ 80 đến 90 kg/ha, năng suất lúa đạt 6,5 tấn/ha, tăng 5 đến 10% so với sản xuất ngoài mô hình; sản lượng hàng năm trên 247.169 tấn, giảm 30 - 50% lượng nước tưới, giảm phát thải khí metan từ 20 - 25%; giảm phân bón hóa học trung bình 15 - 20%, thuốc bảo vệ thực vật giảm 25%, giảm thất thoát sau thu hoạch xuống dưới 5%, giúp nông dân tiết kiệm và tăng thu nhập khoảng 3 - 3,5 triệu đồng/ha/vụ. Đồng thời, ký kết hợp đồng bao tiêu với một số doanh nghiệp, hợp tác xã trong và ngoài địa bàn, giá bán cao hơn thị trường từ 200 - 400 đồng/kg.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy việc phát triển sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp vẫn chưa thật sự tương xứng với tiềm năng, lợi thế của xã. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp trên tổng diện tích đất canh tác thấp (7,2%). Công tác khuyến nông, chuyển giao kỹ thuật, tập huấn nâng cao năng lực cho người dân còn hạn chế. Hạ tầng thủy lợi đặc biệt là thủy lợi nội đồng còn chưa đáp ứng được yêu cầu về tưới tiêu hợp lý, tiết kiệm. Liên kết sản xuất bước đầu đã được hình thành nhưng còn yếu. Mặt khác, do được giao ruộng đất ổn định, lâu dài, nhiều hộ nông dân sản xuất với quy mô nhỏ, manh mún hoặc có tâm lý giữ đất nên khó khăn trong tập trung sản xuất lớn.

Để góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội tỉnh An Giang nhiệm kỳ 2025 - 2030, nhất là triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án 1 triệu ha lúa chất lượng cao, phát thải thấp, hướng tới nông nghiệp xanh và bền vững, Đảng bộ xã Hòn Đất đề ra một số giải pháp cụ thể, như sau:

Thứ nhất, tập trung chỉ đạo, thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền và người dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc phát triển sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp trong điều kiện khó khăn, thách thức từ thiên tai, dịch bệnh và yêu cầu ngày càng cao của thị trường tiêu thụ. Đồng thời, thông qua công tác tuyên truyền để người dân nhận thức được lợi ích của nông nghiệp sạch và các tác hại, rủi ro trong việc sản xuất manh mún, nhỏ lẻ, lạc hậu, tốn kém nhiều công sức, chi phí, ảnh hưởng lớn đến môi trường... để hướng đến nền sản xuất nông nghiệp xanh, bền vững.

Thứ hai, quan tâm đến quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch vùng sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp, xây dựng mã số vùng trồng tại vùng tham gia Đề án. Tập trung đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, nhất là hạ tầng thủy lợi nhằm đáp ứng yêu cầu tưới tiêu chủ động, hỗ trợ vận chuyển và cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp. Đẩy mạnh nghiên cứu và chuyển giao các tiên bộ kỹ thuật mới cho người dân áp dụng vào sản xuất có hiệu quả, hướng dẫn nông dân tiếp cận với các phương pháp canh tác bền vững.

Thứ ba, thực hiện có hiệu quả chính sách thu hút, hỗ trợ các doanh nghiệp lớn đầu tư vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã. Trong đó, tập trung thu hút đầu tư vào sơ chế, chế biến, xuất khẩu gạo. Khuyến khích hỗ trợ và tạo điều kiện để các

hợp tác xã và doanh nghiệp tham gia vào chuỗi sản xuất lúa chất lượng cao, giảm phát thải trên địa bàn.

Thứ tư, tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ từ khâu làm đất, gieo sạ, chăm sóc, thu hoạch lúa; quản lý nước thông minh, giảm lượng hạt giống, giảm phát thải khí metan và nhân rộng các quy trình, mô hình tiên tiến, công nghiệp 4.0 vào quy trình sản xuất, quản lý môi trường, dịch hại; tiến tới mở rộng diện tích sản xuất lúa chất lượng cao, hữu cơ, an toàn, đạt chuẩn VietGAP,... đồng bộ thực hiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, liên thông với Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, thực hiện khoán, đặt hàng sản phẩm khoa học - công nghệ phục vụ nông nghiệp.

Thứ năm, tăng cường liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị. Khuyến khích, hình thành các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp theo chuỗi giá trị, kết nối nông dân với doanh nghiệp chế biến và tiêu thụ. Thường xuyên củng cố kiện toàn bộ máy, nâng cao năng lực quản lý, điều hành, trình độ chuyên môn của lãnh đạo cho Tổ hợp tác, Hợp tác xã nông nghiệp để tăng sức thương lượng. Thực hiện tốt liên kết ngang, liên kết vùng, nhất là vùng Đồng bằng sông Cửu Long và liên kết “4 nhà” (*Nhà nước, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học và nhà nông*) từ khâu sản xuất đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm, để góp phần phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu.

Thứ sáu, quan tâm đào tạo, tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo về kỹ thuật canh tác bền vững, nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ, quản lý phát thải cho nông dân. Khuyến khích phát triển mô hình nông nghiệp kết hợp trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, chế biến phụ phẩm, tạo vòng tuần hoàn khép kín, giảm thiểu chất thải và tận dụng tối đa nguồn lực. Định kỳ tổ chức lớp huấn luyện kỹ thuật sản xuất giảm phát thải. Mời chuyên gia hướng dẫn kỹ năng đàm phán hợp đồng, quản lý kinh tế hộ.

PHÁT TRIỂN VÙNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN CÔNG NGHỆ CAO

Đảng bộ xã Châu Phú

Những năm qua, được sự tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự nỗ lực của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân, kinh tế - xã hội của xã Châu Phú tiếp tục phát triển ổn định, nông nghiệp tiếp tục giữ vai trò then chốt trong nền kinh tế của xã, trong đó nuôi trồng thủy sản đã và đang khẳng định vị trí của một ngành kinh tế quan trọng, góp phần vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập cho nhân dân.

Với lợi thế về vị trí địa lý, cùng với các nguồn lực sẵn có, xã Châu Phú đã xác định nuôi trồng thủy sản công nghệ cao là một trong những định hướng thực hiện khâu đột phá nhằm phát triển kinh tế - xã hội của xã trong thời gian tới, góp phần quan trọng để xây dựng xã Châu Phú trở thành đô thị loại IV vào năm 2030.

Giai đoạn 2020 - 2025, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã Châu Phú đã có bước phát triển rõ nét với tổng diện tích trên 564 ha, trong đó diện tích nuôi trồng thủy sản công nghệ cao trên 393 ha, chiếm tỉ lệ 69,58% diện tích nuôi trồng thủy sản toàn xã. Tiêu biểu, có thể kể đến các dự án nuôi trồng thủy sản công nghệ cao của Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Nam Việt Bình Phú, với quy mô dự án 600 ha, tổng mức đầu tư 2.500 tỷ đồng, gồm: Dự án “Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nuôi trồng thủy sản Bình Phú”, với quy mô 450 ha, vốn đầu tư 1.500 tỷ đồng và Dự án “Khu sản xuất giống cá tra 3 cấp chất lượng cao Nam Việt Bình Phú” với quy mô 150 ha, vốn đầu tư 1.000 tỷ đồng. Tổng sản lượng dự kiến trên 400.000 tấn cá tra, cá rô phi thương phẩm và trên 360 triệu con giống hàng năm, bảo đảm về chất lượng và số lượng con giống cung cấp cho vùng nuôi và cho thị trường.

Đây là các dự án nuôi trồng thủy sản tập trung với quy mô lớn, áp dụng các công nghệ hiện đại như: Hệ thống vận hành tự động, hệ thống sục khí nano, sử dụng vi sinh thay thế kháng sinh, hệ thống giám sát quan trắc môi trường tự động, kiểm soát các yếu tố môi trường nuôi... Thực hiện quy trình nuôi tuần hoàn khép kín từ ương giống đến thu hoạch, nhờ đó năng suất tăng 20% đến 50%, tỷ lệ hao hụt giảm từ 50% xuống dưới 20%. Các công nghệ tuần hoàn khép kín từ nhân giống - nuôi thương phẩm - thu hoạch đã nâng cao chất lượng, giá trị xuất khẩu tăng hơn 30% so với mô hình truyền thống. Chỉ tính riêng 6 tháng đầu năm 2025, sản lượng đã đạt 1.500 tấn cá tra, 9.000 tấn cá rô phi thương phẩm xuất khẩu sang Mỹ, Châu Âu, Trung Đông, Nam Mỹ.

Ngoài hiệu quả sản xuất, các dự án còn mang lại tác động xã hội rõ nét, đã giải quyết việc làm thường xuyên cho hơn 550 lao động địa phương với thu nhập bình quân 8 triệu đồng/người/tháng, góp phần bảo đảm an sinh, ổn định đời sống người dân. Đặc biệt, nuôi trồng thủy sản công nghệ cao đã góp phần thay đổi dân tập quán sản xuất của người dân, chuyển từ tự phát, manh mún sang tập trung, liên

kết chuỗi sản xuất, áp dụng công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng yêu cầu thị trường trong và ngoài nước.

Những kết quả trên có được nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, quyết liệt và xuyên suốt của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự hỗ trợ của các sở, ban ngành tỉnh, đặc biệt là vai trò của cấp ủy, chính quyền và nhân dân xã Châu Phú. Trong những năm qua, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Châu Phú (Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú) đã chủ động ban hành các chủ trương, nghị quyết, kế hoạch về phát triển thủy sản công nghệ cao; tích cực mời gọi, hỗ trợ, thu hút doanh nghiệp đầu tư; chủ động phối hợp với các sở, ngành tỉnh triển khai hạ tầng thiết yếu; đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức, vận động nông dân, doanh nghiệp tham gia các mô hình, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất, nuôi trồng thủy sản. Đây chính là minh chứng rõ nét cho vai trò xây dựng, định hướng phát triển của cấp ủy, chính quyền, đặt nền móng để nuôi trồng thủy sản công nghệ cao trở thành ngành kinh tế quan trọng của địa phương.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc phát triển nuôi trồng thủy sản công nghệ cao của xã Châu Phú vẫn còn gặp khó khăn nhất định:

Thứ nhất, cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển nuôi trồng thủy sản công nghệ cao chưa thật sự đồng bộ. Chính sách hỗ trợ tín dụng còn hạn chế, người dân và doanh nghiệp khó tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi dài hạn. Thủ tục trong đầu tư, đất đai, môi trường còn phức tạp. Đây là rào cản lớn đối với việc mở rộng mô hình công nghệ cao.

Thứ hai, hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản còn thiếu đồng bộ, nhiều nơi chưa có hệ thống cấp - thoát nước riêng biệt, dẫn đến nguy cơ ô nhiễm nguồn nước. Hệ thống điện 3 pha chưa phủ khắp, trong khi mô hình công nghệ cao đòi hỏi nguồn điện ổn định. Giao thông kết nối các vùng nuôi chưa thuận lợi, làm tăng chi phí và giảm sức cạnh tranh của sản phẩm.

Thứ ba, mặc dù địa phương đã thu hút được dự án Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Nam Việt Bình Phú với quy mô lớn, nhưng nhìn chung chưa mời gọi được nhiều doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực thủy sản công nghệ cao. Một phần do chính sách ưu đãi chưa đủ hấp dẫn, một phần do hạ tầng giao thông chưa đáp ứng yêu cầu, vướng về quy trình thủ tục thực hiện. Số lượng hợp tác xã, tổ hợp tác thủy sản còn ít, chưa thu hút doanh nghiệp liên kết.

Thứ tư, giá thức ăn chăn nuôi thủy sản, giá điện, thuốc thú y liên tục tăng, bình quân tăng 15 - 20% so với cùng kỳ, đẩy chi phí sản xuất lên cao. Trong khi đó, giá bán sản phẩm đặc biệt là cá tra, thường xuyên biến động, có lúc xuống thấp hơn giá thành sản xuất; thị trường xuất khẩu không ổn định, bị tác động bởi rào cản thương mại, thuế chống bán phá giá.

Từ thực tiễn phát triển nuôi trồng thủy sản công nghệ cao, xã Châu Phú đã đúc kết một số bài học như sau:

Một là, sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, xuyên suốt của cấp ủy, chính quyền là nhân tố mang tính quyết định. Chỉ khi có định hướng phù hợp, có nghị quyết,

chương trình hành động cụ thể, công tác tổ chức triển khai đồng bộ thì mới đạt được hiệu quả thiết thực.

Hai là, phát triển nuôi trồng thủy sản công nghệ cao không thể thành công nếu chỉ dựa vào từng chủ thể riêng lẻ. Phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa “bốn nhà”: Nhà nước - Nhà nông - Nhà doanh nghiệp - Nhà khoa học. Đây chính là nền tảng của liên kết chuỗi giá trị, đảm bảo hài hòa lợi ích, giảm thiểu rủi ro và tạo động lực phát triển bền vững.

Ba là, hạ tầng kỹ thuật, công nghệ là điều kiện tiên quyết, đây là yếu tố quan trọng hàng đầu, quyết định sự thành công của các mô hình sản xuất hiện đại.

Bốn là, quan tâm quản lý môi trường và an toàn sinh học. Quản lý tốt chất lượng nước, con giống, phòng ngừa dịch bệnh, nhằm đảm bảo năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế của nuôi trồng thủy sản công nghệ cao.

Năm là, phát triển bền vững phải gắn với nâng cao đời sống người dân. Người nông dân vừa là chủ thể sản xuất, vừa là đối tượng thụ hưởng. Do đó, việc đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, ứng dụng công nghệ, nâng cao trình độ, cải thiện thu nhập và phúc lợi cho người dân là điều kiện để mô hình thủy sản công nghệ cao phát triển lâu dài.

Giai đoạn 2025 - 2030, để thực hiện mục tiêu phát triển nuôi trồng thủy sản công nghệ cao, xã Châu Phú xác định một số nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu:

1. Ban hành nghị quyết chuyên đề của Đảng ủy để lãnh đạo, chỉ đạo tiếp tục phát triển vùng nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao, xác định đây là ngành kinh tế trọng tâm của xã trong thời gian tới. Trong đó vùng nuôi trồng thủy sản của công ty Nam Việt Bình Phú là trung tâm, làm cơ sở mở rộng vùng sản xuất theo hướng phát triển mới các khu nuôi trồng thủy sản đối với các hộ dân có diện tích đất xung quanh.

2. Đề xuất hoàn thiện các cơ chế, chính sách ưu đãi đặc thù, nhất là các chính sách về tín dụng ưu đãi, hỗ trợ thu hút doanh nghiệp đầu tư, nghiên cứu giảm thuế đất nông nghiệp cho vùng sản xuất ứng dụng công nghệ cao. Nghiên cứu các chính sách hỗ trợ để giảm áp lực chi phí đầu vào.

3. Hoàn thiện hệ thống thủy lợi vùng nuôi, tách biệt kênh cấp - thoát nước, đồng thời đầu tư hệ thống quan trắc môi trường tự động. Đầu tư nâng cấp tuyến đường Nam kênh 10 (chiều dài khoảng 20km) điểm đầu từ Quốc lộ 91 kết nối với tuyến cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng đoạn đi ngang qua xã Châu Phú nhằm tạo điều kiện thuận lợi vận chuyển hàng hóa từ vùng nuôi trồng thủy sản 600 ha của Công ty Nam Việt kết nối các vùng kinh tế, logistics lân cận và khu vực.

4. Tăng cường chuyển giao, ứng dụng công nghệ, khuyến khích nông dân, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số trong quản lý ao nuôi, kiểm soát môi trường, phân tích dữ liệu, nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng sức cạnh tranh trên thị trường.

Để vùng nuôi trồng thủy sản công nghệ cao tiếp tục phát triển cả về quy mô, chất lượng, xã Châu Phú có một số kiến nghị cụ thể như sau:

Thứ nhất, kiến nghị Trung ương và Chính phủ đàm phán quốc tế để giảm hàng rào thương mại, chống bán phá giá đối với cá tra; có chính sách hỗ trợ thức ăn chăn nuôi, cũng như bình ổn giá điện.

Thứ hai, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành ưu tiên ngân sách cho nghiên cứu giống, đầu tư khu nông nghiệp công nghệ cao tại xã Châu Phú, hỗ trợ tín dụng ưu đãi và đẩy mạnh liên kết chuỗi giá trị để giảm chi phí đầu vào.

Thứ ba, cần quy hoạch đồng bộ hệ thống thủy lợi, giao thông, đặc biệt đầu tư mở rộng tuyến đường Nam kênh 10 kết nối Quốc lộ 91 với cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng để thuận tiện vận chuyển hàng hóa từ vùng nuôi và kết nối các vùng kinh tế.

Phát triển nuôi trồng thủy sản công nghệ cao là xu thế, là giải pháp quan trọng để nâng cao hiệu quả, tăng sức cạnh tranh, cải thiện đời sống nhân dân và bảo đảm phát triển bền vững. Với sự lãnh đạo sâu sát của cấp ủy, sự điều hành quyết liệt của chính quyền, sự đồng hành của doanh nghiệp và đồng thuận của người dân, xã Châu Phú quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển vùng nuôi trồng thủy sản công nghệ cao, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh An Giang nhiệm kỳ 2025 - 2030.

PHÁT TRIỂN DU LỊCH TRẢI NGHIỆM SINH THÁI BỀN VỮNG

Đảng bộ phường Thới Sơn

Phường Thới Sơn nằm về phía Tây Bắc của tỉnh An Giang; phía Đông giáp phường Vĩnh Tế 8,8km; phía Tây giáp phường Tịnh Biên 7,6km; phía Nam giáp xã An Cư 8,1km; phía Bắc giáp Vương quốc Campuchia; cách thủ đô Phnôm Pênh 128km; cách phường Châu Đốc 17 km; cách phường Hà Tiên, tỉnh An Giang 60km, cách đặc khu Phú Quốc gần 3 giờ đi tàu xe.

Là địa bàn biên giới, miền núi, chiều dài biên giới dài 5,5km, có 2 cột mốc 270 và 271, giáp Vương quốc Campuchia trên địa bàn 2 xã Chey Chouk, huyện Prey Chu Sa và xã Prey YuthKa, huyện Kaoth AnDaet, tỉnh Tà Keo.

Phường Thới Sơn được thành lập theo Nghị quyết số 1.654/NQ-UBTVQH15, ngày 16/6/2025 với tổng diện tích tự nhiên 49,36 km², dân số 33.045 người, trong đó dân tộc thiểu số Khmer 1.052 người chiếm tỷ lệ 3,2%. Lực lượng lao động toàn phường có 15.714 người trong tuổi lao động, trong đó 7.525 lao động nữ.

Toàn phường có 31 cơ sở thờ tự tôn giáo, tín ngưỡng (gồm 22 Phật giáo Bắc Tông; 02 Cao đài và 07 cơ sở tín ngưỡng), 08 di tích lịch sử - văn hóa (trong đó 01 di tích cấp quốc gia chùa Hòa Thạnh; 06 di tích lịch sử - văn hóa (Hầm bí mật Văn phòng Huyện ủy, Chốt thép Nhơn Hưng, chùa Thới Sơn, chùa Phước Điền, đình Thới Sơn, miếu Bà Chúa xứ Bàu Mướp) và 01 di tích khảo cổ Gò Cây Tung.

Nhận thức được tiềm năng và lợi thế, địa phương đã huy động các tổ chức cá nhân cũng như sử dụng nguồn vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để triển khai thực hiện nhiều mô hình nông nghiệp tiêu biểu như:

- Mô hình nông trại trồng nấm ăn, nấm dược liệu.
- Mô hình nhà màng trồng dưa lưới ứng dụng công nghệ cao farm Huỳnh Long khóm Sơn Tây.
- Mô hình trồng dâu tằm kết hợp du lịch sinh thái, ứng dụng hệ thống tưới tiết kiệm, kết hợp pin năng lượng mặt trời.
- Mô hình nuôi chồn hương - Mô hình nuôi Hươu sao.

Bên cạnh đó, với đặc điểm về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, phường Thới Sơn có vị trí trung chuyển giữa các trung tâm lớn Châu Đốc - Tịnh Biên - Hà Tiên - Phú Quốc, với các tuyến giao thông QL 91, ĐT 948, ĐT 955A đã kết nối thuận lợi trong việc giao thương, đi lại giữa các khu trung tâm và các địa điểm tham quan, du lịch; về địa hình vừa có đồi núi, vừa có đồng bằng với nhiều cảnh quan thiên nhiên hữu tình, những ngọn núi Trà Sư, núi Két, núi Bà Đắc, núi Dài Năm Giếng đã thu hút rất đông du khách gần xa tham quan, thưởng ngoạn. Mặt khác, với nhiều di tích lịch sử - văn hóa và các lễ hội dân gian được lưu truyền hơn 170 năm đã luôn tạo dấu ấn sâu sắc thu hút đông đảo du khách trong và ngoài địa

phương, mỗi đợt lễ hội thu hút khoản hai, ba mươi ngàn lượt khách; nhiều cơ sở thờ tự tín ngưỡng, tôn giáo thực sự là địa chỉ được nhiều khách tham quan, cúng viếng, gửi gắm niềm tin, bình quân du khách đến địa phương gần 2 triệu lượt người/năm.

Có thể thấy, phường Thới Sơn hội tụ đủ yếu tố để phát triển mô hình nông nghiệp gắn với du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái và du lịch tâm linh. Thế nhưng, việc kết nối giữa sản xuất nông nghiệp với hoạt động du lịch hiện vẫn còn rời rạc, thiếu tính chuyên nghiệp và chưa hình thành chuỗi giá trị bền vững. Các mô hình hiện có mới dừng ở mức tự phát, chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa nông dân, hợp tác xã và các đơn vị lữ hành; hạ tầng phục vụ du lịch tại các điểm vườn còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu của du khách trong và ngoài tỉnh. Điều này đòi hỏi trong thời gian tới, địa phương cần có giải pháp đồng bộ để khai thác hiệu quả lợi thế sẵn có, biến nông nghiệp và du lịch trở thành hai trụ cột phát triển song hành, hỗ trợ lẫn nhau. Đây là những nhân tố thuận lợi để phát triển du lịch trải nghiệm ở địa phương.

Tiềm năng và lợi thế về phát triển du lịch ở địa phương đặc biệt là về du lịch trải nghiệm sinh thái bền vững là lợi thế so sánh riêng có, đặc thù của phường Thới Sơn hiện nay và sẽ tiếp tục phát triển mạnh trong tương lai.

Trong xu thế phát triển ngày nay, khắp mọi miền đất nước đang dòn sức đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội với chủ trương tăng trưởng kinh tế 2 con số và phát triển trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Với quan điểm luôn chủ động khai thác và phát huy lợi thế và tiềm năng ở địa phương, Đảng bộ, chính quyền và đoàn thể phường Thới Sơn đã nhận thức sâu sắc rằng để khai thác và phát huy những lợi thế, tiềm năng đòi hỏi sự quyết tâm chính trị cao, sự đồng tâm hiệp lực, xác định đúng đắn điều kiện sẵn có và những giải pháp khả thi, thiết thực để từng bước khai thác và nhất là phải được sự tin tưởng của nhà đầu tư, của cộng đồng dân cư cùng tham gia thực hiện và thụ hưởng những hoạt động du lịch trải nghiệm mang lại.

Du lịch trải nghiệm sinh thái bền vững là loại hình du lịch đang thu hút nhiều thành phần du khách kể cả trong và ngoài nước, từ những lớp du khách thanh thiếu niên, học sinh đến du khách hành hương và trải nghiệm, cũng như những thành phần khách tham quan để trải nghiệm những cảnh quan thiên nhiên, những di tích lịch sử - văn hóa và lễ hội dân gian như Lễ giỗ cụ Đoàn Minh Huyền mà người đời tôn vinh gọi là Phật Thầy Tây An, lễ hội vía Bà Chúa xứ Bà Mướp... tất cả những hình ảnh đó luôn đặt ra những yêu cầu phải tạo sắc thái mới, dấu ấn mới để khách tham quan, trải nghiệm sẽ duy trì đến tham quan trải nghiệm và ngày càng nâng cao chất lượng hưởng thụ, cảm thấy hài lòng và thoải mái sau dịp trải nghiệm vùng đất này.

Để đạt được yêu cầu đó, chúng tôi đã xác định những giải pháp chủ yếu như sau:

Một là, tiếp tục duy trì và ngày càng nâng cao chất lượng phục vụ, trước nhất phải là địa chỉ tin cậy với dấu ấn 3 an là: (1) An ninh trật tự (đảm bảo phòng, chống các tệ nạn, duy trì an ninh trật tự các địa điểm tham quan trải nghiệm); (2)

An tâm (mọi người đến du lịch trải nghiệm vừa thưởng ngoạn, vừa gửi gắm niềm tin và tinh thần thoải mái, an tâm); (3) An toàn về giao thông cũng như an toàn thực phẩm. Đây là mấu chốt đầu tiên để tạo sức lan tỏa hoạt động du lịch trải nghiệm sinh thái bền vững ở địa phương.

Hai là, mọi thành phần tham gia hoạt động du lịch trải nghiệm sinh thái bền vững phải luôn nêu cao nhận thức và hành động, vừa là người chủ thể cung ứng các dịch vụ với chất lượng tốt, an toàn, lấy sự hài lòng du khách là mục tiêu, động lực phát triển, vừa là người phải luôn nâng cao trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường, đảm bảo giữ gìn vệ sinh chung nơi công cộng và khu vực chủ quản do mình quản lý.

Ba là, để thực sự thu hút và là địa chỉ tin cậy giữ chân du khách gần xa, trong quá trình hoạt động các thành phần tham gia hoạt động trải nghiệm sinh thái phải luôn tự đổi mới, tạo ra những sản phẩm mang sắc thái mới, dấu ấn đặc trưng riêng có để du khách đến trải nghiệm không nhàm chán, đặc biệt là các hoạt động để du khách tự khám phá, tự trải nghiệm và thích thú với những sản phẩm do mình tự tạo và cảm nhận thụ hưởng, phải khai thác tối đa những lợi thế về điều kiện tự nhiên, về sản vật đặc trưng, về khí hậu, thổ nhưỡng thuận lợi phát triển những cây ăn trái đặc thù của miền núi Thái Sơn, trong đó luôn quan tâm phát huy hiệu quả nguồn cây dược liệu để vừa phục vụ tham quan vừa là điều kiện chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng an toàn.

Bốn là, công tác quảng bá, giới thiệu, tuyên truyền, phổ biến rộng rãi để tạo sức lan tỏa về mọi hoạt động du lịch trải nghiệm sinh thái ở địa phương. Một trong những giải pháp quảng bá, giới thiệu hiệu quả trên cơ sở tận dụng những mạng xã hội, những kênh thông tin chính thống và những sự kiện, dịp lễ hội và với mọi thành phần tham gia hoạt động trải nghiệm sẽ có phương thức tự quảng bá, giới thiệu sản phẩm trải nghiệm của mình. Công việc này duy trì thường xuyên để kịp thời thông tin, phổ biến, quảng bá, giới thiệu những hình ảnh sinh động, hấp dẫn đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, thụ hưởng của du khách trong và ngoài địa phương.

Năm là, công tác quản lý địa bàn là điều quan trọng và không thể thiếu để đảm bảo yêu cầu mọi tổ chức hoạt động trải nghiệm phải tuân thủ các quy định pháp luật về an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, phòng, chống cháy nổ... tất cả các hoạt động du lịch trải nghiệm sinh thái luôn được quản lý theo quy định pháp luật, kể cả về giá cả hợp lý, công khai minh bạch, không để xảy ra tình trạng chèo kéo du khách, mua bán không trung thực và kiên quyết không để xảy ra tình trạng kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không rõ nguồn gốc xuất xứ hoặc hàng gian, hàng nhái, vi phạm sở hữu trí tuệ. Các thành phần tham gia tổ chức hoạt động du lịch trải nghiệm sinh thái luôn xác định giải pháp hàng đầu là tinh thần thái độ phục vụ chuẩn mực, vừa đảm bảo tuân thủ chấp hành các quy định pháp luật liên quan, vừa tham gia đấu tranh phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả. Xác định công việc này là cơ sở củng cố niềm tin cho du khách.

Sáu là, quá trình thực hiện mặc dù chủ động khai thác và phát huy tiềm năng, lợi thế riêng có để phát triển các loại hình du lịch trải nghiệm sinh thái cũng phải chủ động có giải pháp để kết nối tính liên kết vùng, trong xu thế phát triển hiện nay

nhu cầu du khách thường theo tour, tuyến, nhu cầu đến nhiều điểm tham quan nên từ đó địa phương vừa tạo sản phẩm đặc trưng và vừa kết nối với nhiều địa chỉ liên kết phù hợp thuận lợi tạo thành sản phẩm phong phú, đa dạng. Để đạt được mong muốn này, chúng tôi chủ động phân khúc thị trường, phân kỳ trong từng thời điểm, từng giai đoạn phù hợp với từng sự kiện sẽ diễn ra ở địa phương cũng như các sự kiện ở các khu vực lân cận để tạo sức lan tỏa cao, hiệu quả, đảm bảo tính liên kết bền vững.

Hoạt động du lịch trải nghiệm sinh thái bền vững luôn đòi hỏi yêu cầu chất lượng phục vụ ngày càng cao, nhất là trong giai đoạn xu thế đang phát triển như ngày nay. Từ đó, chúng tôi nhận thức rằng phải luôn sáng tạo, linh hoạt và tự đổi mới để chủ động đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách, không dừng lại những giải pháp nêu trên mà luôn tiếp cận nhu cầu hưởng thụ để tạo sản phẩm phù hợp với nhu cầu thực tế của thị trường vốn đa dạng, phong phú và luôn đòi hỏi chất lượng phục vụ ngày tốt hơn.

PHÁT TRIỂN CÂY MÀU GẮN VỚI CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG VÀ TỪNG BƯỚC XÂY DỰNG MÔ HÌNH LIÊN KẾT TIÊU THỤ BỀN VỮNG TẠI XÃ HỘI AN

Đảng bộ xã Hội An

Xã Hội An sau sáp nhập có diện tích tự nhiên 63,55 km², dân số 73.695 người. Trong đó diện tích sản xuất nông nghiệp khoảng 4.268,8 ha, riêng cây màu chiếm 948 ha, tương ứng 22,2% diện tích nông nghiệp toàn xã. Đây là tiềm năng và lợi thế lớn để địa phương tập trung phát triển nông nghiệp đa dạng, bền vững, nâng cao thu nhập cho người dân.

Trong những năm qua, cùng với cây lúa truyền thống, xã đã mạnh dạn chuyển dịch cơ cấu cây trồng, đưa vào sản xuất nhiều loại rau màu, cây trồng ngắn ngày phù hợp thị trường, nổi bật như bắp thu trái non, khoai môn, hoa kiểng và một số loại rau màu khác. Trong đó, bắp non, khoai môn và hoa kiểng đang khẳng định vị thế là cây trồng chủ lực của xã.

- Đối với cây khoai môn: diện tích dao động 180 - 250 ha, năng suất 15 - 17 tấn/ha, giá bán từ 17.000 - 25.000 đồng/kg; lợi nhuận đạt 80 - 100 triệu đồng/ha. Đặc biệt, 150 ha đã được cấp mã số vùng trồng, thuận lợi trong kết nối tiêu thụ với thị trường Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đối với cây bắp non: diện tích 630 ha, sản xuất 4 vụ/năm, năng suất 2,5 tấn/ha, giá bán 15.000 - 17.000 đồng/kg; lợi nhuận 10 - 15 triệu đồng/ha/vụ. Địa phương đã được cấp mã số vùng trồng 100 ha, bước đầu tham gia vào chuỗi giá trị xuất khẩu.

- Đối với hoa kiểng: diện tích 20 ha tập trung tại ấp An Thạnh, sản xuất chủ yếu vào dịp Tết, thị trường tiêu thụ rộng khắp An Giang, Đồng bằng sông Cửu Long và TP.Hồ Chí Minh; lợi nhuận bình quân đạt khoảng 300 triệu đồng/ha.

Trên địa bàn hiện có Hợp tác xã nông sản an toàn Hội An, đã liên kết tiêu thụ với công ty Antesco từ năm 2021, với sản lượng khoảng 500 tấn/năm, góp phần ổn định đầu ra cho một số nông sản.

Những kết quả trên cho thấy, Hội An đã và đang hình thành nền tảng quan trọng để phát triển nông nghiệp theo hướng hàng hóa - thị trường - bền vững. Tuy nhiên, chúng ta cũng thẳng thắn nhìn nhận: diện tích cây màu còn chưa ổn định; sản xuất nhỏ lẻ, phân tán; ứng dụng khoa học kỹ thuật còn hạn chế; thị trường tiêu thụ thiếu bền vững, phụ thuộc nhiều vào thương lái; mô hình liên kết sản xuất - tiêu thụ chưa chặt chẽ.

Trong bối cảnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp, yêu cầu đặt ra cho xã Hội An là phải chuyển đổi cơ cấu cây trồng hợp lý, phát triển mạnh cây màu ngắn ngày có giá trị kinh tế cao, đồng thời xây dựng chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ bền vững. Đây chính là định hướng trọng tâm để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển nông nghiệp xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Trong nhiệm kỳ tới, trong định hướng phát triển ngành nông nghiệp, xã xác định khoai môn và bắp non là hai sản phẩm nông nghiệp chủ lực, kết hợp cùng hoa kiểng để xây dựng thương hiệu đặc trưng của địa phương. Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã đề xuất một số nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm như sau:

1. Nhiệm vụ trọng tâm

- Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng hợp lý, từng bước giảm diện tích lúa kém hiệu quả, mở rộng diện tích cây màu ngắn ngày có giá trị kinh tế cao.
- Xây dựng cơ cấu luân canh, xen canh hợp lý giữa lúa - màu, màu - màu; trong đó tập trung phát huy lợi thế bắp non, khoai môn và hoa kiểng.
- Khuyến khích ứng dụng giống mới, kỹ thuật tiên tiến, cơ giới hóa, sử dụng phân hữu cơ, chế phẩm sinh học; hướng tới sản xuất an toàn, đạt chuẩn VietGAP.
- Xây dựng mô hình liên kết tiêu thụ bền vững, kết nối nông dân - hợp tác xã - doanh nghiệp; hỗ trợ xây dựng thương hiệu rau màu Hội An gắn với chương trình OCOP.

2. Giải pháp chủ yếu

- *Về tổ chức sản xuất:* Quy hoạch vùng chuyên canh cây màu phù hợp, tập trung tại các khu đất cao, ven sông. Củng cố và nâng chất Hợp tác xã nông sản an toàn Hội An, định hướng phát triển thành trung tâm liên kết tiêu thụ rau màu của xã. Vận động nông dân tham gia mô hình luân canh lúa - màu để tăng thu nhập trên cùng diện tích.
- *Về khoa học - công nghệ:* Phối hợp với các sở ngành, viện, trường để chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao phù hợp. Đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm, cơ giới hóa gieo trồng, thu hoạch. Chú trọng giống ngắn ngày, chất lượng tốt, thích ứng biến đổi khí hậu.
- *Về thị trường và liên kết tiêu thụ:* Xây dựng mô hình “cánh đồng cây màu” gắn hợp đồng bao tiêu với doanh nghiệp, siêu thị, chợ đầu mối. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu rau màu Hội An. Kết hợp phát triển sản phẩm nông nghiệp gắn với OCOP, mở rộng thị trường trong và ngoài tỉnh.
- *Về nguồn nhân lực:* Tổ chức tập huấn kỹ thuật canh tác an toàn, VietGAP cho nông dân. Khuyến khích thanh niên khởi nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, chế biến và tiêu thụ rau màu.
- *Về chính sách và hỗ trợ:* Đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất: thủy lợi nội đồng, giao thông, kho bảo quản. Triển khai kịp thời chính sách hỗ trợ nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Nếu thực hiện đồng bộ các giải pháp trên, Hội An hoàn toàn có thể hình thành vùng chuyên canh cây màu quy mô hợp lý, gắn sản xuất với thị trường; từng bước xây dựng chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ bền vững, tạo niềm tin cho nông dân và doanh nghiệp. Từ đó, nâng cao giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích, tăng thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân; khẳng định thương hiệu rau màu Hội An, hướng tới phát triển nông nghiệp xanh, an toàn và bền vững.

PHÁT TRIỂN CÂY ĂN TRÁI XÃ CÙ LAO GIÊNG: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

Đảng bộ xã Cù Lao Giêng

Xã Cù Lao Giêng được thành lập theo Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15, ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của các xã Tấn Mỹ, Mỹ Hiệp, Bình Phước Xuân. Sau khi thành lập, xã Cù Lao Giêng có diện tích tự nhiên 68,92km², quy mô dân số 70.372 người, xã có quần thể 24 công trình kiến trúc tôn giáo cổ kính, lâu đời và khu du lịch Cồn Én diện tích 6,7 ha. Là xã Cù lao được bao quanh bởi hai nhánh sông Tiền, có điều kiện tự nhiên thuận lợi để sản xuất nông nghiệp. Tổng diện tích sản xuất đất nông nghiệp trên địa bàn xã là 4.278 ha.

Xác định xoài tượng da xanh là sản phẩm đặc thù, có tiềm năng xuất khẩu, từ năm 2010 thực hiện chủ trương chuyển dịch cơ cấu cây trồng từ đất lúa kém hiệu quả và đất vườn tạp sang cây ăn trái để nâng cao giá trị trên cùng diện tích đất canh tác theo đề án, kế hoạch của tỉnh, các xã cũ trước sáp nhập đã tuyên truyền vận động Nhân dân chuyển dịch cơ cấu sang cây ăn trái, đến năm 2014 xã không còn đất lúa. Diện tích trồng cây ăn trái của xã đến nay là 4.198 ha, chiếm tỷ lệ 98,12% trên diện tích đất sản xuất nông nghiệp (chủ yếu là xoài với 4.135 ha, còn lại một số cây ăn trái khác), cây màu 80 ha, tỷ lệ 1,88%, hàng năm mang lại nguồn thu nhập lớn hơn cho nông dân so với khi canh tác lúa. Tuy nhiên, trong xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng như hiện nay thì áp lực về cạnh tranh trên thị trường tiêu thụ nông sản ngày càng mạnh mẽ hơn, đòi hỏi các sản phẩm nông nghiệp phải sản xuất với giá thành thấp, nhưng chất lượng phải cao, đạt chứng nhận an toàn mới đủ sức cạnh tranh trên thị trường, điều đó đòi hỏi người nông dân phải không ngừng ứng dụng những tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất để có sản phẩm đạt chất lượng.

Để phục vụ cho việc tiêu thụ trong nước và nhất là xuất khẩu chính ngạch sang thị trường nước ngoài, thời gian qua địa phương đã tập trung tuyên truyền cho nông dân hiểu về lợi ích của việc canh tác theo các chuẩn thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP,.....), lợi ích khi có mã số vùng trồng và đã được sự đồng thuận của đông đảo nông dân. Đến nay, toàn xã đã được cấp 32 mã số vùng trồng trên cây ăn trái với tổng diện tích 2.944 ha, chứng nhận VietGAP diện tích 735 ha, GlobalGAP diện tích 49,9 ha. Xoài cho thu hoạch 02 vụ/năm, năng suất trung bình cả năm đạt 18 - 25 tấn/ha. Trong đó, xoài loại 1 và 2 chiếm khoảng 60%, còn lại sản lượng xoài hạt lép (xoài cóc) chiếm 40%.

Xã có 03 hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực cây ăn trái là: Hợp tác xã GAP Cù Lao Giêng, Hợp tác xã trái cây GAP Chợ Mới và Hợp tác xã Cồn Én. Trong đó, Hợp tác xã GAP Cù Lao Giêng được hỗ trợ đầu tư nhà sấy xoài bằng năng lượng mặt trời, máy sấy lạnh, dây chuyền ép nước xoài. Có 02 hợp tác xã có sản phẩm được chứng nhận sản phẩm OCOP là Hợp tác xã GAP Cù Lao Giêng với sản phẩm xoài tượng da xanh và xoài Cát hạt lép; Hợp tác xã trái cây GAP Chợ Mới với sản phẩm xoài ba màu. Trong 6 tháng đầu năm 2025, Hợp tác xã GAP Cù Lao Giêng liên kết với các công ty đã xuất khẩu trên 2.000 tấn xoài đi Hàn Quốc, Newzeland, Úc, Mỹ và Trung Quốc; Hợp tác xã GAP Chợ Mới xuất 60 tấn sang thị trường Hàn Quốc.

Việc phát triển cây ăn trái của xã thời gian qua đã mang lại sự phát triển kinh tế, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân.

*** Thuận lợi - cơ hội**

Là xã Cù lao, sông ngòi nhiều, có diện tích đất đai màu mỡ, thổ nhưỡng thích hợp trồng cây ăn trái nhất là xoài với quy mô lớn và tập trung, tạo thuận lợi trong việc điều hành, tổ chức sản xuất và mời gọi doanh nghiệp đến liên kết tiêu thụ.

Cây ăn trái có giá trị kinh tế cao, mang lại nguồn thu nhập ổn định cho người nông dân. Nhu cầu tiêu thụ trái cây cũng như xu hướng dùng trái cây sạch trong nước và quốc tế ngày càng tăng, mở ra cơ hội cho sản phẩm chất lượng cao, tạo điều kiện mở rộng thị trường xuất khẩu.

Hợp tác xã từng bước hoạt động có hiệu quả, làm đầu mối liên kết tiêu thụ sản phẩm của nông dân và doanh nghiệp. Sử dụng mạng xã hội, thương mại điện tử để quảng bá và tiêu thụ sản phẩm.

Nông dân có thâm niên sản xuất xoài lâu năm, kinh nghiệm và trình độ kỹ thuật ngày càng được nâng lên, áp dụng công nghệ sản xuất giúp tăng năng suất và chất lượng.

Vườn cây ăn trái có thể trở thành điểm du lịch hấp dẫn, thu hút khách tham quan và tạo thêm nguồn thu nhập. Trồng cây ăn trái giúp cải thiện môi trường, tăng diện tích xanh và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

Hợp tác xã và nông dân từng bước tiếp cận vốn và kỹ thuật, công nghệ từ các chương trình hỗ trợ như: chương trình khuyến nông, nông thôn mới, các dự án hỗ trợ về chuyển giao khoa học công nghệ,...

Tuy nhiên, quá trình phát triển cây ăn trái thời gian qua đối mặt với không ít khó khăn, thách thức

- Cạnh tranh gay gắt từ các nước sản xuất trái cây khác, đòi hỏi chất lượng và giá trị sản phẩm ngày càng cao.

- Diện tích sản xuất thâm canh liên tục, dẫn đến đất dần suy thoái, chất lượng trái loại 01 giảm, chi phí sản xuất tăng do phải sử dụng nhiều vật tư trong canh tác, nhất là phân bón, thuốc hóa học, từ đó chi phí tăng cao, dẫn đến lợi nhuận giảm. Khó áp dụng cơ giới trong sản xuất. Việc ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất chưa nhiều.

- Nông sản chủ yếu bán dạng tươi và áp lực tiêu thụ sản phẩm khi vào chín vụ, sản lượng xoài lớn nên lệ thuộc rất lớn vào thương lái, việc thu hút đầu tư chế biến vẫn chưa tương xứng với tiềm năng nên chưa nâng cao được giá trị nông sản.

- Liên kết giữa Hợp tác xã với nông dân chưa nhiều. Gắn kết giữa phát triển vườn cây ăn trái với các dịch vụ du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm còn ít.

*** Nguyên nhân**

Các quy định, tiêu chuẩn về chất lượng, an toàn thực phẩm và các rào cản kỹ thuật từ các nước nhập khẩu ngày càng khắc khe.

Tư duy canh tác của nông dân còn thói quen sử dụng phân bón vô cơ, thuốc hóa học, ít sử dụng phân hữu cơ, thuốc sinh học. Diện tích sản xuất của nông dân nhỏ, lẻ, khó áp dụng cơ giới hóa mặt bằng sản xuất của các hộ dân, giữa các tiểu vùng sản xuất không đồng đều, chênh lệch giữa vùng cao và vùng trũng làm ảnh hưởng đến việc điều tiết sản xuất. Người dân còn ngán ngại đầu tư các mô hình ứng dụng công nghệ cao, do vốn đầu tư ban đầu tương đối cao.

Phần lớn, nông dân chưa mạnh dạn tham gia liên kết (chủ yếu bán theo giá thời vụ). Chưa kêu gọi được doanh nghiệp chế biến quy mô lớn, trong khi đó, Hợp tác xã chỉ mới chế biến được một số sản phẩm nhưng sản lượng chưa nhiều.

Hợp tác xã hoạt động tương đối hiệu quả nhưng hạn chế về nguồn tài chính nên chưa phát huy vai trò làm đầu mối tiêu thụ cho xã viên cũng như mở rộng thị trường tiêu thụ. Chưa có mô hình vườn chuẩn để kết nối với các tour du lịch.

Từ những thuận lợi, khó khăn nêu trên, chúng tôi rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

Một là, áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào sản xuất, hạn chế sử dụng thuốc hóa học, phân vô cơ, sản xuất theo chuẩn thị trường yêu cầu, không có dư lượng các hoạt chất cấm vượt ngưỡng cho phép, xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý (VietGAP, GlobalGAP, mã Code, OCOP,...).

Hai là, xây dựng chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ thông qua hợp tác xã, tổ hợp tác liên kết với các doanh nghiệp. Đa dạng hóa loại cây ăn trái kết hợp du lịch sinh thái, trải nghiệm. Phát triển các sản phẩm chế biến từ trái cây tươi.

Ba là, quan tâm đầu tư hạ tầng vùng trồng như: đường giao thông, hệ thống thủy lợi, nhà kho sơ chế bảo quản,...

Bốn là, kết hợp phát triển cây ăn trái với dịch vụ du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm để nâng cao thu nhập cho nông dân.

Thời gian tới, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Cù Lao Giêng xác định nhiệm vụ trọng tâm là phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

1. Tiếp tục tuyên truyền hướng dẫn nông dân sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn, tiêu chuẩn VietGAP để có thể xuất khẩu sang nhiều thị trường khác nhau. Không sử dụng hoạt chất thuốc cấm trong sản xuất sản phẩm qua thị trường Mỹ và các thị trường khác để nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường và ký kết hợp đồng xuất khẩu, đáp ứng được yêu cầu tiêu thụ của nhiều thị trường trong và ngoài nước.

2. Tranh thủ các ngành chuyên môn của tỉnh để tổ chức tập huấn, chuyển giao kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao, chuyển giao công nghệ mới cho nông dân nhằm gia tăng giá trị. Đồng thời, đề xuất tỉnh đưa xã Cù Lao Giêng vào quy hoạch chung về du lịch để kết nối vào các tour tuyến du lịch của tỉnh, nhằm phát triển các sản phẩm du lịch nông nghiệp sinh thái, du lịch trải nghiệm gắn với các vườn cây ăn trái giúp nâng cao giá trị kinh tế và quảng bá hình ảnh địa phương. Tranh thủ với tỉnh đề xuất Bộ Nông nghiệp và Môi trường hỗ trợ thực hiện dự án “*Phát triển sản phẩm OCOP về dịch vụ du lịch cộng đồng tại xã Cù Lao Giêng*”. Tập huấn nâng cao kiến thức dịch vụ du lịch cho nông dân để nông dân trồng vườn theo hướng hữu cơ, thiết kế vườn theo hướng đa dạng loại cây, có lối đi, khu chụp ảnh, tổ chức các sự kiện, mời gọi kết nối với công ty lữ hành, tổ chức kết nối tour tham quan vườn xoài, tự hái xoài và thưởng thức tại vườn, quảng bá các món ăn chế biến từ xoài,... với các điểm du lịch tâm linh và khu du lịch Cồn Én của xã. Xây dựng thương hiệu xoài, phát triển các sản phẩm OCOP từ xoài. Xây dựng website quảng bá hình ảnh về vườn xoài và các hoạt động du lịch của xã.

3. Tổ chức sản xuất đáp ứng theo yêu cầu của thị trường, tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, vi sinh, chế phẩm sinh học, hạn chế sử dụng phân bón vô cơ và thuốc bảo vệ thực vật hóa học.

4. Thực hiện tốt việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm thông qua việc ghi chép nhật ký sản xuất điện tử, phát triển mới các mã số vùng trồng.

5. Xây dựng các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hỗ trợ kêu gọi doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư công nghệ chế biến sâu cho sản phẩm, sử dụng các phụ phẩm từ xoài để gia tăng giá trị.

6. Tranh thủ với các sở, ngành tỉnh, các doanh nghiệp, tăng cường công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường tiêu thụ mới nhằm tìm đầu ra cho sản phẩm. Tăng cường công tác mời gọi đầu tư đặc biệt là đối với lĩnh vực công nghiệp chế biến nhằm sử dụng các sản phẩm nông sản hiện có làm nguyên liệu sản xuất. Tiếp tục đầu tư hạ tầng vùng trồng đáp ứng tốt yêu cầu sản xuất và tiêu thụ.

7. Xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu nông sản gắn với địa danh Cù Lao Giêng.

Để thực hiện phát triển cây ăn trái gắn với du lịch của xã thời gian tới, Đảng ủy xã Cù Lao Giêng đề xuất:

- Đề xuất đối với tỉnh: Đưa xã Cù Lao Giêng vào quy hoạch phát triển du lịch của tỉnh (trước đây tỉnh An Giang cũ đã có Quyết định số 3768/QĐ-UBND, ngày 18/12/2017 phê duyệt quy hoạch phát triển du lịch ba xã Cù Lao Giêng, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030). Hỗ trợ tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật sản xuất, kiến thức an toàn thực phẩm, đào tạo, tập huấn kiến thức làm dịch vụ du lịch cho nông dân, hỗ trợ thực hiện mô hình điểm về du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm. Hỗ trợ xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường tiêu thụ mới nhằm tìm đầu ra cho sản phẩm, kêu gọi doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư phát triển du lịch nông nghiệp, đầu tư kho sơ chế, nhà máy chế biến các sản phẩm từ xoài nhằm gia tăng giá trị và giảm áp lực sản lượng khi vào chín vụ. Hỗ trợ vốn thực hiện nâng cấp hạ tầng phục vụ sản xuất và vận chuyển hàng hóa của người dân.

- Đề xuất đối với Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Hỗ trợ thực hiện dự án *“Phát triển sản phẩm OCOP về dịch vụ du lịch cộng đồng tại xã Cù Lao Giêng”*.

Với mục tiêu và những giải pháp đề ra, mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng tập thể Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ sẽ nêu cao tinh thần đoàn kết, phát huy tinh thần trách nhiệm, cụ thể hóa thành các kế hoạch, huy động sự vào cuộc đồng bộ của hệ thống chính trị của xã, tranh thủ sự hỗ trợ của ngành tỉnh quyết tâm thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ đề ra, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.